

Long Nguyễn

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong



Lời mở đầu.

Pachay, Hạt giống oan khiên trên cánh đồng máu.

Tìm kiếm khắp các trang lịch sử Lào, bộ tộc Hmong xuất hiện khiêm tốn như một chú thích nhỏ. Họ đến muộn màng trong bối cảnh, định cư ở những vùng núi non hiểm trở, và gần 100 năm đắm chìm trong bóng tối sinh hoạt quốc gia. Chỉ đến khi người Pháp đặt chân lên lãnh thổ cuối thế kỷ 19 họ bắt đầu bị xô đẩy vào trong dòng lịch sử Lào: đầu tiên là phiến loạn và sau là những nông dân trồng cây Anh Túc (thuốc phiện) và những chiến sĩ du kích thiện nghệ.

Khoảng giữa 1898 và 1922 Hmong nổi dậy chống chính quyền thuộc địa. Tuy vậy, sự liên hệ cải thiện dần trong năm 1940, khi người Pháp dùng thuốc Phien Hmong cung ứng những tiệm hút của nhà nước cùng khắp lãnh thổ và sau này, sử dụng du kích Hmong chống lại nỗ lực thiết lập một đầu cầu của Việt Minh tại Bắc Lào. Người Pháp bảo trợ trường học cho trẻ em Hmong và cải cách chính trị để làm mạnh quyền lực chính trị Hmong. Sự bảo trợ này chấm dứt theo cuộc bại trận Pháp ở Đông Dương (Điện Biên Phủ). Trong vòng non một thập niên, người Hmong vẫn còn có một tài chủ (patron) mới - Mỹ. Đứng về phía nước Pháp, người Mỹ tuyển mộ, huấn luyện và trang bị một quân đội Hmong để ngăn chặn quyền làm chủ Lào của Việt Minh.

Việt Minh thêm muốn Lào không vì những khoáng sản bao la hay vì rừng gỗ quý bất ngát mà vì giá trị chiến lược của nó trong chiến tranh. Trong cuộc chiến chống Pháp (1946 - 1954), các đơn vị du kích quân VN trú ngụ trong an toàn khu vùng núi non chôn chở đông bắc Lào để tránh bị tiêu diệt bởi các quân đoàn viễn chinh Pháp và lính Lê Dương (lính thuộc địa). Lào trở nên quan trọng hơn trong cuộc chiến Mỹ - Việt Cộng vì đường mòn Hồ Chí Minh.

Được sử dụng bởi cộng sản VN để thâm nhập vào miền Nam, đường mòn chính cuối cùng trải dài 625 dặm, nối tiếp với 12.5 ngàn dặm các lộ huyết mạch. Cuối thập kỷ 60 (1960 - 1969), 3 ngàn dặm ống dẫn dầu đã được trải dọc theo con đường để cung ứng nhiên liệu cho quân xa và chiến xa. 15 ngàn quân xa vận chuyển lính, quân nhu, quân cụ vào miền Nam. Thời điểm cuối cuộc chiến, 2 triệu người đã sử dụng, 45 triệu tấn hàng hóa đã được chuyên chở dọc con đường. Đường mòn Hồ Chí Minh là trái tim nhịp thở của hậu cần Cộng Sản và hầu như tất cả nằm trên đất Lào thẳng xuống từ vùng cán chảo Lào - Đó là tại sao cộng sản muốn kiểm soát Lào, bằng chính trị lẫn quân sự.

Lào là một vùng đất vô danh đối với người Mỹ cho đến cuối năm 1950, khi một bác sĩ trẻ tên Tom Dooley kêu gọi đồng bào Mỹ trong các cuộc phỏng vấn và các tụ điểm để yểm trợ sự chặn đứng chủ nghĩa cộng sản đang lan tràn ở Lào. Thông điệp của Dooley đến tai một khối lượng lớn thính giả vì ông là một trong những người đáng khâm phục nhất ở Mỹ thời ấy. Nguồn gốc sự khâm phục ấy là do những tin được phổ biến rộng rãi về công tác nhân đạo của ông ở Đông Nam Á. Năm 1954 Dooley thiết lập những trạm y tế và tị nạn ở miền nam VN cho hàng chục ngàn đồng bào di cư tị nạn cộng sản miền Bắc. Dooley sử liệu hóa nỗ lực cứu trợ trong cuốn *Deliver us from evil* (Dịch: Xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ), một tuyệt phẩm bán chạy giúp tuyên truyền hình ảnh chủ nghĩa cộng sản của Hồ Chí Minh năm 1950 là áp bức và thù nghịch với những giá trị Ky Tô Giáo. Những kẻ chống cộng thủ cựu, những Ky Tô Hữu cuồng tín tiếp nhận lý tưởng của Dooley và gây quỹ yểm trợ công cuộc y tế của ông tại VN và sau này, Lào.

Dooley đến Lào năm 1956. Sau khoảng thời gian ngắn ngủi ở Vientiane (Vạn Tượng), thủ đô Lào, ông ta lập nên một bệnh viện thô sơ cách Vạn Tượng 50 dặm hướng Bắc tại Vang Vieng. Sau đó ông tiến sâu hơn về hướng Bắc tới vùng rừng già tỉnh Nam Tha để công tác trong các làng lẻ loi gần biên giới Trung Cộng. Ở hai cuốn sách, *The Edge of Tomorrow* và *The Night They Burned the Mountain*, Dooley công hiến bạn đọc một thoáng nhìn về đời sống trong những khu rừng núi thượng cổ Lào : "Dân Lào không phải là người sung sướng vô tư. Họ nói nói cười cười nhưng họ đau khổ. Họ tồn tại với một cố gắng vĩ đại, cũng giống như làng mạc của họ lần dần những cánh rừng hoang dã cũng bằng sự gian nan vĩ đại."

Dooley kể chuyện nông dân Lào sống trong nỗi sợ hãi thường xuyên bị cộng sản tấn công. Nguy cơ này đáng cho Dooley quan ngại hơn nạn suy dinh dưỡng, bệnh truyền nhiễm nhiệt đới. Ông tin rằng cộng sản Lào, mệnh

danh là Pathet Lào, là bù nhìn của Bắc Việt, mà theo thứ tự, Bắc Việt là bù nhìn Trung Cộng và Sô Viết. Dooley thúc giục người Mỹ giúp đỡ dập tắt ngọn trào Cộng Sản ở Lào để giúp "tay, lòng, viện trợ kinh tế và uy lực ngoại giao của chúng ta".

Thực ra, nước Mỹ đã can thiệp từ lâu trong việc đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản ở Lào. Đó là cả một công việc thâm lén. Ngay cả ứng viên tổng thống John Kennedy cũng không biết cho đến khi Eisenhower thuyết trình bàn giao chức tổng thống trước ngày nhậm chức. Eisenhower cảnh giác Kennedy rằng "Lào là chìa khóa toàn cõi Đông Nam Á... Nếu chúng ta để mất Lào thì chúng ta phải xoá tên cả khu vực"

Một khi nhậm chức, Kennedy biết viên chức quân sự Mỹ đã hoạt động lén lút ở Lào từ năm 1957, huấn luyện và chỉ huy quân đội chống phiến cộng (communist insurgents). Kennedy do dự không biết có nên tiếp tục hoạt động mật vụ đó nữa hay không. Các cố vấn của Kennedy thuyết phục ông chẳng những nên tiếp tục mà còn gia tăng sự can thiệp của Mỹ. Lyndon Johnson làm đúng như vậy. Richard Nixon cũng thế, ít nhất trong nhiệm kỳ đầu).

Để che giấu hành tung về sự can thiệp của Mỹ, tất cả tiền cho công vụ Mỹ ở Lào được chuyển qua CIA, với tài khoản ít hơn được hợp pháp hóa liên quan đến viện trợ nhân đạo. Trong thời hạn 10 năm, có lẽ 20 tỉ Mỹ Kim đã được chi dụng cho cuộc chiến tranh bí mật - tương đương 15 phần trăm tổng sở phí chiến tranh VN, cuộc chiến công khai hơn.

Chiến tranh bí mật diễn ra trên không và trên mặt đất. Giữa năm 1968 - 1973, Lào là điểm tập trung của một trong những cuộc oanh tạc lớn nhất lịch sử quân sự. Mục tiêu là những đơn vị Pathet Lào và vài sư đoàn xâm nhập Bắc Việt. Trung bình, phi cơ Mỹ ném một trái bom mỗi 8 phút, 24 giờ

một ngày, tổng cộng 2 triệu tấn chất nổ - 1500 cân cho mỗi đầu người, đàn ông, đàn bà, con nít khắp nước, đưa Lào thành một nước bị oanh tạc dữ dội nhất lịch sử.

Dù phạm vi rộng lớn của oanh tạc, khó tìm thấy dấu vết của nó trên báo chí Mỹ và chắc chắn không có gì biểu thị phạm vi của nó. Y như thể máy bay Mỹ không có ở đó. Trên một ý nghĩa nào đó chúng không có thực. Một phần được phát động bởi CIA mang bằng số trùng với những máy bay quân sự được ghi vào thời biểu khắp nơi trên thế giới trong khi máy bay "song sinh" của nó, đang công tác tại Lào. Nếu máy bay bị bắn rơi, CIA có những hồ sơ chứng minh chúng vẫn đang bay ở những nơi không gần Lào. Một số máy bay thuộc không lực Mỹ đã được tẩy sạch tung tích sau khi chuyển nhượng cho CIA, với tất cả phù hiệu quân sự và số căn cước động cơ đục bỏ. Nói chung là không có tài liệu nào cả. Những máy bay khác xóa khỏi hồ sơ không lực Mỹ bằng cách bán thành hàng quân sự thặng dư cho các phi công đã từng lái nó. Người mua, trong biên lai là những hàng không dân sự, đã ra khỏi quân đội và mạo danh như những nhân viên kiểm lâm Mỹ về phát triển quốc tế. Những máy bay này bán với giá ... 1 đô la Mỹ.

Để giữ bí mật, không lực Mỹ cấm báo chí đến căn cứ Nakhon Phanom ở Thái Lan, nơi những phi đội bay qua Lào mỗi ngày. Đôi khi các phóng viên áp lực chính phủ hỏi những thông tin về số lượng lớn máy bay ở Thái Lan, giới hữu trách chỉ loan báo tổng quát hay nói dối, liệt kê Đông Nam Á hay VN là khu vực công tác thực thụ, những phi xuất ở Lào chỉ là những công tác trinh thám không đáng kể.

Báo chí ít khi than phiền. Các nhà báo luôn bận tâm về VN, nơi các viên chức dân sự lẫn quân sự họp báo mỗi ngày một cách bồn chồn. Chỉ có vài nhà báo ở Lào (trong khi đó khoảng 600 nhà báo Mỹ ở VN), và hầu như tất cả sống ở những thị trấn chính. Các nhà báo uống nước ở Ratry, một quán

rượu ở Savanakhet, hay ăn Khaophoun, một món bún rất phổ biến, ở khách sạn Constellation, thủ đô Vạn Tượng, khó là một vị trí quan sát tốt để tường thuật những cuộc oanh tạc hàng nhiều trăm dặm xa xôi.

Chiến tranh diện địa cũng bị che phủ một tấm màn dày, bí mật giống như chiến tranh trên không. Một nhà báo Associated Press đã phục vụ đưa tin chiến tranh VN suốt 3 năm gặp toàn thất vọng sau khi được bổ nhiệm qua Lào. Ông ta nghe tin đồn về một trận đánh cấp tỉnh, về dân chúng di tản lên vùng đồi núi và nhận những tường thuật về những cỗ trọng pháo chiếm được và mất đi của địch. Trận chiến kéo dài nhiều ngày và không báo cáo tổn thất nào được ghi nhận. Hoài nghi chủ nghĩa của nhà báo là điều không tránh khỏi. " Mọi sự làm ta tin rằng chiến tranh không thực sự diễn ra ... Và rồi, cuộc chiến vô tận ở cánh đồng Chum mà chúng ta không ai được thấy, mỗi năm đều đổi chủ."

Theo nhãn quan nhà báo, cuộc chiến có thực- và dữ dội. Trong lãnh vực tổn thất chiến tranh, cũng khốc liệt như cuộc chiến tranh oanh tạc. Từ 1968-1971, khi chiến tranh lên đến đỉnh cao nhất, tổn thất nhân mạng về phía không cộng sản đáng sợ hãi: 1000 thương vong một ngày trong vòng 3 năm. Thiệt hại về phía Cộng Sản còn cao hơn gấp bội. Ngay trong cuộc nội chiến Mỹ, đẫm máu nhất quốc gia, cũng không đạt được mức tàn sát này.

Với thế giới bên ngoài, cuộc bộ chiến chống cộng đã được đảm đương bởi quân lực hoàng gia Lào (RLA, Royal Laotian Army). Trên thực tế, những đơn vị hoàng gia Lào ít khi đụng trận với kẻ địch, và khi đụng trận, họ luôn thua. Các trận đánh chính yếu được chiến đấu bởi quân đội du kích lén lút hoàn toàn trang bị và chu cấp bởi CIA ở một phòng chừng 1 tỉ đô la (tương đương 4 tỉ đô la bây giờ). Nảy sinh từ một tổ chức bán quân sự gồm vài trăm người, quân đội bí mật này phát triển thành một lực lượng không vận cơ động gần 40 ngàn người. Yểm trợ cho đạo quân bí mật này trở thành

công vụ lớn nhất trong lịch sử CIA.

Tất cả quân lính trong quân đội bí mật của CIA là người Hmong, con cháu của người Mèo bên Trung Hoa) phía tây bắc Trung Cộng, nơi hầu hết người Hmong vẫn cư ngụ tại đây. Khoảng năm 1962 và 1973 họ ngăn chặn một lực lượng ngày càng bành trướng từ 7 ngàn đến 70 ngàn. Nó là một thành tích đáng kể, được thừa nhận mới đây bởi viên giám đốc CIA, William Colby trong bản điều trần trước uỷ ban đặc trách Đông Nam Á Quốc Hội : " Lực lượng Hmong đã cầm chân lực lượng Bắc Việt khựng lại trên một chiến tuyến từ khi xưa quân xâm lấn năm 1962.

Nỗ lực ấy đem lại một tổn phí đáng kể. 30 ngàn người Hmong gục ngã trên chiến trường, tính theo tỉ lệ, tương đương với người Mỹ thiệt hại 16.5 triệu tại VN (chứ không là con số thực sự 57 ngàn). Gần như một phần ba người Hmong, tất cả là dân sự, bị hủy diệt trong cuộc chiến vì bệnh tật và chết đói khi toàn thể các bản làng buộc chạy lên vùng cao hoang dã hầu tránh sự tiến quân của lực lượng địch.

Đó là cuộc chiến người Hmong không thể thắng. Dù là những chiến sĩ du kích can đảm tài ba, họ không đủ nhân lực để phòng thủ những vùng chiếm đoạt. Trái lại, quân Bắc Việt quyết tâm và có thể hy sinh hàng ngàn để tái chiếm địa hạt hay tiêu diệt các mục tiêu trọng yếu. Năm 1973, lực lượng cộng sản chiếm ngự hầu hết các cứ điểm chiến lược ở Lào. Đang trong tiến trình bãi chiến từ VN, Mỹ thông báo với chính phủ Lào rằng không thể y vào sự yểm trợ tiếp tục của Mỹ. Dòng thác lũ tiền của đổ vào quân đội Hmong chậm lại thành nhỏ giọt rồi cạn hẳn. Tháng 5 năm 1975 lực lượng Pathet Lào, được yểm trợ bởi quân Bắc Việt, chiếm đóng các thành phố chính yếu và tiếp thu quyền kiểm soát lãnh thổ. Chỉ trong vài tháng, hàng ngàn người Hmong bị lừa vào các trại tập trung - báo thù quân du kích Hmong làm trì hoãn cuộc chiến thắng của cộng sản gần một thập niên. Với những kẻ sống sót khỏi trại, vấn nạn nan giải là : sống hoà bình với cộng sản, vũ trang chống đối hay trốn khỏi nước.

Khi hầu hết chọn một khoan dung đầy bất trắc với chính phủ mới, một thiểu số đáng kể chọn kháng chiến. Góp nhặt các vũ khí giấu trong hang động hay chôn trong rừng, họ phục kích các toán tuần cảnh Pathet Lào và phá sập cầu đường bởi các đoàn quân xa Bắc Việt chuyên chở, điều động binh sĩ để yểm trợ chính quyền mới. Cộng sản phản công với những vận động quân sự khổng lồ, bức bách phiên quân rút lui vào vùng cao ở rặng núi Phu Bia, dãy núi cao nhất, hiểm trở nhất ở Lào. Địa thế hiểm trở tạo thế quân bình cho đến khi người VN đem xe tăng và trọng pháo, phản lực và bom hơi độc. Sự ứng dụng kỹ thuật quân sự hiện đại, gồm những vũ khí các quốc gia văn minh thề không bao giờ dùng trong chiến tranh, bẻ gãy xương sống kháng chiến. 15 ngàn người Hmong (kể cả phiên quân và gia đình) đầu hàng hoặc bị bắt sống. Kháng chiến sau này lại nổi dậy nhưng chỉ là bóng mờ so với cuộc nổi dậy đầu, một khó chịu nhỏ hơn là một đe dọa tới chế độ đang nắm quyền.

Qua khoảng 10 năm gần một nửa Hmong trốn khỏi nước, một số khá lớn chết dọc đường. 50 ngàn trốn thoát trong khoảng vài tháng đầu của chế độ mới. Sự đào tị chậm lại thành nhỏ giọt, cho đến khi chính phủ bắt đầu tấn công phiên quân, tạo ra một cơn lụt người tị nạn. Năm 1988 hơn 130 ngàn người Hmong vượt biên sang Thái Lan . Hầu hết di trú sang Mỹ.

Địa danh, nhân vật người Hmong.

Hmong là một ngôn ngữ độc âm nhưng không có chữ viết cho tới khi các nhà truyền giáo Tây Phương sáng tạo ra nó đầu thập niên 1950. Khi dịch sách, đôi khi Meta dịch địa danh, nhân vật theo chữ Hmong (của các giáo sĩ) và đôi khi dịch theo kiểu phiên âm sang Anh Ngữ. Để thuận tiện cho các bạn không biết cách phát âm từ chữ Hmong, Meta dịch theo lối phiên âm sang Anh Ngữ. Lúc nào dư thì giờ, Meta dịch theo lối phiên âm sang Việt Ngữ.

Ví dụ họ Vue (Anh ngữ) chữ Hmong phải viết là Vu mà chúng ta phát âm là Vù. Vù Mí Kê là một cái tên của Hmong.

Trọn cái tên của Hmong gồm 3 chữ. Ở Lào giống như Việt Nam, họ trước rồi mới đến tên sau. Có khoảng 20 thị tộc (họ) trong bộ tộc Hmong. Tên phổ thông nhất là họ Cha (Tcha theo chữ Hmong), họ Fang, Her, Ly, Lo (Tiếng Hmong Lor), Moua, Thao, Vang, Vue, Xiong, và Yang. Một người nam Hmong có 2 tên, một lúc còn nhỏ và 1 lúc trưởng thành. Nếu viết bằng Anh ngữ, mỗi 1 trong 3 họ và tên Hmong đều viết hoa hết. Tuy nhiên cũng có vài người không có tên hay không dùng tên trưởng thành. Như vậy, tướng Vàng Pao chỉ có 2 chữ. Vàng là họ và Pao là tên. Một phụ nữ có chồng vẫn giữ họ của mình (giống Việt Nam) dù rằng cả cuộc đời mình và con mình thuộc về thị tộc nhà chồng. Hầu hết đàn bà đều không có tên trưởng thành và chỉ dùng tên lúc còn bé. Một số quý tộc theo học văn hóa Pháp như Touby Lyfong và Faydang Lobliayao lấy toàn bộ họ và tên cha làm họ của mình. Ví dụ cha Meta là Nguyễn Văn X thì toàn bộ tên Meta là Meta Nguyễn Văn X, viết tên trước, họ sau như người Mỹ. Trong bài này, cha của Touby Lyfong là Lyfong, cha của Faydang Lobliayao là Lobliayao. Hơi lộn xộn nhưng 2 thị tộc này rất quan trọng trong bài, chúng ta nên nhớ. Tóm lại, họ và tên Hmong họ trước tên sau như người Việt, trừ trường hợp vài quý tộc chọn toàn bộ họ và tên cha làm họ của mình thì tên trước, họ sau. Trường hợp này rất hiếm.

Về địa danh, có những bất đồng trong việc viết chữ. Ví dụ Thailand hay Thai Land, Vietnam hay Vietnám, Longcheng hay Long Cheng (đọc là Long Chặng). Trường hợp địa danh thì Meta xin phép ngắt ra cho giống Việt Nam. Vì họ sinh sống theo lối du canh, tức là phát rừng làm rẫy vài năm cho đến khi hết màu mỡ (họ không có phân bón) thì bỏ đi nơi khác nên 1 địa danh chỉ có thể tồn tại vài năm rồi mất, trừ khi họ di chuyển lòng vòng rồi tái định cư về chỗ cũ.

Lào là tên của Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào. Người Lào là tên gọi chung cho tất cả công dân Lào, bất kể sắc tộc (có hơn 60 sắc tộc, (có khi

Meta gọi là bộ tộc). Rai là một đơn vị đo đạc ở Lào tương đương 1/6 mẫu đất.

Bài này theo dõi những biến cố này trong bối cảnh chính trị Lào dưới sự thống trị của Pháp, Mỹ và VN, và thám hiểm các động lực dẫn các nhà chính trị Hmong chiêu mộ người của họ vào sản xuất, mua bán thuốc phiện và sau này tuyển mộ họ vào quân đội bí mật của CIA. Bài này cũng đúc kết hồ sơ về tình cảnh người Hmong sau chiến thắng 1975 của cộng sản : sự khốn đốn họ bị buộc chịu đựng, cái độc ác của trại tập trung, công cuộc chống áp bức của họ, tình cảnh tuyệt vọng của hàng ngàn người đến các trại tị nạn bên Thái Lan, và sự phấn đấu hội nhập vào đời sống chính trị Mỹ.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 1

Hạt giống oan khiên trên cánh đồng máu.

Về mặt hình thể, Lào không khác tiểu bang Idaho. Cả hai cùng kích thước và hình dạng với khúc phình ra và cái chuôi hẹp. dù chúng là hình xoay ngược với cán chảo Idaho chỉ hướng bắc và cán chảo Lào chỉ hướng nam. Giống Idaho, Lào hầu hết là núi và về phía bắc là rừng rậm toàn cây tùng bách lâu đời. Lào cũng có cũng có khu vực Palouse, một khoảng đất hình trái tim dập dềnh đồng cỏ gọi cánh đồng Chum (Plain of Jars). Cũng có một mối tương quan dân số nữa. Giống Idaho, Lào được định cư với mật độ dân số dưới mức trung bình của Mỹ.

Tới đây sự tương đồng chấm dứt. Idaho là tiểu bang khai thác mỏ đá quý,

mà Lào là vùng đất thần thoại, một nơi chốn cổ xưa và huyền bí. Trong những trang sách National Geographic, Idaho là quê hương không chỉ nổi tiếng với những mỏ ngọc hay khoai tây nhưng những khu rừng nhiệt đới trải lên trên những thung lũng sông với tràn ngập cây nho dại, và những khu rừng thượng du hợp đàn những voi, cọp, tê giác và bò tót hung dữ. Sâu thẳm trong rừng Lào là những ngôi đền chùa xiêu vẹo đầy nghẹt củ cây bông vải (bombax) và che phủ bởi dây leo. Rải rác đó đây dọc đường lộ mọc các cây làm củi và trên các cù lao có những cây ngải kết những trái mà theo truyền thuyết, biến khi thành người. Những cái chậu kỳ lạ phủ rêu xanh, có cái cao đến hơn 2 mét, nặng đến 3 tấn rải rác những ngọn đồi dọn sóng trên cánh đồng Chum, là lưu vật của một bộ tộc vô danh nào đó dùng cái "chum" để quấn xác chết.

Có những chùa Phật Giáo gọi là wats với mái ngói lờ lợt uốn mép như những cái lưỡi liềm ngược và những đoàn lũ sư sãi trong chiếc áo cà sa đi khát thực từ những tín chủ. Dòng Mekong hùng vĩ làm biên giới tự nhiên chảy ngoằn ngoèo về hướng bắc trước khi nối liền các khúc cong tách Lào và Thái Lan, thu hẹp và nhanh mạnh, cho đến gần Cambodia, nó đột nhiên chậm lại và tản rộng giống một cái hồ. Rồi mưa mùa đến từng đợt từ tháng 5 đến tháng 11, sông ứ đọng vùng đất thấp và bồi hoàn những mạch nước ngầm vùng cao cho đến khi chúng tuôn trào thành những suối phun nước tủa ra bên sườn các ngọn núi sông ứ đọng.

Một quốc gia đa sắc tộc.

Con người cũng khác nhau như cảnh vật. Phần nhiều trong lịch sử, Lào là một điểm đến hơn là một chốn khởi đầu. Chỉ bộ tộc Khmu là thổ dân trong khu vực. Họ chiếm ngụ các thung lũng sông trước khi bộ tộc Thái bắt đầu di cư từng đợt từ Trung Hoa, bị cưỡng bách xuôi nam bởi các đạo quân xâm lăng của Thành Cát Tư Hãn và những cuộc thanh lọc chủng tộc đời Đường, Tống, Minh. Cuộc di dân của bộ tộc Thái bắt đầu từ thế kỷ thứ 9 và tiếp diễn lúc nhiều giọt, lúc ồ ạt và thỉnh thoảng như thác lũ cho tới thế kỷ thứ 13.

Áp lực của di dân mới đẩy Khmu vào miền cao, nơi họ thành dân miền núi. Người Thái chiếm các thửa ruộng Khmu bỏ lại và phát triển thành vùng đồng bằng Lào, dù có một phần nhỏ thích phiêu lưu lần sâu vào vùng hoang dã đông bắc Lào, sinh sống như người miền núi trở thành Thái thượng du. Hmong, Akha, Lolo, Lahu, Yi và khoảng một chục nhóm chủng tộc khác với dân số quá ít ỏi đến nỗi họ chỉ thu hút được sự chú ý của các nhà nhân chủng học là những di dân muộn, đến một cách nhỏ giọt từ năm 1750 về sau, định cư trong những vùng núi non không người ở phía bắc Lào. Miếng gia vị cuối cùng thêm vào nồi súp chủng tộc này là người Việt Nam mang đến Lào bởi người Pháp.

Không nhóm dân nào trong cái hỗn hợp chủng tộc này lớn đủ để tạo thành một đa số. Ngay cả chủng tộc Lào (tức Thái đồng bằng) cũng không. Bắt đầu thời kỳ chiến tranh bí mật Mỹ, dân số Lào là 3 triệu. Chỉ 1.4 triệu là người thuộc chủng tộc Lào. Số còn lại, một chủng tộc hơi chiếm đa số là những người miền núi. Họ gồm 750 ngàn Khmu và 350 ngàn Thái thượng du. Hmong thêm vào 250 ngàn và Akha, Lolo, Lahu và Yao thêm vào 250 ngàn nữa. Dù là thiểu số, chủng tộc Lào (Thái đồng bằng) cũng thống lĩnh chính trị và từ lâu đã đặt dấu ấn của mình trên văn hóa quốc gia. Điều này không phải là chứng từ cho năng khiếu chính trị của họ. Nó là quyền lực một cách mặc định.

Mặc dầu chung thành phần là nông dân trồng rẫy miền núi và cùng nạn nhân của thành kiến và hà hiếp, người miền núi không có khả năng hợp tác. Đoàn kết lại, họ có thể có tiếng nói, có lẽ tiếng nói quyết định nữa, nhưng họ ghét nhau dữ dội như họ khinh bỉ người Lào. Những tướng quân Thái và các đảng cướp đều đạ tàn ác với người Hmong và Khmu, mà 2 bộ tộc này cũng giết hại lẫn nhau. Cuộc xung đột tậ nhất giữa Khmu và Hmong xảy ra hồi đầu thế kỷ 20 trong một tranh giành quyền làm chủ đất : Khmu đòi làm chủ đất của Hmong, yêu sách công phẩm và đe nẹt người Hmong bằng cách sát hại một số Hmong trong một cuộc đột kích. Hmong phản ứng dữ dội và tàn sát vài ngàn Khmu. Dân Khmu chạy thoát khỏi khu vực rất đông,

đa số định cư vùng tây bắc Lào.

Ngay cả bên trong những nhóm miền núi cũng rất ít sự đoàn kết. Đối địch giữa các dòng họ, thành kiến bộ tộc, những mối thù truyền kiếp giữa bà con các quý tộc làm khó lòng Yao đoàn kết với Yao, Khmu tiếp tay với Khmu, hay Hmong hòa hợp với Hmong. Thịnh thoảng khi một sắc dân thiểu số miền núi kết hợp thành một, nó cũng mong manh lắm tùy theo sự lãnh đạo khéo léo của một cá nhân tài năng, sự đoàn kết băng hoại ngay khi cá nhân ấy từ trần.

Ngay cả trong chủng tộc Lào, sự khuấy động tự phát về chủ nghĩa quốc gia rất hiếm hoi. Lào tồn tại như 3 vương quốc riêng biệt hằng 200 năm trước khi người Pháp chiếm đoạt. Suốt 2 thế kỷ ấy, 3 hoàng gia sinh sản ra khoảng 20 dòng tộc quý phái, mỗi dòng tộc ganh ghét đặc quyền của nhau và ra sức ngăn ngừa đặc quyền ấy lọt vào tay dòng tộc khác. Sau khi Pháp áp đặt thống nhất 3 miền thành một, chính khách Lào làm việc một cách đưa đẩy đối với những mục tiêu lớn hơn của quốc gia chỉ vì các quan chức Pháp kiểm soát họ. Sau hậu trường họ tiếp tục làm việc để thăng tiến quyền lợi nhỏ hẹp của gia đình, như gia đình Champassaks, Voravongs hay Sananikones.

Cuối cùng chủ nghĩa quốc gia cũng bắt rễ nhưng chỉ vì nó được nuôi dưỡng bằng thế lực bên ngoài. Đợt sóng ngầm chủ nghĩa quốc gia Lào xảy ra trong thời kỳ đệ nhị thế chiến khi người Pháp đề xướng niềm tự hào văn hóa Lào để chống lại tham vọng của Thái Lan muốn đồng hóa người Lào, và miếng đất họ sinh sống, sát nhập vào Thái Lan. Điều người Pháp không ngờ là chính chủ nghĩa dân tộc do mình khởi động lại là một cơn gió khích động cho nền độc lập chính trị sau này.

Chủ nghĩa quốc gia nhận một liều thuốc khỏe khi những người quốc gia không ăn năn hối cải buộc phải lưu vong bởi người Pháp bắt tay với văn phòng phục vụ chiến lược Mỹ (OSS; American Office of Strategic Services) ở Thái Lan. Những huấn luyện viên Mỹ trong các trại huấn luyện du kích lợi dụng tự hào chủng tộc và lòng ái quốc để nâng cao tinh thần và

gợi cảm thù quân xâm lăng Nhật. Những khóa sinh của trại này tạo thành nòng cốt của phong trào quốc gia Lào sau cuộc chiến.

20 năm sau những cán bộ Bắc Việt ở vùng sâu vùng xa Lào, hậu thuẫn quốc gia chủ nghĩa cho người miền núi. Cộng sản mang chứng từ. Gần một thập niên những bộ lạc miền núi Bắc Việt được tự trị về văn hóa : Hà Nội không can thiệp với đời sống truyền thống, tín ngưỡng và cung cấp giáo dục cho trẻ em miền núi với những bài học dạy bằng ngôn ngữ chính họ. Ý tưởng này mời gọi dân miền núi, đặc biệt khi Bắc Việt tuyên truyền lòng căm thù người Lào đồng bằng để cổ vũ sự ủng hộ phong trào cộng sản Lào, tức Pathet Lào. Trong vòng một thập niên, bộ tộc Thái thượng du, Khmu, Yao và Hmong chiếm đầy chỗ trong các cấp bậc hành chánh hạ tầng của đảng Pathet Lào và làm thành một khối lớn trong quân đội Pathet Lào.

Từ vương quốc thành nước bị phân chia.



Vua Fa Ngum

Là nhóm uy thế áp đảo ở Lào, chủng tộc Lào viết lịch sử quốc gia, họa chân dung nó như một sân khấu lịch sử của giống nòi họ. Lịch sử bắt đầu bằng sự chấp chánh của Fa Ngum, vị vua đầu tiên của quốc gia. Thân phụ Fa Ngum là một quý tộc đầy tham vọng chính trị bị thua trong cuộc tranh giành quyền lực và trốn cùng với gia đình sang Cambodian và làm việc cho Jayavarman Paramesvara, vua Cambodia. Jayavarman chú ý đến vẻ tinh anh phát tiết của đứa con nhà quý tộc, dạy cậu ta đạo Phật để được văn minh hơn và thao lược những vấn đề chiến tranh chuẩn bị cho sự lãnh đạo tương lai của một quân đội sẽ xâm lấn những lãnh thổ hướng bắc thuộc Lào trong lịch sử.

Cuộc vận động quân sự bắt đầu năm 1340. Mất 13 năm Fa Ngum mới bình định Lào hoàn toàn, một lãnh thổ ông đặt tên là Lan Xang (Vạn Tượng).

Một đạo quân sư sãi từ Angkor (kinh đô xứ chùa Tháp) đổ xô vào vương quốc mới để cải hóa thổ dân theo đạo Phật và dạy họ cách thức nghiệp duyên, lực vũ trụ báo đáp những hành vi tốt với một đời sống tốt hơn trong kiếp lai sinh. Sự nhập đạo đông đảo phục vụ cho mục đích chính trị. Phật giáo duy trì một phiên bản Á châu về quyền thiên phú của các vị vua.

Những cá nhân sinh trong gia đình quý tộc, hay ngự trị trên ngai vàng, được thiết tưởng là phần thưởng đức hạnh trong kiếp trước, biến đổi những thực quyền thành chức danh đạo đức.

Fa Ngum ngự trị khoảng 2 thập niên yên ổn rồi đột ngột mất hết chí thú về chính trị. Khi các quan lại những lạm thuế má và lạm dụng quyền hành, Fa Ngum phung phí thì giờ trong những cuộc truy hoan trác táng gieo tiếng xấu trong triều toàn những tín đồ Phật giáo khổ hạnh. Bị bức phải lưu vong năm 1373, Fa Ngum chết trong vòng 2 năm, một kẻ tuyệt vọng.

Bằng phối hợp hôn nhân có tính toán và may mắn, vương quốc tồn sinh cái chết của người khai sáng và an hưởng hòa bình tương đối suốt hơn 300 năm. Sự toàn vẹn lãnh thổ biên giới phía tây đã được bảo quản bằng những cuộc hôn nhân chính trị với hoàng tộc Thái Lan, trong khi sự may mắn đến

trong thế bộn Trung Hoa bành trướng khiến người Việt hiếu chiến bận rộn với những cuộc xâm lăng liên tiếp ở Bắc kỳ (Tonkin).

Năm 1694, sau nhiều thế kỷ tránh khỏi sự kềm chế của những cường quốc hàng xóm, Lan Xang sụp đổ từ bên trong. Suligna Vongsas đã cai trị vương quốc gần 60 năm. Một người tuân thủ luật lệ, ông ra lệnh xử tử đứa con một về tội ngoại tình. Còn lại 2 cháu nội như kẻ thừa kế ngai vàng, nhưng không thái tử nào trưởng thành trước khi Suligna chết. Khi 2 thái tử vừa học vừa đặt lên ngôi cao, các nhà quý tộc thi đua nhau tranh quyền kiểm soát vương quốc đẩy Lào vào cuộc nội chiến. Khi chiến tranh chấm dứt, Lào chia thành 3 tiểu quốc: Champassak miền nam, Vientiane ở giữa và Luang Prabang phía Bắc.

Hai thế kỷ những vương quyền tồn tại nhờ thể hiện chính sách ngoại giao của kẻ bất lực : họ tiến công VN, Cambodia và Thái Lan như của đứt lót khỏi bị xâm lấn và tạo đồng minh với thế lực có uy thế trội hơn trong lâm thời. Nó là một trò nguy hiểm cần sự đích xác cao. Năm 1830 VN đã sát nhập hầu hết đông bắc Lào, và Thái Lan chiếm một mảnh lớn những tỉnh phía tây. Quyết định của Pháp cuối thập niên 1880 là sát nhập Lào vào Đông dương (tức 3 xứ Bắc, Trung, Nam kỳ, VN.) nhằm cứu quốc gia bé nhỏ này khỏi bị đồng hóa vào các nước láng giềng.

Thuộc địa Pháp.

Người Pháp không phải người Âu châu đầu tiên ở Lào. Người Hòa Lan đến trước họ gần 200 năm, đầu tiên gửi những nhà truyền giáo như chiến sĩ xung kích để tập quen thổ dân với lễ lối Âu châu, xác định tính bén nhạy với sự khai thác, bóc lột và nêu thời gian cho phép, cứu rỗi vài linh hồn. Các nhà truyền giáo thấy người ta có vẻ vô tư và quyến rũ nhưng những Phật tử trung kiên tuyệt đối không để ý đến Ky Tô Giáo.

Tầng lớp thương gia theo đạo hy vọng may mắn hơn. Một thương nhân Hòa Lan tìm được mối lợi kinh doanh vào chất nhựa cánh kiến stick-lac (tiết ra bởi côn trùng) và benzoin. Thương vụ tương đối có lời nhưng con người quá bừa bãi để trở nên tín đồ Tân giáo (Calvinist) thuần thành.

Ông ta bỏ những cuộc bách bộ buổi chiều vì ông khó đi khoảng 20 mét mà không gặp cảnh đâm dục kinh tởm trong bụi cây bên đường. Các thương nhân khác, quan tâm đến lợi nhuận hơn đạo đức đi khỏi một cách đầy thất vọng. Ngoại trừ vài sản phẩm kỳ dị như stick-lac (dầu bóng), Lào chẳng có gì đáng khai thác, đặc biệt lực lượng lao động địa phương sau này được mô tả trong cuốn bản đồ thuộc địa Pháp (Atlas des Colonies Francaises) như "dễ thân mật, hiếu khách và không thích làm việc vất vả".

Sự đánh giá đen tối này làm nhụt chí mọi người trừ Pháp. Họ ương ngạnh gởi những nhà thám dò đi khắp lãnh thổ để đo lường tiềm năng của nó. Đã có một lúc người Pháp hy vọng dòng Mekong có thể được sử dụng như ngõ sau vào Trung Hoa, nơi người Anh đang làm giàu trong thương vụ trong khi dùng hải quân để kiểm soát biển đông ngăn mọi người lọt vào. Người Pháp một cách tuyệt vọng mong muốn một hành động. Năm 1868 họ gửi một đoàn thám hiểm ngược dòng Mekong để khẳng định sự hợp lý trong việc sử dụng dòng sông như một thương lộ vào Trung Hoa. Sau 2 năm bắt chập thác ghềnh và đốn cây trong rừng, một báo cáo được đệ trình chi tiết về tính bất trắc của con sông, đặc biệt khi nó gần biên giới Trung Hoa nơi thác nước và lũ xoáy dậy lên mỗi vài dặm.

Sau nhiều thập niên vẽ bản đồ, gửi những toán thám hiểm thượng nguồn và thu lượm mẫu quặng mỏ, người Pháp cuối cùng thiết lập một hiện diện chính thức ở Lào năm 1886 với một phó lãnh sự ở Luang Prabang. Cũng năm ấy, người Anh chiếm quyền kiểm soát Miến Điện chuẩn bị một ngõ sau cho mình ở Trung Hoa. 9 năm trôi qua trước khi Pháp chính thức sát nhập Lào vào trong đế quốc của mình. Những địa hạt rơi vào tay Thái Lan và VN được hoàn trả và 3 tiểu quốc hợp lại thành một nước thống nhất, với thành phố Vientiane là thủ đô hành chính.

Với dự báo kinh tế ảm đạm, nó có vẻ khó hiểu một cách bí mật tại sao Pháp đâm đầu vào vòng phiền toái. Năm 1917 Albert Sarraut đưa ra một biện hộ hợp lòng dân về chủ nghĩa thực dân Pháp ở đông nam Á. Diễn thuyết trước

một khán thính giả đa số VN theo sau sự bổ nhiệm chức vụ thống đốc Đông Dương, Sarraut tuyên bố : " Tôi muốn cho các bạn khí cụ giải phóng mà sẽ từ từ dẫn bạn về phía bầu trời ưu việt bạn hằng ước nguyện.

Khí cụ giải phóng Sarraut giới thiệu là kinh tế Tư Bản nhuộm màu sắc văn hóa Pháp, một hợp chất được thiết tưởng biến đổi các thổ dân lạc hậu VN, Lào, Cambodia thành những người văn minh. Mục tiêu cao đẹp này, được đề xuất một cách trịch thượng là sứ mạng truyền bá văn minh khoa động giả dối hồi đó giống như bây giờ.

Một cắt nghĩa bộc trực hơn về việc đô hộ Lào là những binh sĩ chuyên nghiệp trú phòng trong nước thấy một cơ hội để thăng tiến nghiệp vụ bằng cách bám vào địa hạt và vận động cho chủ nghĩa thuộc địa. Hải quân Pháp, thèm khát những cảng sâu Đông Phương, đã vận động trước đó chống việc bỏ rơi VN cũng cùng một lý do.

Những nỗ lực vận động thành công vì lúc ấy Âu Châu đã ám ảnh với chính sách thực dân vì những lý do kinh tế cũng như chính trị. Điều này đặc biệt đúng ở Pháp, nơi chính phủ có tập quán phục vụ quyền lợi giai cấp chủ nhân ông, gây trở ngại cho chính khách Pháp tuyên xưng với sự thành thật rằng họ cai trị vì quyền lợi mọi công dân trong nước. Chỉ trong một thuộc địa Pháp một công chức có thể xác nhận như vậy vì nó duy nhất ở Đông Dương hay Algeria mà các viên chức hay binh sĩ Pháp, vây quanh bởi những kẻ xa lạ, có lẽ không rõ ràng tự dối gạt coi mình như một người Pháp đầu tiên và trước nhất và quan niệm hoạt động của mình là phục vụ quốc gia Pháp hơn là phục vụ cho một giai cấp kinh tế riêng nào đó. Qua các lý do tròn trẻo, thuộc địa hóa Lào trở nên một sự việc không rõ ràng trong hiến pháp nước Pháp.

Ngoài ra, Pháp có bốn phen tìm phương thức hợp lý công việc kinh tế và tuyệt vọng tìm kiếm khắp lãnh thổ những túi chứa đựng lợi nhuận. Không giống VN, với mỏ thiếc và than đá ở miền bắc, cao su ở miền trung và lúa gạo ở châu thổ sông Hồng và Cửu Long, hầu như chẳng có gì đáng khai thác ở Lào. Vụ gặt thì nhỏ và quặng than, thiếc ở Lào thường tìm thấy chỉ

những miền núi non không lối ra vào. Dĩ nhiên thuốc phiện trồng nhiều bởi người dân miền núi, nhưng người Pháp chưa hiểu thấu tiềm năng kinh tế khổng lồ của nó.

Trong một thời hạn ngắn, sự hoang tưởng được hồi sinh rằng dòng Mekong có thể thành lợi nhuận bằng một cách nào đó. Những ngân hàng Pháp được thuyết phục đầu tư 100 ngàn quan Pháp (khoảng 600 ngàn đô la) để thiết lập trạm trao đổi hàng hóa dọc con sông suốt con đường dẫn tới biên giới Trung Hoa. Thay vào hàng hóa Pháp thẩm nhập Trung Hoa, con buôn Tàu dùng những trạm như những cửa khẩu xuất cảng sản phẩm của họ. Những đầu cơ này chấm dứt chỉ trong vòng 2 năm.

Tổ chức kinh doanh độc nhất có lợi khá là việc khai mở thiếc vùng bắc cán chảo gần thị trấn Nam Pathene - và hầm mỏ không thu hoạch đáng kể cho tới năm 1930, khi một trùm quặng thiếc quốc tế ép tăng giá thế giới. Ngay cả với vật giá leo thang, hầm mỏ cũng không sản xuất đủ thu nhập để vực chính quyền Pháp ra khỏi nguy ngập.

Không bao lâu cho chính sách hành chánh phản ảnh sự ân hận vì thu nhập kém. Trong khi Pháp đầu tư tối đa ở VN để phát triển kinh tế quốc gia, họ không chi tiêu chút nào để nâng cấp hạ tầng cơ sở hay khuyến khích phát triển kinh tế tại Lào. Trong khi VN có đập nước, đường lộ trải nhựa, thiết lộ, hệ thống dẫn thủy nhập điền quy mô, kinh đào, cầu cống, cửa khẩu và hải cảng, việc độc nhất người Pháp xây cất ở Lào là một hệ thống đường giao thông thô sơ (đường 4, 5, 6, 7, 13, 42 và 72) độc đạo bằng đất thường vô dụng trong mùa mưa. Kiên định với giải pháp cai quản trần trụi này, trong những năm đầu chỉ 70 viên chức hành chánh được sắp đặt quản lý công việc cả nước. Viên chức Pháp kém may mắn bổ nhậm đến thuộc địa lạc hậu này thường tiêu khiển bằng cách chạy theo đàn bà địa phương, tìm kiếm hay tránh nghiệm rượu hay thuốc phiện, và mơ ước về Sài Gòn hay Hà Nội nơi có thể được thăng chức và nhà hàng Pháp có sẵn ở các khách sạn

sang trọng. Ngay cả quan chức phóng đăng nhất cũng cẩn thận bỏ chút thì giờ trông nom việc thu thuế. Tuy nhiên một khi bốn phận này đã được hoàn tất, các viên chức Pháp thỏa mãn nhường hầu hết việc cai trị quốc gia cho triều đình hoàng gia ở Luang Prabang, nơi quyền lực chính là phân phối các chức vị đến các phần tử được ưu đãi của các tiểu quốc Champassak, Vientiane và Luang Prabang đã quá vắng từ lâu - những chức vị nhàn nhã là mục tiêu của tranh giành sôi nổi, giữa các hoàng tộc, trong các hoàng tộc với nhau, và nó còn tiếp diễn trong tương lai.

Sự kiện này không phải để nói Pháp bỏ rơi Lào. Đối chiếu vương quốc ngái ngủ này với VN năng động, người Pháp kết luận rằng một nguyên nhân rõ rệt gây nghèo đói là tại con người. Họ thấp kém không chỉ đối với người Âu Châu, vốn là cái nhìn chuẩn về phía các quốc gia bị chinh phục ở Á , Phi Châu, nhưng họ thấp kém so với dân VN nữa. Nghiêm túc và cẩn mẫn, người VN là mục tiêu của sự khâm phục – hậm hực khâm phục. Ngược lại, chủng tộc Lào, ham chơi và lười biếng, được coi như vô dụng tuyệt đối.

Người Lào miền núi còn thấp kém hơn nữa. Một viên chức Pháp ghi chú : “chủng tộc man rợ này, lười biếng và mê tín dị đoan, không tiến bộ” không thể “ được mời gọi đóng một vai trò quan trọng ở Đông Dương”.

Pha trộn chủng tộc là liều thuốc có vẻ hợp lý, vì thế chính quyền Pháp khuyến khích người Việt di cư sang Lào. Theo ước tính của Pháp, mật độ dân cư của Lào là 4 người mỗi dặm vuông. Vùng châu thổ sông Cửu Long (Mekong bên Lào, Thái Lan và Cambodia), con số này lên đến 1500 người mỗi dặm vuông. Khi nào VN chật chội, Lào có chỗ dư thừa dành sẵn.

Người Pháp hy vọng VN sẽ choán các chỗ trống vùng thung lũng sông và đồi núi Lào, pha trộn giống với thổ dân và tạo ra 2 chủng loại lai giống : người đồng bằng với tư chất thông minh và ý chí, người miền núi dễ phục tùng văn minh. Để đặt cược vào hiệu ứng của sự lai giống, người Pháp cũng định đem đủ người VN để thay đổi dân số địa dư có lợi cho họ.

Nếu phán đoán bằng mục đích di dân VN càng tốt cho đến khi họ biến sắc dân Lào thành người thiểu số ngay chính trên đất nước Lào, chương trình

di dân không là một thành công trọn vẹn. Đã quen thuộc với cái nóng và ẩm ướt làm cong cả giấy khi đang đọc, ít người VN sốt sắng mạo hiểm vào vùng núi non chón chở lao, nơi những ao hồ kết tinh thành đá băng vào mùa đông. ngoài ra người Pháp còn có thể đong đầy các thị trấn đồng bằng nhiệt đới bằng người VN, đem các thương gia, các con buôn đến những thành phố lớn và bổ nhiệm người Việt vào những chức vụ trung cấp trong hành chánh thuộc địa.

Nỗ lực này thành công đến nỗi trước thế chiến thứ hai, thành phố lớn nhất Lào là Vientiane có đến 53/100 người VN; thành phố lớn thứ nhì là Thakhek, 85/100; sâu về hướng nam ở Pakse, 62/100.

Người Pháp không thể biết rằng Việt Nam hoá Lào sẽ đặt nền móng cho phong trào cộng sản đầy quyết tâm tại đây và bảo đảm quyền kiểm soát của Hà Nội.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 2

Khởi nghĩa.

Khi ngân sách Lào trong nguy ngập triền miên, người Pháp tiết giảm tổng chi phí hành chánh bằng cách lưu dụng các quan lại Lào thuộc triều đình : vua và các đại thần, dưới đó là các quan chủ tỉnh, to lớn và công kênh với làng (bản) hợp lại thành xã (tassengs), xã tụ hợp thành hạt (kongs), hạt thành quận (mường), quận thành tỉnh (khoảng). Mỗi tỉnh được cai trị bằng một tỉnh trưởng (chao khoảng), cái mắt xích đầu trong chuỗi mệnh lệnh từ

tỉnh nổi xuống quan huyện (chao mừng), hạt trưởng (nai kongs), xã trưởng (tassengs) và dưới cùng là các trưởng làng (nai bản).

Theo lý thuyết, tỉnh trưởng chịu trách nhiệm thẳng với các đại thần trong triều, và chuỗi lệnh lạc từ tỉnh xuống làng không hề đứt đoạn. Nhưng các tỉnh trưởng thường hành động như những lãnh chúa hay sứ quân. Ít khi quan huyện (chao mừng) để ý đến luật lệ từ tỉnh, và cũng thế, xã trưởng cai trị xã của họ như thể nó là thái ấp riêng. Nói chung, nó là một hệ thống hành chánh nặng nề, vô hiệu quả và tham nhũng.

Đằng sau cái cấu trúc hành chánh dài thặm thướt này, Pháp đặt một viên gạch hành chánh nhỏ gọn tận chót đỉnh. Cao nhất là viên thống sứ (resident superieur), kế đến là uỷ viên hay còn gọi phổ biến hơn, là công sứ (resident), trụ sở ở các tỉnh, công việc của họ là theo dõi một cách lỏng lẻo và dùng nó để thu thuế và hành xử chính sách thuộc địa. Về binh lực, mỗi công sứ có một liên đoàn lính vệ binh bản xứ (Garde Indigene, chừng 2000 người), một bộ phận quân sự chủ yếu là người Việt, tuyển mộ tại VN.

Đó là một dạng thức thuộc địa chủ nghĩa ít tốn kém, không can thiệp, mô tả bởi một học giả như là một thể thức cai trị “thả nổi một cách hiền hòa trên chót đỉnh của hệ thống hành chánh quan lại cũ ... mà nó không cản trở”. Tuy vậy, nó cũng có một khuyết điểm, nhiều thập niên sau người Pháp mới tường tận đó là khuyết điểm gì. Năm 1921, sau một cuộc dấy loạn 4 năm của người Hmong, công sứ Xiêng Khoảng lưu ý rằng “chúng ta gián tiếp thiết lập một giai cấp lãnh đạo trên dân cư, người gạt lọc tất cả các khiếu nại của kẻ kém may mắn thấp kém hơn, gây khó khăn cho chúng ta trong việc hiểu rõ tình cảnh của họ.” Viên công sứ này ám chỉ đến người Hmong khi viết những lời này, vì họ không chịu đựng sự hà hiếp một cách dễ dàng. Sự quan ngại của ông được âm hưởng 10 năm sau bởi một nhà nhân chủng học người Đức, một người thích mạo hiểm sống với người Hmong và

thường nhập bọn trong những cuộc săn bắn lớn. Khát vọng độc lập, sự dũng cảm dám thách đố cái chết, lòng yêu chuộng tự do cuồng nhiệt được tôi luyện qua hàng ngàn năm chiến đấu chống lại bọn áp bức có sức mạnh vượt trội, đã làm cho họ khét tiếng như một chiến sĩ đáng nể sợ, sẽ có lẽ gây khó khăn cho thực dân.

Nhiều thập niên người Pháp xao lãng mối nguy cơ này và tin rằng hệ thống hành chánh của họ thực sự làm gia tăng uy tín của họ với các chủng tộc thiểu số trong nước. Đặt người Lào chèn vào giữa người miền núi và chính quyền thuộc địa, nó được thiết tưởng là những oán hờn về sưu cao thuế nặng sẽ chuyển hướng từ người Pháp sang người Lào, kẻ trực tiếp thu thuế. Không ai đếm xỉa đến khả năng chịu đựng áp bức bởi những quan lại bản xứ có thể châm ngòi cho một cuộc khởi nghĩa đổ máu.

Năm 1896 thu nhập chính quyền thuộc địa ở Lào chỉ đạt được 45/100 tổng ngân sách chi tiêu. Để lấp bằng sự chênh lệch người Pháp tăng thuế và nhắm vào việc nhúng tay vào thuốc phiện của người Hmong, sách nhiễu rằng người Hmong đóng một phần thuế bằng thuốc phiện với một giá được ấn định rẻ hơn thị trường rất nhiều. Bất mãn với luật thuế má mới, Hmong cầu cứu sự giúp đỡ nơi các đại tộc trưởng của họ.

Từ xa xưa khi còn ở bên Trung Hoa, Hmong có thói quen tôn trọng các tộc trưởng như những tiểu vương (kaitongs, có sách dịch là thổ hào). Có 3 thổ hào ở Lào là dòng họ Lý, Lo và Moua, cai trị như tam đầu chế với họ Lo, Lo Pa Sy, là đại biểu. Lo yết kiến Kham Huang (sắc tộc Lào), tỉnh trưởng người bản xứ Xiêng Khoảng, khiếu nại về thuế mới. Hoang chuyển hướng sự đổ lỗi cho viên công sứ Pháp vì Huang chỉ có bốn phen thu thuế thôi. Lo Pa Sy thỉnh cầu một cắt nghĩa với viên công sứ nhưng người Pháp từ khước không thảo luận chính sách nhà nước với thủ lĩnh thổ dân thất học. Sau khi cộc cằn đuổi vị thổ hào (kaitong), viên công sứ ra lệnh cho các đơn vị vệ binh bản xứ thâm nhập vào miền núi nhằm đe dọa người Hmong.

Cuộc động binh quả không cần thiết vì người Hmong vốn sợ Pháp, bọn mà Hmong gọi là Pháp quỷ (Fa Kouie). Lo Pa Sy muốn để vấn đề chìm lắng nếu không được viên công sứ nâng đỡ cho một hành động. Tổ tiên ông tỉnh trưởng Huang đã cai trị tỉnh này từ nhiều đời như một thái ấp riêng. Ông ta trung thành nhưng người Pháp vẫn coi ông như giống người hạ đẳng. Huang muốn người Pháp khiêm tốn hơn. Biết rằng người Hmong không thích bị cai trị bởi những ai khác chủng tộc, Huang cam kết một thỏa ước với Lo Pa Sy, hứa hẹn quyền tự trị lớn hơn nếu họ đánh đuổi Pháp ra khỏi tỉnh.

Hmong đầu tiên tấn công quân Pháp ở bản Khang Pha Nien, một đồn binh nhỏ tây bắc Nong Het. sau một chạm súng ngắn ngủi, người Pháp đẩy lui họ. Phiến quân tập trung lại, mộ thêm chiến sĩ và tấn công chỉ huy sở tỉnh ở thành phố Xiêng Khoảng. Hmong trang bị cung tên và súng hỏa mai, chỉ hiệu lực ở tầm bắn gần. Lính bản xứ dưới quyền chỉ huy của sĩ quan Pháp vũ trang súng carbine hiện đại, đồn ngã từng đợt Hmong trước khi Hmong tiến gần tầm bắn của họ.

Người Pháp khám phá vai trò của Huang trong cuộc nổi loạn và sa thải ông. Họ nhân nhượng hơn với bộ tộc Mèo (Pháp gọi Hmong là Mèo). Sự hung tợn của các chiến sĩ Hmong làm hoảng kinh các sĩ quan thiện chiến Pháp, ngay cả khi họ thua trận. Trả thù thô bạo chỉ xô đẩy họ vào con đường chiến tranh. Lại có thêm lý do để chấp nối hòa khí với Hmong. Những cánh đồng thuốc phiện trải dài hàng trăm dặm xuyên suốt các triền núi từ Quế Châu, Vân Nam bên Trung Hoa và phủ kín các ngọn đồi đá vôi bắc Lào. Pháp trừ liệu một độc quyền kinh doanh ma túy của nhà nước kiểm soát mua, bán, phân phối thuốc phiện khắp Đông Dương.

Viên công sứ Xiêng Khoảng tổ chức cuộc đàm phán hòa bình ở Bản Bản,

một làng cách tỉnh đủ xa như một địa bàn không thuộc phe nào, trên lộ 6 dễ đi lại bằng xe hơi. Sự kiện này khiến viên công sứ có thể về dinh mỗi đêm (cung điện công sứ Pháp nguy nga, đồ sộ so với dinh tỉnh trưởng người bản xứ tọa lạc bên cạnh), nơi ông được đảm bảo một bữa ăn tối sang trọng và một giấc ngủ yên trên giường của mình.

Lo Pa Sy không giữ vai trò gì trong cuộc đàm phán. Mất uy tín vì thua trận bọn lính vệ binh bản xứ (Garde Indigene), nhiệm vụ của ông được thay thế bởi Moua Tong Ger, tiểu vương thị tộc Moua. (xin lưu ý, tôi dịch clan = thị tộc, ví dụ 3 thị tộc lớn Hmong là Lo, Ly và Moua – Ethnic group = bộ tộc, gồm nhiều thị tộc. Ví dụ bộ tộc Hmong có 3 thị tộc lớn là Lo, Ly và Moua.) Moua Tong Ger là một nhà đàm phán giỏi. Cuộc đàm phán kết thúc với một lời hứa giảm thuế và bớt dùng những quan chức trung gian người Lào mà thay vào đó là người Hmong. Moua Tong Ger được phong làm chánh tổng Nong Het, người Hmong đầu tiên trong nước giữ chức vị này. Những Hmong khác giữ chức trưởng làng. Đây là sự kiện quan trọng đáng ghi nhận. Theo hành chánh truyền thống, trưởng làng được thiết tưởng tuyển chọn qua bầu cử và được tư vấn bởi một hội đồng bô lão; nhưng thể lệ này chỉ được áp dụng ở vùng thấp, nơi người Lào cư ngụ. Tại miền núi trên vùng cao, sự tuyển dụng bằng sự bổ nhiệm từ cấp cao, với mọi chức vụ toàn người Lào nắm giữ, hay bởi người Thái thượng du vùng đông bắc, nơi họ là một lực lượng chính trị hùng hậu. Bây giờ, rốt cuộc làng mạc Hmong đã có trưởng làng thuộc bộ tộc mình, bầu bởi mình. Người Hmong cũng có chánh tổng riêng, coi như họ đạt được một thể đứng chính trị và quyền kiểm soát hành chính hạ tầng trong những công việc của họ.

Dù với những nhượng bộ này, trong vòng 20 năm, Hmong lại thêm lần nữa khởi chiến. Sau lưng thực dân Pháp, quan chức Lào thu thuế cho riêng họ một cách bất hợp pháp, tịch thu thuốc phiện, ngựa người Hmong mà không trả tiền. Nó là một mưu toan áp dụng trở lại hệ thống thuế cũ trước thời Pháp bảo hộ: tự tiện và không hạn định, đánh vào người miền núi, gồm

không chỉ thuế hộ khẩu giá 2 đồng bạc (đúc bằng bạc) mà còn cống phẩm bất thường như ngà voi, sừng tê giác, thịt nai và thuốc phiện.

Các trưởng làng đệ trình một phản đối với công sứ Pháp, nhưng không hiệu quả. Bất mãn càng tăng vào năm 1916 khi nhà cầm quyền thực dân chính thức tăng thuế vào thuế hộ khẩu từ một lần một năm thành hai lần mỗi năm mỗi đầu người gồm cả trẻ em lẫn người lớn.

Theo quan điểm của thực dân thì thuế đánh vào người Hmong còn quá nhẹ so với người Việt và Cambodia. Trong khi không ai nghĩ người Hmong có khả năng chịu đựng thuế nặng như nông dân Việt, người ta vẫn giả thiết rằng Hmong có thể đảm đương bốn phần thuế như người Cambodia. Hàng năm nông dân Cambodia đóng thuế nhân khẩu cho mỗi đầu người trong hộ cũng như thuế tài sản, gia súc và thuế mua muối, rượu. Người Cambodia cũng phải làm công tác sưu dịch (làm không công cho nhà nước một thời hạn ngắn mỗi năm như một thứ thuế).

Đây là cải cách thuế khóa cuối cùng, ban hành tại Lào năm 1917, gây nên mối bất mãn rộng lớn. Người Pháp cần cường bách lao động để tiết giảm chi phí xây dựng hệ thống đường sá nối Lào và VN. Đường lộ là một nỗ lực vô vọng khác khiến Lào có thể đem lợi cho thực dân. Lý thuyết nền tảng cho kế hoạch phóng đường này mà Pháp mệnh danh là debloquement (mở rộng), rằng phát triển kinh tế có thể được kích thích tại Lào bởi một tiến trình “thẩm thấu kinh tế”. Phát triển giao thông giữa VN và Lào, Pháp hy vọng kinh tế năng động của VN sẽ “bão hòa” Lào.

Nhiều con đường mới băng ngang địa hạt Hmong, và hầu hết công tác sưu dịch lấy phu làm đường từ những làng Hmong ở tỉnh Xiêng Khoảng và Sầm Nứa, nơi các phu phen đã bị độc thúc nghiệt ngã bởi các viên chức kỹ thuật muốn đạt thành tích mới. Bốn phần các phu sưu dịch thường kéo dài

3 tuần. Một tuần không trả tiền, 2 tuần còn lại được lãnh 28 đồng kíp, đủ trả thuế hộ khẩu cho một gia đình Hmong trong một năm.

Về phần người Hmong chuộng tự do, sưu dịch là một hình thức nô lệ - một sỉ nhục không thể chịu được. Họ cũng khó mà không biết người Lào vùng thấp, ai cũng như nhau, có đủ lợi tức đóng tiền thế cho sưu dịch, đóng ấn bộ tộc Hmong làm công tác phu lục lộ như loại người hạ đẳng. Một số Hmong cảm thấy quá nhục nhã nên di cư khỏi khu vực và không trở lại cho đến khi hệ thống đường lộ hoàn tất năm 1924.

Hmong đã chín mùi cho cuộc dấy loạn. ngày ấy chính là ngày Hmong nghe mệnh lệnh từ Trời và mang đức tin vào chiến trường. Đó là cuộc dấy loạn truyền thống Hmong, xa lạ với Lào nhưng rất quen thuộc bên Trung Hoa, nơi giáo thuyết cứu độ dân tộc Hmong đã biến vài cuộc nổi dậy thành cuộc thánh chiến.

Truyền thuyết cứu độ Hmong.

Thánh chiến Hmong bên Trung Hoa được kích động bởi truyền thuyết một vương quốc Hmong cổ, một thời vinh quang rực rỡ nhưng bị người Trung Hoa tiêu diệt. Nó không phải huyền thoại. Một vương quốc Hmong dấy lên vào thế kỷ thứ năm sau Công Nguyên từ tro tàn đế quốc Hán. Lúc ấy hệ thống tiền tệ Trung Hoa ở trong tình trạng thảm hại. Tiền đúc từ đồng nhưng kim loại ngày càng hiếm quý. Nông dân và thương buôn dùng hàng hóa đổi chác thay vì tiền. Chợ búa ít đi, thương mại điêu tàn và kinh tế suy sụp.

Chính trị cũng phản ảnh kinh tế đổ vỡ ấy. Chính quyền trung ương không còn nữa. Các lãnh chúa độc lập tranh quyền, một số thành công trong giai đoạn như Sima Yan (Tư Mã Viêm?) người dè bẹp đối thủ rồi vô hiệu hóa quân đội của mình bằng cách nấu chảy vũ khí đúc thành tiền dùng tái thiết chính quyền trung ương. Quốc gia trở nên không phòng vệ, Mông Cổ xâm

lấn từ mặt bắc, Tây Tạng từ tây nam và Hmong vùng ngũ Hồ vùng Hồ bắc, Hồ Nam kết hợp thành một liên minh đánh đuổi người Trung Hoa và thực hiện quyền tự trị.

Người Hmong từ lâu bị ức chế dưới sự cai trị của Trung Hoa, người liệt Hmong vào hàng hạ đẳng, không phải do màu da sáng cùng nét giống da trắng của mình, mà vì “họ từ chối không chịu đồng hóa văn hóa Trung Hoa, gọi họ là man di mọi rợ, là Mèo. Vì cảm thấy không có bốn phận tôn trọng quyền của người man rợ, người Trung Hoa hà hiếp Hmong một cách tự do, cướp đất của họ và quyền cai trị họ như một thân dân.

Những quan hệ về dấy loạn của Hmong rải rác trong lịch sử Trung Hoa. Tất cả những tấn tuồng này là những phản ứng chống lại sự áp bức liên tục, nhưng 40 cuộc nổi dậy ghi chép lại từ năm 403 – 561 phản ánh một cố gắng tinh thuần nhằm chiến đoạt quyền lực chính trị và thực hiện quyền tự trị. Giữa thế kỷ thứ sáu, quan chức Trung Hoa một cách miễn cưỡng thừa nhận một vương quốc Hmong vùng ngũ Hồ, gọi khéo rằng vương quốc này có chức năng liên tục ít nhiều từ lúc bắt đầu thế kỷ thứ năm.

Trung Hoa đứng vững vào cuối thế kỷ thứ bảy và hưng binh chinh phạt Hmong. Trong một trận đánh khùng khiếp, vua Hmong, cùng các tướng đều tử trận. Hai trăm năm tiếp theo, dân Trung Hoa dưới sự bảo vệ của quân đội chiếm đoạt các ruộng vườn Hmong. Giống như dân da đỏ gắng sức lùi làn lũ lụt di dân da trắng, Hmong trả đũa bằng các cuộc tấn công binh lính Trung Hoa. Không khác kỵ binh Mỹ, lính Trung Hoa săn đuổi, tiêu diệt Hmong hàng ngàn người và biện hộ cho cuộc tàn sát như nỗ lực bảo vệ những người khai phá, đem văn minh đến những biên cảnh man dã. Hmong sống sót trong những cuộc tàn sát này rút lui vào vùng rừng núi Quế Châu, Vân Nam, và tây nam Tứ Xuyên, nơi hầu hết sắc tộc Hmong còn cư ngụ đến nay.

Để nuôi sống truyền thuyết, ký ức về một vương quốc cổ xưa lưu truyền qua nhiều thế hệ và sau này, vượt biên giới du nhập đông nam Á. Một thần thoại đi kèm theo truyền thuyết. “Một đức vua Hmong sẽ xuất hiện,...kết

hợp lòng dân, tập hợp mọi người và lãnh đạo họ chiến thắng bọn áp bức.” Nhân vật huyền thoại ấy là Chue Chao, một vị thần sinh ra bởi một phụ nữ và một thần mang hình dạng con lợn lòi, có quyền phép hô phong hoán vũ, làm địa chấn và tiêu diệt quân Trung Hoa. Theo truyền thuyết, người Tàu suy tôn Chue Chao là hoàng đế, rồi lập mưu giết ông. Giống Chúa Ki Tô, Chue Chao sống lại từ cõi chết. Ông lại cai trị Trung Hoa và bị người Trung Hoa ám toán lần thứ hai.

Thần thoại bảo đảm rằng khi thời điểm đến, Chue Chao sẽ phục sinh lần thứ ba và tái lập vương quốc Hmong. Lần xuất hiện cuối cùng này sẽ được tuyên bố bởi một cứu tinh Hmong, có thể là chính Chue Chao hay cũng có thể là người đại diện, làm những phép thuật. Phép thuật có thể có nhiều hình thức khác nhau nhưng hầu hết những truyền kỳ, có một lá cờ phép và một trinh nữ duy trì quyền năng của lá cờ ấy một khi vẫn còn đồng trinh. Đáng cứu độ hay vị tiên hô (người rao giảng vị cứu tinh đã xuất hiện) sẽ chứng thật bằng cách phô bày chữ viết Hmong. Một điểm chưa xốt cho Hmong là họ không có chữ viết và vì thế, họ bịa đặt những câu chuyện nhằm bào chữa rằng sách Hmong mất từ lâu, chứa đựng lịch sử, truyền kỳ, và tôn giáo của họ, chìm dưới lòng sông trong khi chạy giặc Tàu.

Để an ủi, Hmong tự hào cái truyền thống (truyền khẩu), dù họ biết rằng chữ viết là quyền lực. Với loại chữ tượng hình học hiểm, người Tàu có thể làm những khế ước và quản trị hành chánh ở một lãnh thổ bao la như Trung Hoa. Không có “quốc ngữ”, Hmong có thể bị xử một cách tùy tiện trước tòa án. Họ không thể đọc một giao kèo hay kiểm chứng nội dung một thỏa ước. Chữ viết làm cho người Tàu lừa gạt người Hmong và đối xử với họ như giống người hạ đẳng. Hmong tin rằng với chữ viết, họ cũng có quyền năng như người Tàu vậy.

Truyền thuyết về đáng cứu tinh gây phấn khởi cho các cuộc nổi dậy qua nhiều thế kỷ, nhưng không cuộc dấy loạn nào đầm máu, dữ dội như đã bùng nổ vào năm 1854 ở Quý Châu, nam nước Tàu kéo dài suốt 30 năm. Cuộc khởi nghĩa cướp đi mạng sống của nhiều triệu người, gần như một

nửa dân số của tỉnh nếu chúng ta tin sự ước lượng của một học giả Tàu. Tồn thất về phía chính phủ cũng rất cao. hầu hết binh lính bị sát hại, cả trong chiến trận lẫn bệnh tật, đôi khi 10 người chết 9 trong mùa hè, khi côn trùng, sâu bọ sinh sôi nảy nở nhiều.

Có những lý do kinh tế về cuộc nổi loạn. Nhiều thập kỷ sưu cao thuế nặng và chiếm đoạt ruộng vườn của Hmong của nhà nước đẩy họ đến chỗ tuyệt vọng. Hmong đào mồ gia đình để tìm lại vàng bạc trang điểm cho người chết để mua gạo và đóng thuế. Khi chiến tranh xảy ra, nhiều người trong tình trạng sắp chết đói. Nhưng bất khuất không thôi không đủ cắt nghĩa hết được sức chịu đựng gian khổ và khốc liệt cuộc xung đột, hay tại sao những lãnh tụ Hmong đảm nhận những tước hiệu “Vua của ánh sáng trời (thần quang)”, hay “Đại đế”. Một thủ lĩnh, Tao Xinchun, được đồn đãi là con của một người có phù phép, kẻ khác rao giảng sự đảo lộn của thời đại mới – Đó là tất cả những chỉ dấu của Hmong được nung nấu bằng Cứu độ thuyết.

Hmong chiếm những cứ điểm phòng thủ tốt, chỗ thì địa điểm cao với tường thành kiên cố, chỗ thì ngọn núi với sườn dốc đứng mà các quan chức Trung Hoa cho rằng chỉ có khỉ mới leo được. Xuất phát từ những cứ điểm này, Phiến quân vây khốn những thành phố lớn và chiếm đóng những cơ quan nhà nước, có khi lâu hơn một thập kỷ.

Vào lúc đó Bắc Kinh đã bận tâm với loạn quân Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn đã nổi dậy ở các tỉnh phía đông, giúp Hmong rảnh tay củng cố lực lượng. Cho đến cuối thập kỷ 1860, chính quyền trung ương đã có điều kiện cử binh bình định Hmong. Quân đội triều đình tràn vào Quý Châu, trang bị súng trường Tây phương mua được của William Mesny, một lái buôn vũ khí người Anh. Mong mỗi các thương vụ tốt đẹp trong tương lai, Mesny tháp tùng binh lính đến Quý Châu để huấn luyện sử dụng vũ khí mới và cùng chiến đấu với họ để chứng minh niềm tin vào hàng hóa của mình.

Quân số đông đảo và vũ khí hiện đại đã đảo ngược ngọn triều. Quân Trung Hoa đánh đuổi phiến quân và cắt đứt đường tiếp vận. Hmong đói khát đành

ăn thịt người, càng lúc càng phổ biến đến nỗi những tảng thịt người chung bày trên các thớt hàng thịt ngoài chợ trên các thị trấn. Năm 1873, hầu hết phiên quân đều đã chết. Hơn 30 năm chiến tranh biên Quế Châu thành đất hoang. Những thành phố lớn hoang phế bao quanh bằng những bức tường đổ nát. Những dân cư sống sót chui rúc ở ngoại ô trong những túp nhà lợp rơm xiêu vẹo lẫn lộn với ngồn ngang tàn phá.

Bước qua thế kỷ 20, Quế Châu vẫn chưa hồi phục từ những tàn phá của chiến tranh thì các nhà truyền giáo Anh giáo (Methodist), dẫn đầu là mục sư Samuel Pollard, đến truyền giáo cho Hmong ở khu vực biên giới Vân Nam và Quế Châu. Mặc dầu tình cảnh khốn khổ của Hmong nơi ấy, chủ thuyết cứu độ chưa mất sức cuốn hút, Pollard sớm nhận thấy điều ấy.

Sứ vụ truyền giáo của Pollard đặt trụ sở ở Zhaotong, một thị trấn biên giới đa số người Lô Lô, nơi họ thu dụng các người Hmong nghèo đói làm tá điền. Một trong những mục đích của Pollard là phân phối Thánh kinh cho Hmong. Dùng một phiên bản có sửa đổi của loại chữ tượng hình được phát minh bởi các nhà truyền giáo trước, Pollard sáng tạo chữ Hmong và in Thánh kinh dùng chữ ấy dùng trong sứ vụ.

Khi tin đồn về Thánh kinh lan rộng, Hmong lũ lượt từng đoàn 10, 20 người để xem chữ viết họ thiết tưởng là chữ của họ mà tổ tiên làm thất lạc trong chiến tranh. Dần dần con số Hmong lên đến hàng trăm người. Pollard ngạc nhiên vì sự thành công này, đặc biệt khi thỉnh thoảng con số Hmong trẩy hội lên đến 1000 người một ngày. Ông coi đó là một thành công ngoài dự đoán so với thời tiết lúc ấy. “Khi họ đến tuyết đã phủ kín mặt đất. Cảnh tượng đoàn người băng qua các ngọn đồi tuyết thật là khủng khiếp. Đông không thể tả”.

Niềm thích thú của Pollard chuyển thành lo sợ khi những bốn đạo tôn giáo bắt đầu chuyển dịch câu chuyện Chúa Ki Tô sống lại thành lời tiên tri về sự tái xuất hiện của đấng cứu độ Hmong. Các pháp sư (shamans) Hmong tề tựu, ngơ ngẩn với tiên tri về đấng cứu độ sắp giáng thế, người sẽ cứu Hmong thoát khỏi tay bọn Trung Hoa và Lolo.

Những tin này đem lại sự hân hoan cho người Tày và Lolo ở Zhaotong. bao quanh bởi đám đông Hmong mừng rỡ, và cảm thấy cuộc thánh chiến cận kề, họ buộc Pollard, suýt giết ông, rời cuộc truyền giáo ra khỏi biên giới Quý Châu, ở chỗ gọi là “Cổng đá” (Stone Gateway), một nơi cô quạnh bên sườn núi dâng tặng Pollard bởi những nhà giàu người Lolo tân tòng.

Cũng chủ thuyết cứu độ này khích động Hmong 14 năm sau. Đầu năm 1917, nạn hạn hán giáng xuống vùng tây nam Trung Hoa. Quý Châu, Vân Nam bị nặng nề nhất. Thời tiết xấu kéo dài cho tới năm sau. Mùa màng héo tàn, cuốn bay theo bụi đất và các bao tử quặn thắt vì đói khắp hai tỉnh.

Hmong ở giáp giới Vân Nam, Quý Châu đã phải đào rễ cây đủ loại ăn chống đói khi các nhà truyền giáo Anh giáo thiết lập một quỹ cứu tế cho họ. Sau khi quyên góp một số tiền bạc ở Thượng Hải (khu tô giới Anh) và Luân Đôn, để mua thực phẩm cứu trợ, các nhà truyền giáo phân phối trong những buổi lễ cho Hmong. Thoát chết đói và được rao giảng rằng đó là ân sủng của đức Cứu Thế, Hmong lũ lượt kéo nhau đi rửa tội. Giống như trường hợp Pollard 17 năm trước, Hmong kháo nhau về sự giáng thế cận kề của đấng Cứu Thế người Hmong, theo truyền thuyết, người cứu họ thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của Trung Hoa, Lolo.

Một "đấng cứu thế" (không viết hoa) ra đời. Một pháp sư trong khu vực tự xưng đấng cứu thế (true Hmong Mahdi). Lợi dụng sự khích động có sẵn từ các nhà truyền giáo, ông ta tụ tập được một đội quân cứu độ và khởi sự tấn công chính quyền Trung Hoa. Chính quyền Trung Hoa cấp tốc gọi binh lính đến hầu đê bẹp phiến loạn. Khi giao chiến, Hmong thấy rằng súng hỏa mai thô sơ của họ không chống nổi súng carbine của nhà nước. Những tử thi phiến quân la liệt trên chiến trường. Về phía Trung Hoa, chiến thắng được hoàn hảo hơn nhờ bắt sống được viên pháp sư, người cầm đầu cuộc nổi loạn.

Chưa hết. Phiến quân sống sót sau trận chiến tìm cách phá ngục cứu vị pháp sư vào lúc nửa đêm. Lính canh ngục sát thương thêm vài người trong bọn họ và đẩy lui họ. Mọi hành động đều bị chặn đứng, Hmong xoay sang

cướp phá một làng người Thái (dân thiểu số, không phải Thái Lan). Họ cướp của, đốt nhà, giết vài người dân làng, xử tử các viên chức Thái làm việc cho chính quyền Trung Hoa. Một chiến lợi phẩm quý giá là họ tìm được một kho chứa toàn vũ khí hiện đại.

Giờ đây tay đã nhuộm máu. Hơn nữa, có trong tay vũ khí hiện đại, phiên quân tuyên bố ý định thành lập một quốc gia Hmong độc lập, không lệ thuộc Trung Hoa. Ngay khi vừa tuyên bố, lính Trung Hoa ập lại từ 4 hướng. Lực lượng dân phòng Thái theo sau, vũ trang đầy đủ bởi nhà cầm quyền. Phiên quân không được phép đầu hàng. Theo một phúc trình của Pháp, cuộc đàn áp cực kỳ dã man, đẫm máu.

Một phiên quân sống sót người Lolo (vâng, một ít người Lolo theo phiên quân), chạy sang Lào, định cư gần Sam Thong. Câu chuyện về cuộc khởi nghĩa, tô điểm với bùa phép thần bí, ghi khắc sâu đậm chủ thuyết cứu độ trong nhận thức Hmong.

Câu chuyện bắt đầu với sự giáng sinh của một em bé sơ sinh Hmong, có phép thuật chữa lành vết thương và làm người già trẻ lại. Hmong phủ phục dưới chân em bé để nghe lời tiên tri về một vương quốc Hmong và chiêm ngưỡng cái lọ đựng nước ối (nước trong tử cung sản phụ) được để dành sau khi sinh, một thần dược làm cho ai uống vào sẽ trở nên bất khả chiến bại.

Một Hmong tên Yoi Pao tìm thấy lọ thần dược này, uống và được biến thành một lực sĩ xuất chúng, một pháp sư thần thông quảng đại. Yoi Pao có thể nhảy qua nóc nhà, giao tiếp với thần rừng và vong linh tổ tiên và biến hiện những đồ vật bằng đôi bàn tay. Ông ta đi khắp vùng với một con lợn biết nói tên là Chue Chao (Chúa Trời), giữ vai trò cố vấn. Rao truyền giải phóng, Yoi Pao tập hợp các tín đồ và dùng quyền phép hô phong hoán vũ để tiêu diệt bọn quân lính của nhà cầm quyền Trung Hoa tấn công. Ở một thị trấn, ông chẻ đôi đá tảng bằng động tác vẩy đôi tay mở kho vũ khí ngày xưa, phiên quân tìm thấy trong một làng người Thái. Số vũ khí này đủ trang bị cho một đội quân. Hmong không ngớt đạt chiến thắng cho đến khi con lợn biết nói bỏ rơi họ. Tại bờ sông Hồng (người Tàu gọi là sông Yuan), Pao

Yoi làm phép cho nước rẽ ra nhưng dòng sông ập lại. Yoi Pao chết đuối. Không người lãnh đạo, số phận Hmong nằm trong tay người Trung Hoa, mặc tình chém giết thỏa thích. Cuộc nổi loạn ấy mệnh danh là cuộc nổi loạn Quế Châu năm 1917



Phụ nữ Hmong

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 3

Chuẩn bị cho Thiên Sứ.

Những kẻ sống sót trong cuộc dấy loạn 1917 Vân Nam-Quế Châu tản mác khắp nơi. Một số định cư tại Sip Song Bắc Việt, gồm những ông bà già, các

bà mẹ dẫn bảy trẻ con, rách rưới, đói khát trên đường chạy nạn, xin phép các trưởng làng để được trú ngụ. Đêm xuống quanh bếp lửa, những người tị nạn kể lại sự tàn ác của người Thái trong cuộc tàn sát người Hmong. Khu vực Sip Song là của người Thái, một khoảnh 100 cây số vuông đất vùng cao cách biên giới Lào một tầm ném đá, cai trị bởi những lãnh chúa Thái độc tài, bạo ngược với Hmong. Câu chuyện về người Thái đã man lan truyền từ làng Hmong này đến làng Hmong khác, sự ghê tởm của họ phóng đại mỗi lần kể lại, được mọi người tin là thực.

Tháng 6 năm 1918 khi đội ngũ Hmong đầu tiên từ trên những ngọn núi tràn xuống chiếm cứ Sip Song, tấn công thị trấn Lai Châu, vùng cực Bắc của sắc dân Thái và Sơn La, vùng cực Nam. Sự cuồng nộ của cuộc cướp phá ấy một phần do lòng căm ghét người Thái nhưng phần nhiều là vì niềm tin vào một hoàng đế Hmong đã xuất hiện. Hmong chuẩn bị một cuộc giải phóng. Hàng trăm người đã rời làng mạc đi tìm và bày tỏ lòng thần phục vị cứu tinh này. Tại một làng Hmong hẻo lánh, một phụ nữ tự xưng là nữ hoàng của các bộ tộc Hmong. Dân thuộc bộ tộc của bà đổ xô đến làng của bà để yết kiến. Hiếu kỳ, người Pháp mở cuộc điều tra và sau cùng nhận định rằng đó chỉ là hiện tượng quá cuồng nhiệt của quần chúng.

Một tu sĩ Thiên Chúa giáo có thiện cảm với Hmong cảnh giác người Pháp rằng đó không đơn giản là một hiện tượng quần chúng cuồng nhiệt. “Toàn thể sắc tộc không thể trở nên cuồng tín một sớm một chiều mà không có nguyên nhân rõ rệt, bị cuốn hút bởi sự thuyết giảng của vị pháp sư đầu tiên của họ.” Vị linh mục khuyến cáo rằng nguyên nhân chính là sự căm phẫn vì ức chế quá lâu. Các thổ hào Thái buộc Hmong đóng thuế nặng gấp 3 lần quy định của chính quyền Pháp : 5 Đồng hay 200 grams thuốc phiện cho mỗi xuất đình. Hmong phải chiêu đãi viên chức thuế người Thái và để họ ăn nằm với các cô gái đẹp nhất trong làng.

Người Pháp làm ngơ khuyến cáo của vị linh mục. Hàng nhiều thập niên đã có một luật lệ bất thành văn làm ngơ sự bóc lột của người Thái. Nhìn nhận

sự áp bức có nghĩa thừa nhận sự thông đồng của người Pháp. Nhưng một khi phúc trình bắt đầu rỉ ra khắp Sip Song xác nhận Hmong đang chuẩn bị tổng khởi nghĩa, chính quyền thuộc địa đồ xô đến mở cuộc đàm phán với các trưởng làng Hmong, hứa hẹn sẽ điều tra sự áp bức của người Thái. Người Hmong muốn hơn thế. Họ yêu sách tất cả viên chức trung gian giữa Pháp với Hmong phải được thay thế bởi Hmong, đại diện cho Hmong. Vị lãnh chúa người Thái ở Sip Song là Đèo Văn Kháng, hậu duệ của một gia phả cai trị lâu đời bộ tộc Thái. Thuế bất hợp pháp đánh trên người Hmong làm ông có thêm lâu đài, kiệu khiêng ngày một tráng lệ. Nếu cuộc đàm phán thành công và Hmong được tự trị, ông ta sẽ mất hàng nhiều ngàn thỏi bạc. Để phá vỡ hòa bình bất lợi này, Đèo Văn Kháng xua quân cướp phá các làng Hmong. Các trưởng làng Hmong khiếu nại với chính phủ thuộc địa, yêu cầu bảo vệ. Người Pháp thương cảm, nhún vai và như thường lệ, không làm gì cả.

Pa Chay.

Ở một làng gần Điện Biên Phủ, khoảng 300 người Hmong tụ họp thành một đội quân. Đầu lĩnh của họ là Pa Chay, một người hoàn toàn vô danh với nhà cầm quyền Pháp. Ông không có tên trong hồ sơ những kẻ phạm pháp, ngay cả trong sổ tay của xã trưởng. Tên của ông không có trong hồ sơ lý lịch của các nhà chính trị, các đảng cướp, lưu trữ trong phòng hành chánh tỉnh.

Một cách thiếu may mắn, Pa Chay khó trở thành vị thiên sứ giảng thế cứu dân tộc. Mang họ Vue, sinh trưởng tại Vân Nam gần biên giới Miến Điện, ông mồ côi từ thuở nhỏ. Vừa mới lớn, ông di cư sang Bắc Việt Nam để tìm bà con ở Na Ou, một làng miền núi gần Điện Biên Phủ. Vue Song Tou, trưởng làng, nhận Pa Chay làm con nuôi. Na Ou là một làng nghèo, và trong một làng nghèo thì trưởng làng cũng phải ra đồng làm rẫy. Pa Chay cũng vất vả như bao người, đo kính trọng bằng mồ hôi và những vết chai trong lòng bàn tay. Ông không có bùa phép, không được thiên sủng mặc khải và không biết đọc biết viết.

Lúc ấy là trước thời nổi loạn ở Vân Nam, Quế Châu (1917 đã kể ở trên) và trước khi có lời đồn đại về một hoàng đế Hmong sắp quang lâm. Đột nhiên Pa Chay biến đổi. Trong một giấc mơ, ông lên Trời và yết kiến với Chue Chao. Đáng cứu thế Chue Chao dạy ông đọc và viết chữ Hmong, mà một thời đã thất truyền. Vị Chúa Trời này còn ra lệnh cho ông mộ một đội quân đánh đuổi người Thái (không phải Thái Lan mà là Thái thiểu số miền núi) ra khỏi khu vực Điện Biên Phủ và kiến tạo một vương quốc Hmong độc lập.

Dù mong mỏi đáng cứu thế, người Hmong ở Na Ou không thấy Pa Chay có gì lạ. Để lấy lòng tin, Pa Chay vọt lên mái nhà bằng một bước nhảy và mang xuống một rô trứng thần diệu, tự phục hồi nguyên vẹn sau khi ông đã đập vỡ trong cái cối xay gạo. Sự việc này có thể là xảo trá nhưng khi Pa Chay viết những chữ kỳ lạ trên một mảnh vải, nói rằng đó là chữ “quốc ngữ” Hmong thì dân làng tin hẳn. Những người lân cận đổ xô đến Na Ou chiêm ngưỡng phép lạ, một số không trở về vì tình nguyện đầu quân vào đội quân giải phóng của Pa Chay.

Pa Chay dẫn lực lượng nhỏ bé của mình sang hướng Tây, vượt biên giới sang Lào, chiếm đóng dọc theo đường thuộc địa 41. Đường này chạy từ đầu đến cuối Sip Song, nó là trục lộ chính vận chuyển hàng hóa thương mại và quân sự. Người Pháp không thể để nó lọt vào tay phiên loạn. Một đội quân Pháp tiến vào vùng này hầu tái chiếm con đường. Pa Chay phục kích và đuổi họ về Lai Châu (VN). 70 dặm về phía đông, ở Yên Bái, một đoàn quân đông hơn, mở cuộc hành quân giải tỏa trục lộ. Đoàn quân này hành quân trên đường 31, được vẽ bằng những dấu gạch rời, biểu hiệu đường mòn. Nó không xứng với gạch rời. Nhiều đoạn cỏ hoang mọc kín, lộ bộ rất cực nhọc. Phải mất một tuần cho lính Pháp để đi đến nơi.

Trong khi ấy Pa Chay càn quét Muong Phang, một thị trấn của người Thái

và thiêu rụi nó. Phía Tây của làng này là thung lũng Điện Biên Phủ, một cứ điểm trọng yếu của người Thái bao quanh bởi những làng và thị trấn. Pa Chay xông vào tận nơi, đốt phá, cướp bóc dọc đường tiến quân.

Khi quân Pháp rút cuộc đến từ Yên Bái, Pa Chay đã rời thung lũng lên núi, cướp bóc tàn sát dọc đường. Lính Pháp đuổi theo nhưng Pa Chay nhanh hơn. Cuối cùng quân Pháp bỏ cuộc truy nã.

Các viên chức Pháp đến Điện Biên Phủ ngay sau đó, kiểm điểm thiệt hại và lượng định giải pháp. Họ quyết định điều đình thay vì dùng võ lực. Qua trung gian Hmong, họ tiếp xúc với Pa Chay và bắt đầu nói chuyện. Pa Chay không nhượng bộ trên mọi vấn đề. Người Pháp dụng tâm kéo dài điều đình bằng những thủ đoạn ngoại giao hầu làm Pa Chay ngả lòng nhượng bộ. Không kèm chế được nóng lòng, Pa Chay hành quyết người điều đình. Hành động này làm người Pháp nổi giận, quyết tâm trừ khử Pa Chay bằng mọi giá.

Trận đánh chính yếu đầu tiên giữa Pháp và Pa Chay trên những ngọn núi gần Na Ou. Người Pháp điều động binh sĩ thuộc địa người Việt Nam từ Sơn La, Yên Bái, trang bị hùng mạnh chỉ huy bởi các hạ sĩ quan Pháp đầy tự tin. Sau 2 ngày giao tranh đẫm máu với nhiều người chết và bị thương, lính thuộc địa rút lui không kèn không trống. Nhiều cuộc giao tranh khác tiếp theo. Du kích Pa Chay lăn đá xuống đoàn quân đang leo núi, phục kích họ ở những hiểm địa cây cối chằng chịt, bắn tên độc hay đạn súng hỏa mai vào đoàn lính, gây đau đớn lâu trước khi chết. Tồn thất phía loạn quân được coi là nhẹ. Họ tin rằng đó là nhờ phép của Pa Chay và thần linh phù trợ.

Trong những đợt sơ khởi này, một trinh nữ Hmong dẫn đầu đội quân vào trận tuyến. Cô tên là Nzoua Ngao, 17 tuổi và đồng trinh đúng theo yêu cầu của truyền thuyết. Trong lúc chiến đấu, cô đứng giữa trận tuyến vẩy một lá cờ trắng lốm đốm xua đuổi lẫn đạn. Quân Pa Chay dặt trong túi lá cờ nhỏ vẽ bùa yểm hộ mọi nguy hiểm. Quân Pa Chay cũng uống nước thánh

trước khi lâm chiến, một thuốc thần khiến họ không thể bị thương vì trúng đạn của Pháp.

Trong khi Pa Chay tung hoành giữa chiến trường, một người Hmong thứ nhì tự xưng là Thiên Sứ trong truyền thuyết. Lý lịch trong hồ sơ thuộc địa chỉ vồn vện cái tên “Camxu,” ông chiêu mộ quân sĩ và đánh phá một số làng người Thái ở Tây Bắc Điện Biên Phủ trước khi rút quân về vùng núi non hiểm trở ở Long He. Người Pháp điều thêm binh tấn công chiến khu của ông. Khi chiến trận trở nên khốc liệt, lính của Camxu rã ngũ và ông bị bắt làm tù binh.

Chiến thắng của người Pháp ở Long He là bước ngoặt của chiến tranh. Sau gần 2 năm đánh trận trên vùng núi, bọn lính thuộc địa trở nên thiện chiến. Sau khi thám sát được cứ điểm của Pa Chay ở Ban Nam Ngan, người Pháp tập trung lực lượng, có cả trọng pháo được kéo lên sườn núi, tấn công lên đỉnh. Các khẩu đại bác phá tung thành lũy của Pa Chay, phơi bày mục tiêu sống dưới họng súng của bọn lính thuộc địa. Pa Chay cố mở đường máu. Bên trái, bên phải, đằng trước đằng sau, Pa Chay thấy thuộc hạ lần lượt gục ngã. Tuy thế, ông trốn thoát trùng vây không hề hấn. Pa Chay chạy về hướng nam trên vùng cao Sơn La, nơi ông lại mộ quân, làm phép lạ, phát cờ thiêng. Trước khi ông có dịp thử thách đội quân mới trên chiến trường, người Pháp truy ra tung tích ông và dốc toàn lực tấn công.

Phiến quân di chuyển sang Lào.



Làng Hmong. Chú ý: luôn ở trên đỉnh núi

Tháng Sáu năm 1920. Pa Chay lội bộ hết lên rồi xuống dọc Sip Song trong cái nắng oi ả nhiệt đới và cái mưa mùa tầm tã. Ông trốn tránh người Pháp và đột kích họ nhờ vào tin tình báo của dân làng, cũng chính là nguồn cung cấp lương thực, sung quân. Lòng dân tối quan trọng vì không có chỗ an toàn nào vì đây là lãnh thổ của người Thái. Cộng đồng Hmong giống như hòn đảo nhỏ trong muôn trùng người Thái. Ngang qua biên giới đông Bắc Lào người Hmong mới đông đảo và Pháp chỉ có một lực lượng tượng trưng ở đấy. Trong tình trạng quân Pháp theo bết gót, Pa Chay bỏ đồng đội và vượt biên giới sang Lào.

Khi ông tới, Hmong ở Phong Saly, Sầm Nứa và Xiêng Khoảng đã trào sôi lửa hận. Chán nản vì sưu thuế, nhục nhã vì cưỡng bách lao động, nhiều người chực chờ nổi dậy, dù có Pa Chay hay không. Ông được tiếp đón như một vị vua và đáng cứu độ. Nhiều người Hmong mang cung tên, súng hỏa

mai tình nguyện đầu quân cho một cuộc thánh chiến họ biết sẽ xảy ra. Việc chuyển địa bàn từ Việt sang Lào là cả một thất bại chiến lược cho Pháp. Chỉ vài năm trước họ có 5000 binh sĩ ở Bắc Lào, được điều động để đánh tan một lực lượng thổ phỉ gồm 3000 người Thái và Trung Hoa, chuyên vượt biên sang Việt Nam cướp bóc. Người Pháp dùng trọng pháo đánh bật chúng ra khỏi hầm hố rồi dồn dập tấn công bằng bộ binh. Hầu hết bọn thổ phỉ chạy sang Tàu nhưng một số bị bắt và xử tử thị uy, một biện pháp được cho là có hiệu quả trong dân chúng. Chỉ còn lại một bộ phận nhỏ làm nhiệm vụ canh sát khu vực và như một nhắc nhở đến hình ảnh đội hành quyết người Pháp. Vấn đề bất ổn dự kiến khó có thể tái diễn.

Đặt chân lên đất Lào, Pa Chay lập bộ chỉ huy trên mặt bằng núi Phoi Loi, một vị trí nhiều lợi điểm chiến thuật. Tọa lạc 30 dặm Bắc Cánh Đồng Chum, nó nằm giữa 2 tỉnh Sầm Nứa và Xiêng Khoảng, thành một trung tâm địa dư lý tưởng cho sắc dân Hmong tại Lào. Cao nguyên Phoi Loi cũng gần đường 6, trục lộ quân sự của người Pháp dùng để chuyển quân vào giữa lòng dân cư Hmong. Nếu Pa Chay làm chủ con đường, ông có thể cắt đứt nguồn tiếp liệu và chặn đứng sự chuyển quân của Pháp, trong khi tự do di chuyển lực lượng của mình dọc theo trục Bắc Nam không bị cản trở.

Phoi Loi có thêm một đức tính nữa. Mọi con đường dẫn đến nó toàn là rừng rậm chằng chịt khiến tầm nhìn chỉ xa được vài mét. Mọi địa thế đều lý tưởng cho những cuộc phục kích.

Lãnh thổ người Hmong ở Lào phỏng chừng 25 ngàn dặm vuông trên đỉnh núi. Rải rác vài nơi như Nong Het, gần biên giới Việt Nam định cư một số dân khoảng 1000 người. Những làng mạc thì nhỏ và cô lập, chỉ chừng 40 nóc gia hoặc ít hơn. Để xây dựng và cung cấp nhân lực cho quân đội, hàng trăm làng Hmong phải được động viên cho nhu cầu chiến đấu. Pa Chay rời Phoi Loi, vượt núi băng ngàn, gửi giao liên đi trước để thông báo cho dân làng vị cứu tinh sắp đến. Hàng trăm, đôi khi hàng ngàn từ những nơi lân cận, tụ họp đón chờ tin mừng.

Pa Chay không làm họ thất vọng. Ông làm phép thuật và cắt nghĩa đường

hướng chính trị trong “sách viết bằng chữ Hmong”, đọc sấm truyền về một vương quốc Hmong kiêu hùng, dậy lên từ những đôn lũy đồ nát của thực dân Pháp, và từ những tro tàn của làng mạc người Lào, người Thái. Vì mù chữ, không ai có thể đọc được sấm truyền này nhưng nó là một niềm vui mừng, hãnh diện vô cùng khi đặt ngón tay dò từng dòng chữ thiêng liêng chứa đựng khát vọng độc lập từ lâu ấp ủ. Đứng trên gò cao, có khi leo lên cây, Pa Chay luôn trong vị thế gần Trời hơn quần chúng. Từ trên cao, ông giảng dạy sự tinh túy văn hóa, cho rằng chỉ những ai giữ được truyền thống tổ tiên mới xứng đáng được Chue Chao (Chúa Trời của Hmong) phù hộ. Và ông tuyên bố một điều ai cũng đã tin : Ông chính là Chao Fa (Thiên Tử)

Pa Chay không dám nhận danh vị này trong cuộc khởi nghĩa ở Sip Song. Nơi ấy ông chỉ nhận là kẻ dọn đường cho Thiên Sứ (Messiah.) Có lẽ một mặc khải đã làm ông đổi ý hay có lẽ sự kính trọng dành cho ông quá nhiều khiến ông thấy rằng chức vị kẻ dọn đường cho Thiên Sứ chưa đủ. Dù thế nào chăng nữa, Pa Chay bây giờ có niềm tự tin của một đấng tiên tri từ Trời xuống thế. Ông chiêm nghiệm một vương quốc Hmong trải rộng từ Điện Biên Phủ hướng Đông sang rặng núi Phu Bia hướng Nam và vươn dài thẳng lên tỉnh Phong Saly hướng Bắc.

Mọi người run rẩy vì xúc động. Nước mắt chảy dài trên gò má phong sương, khô ải của phụ nữ. Toàn thể dân chúng thể sẽ hy sinh đến giọt máu cuối cùng cho cuộc thánh chiến vĩ đại giải phóng họ thoát gông cùm của người Lào và người Pháp. Thanh niên tình nguyện đầu quân. Già, trẻ, nam, nữ đảm nhận công tác tình báo cho quân đội giải phóng Pa Chay. Những ông chồng gở nữ trang trên cổ vợ của mình; những bô lão đào những thỏi bạc (tiền Hmong) chôn giấu trong rừng; kẻ thì lục lọi những bánh thuốc phiện đem lại chất thành đồng dưới chân Pa Chay. Đoàn quân giải phóng thành lập từ lúc này.

Dù người Pháo có một số ít lính chính quy trong khu vực để đương đầu với lực lượng Pa Chay, họ vẫn có 3 lữ đoàn vệ binh bản xứ (Garde Indigène)

cơ hữu để ngăn chặn phiên loạn. Một lữ đoàn đặt dưới quyền viên công sứ tỉnh Xiêng Khoảng. Hai lữ đoàn còn lại đồn trú tại phía cực bắc Lào, Phong Saly và Sầm Nứa trong nhiệm vụ quân đội cơ hữu địa phương (cơ hữu là quân đội riêng, không trực thuộc quân đội chủ lực.) Từ mùa Hè năm 1920 qua mùa Thu năm 1921, các thành phần của 3 lữ đoàn đụng độ với lực lượng Pa Chay. Lính vệ binh tuần tiểu lọt ổ phục kích; đá lăn xuống hẻm từ trên cao, mảnh đại bác xé nát đội hình của họ.

Đại bác là sự kiện ngạc nhiên. Người Việt Nam, Thái, Lào thuộc lữ đoàn 2, 4, 5 vệ binh chấp nhận chiến đấu và tự trấn an rằng vũ khí hiện đại của Pháp sẽ áp đảo được hỏa lực thô sơ gồm súng hỏa mai và cung tên của Hmong. Nếu đá lăn chỉ có tác hại tâm lý hơn là tổn thất nhân mạng thì đại bác hoàn toàn cướp tinh thần lính bản xứ.

Thuốc súng tự chế biến cho đại bác. Pa Chay tàng trữ hàng tạ thuốc nổ, chế bằng tinh lọc nitrates từ phân dơi trộn với than và lưu huỳnh. Nó là phân lượng cổ truyền được dạy cho Hmong ở Quế Châu 300 năm trước bởi một phản tướng Trung Hoa tên Hwang Ming, đánh đôi bí mật quân sự lấy chỗ nương náu.

Đại bác của Pa Chay là một khí cụ thô sơ chế tạo từ thân cây khoét rỗng, ràng lại bằng sắt, độ chính xác được vài mét và chỉ văng được ít miêng – vũ khí đáng tức cười nếu so sánh với đại bác không giật 4.5 inches với tầm bắn vài ngàn mét và đủ mạnh để phá banh những công sự chiến đấu xây bằng đá tảng. Nhưng Pa Chay không bắn từ ngọn núi này sang núi khác, cũng không xoi thủng các pháo đài. Ông dùng chúng ở tầm gần, đủ sức hủy diệt, nơi chúng có thể gieo rắc kinh hoàng trong hàng ngũ địch.

Sĩ quan Pháp chỉ huy lữ đoàn chặt vật lăm trong việc ngăn chặn binh sĩ nổi loạn. Lính của họ cũng mê tín dị đoan như Hmong. Một khi nghe tin đồn Pa Chay có bùa phép thần thông quảng đại, họ suy đoán rằng tất cả bọn họ sẽ chết nơi chiến trường. Các sĩ quan chấm dứt tuần tiểu trong rừng. Thay vào đó, chỉ tuần phòng quanh đồn trại, tập trận giả để nhắc nhở rằng họ vẫn là chiến sĩ, ngay cả khi họ không muốn chiến đấu.

Sự đình chiến giúp Pa Chay củng cố mặt chính trị. Cho tới nay, chỉ có quân đội được tổ chức có quy củ. Pa Chay chia quyền với một trợ lý Hmong làng Lao Vang, xử lý thường vụ các công việc thuộc chiến tranh. Hai quý tộc Hmong, một là bà con gần với Pa Chay ở Hoei Thong và một trưởng làng Phou Gni, với chức vụ các nguyên soái chiến trường, có quân đội riêng của họ. Có một hội đồng chiến tranh từ đại biểu các thị tộc. Vài người chỉ huy các đơn vị du kích; vài người khác chỉ là quý tộc được phép tham mưu chiến lược quân sự. Chức năng chính của hội đồng là đóng góp hơn là thụ hưởng. Đó là sự liên lạc giữa Pa Chay với cấu trúc quyền lực bộ tộc và qua nó, đến các trưởng làng. Qua hội đồng, nhu cầu mộ quân, tiếp liệu, tiền bạc truyền đạt cho các làng.

Pa Chay biến tổ chức quân sự này thành mục đích chính trị. Hội đồng chiến tranh được thành lập có chức năng kép là một cơ sở hành chính. Tất cả trưởng làng chịu trách nhiệm trước thành viên hội đồng, thành viên hội đồng chịu trách nhiệm trước Pa Chay. Để khẳng định địa hạt chiến được của người Pháp thành địa hạt của mình, Pa Chay chỉ thị các tư lệnh chiến trường ngưng tác chiến, dành sức mạnh để bình định người Khmu và thanh lý người Lào. Không có ghi nhận nào về kháng chiến Khmu. Phần đông chỉ bỏ chạy. Số Khmu còn lại trở thành nô lệ, khuân vác tiếp liệu phẩm hay lao động trong những công trường xây dựng. Số phận người Lào tệ hơn. Ai sống gần biên giới Việt Nam đều bị tiêu diệt, làng mạc bị thiêu hủy, mùa màng, trâu bò bị tịch thu. Một số lớn người Lào ngụ bên hữu ngạn sông Nam Ou, bây giờ thành biên giới thực tế (de factor, hiện thực dù đúng hay sai) phía Tây nước Hmong của Pa Chay. Trước khi du kích phóng hỏa đốt nhà của họ, người Lào băng qua sông tị nạn, bỏ ruộng đất cho người Hmong.

Kể đến Pa Chay chú tâm đến người Hmong không chịu cộng tác trong cuộc thánh chiến. Hàng ngàn người không muốn con em thiệt mạng trong cuộc chiến chống Pháp, hay không đóng góp những thỏi bạc quý giá dành dụm cho việc cưới xin, bảo đảm việc nối dõi. Du kích đến những làng có thái độ

trung lập, đạn lên nòng, tên trên ná. Rất hiếm có làng nào không tuân theo cách mạng khi nhìn thấy toán du kích này và hiến dâng thuốc phiện, bạc nén cho chính nghĩa cũng như góp vài thanh niên gọi là tình nguyện nghĩa vụ quân sự.

Pa Chay cũng theo đuổi những con mồi lớn hơn. Một số trưởng làng lo ngại quyền lực của Pa Chay đe dọa đến quyền lực của họ. Vài người chống đối bằng miệng, ngăn cản dân dưới quyền tham gia phiên loạn. Kẻ chống đối dữ dội nhất là Lo Blia Yao, hạt trưởng thị tộc Lo kiêm xã trưởng Nong Het. Lo Blia Yao được viên công sứ De Barthelemy, dòng dõi quý tộc cất nhắc lên chức vụ ấy, với tinh thần nghĩa vụ cao quý. Barthelemy đơn độc tỏ bày mối quan tâm cho nhiều người Hmong trong những thông báo chính thức. Cảm nhận được sự bóc lột, áp bức truyền thống của viên chức Lào đối với Hmong, ông thúc đẩy các nhà chức trách gia tăng quyền tự trị cho họ. Nhờ Barthelemy, Lo Blia Yao tin rằng còn đường giải phóng dân tộc là hợp tác với người Pháp chứ không phải chống đối. Cũng một điều nguy hiểm là nếu cuộc cách mạng của Pa Chay thành công, thủ cấp của Barthelemy sẽ bị bêu, uy tín cũng như tài sản của Lo Blia Yao sẽ qua tap Pa Chay hay một trong thuộc hạ của ông.

Lo Blia Yao dùng mọi cách để ngăn chặn sự nổi loạn bén rễ trong xã của mình. Trợ lý của ông theo dõi mọi sự trong các làng. Hmong bị phát giác liên hệ đến phong trào Thiên Sứ, hay can dự đến việc mộ quân, đều bị đánh đập, đôi khi xử tử. Không phải ai cũng tuân theo. Cháu của Lo Blia Yao, Lo Song Zeu, nhiều năm phụ tá cho chú họ, gia nhập phong trào và mộ quân tại Nong Het ngay trước mắt Lo Blia Yao. Ông tìm mọi cách lung lạc người cháu nhưng Song Zeu đã thu phục được lòng người cho đến nỗi dù bị đe dọa hay được mua chuộc, họ không hề tiết lộ hoạt động hay lộ trình vi anh hùng dân tộc của họ.

Vì mối hận thù cậu cháu, âm mưu ám sát Lo Blia Yao của Song Zeu là điều tất nhiên. Song Zeu xuống núi và lên đến tư dinh của cậu ở Pak Lak. Sau khi bao vây tòa nhà, Song Zeu gọi cậu ra. Lo Blia Yao đối diện với cháu

đầy vẻ khinh miệt. Du kích của Song Zeu, tất cả mang họ Lo, thối lui, mắt nhìn xuống đất trước sự xuất hiện của trưởng tộc (Lo Blia Yao là trưởng tộc thị tộc Lo, một dòng họ lớn của bộ tộc Hmong). Song Zeu ra lệnh bắn nhưng không một khẩu súng nào dương lên. Lo Blia Yao bước vào nhà mặc mọi người đứng nhìn theo, trên trời.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 4



Những cái chum ở Cánh Đồng Chum

Người Pháp chiến thắng.

Trong khi Pa Chay củng cố quyền lực, những tiểu đoàn vệ binh bản xứ mất tinh thần tiếp tục bám vào cứ điểm phòng ngự một cách an toàn. Báo cáo về tình trạng mất tinh thần của các lữ đoàn và sự thống trị của Pa Chay trên một địa hạt trải dài từ sông Nam Ou đến biên giới Việt Nam thuyết phục

nhà cầm quyền Hà Nội rằng việc điều thêm quân tinh nhuệ là cần thiết và cấp bách. Tuyển chọn từ những tiểu đoàn thiện chiến nhất ở Sài Gòn và Hà Nội, họ điều động một lực lượng gồm 4 đại đội chính quy, tăng cường những đơn vị sơn pháo kinh nghiệm tiến sang Lào.

Họ đặt tên cho cuộc hành quân này là chiến dịch thăng điên (La Guerredu Fou.) Phát động vào cuối năm 1920, nó là cuộc hành quân lớn nhất Đông Dương thời đó. Người Pháp đóng quân của họ ở Xiêng Khoảng và Sầm Nứa để tái lập kiểm soát đường 6. Khi đã không chế được trục lộ này, họ cắt nguồn tiếp liệu của Pa Chay khiến lực lượng phiến loạn mất liên lạc và mất nguồn tiếp tế. Kể đó, người Pháp thanh toán dần từng đơn vị.

Trong thời hạn 3 tháng chiến đấu dữ dội, đặc biệt Hmong lúc này đã võ trang tốt hơn. Những con buôn Tàu vượt biên giới sang Lào với những đoàn ngựa thồ hàng hóa trong đó có súng ống của quân đội Trung Hoa và bán tất cả mọi thứ cho phiến quân. Dù với hỏa lực như thế, phiến quân cũng không thể địch lại các khẩu sơn pháo có sức mạnh phá tan các đồn lũy trên núi, buộc phiến quân phải chiến đấu trực diện, không ẩn náu, nơi các đội xạ thủ thiện nghệ đón họ ngã gục. Tháng Ba năm 1921, người Pháp đã bẻ gãy xương sống của phiến quân. Nhà tù thị trấn và trại tù binh khắp tỉnh Xiêng Khoảng và Sầm Nứa tràn ngập tù binh phiến loạn.

Vẫn tại ngoại, Pa Chay rút lui về Phoi Loi làm cứ điểm cuối cùng. Ông lây lất được một thời gian nhờ những đoàn thương buôn Tàu thỉnh thoảng tiếp tế qua sự móc nối của đồng bào của ông tại Việt Nam. Nhưng sau tháng cuối cùng chiến đấu trong tuyệt vọng, ông chấp nhận bại trận và chạy về hướng Bắc cùng với vợ và 3 con, đến Phong Saly.

Dù Pa Chay đã bỏ cuộc, Hmong vẫn tiếp tục chiến đấu lần nữa nhờ sự tiếp tế của những làng ủng hộ lý tưởng của họ. Để triệt tiêu nguồn yểm trợ địa phương, người Pháp phát động một chiến dịch có thể coi như tiền thân của

“ấp chiến lược” thời chiến tranh Mỹ Việt Cộng sau này. Sau khi thiêu rụi mùa màng miền cao, người Pháp di cư toàn thể dân làng tới các trung tâm dân cư an ninh, nơi họ không bị phiền quân lợi dụng nữa. Chương trình bình định là một thành công lớn. Chỉ đến cuối mùa hè, tất cả mọi nơi đều dưới sự kiểm soát của chính phủ.

Một chi tiết cuối cùng chưa nói đến. Viễn ảnh một khởi nghĩa tái diễn trong tương lai khi Pa Chay còn sống, người Pháp ra giải thưởng cho thủ cấp của Pa Chay. Thực ra, chắc ăn hơn, họ muốn thấy cái đầu Pa Chay trước khi trao giải thưởng. Tháng 11 năm 1921, một nhóm thuộc hạ cũ của ông, hạ sát ông trong rừng, nơi ông trú ẩn gần biên giới Lào-Trung Hoa.

Công sứ Barthelemy tổ chức một hội chợ trọng đại để mừng chiến thắng, với sự tiếp tay của Lo Blia Yao. Hàng ngàn người trẩy hội với đủ mọi sắc phục truyền thống ăn cơm nếp với thịt gà nấu, lợn, bò nướng. Khoảng 5 giờ chiều, binh sĩ Pháp giải 12 tù binh phiến loạn ra, tiến hành tiết mục bế mạc ngày hội. Trói tù binh vào cọc, dàn một đội xạ thủ hành quyết, xử tử họ. Trong khi cuộc xử tử gây trấn áp, người Pháp khẳng định quyền cai trị của họ.

Sau đó nhiều cuộc hành quyết khác cũng như những vụ bồi thường diễn ra. Barthelemy đích thân tổ chức các phiên tòa quân sự cho các tù binh Hmong chủ chốt trong cuộc nổi loạn. Ông xử kết án tử hình 3 người và chủ tọa các cuộc xử bắn. Theo lệnh Hà Nội, Barthelemy bắt Hmong bồi thường thiệt hại tổn thất trong cuộc chiến, nạn nhân mất nhà cửa, mùa màng, các nạn nhân Lào, Việt Nam, Thái bị thủ tiêu v.v...Định giá một sinh mạng là 50 đồng và nắm được con số tổn thất nhân mạng, viên chức cầm quyền ở Hà Nội nắm được tổng số tiền thu được từ bồi thường, sau này bao gồm những công sở bị cháy và trâu bò mất trộm. Người Pháp thu được nửa tấn bạc thỏi, dù người Hmong chơi trò chống đối cuối cùng bằng cách giao nộp những quặng bạc kém phẩm chất đúc thành thỏi bạc.

Cải cách chính trị.

Với những đầu lĩnh phiến loạn chết và bạc nén của Hmong nằm trong kho, các nhà cầm quyền chuyển các biện pháp xây dựng sang bình định Hmong, ủy nhiệm một điều tra thăm dò đề nghị của công sứ Barthelemy nhằm tăng quyền tự trị của Hmong. Sự nghiên cứu chủ yếu là bãi bỏ các viên chức trung gian Lào và Thái. Song song với việc ấy là thay thế vào các viên chức Hmong trong khuôn khổ hoàn toàn tự trị. Trong một thời hạn ngắn ngủi, cuộc nghiên cứu trở nên chính sách hành chánh. Sau cuộc kiểm kê dân số, tất cả các giới hạn địa hạt xã ấp được ấn định lại phản ánh nhân số Hmong. Bằng sắc lệnh, dân làng được quyền tuyển chọn trưởng làng, và trong các xã ấp, người Hmong được bầu xã trưởng.

Phòng thủ những quyền lợi cộng với sức mạnh của truyền thống của Lào, bảo đảm sự thực thi việc cải tổ khó toàn hảo, các viên chức Lào tiếp tục áp đặt quyền uy trên đời sống Hmong. Dù vậy, số người Hmong tham gia các chức vụ chính quyền ngày càng đông đảo. Trong vòng 15 năm, đã có 17 xã trưởng và nhiều cộng đồng Hmong có trưởng làng do họ bầu cử.

Âm hưởng phong trào Thiên Sứ.

Năm năm sau khi cải tổ, phúc trình của các viên chức trực tiếp địa phương cho thấy cộng đồng Hmong khắp đất nước Lào nói chung đã ổn định, và an bài theo hướng chính phủ thuộc địa. Mặc dù phúc trình chính xác một cách tổng quát, người Pháp vẫn không thấy lượn sóng ngầm của phong trào Thiên Sứ còn âm ỉ. Tám năm sau khi Pa Chay chết, một pháp sư thị tộc Lo tên Xay Vang dẫn đệ tử đến Nong Het xây một đài làm cái cầu bắc lên Trời. Ông trù tính leo lên đây khẩn cầu Chúa Trời giúp Hmong chống Pháp. Lo Blia Yao thủ tiêu vị pháp sư trước khi Thông Thiên Đài được xây cất.

Một năm sau, một pháp sư khác tên Xiong Yi Shi bắt đầu rao giảng chủ nghĩa Thiên Sứ cho cộng đồng Hmong trên rừng Phu Bia. Tự xưng làm chủ linh hồn của thần Lợn Lòi Chue Chao trong truyền thuyết cuộc khởi nghĩa 1917 Nam Trung Hoa, vị pháp sư mộ được một lực lượng du kích và tấn

công các đồn trại Pháp dưới chân núi. Em gái ông tham gia trận đánh, vấy lá cờ thần đánh bật lần đạn quân địch. Dân làng Phu Bia đóng góp bạc nén và nữ trang cho lý trưởng dân tộc, Xiong Yi Shi nấu chảy những thỏi bạc thành những viên đạn với niềm tin rằng đạn bằng bạc tiêu diệt cả linh hồn lẫn thể xác lính Pháp. Xiong Yi Shi đem quân đến tận thủ phủ của tỉnh tấn công. Cuối cùng Pháp bắt sống được ông trong lúc đẩy lui trận tấn công làng Lat Boua gần tỉnh Xiêng Khoảng. Vệ binh bản xứ tuân lệnh Pháp tra tấn ông dã man, đánh gãy hết răng trước khi xử tử ông cùng cô em gái. Phong trào Thiên Sứ vẫn lần lữa chưa chịu lụi tắt. Lời đồn đại có một loài thảo dã huyền bí mọc trên núi, nở hoa mỏng manh màu xanh dương vào cuối mùa mưa. Người Hmong gọi nó là lúa Pa Chay, biểu tượng của tái sinh và hy vọng vĩnh cửu. Lại có tin đồn Pa Chay để lại một di sản cho Hmong: những mâm bằng đồng khắc chữ Hmong trao cho vợ, với di chúc truyền lại cho đời sau.

Lời tiên tri này có vẻ ứng nghiệm 40 năm sau khi Pa Chay chết khi năm 1966, một Hmong từ Việt Nam mang họ Yang đến Xiêng Khoảng tự nhận biết đọc chữ trên các mâm đồng đó. Ông dẫn đầu một phong trào phục hưng tín ngưỡng Hmong và nhen nhúm lại khát vọng Thiên Sứ. Sự phục hưng tín ngưỡng này đe dọa uy quyền của các lãnh tụ Hmong. Họ tổng giám nhà tiên tri. Khi ông vượt ngục, họ tung những đội sát thủ truy sát. Sau khi ông chết, phong trào chuyển vào bí mật, xuất hiện năm 1975 chống lại Lào Cộng và Việt Cộng, biểu thị rằng cánh tay chết của Pa Chay vươn ra rất xa vào tương lai.

Xung đột thị tộc. (Mối thù truyền kiếp giữa thị tộc Lò và Lý. Sau này thị tộc Lò theo cộng sản Pathet Lào, Lý theo Mỹ. Hai thị tộc này rất quan trọng trong bài.)



Lyfoung



Lò Blia Yao

Một thừa kế nhân chủ yếu của chiến tranh Pa Chay và Pháp là Lo Blia Yao. Đầu năm 1917, ông thay thế Moua Tong Ger làm xã trưởng Nong Het, biến ông thành lãnh tụ tối cao (chỉ trên danh nghĩa, không chính thức) của toàn thể bộ tộc Hmong. Đó là một sự kiện biểu hiệu một sự quay lại với hệ thống hành chính cổ truyền Hmong tại Lào. Thị tộc định cư đầu tiên ở Lào là họ Lo. Họ Moua, họ Ly đến sau, tiếp theo là các thị tộc khác. Với quyền kẻ đến trước, họ Lo thống trị các thị tộc khác về mặt chính trị. Tập tục này chấm dứt với cuộc nổi dậy (thất bại) năm 1896 kết thúc sự nghiệp chính trị của Lo Pa Sy và đưa đẩy Moua Tong Ger lên chính trường. Nhưng họ Lo vẫn giữ được ảnh hưởng nặng nề của truyền thống trong thị tộc, nên khi Moua Tong Ger cáo lão về hưu, Lo Blia Yao có thể phục hồi các đặc quyền truyền thống của dòng tộc.

Lo Blia Yao theo Pháp triệt để. Trên cương vị trưởng tộc (kai tong) ông hăng say làm việc để xây dựng một cơ sở giao thiệp tốt với công sứ Pháp, và tiếp tục tài bồi thiện chí này trong chức vụ xã trưởng. Ông ta trở nên

giàu có. Khi các trưởng làng khiêu nại về công tác lao dịch, Lo Blia Yao dựa vào đó thuyết phục công sứ Pháp tăng lương 30/100. Nhưng thay vì trả số lương tăng thêm ấy cho lao công, Lo Blia Yao đút túi hết số tiền đó. Khi người Pháp làm ngơ giả mù trước thủ đoạn lừa bịp này, lao công Hmong căm hận sự bóc lột của Lo . Một khi phong trào khởi nghĩa Pa Chay bùng nổ, nhiều người gia nhập phiên loạn chỉ vì muốn tiêu diệt Lo Blia Yao. Bây giờ Pa Chay chết và người Pháp vẫn hồi quyền cai trị, Lo Blia Yao sắp đặt để trả thù. Người Pháp giúp đỡ bằng cách ban phát thêm nhiều quyền hành. Sau khi ban tặng Lo Blia Yao với huân chương quân đội (7 huân chương ông ta hãnh diện đeo trên ngực áo mỗi dịp lễ hội) viên công sứ nâng Nong Het từ xã lên hạt và bổ nhiệm Lo Blia Yao làm hạt trưởng, một chức vụ cao nhất của Hmong trong hàng quan lại cả nước. Hạt mới được sát nhập thêm vào vài làng lớn ven biên, nâng tổng số cư dân dưới quyền Lo Blia Yao lên đến khoảng 6 – 7000 người, và vì vị thế quan lại duy nhất người Hmong, quyền hành gián tiếp bao trùm hầu hết các làng Hmong giữ Nong Het và Xiêng Khoảng.

Hành động đầu tiên với cương vị hạt trưởng là tổng tiền để thả các phiên quân trong tù. Các gia đình nộp một khoản tiền nhỏ để mua lại tự do cho chồng, con, anh em... Với số tiền ấy, Lo Blia Yao xây một tư dinh hai tầng lầu bằng đá, kiểu Âu Châu, nơi 4 người vợ, 50 đứa con và bà con ruột thịt cư ngụ. Ông cũng mua thêm bò cho trang trại đã có sẵn hàng ngàn con của ông trên những đồi cỏ gần tư thất mới của ông ở Pak Lak. Một người tù không được thả lại là đứa cháu phản loạn của ông, Lo Song Zeu, kẻ tha chết cho ông chú hồi phong trào Pa Chay đang lên cao. Mặc dù dân chúng đòi thả Song Zeu vì anh ta vẫn được ngưỡng mộ như anh hùng dân gian, và cộng với tiền nạp mạng của gia đình, Lo Blia Yao không thể tha thứ mưu toan ám sát của người cháu. Song Zeu chết trong nhà tù Xiêng Khoảng. Có tin đồn là bị lính gác đầu độc.

Trong khi có vẻ không có gì che khuất được hào quang của vì sao đang mọc Lo Blia Yao, một thảm cảnh gia đình xảy ra năm 1922 thay đổi hoàn

toàn cuộc đời chính trị của ông. Năm ấy, đưa con gái yêu dấu nhất của ông tên May tự tử. Bốn năm trước cô lấy chồng tên Ly Fong. Lo Blia Yao cho rằng con gái ông tự tử vì thất tình.

Từ ban đầu Lo Blia Yao đã không bằng lòng cuộc hôn nhân này. Ly Fong đã gần ngũ tuần, lại có 2 vợ và là một người nhiều tham vọng. Lo Blia Yao tin rằng Ly Fong cưới con gái mình chỉ vì tài sản và hồi môn. Nhưng May đã phá hỏng ý định của cha và đồng lõa trong việc dàn cảnh vụ bắt cóc nàng – tập tục Hmong, chỉ bắt cóc mới có thể cưỡng ý cha mẹ. Để gỡ thế diện Lo Blia Yao thách cưới bằng một giá quá cao, buộc Fong phải ở rể, làm lụng như một người làm công. Lo Blia Yao không ngờ đó cũng chính là ước muốn của Ly Fong. Từ lâu Fong đã tìm mọi cách lọt vào gia đình ấy. Fong làm thư ký riêng cho cha vợ và không bao lâu, học được cách làm việc với người Pháp của ông ta. Lo Blia Yao có lẽ sẽ giao phó những chức vụ quan trọng hơn cho con rể, nhưng tình thân trở nên nguội lạnh khi ông biết chàng con rể có tật đánh vợ. Khi May nuốt thuốc phiện tự tử, Lo Blia Yao cách chức Ly Fong và cắt đứt mọi liên hệ với họ Ly.

Căng thẳng giữa họ Ly và Lo kéo dài tới 6 năm sau. Lo sợ rằng sự thù nghịch sẽ đưa đến xung đột vũ trang, người Pháp tái cải tổ hạt Nong Het thành 2 xã lớn là Keng Khoai và Phac Boun, bỏ một hạt trưởng lấy 2 xã trưởng vì như thế, quyền lực được san sẻ giữa hai thị tộc. Keng Khoai thuộc họ Lo, Phac Boun thuộc họ Ly.

Lo Blia Yao tiếp tục làm xã trưởng nhiều năm và ngày càng già yếu. Con cả của ông là Lo Song Tou thay ông làm xã trưởng Keng Khoai. Ly Fong cũng già và nghĩ đến việc kế vị. Ba vợ của Ly Fong có nhiều con trai nhưng đứa con trai út là con của May thì thông minh khôn khéo nhất, tên Ly Fong Touby, đầy triển vọng. Ly Fong đã sắp đặt tương lai cho Touby nhưng hiện giờ thì con trai cả được kế vị xã trưởng Phac Boun. Mỗi gia thù giữa Ly Fong và Lo Blia Yao đã chính thức truyền sang đời thứ hai.

Fong không để lại mọi thứ cho các con trai. Năm 1931 ông tự hành động một mình để triệt hạ Lo Blia Yao. Lo Blia Yao vẫn ăn chặn tiền lao công

và Ly Fong tố giác ông ra tòa. Đối với Lo Blia Yao, đó là mối nhục lớn. Trong một phản ứng đầy thách thức, Lo Blia Yao xúi một số trưởng làng ngưng bán thuốc phiện cho các viên chức thu mua của chính quyền. Người Pháp không buồn lưu ý. Ai cũng biết Lo Blia Yao nghiện rượu và thuốc phiện. Kiên nhẫn sẽ giải quyết mọi việc.

Không đầy 2 năm sau Lo Blia Yao chết. Chức trưởng tộc Lo truyền lại cho con cả, Lo Song Tou, người thừa kế 1000 nén bạc, 2000 quan Pháp, hơn 1000 trâu bò (trị giá khoảng vài triệu Mỹ kim ngày nay). Với gia sản to lớn ấy, khó có thể tiêu phí cạn kiệt trong thời hạn ngắn. Lo Song Tou cờ bạc, cho gái, và ham mê săn bắn voi, cọp, tê giác ... xao lãng công việc. Sự trách cứ của các viên chức bản xứ rất phổ biến. Người Pháp không lo lắng thái quá cho đến khi Song Tou không chu toàn bốn phần thu thuế. Ly Fong không bỏ qua cơ hội để loại trừ họ Lo khỏi chính trường. Hứa hẹn bỏ tài sản của mình bù vào việc thiếu hụt, Ly Fong thuyết phục người Pháp truất chức Lo Song Tou và để cho mình kiêm nhiệm cả hai. Họ Lý thành công.

Ly Fong quản nhiệm cả 2 xã Keng Khoai và Phac Boun.

Lo Faydang, em của Song Tou nổi giận. Ông khiếu tố với người Pháp nhằm vô hiệu phán quyết, nhưng bị từ khước. Không nản chí, Lo faydang lên kinh đô, kháng cáo với thái tử Phetsarath, tổng thanh tra nội vụ, người điều hành hệ thống hành chính thời nát Lào và được ủy quyền vô nhiệm hay truất phế mọi chức vụ trong hành chính Lào. Lo Faydang hối lộ thái tử một sừng tê giác khổng lồ, lên nước và nổi vân nhờ dầu bóng. Quà hối lộ mang lại hiệu quả. Phetsarath ban hành một sắc lệnh cho phép Lo Faydang kế vị Ly Fong cai quản Keng Khoai một khi Ly Fong tạ thế. Nhưng khi Fong chết năm 1939, người Pháp làm ngơ sắc lệnh thái tử và phong con trai út của Ly Fong, Touby, nhận chức xã trưởng.

Người Pháp không thể ngăn được việc ưa chuộng Ly Fong Touby hơn Lo Faydang, một ông già bất tài, thất học. Những ngờ vực về năng lực của họ Lo cũng đóng vai trò quan trọng không kém trong việc tín nhiệm Ly Fong Touby. Nhưng điểm chính là học vị của Touby. Ông theo học Lycée Pháp

ở đồng bằng. Học luật và hành chính ở Vientiane, nói tiếng Pháp như người Pháp và yêu nước Pháp. Với người Pháp, đó là những ưu điểm không gì sánh được.

Lo Faydang thù trả thù, không chỉ trả thù người Pháp mà còn với Ly FOUNG TOUBY nữa. Dưới con mắt Faydang, Touby là kẻ thù không đội trời chung. Sau này ông lập ra một quy luật suốt đời rằng nếu Touby làm gì thì ông làm ngược lại, bất kể lý lẽ. Về phần Touby, ông cảm thấy có bốn phận hòa giải với Lo Faydang. Dù sao chăng nữa, Faydang cũng là chú họ. Liên hệ gia quyến của người Hmong không dễ dàng chối bỏ. Touby đề xướng sự hòa giải bằng một lá thư trao cho một người trung gian. Không có hồi âm vì Faydang không thể tha thứ được điều mà ông gọi là phản trắc đối với gia đình ông. Touby bắt đầu nhìn nhận thực trạng rằng Faydang là một kẻ thù không thể lay chuyển, là kẻ đáng gờm và nếu có dịp, đáng trừ khử.

Dần dà mối thù giữa 2 trưởng tộc biến thành tranh chấp giữa 2 thị tộc với mỗi bất đồng nhỏ có thể khuếch đại thành nguyên nhân cho sự thù hận giữa Lo và Ly. Một sự cố riêng biệt trở thành một nguyên nhân vang dội. Như họ Lo đã kể, họ Ly và Lo ganh đua nhau giành một thiếu nữ. Cô hát hủi họ Ly và cưới họ Lo. Kẻ bị tình phụ tổ chức đánh cướp và bắt cóc cô gái. Họ Lo đòi bồi thường phí tổn đã trả cho đàn gái và một khoản phạt vạ tội bắt cóc, nhưng họ Ly không trả đồng nào hết. Sự cố này chỉ khơi sâu thù hận của họ Lo với họ Ly khiến nhiều họ Lo ngã về phe Faydang chống lại Touby.

Họ Ly cũng có câu chuyện của họ. Đầu năm 1950 khi lực lượng Pháp chạm súng với Việt Minh gần Nong Het, hàng trăm gia đình Hmong chạy loạn. Thị tộc Lo chạy sang Việt Nam trong khi họ Ly chạy về Cánh Đồng Chum. Trong lúc lộn xộn, một người vợ họ Ly lạc mất chồng. Em cùng cha khác mẹ với Lo Faydang là Lo Sao tìm thấy bà họ Ly trong rừng và mang bà sang Việt Nam. Trong vòng vài tháng họ sống như vợ chồng. Sau khi Việt

Minh đánh bại Pháp ở Điện Biên Phủ giữa năm 1954, họ Lo hồi cư về Nong Het. Lo Sao trả người vợ về làng với ý định nếu người chồng không chấp nhận, người vợ có thể trở lại với Lo Sao như vợ chồng chính thức. Cuộc tái ngộ không được hoan hỉ lắm. Khi người chồng họ Ly biết chuyện, ông tụ họp một nhóm người trong họ, vũ trang dao búa. Họ lôi Lo Sao về làng và đánh đập gần chết.

Tuân theo luật là hễ Ly Fong Touby làm gì thì họ Lo phải làm ngược lại, Faydang sáng lập Liên minh kháng chiến Hmong, một lực lượng du kích họ Lo dưới quyền chỉ huy của ông, giúp người Nhật tìm bắt biệt kích Pháp. Sau khi Nhật thua trận, Faydang tiếp tục mối thù dòng tộc chống Pháp bằng cách liên kết với Việt Minh. Khi người Mỹ thay thế người Pháp ở Lào, Ly Fong Touby theo phe Mỹ, Faydang đương nhiên chống Mỹ và gia nhập Pathet Lào.



Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 5

Đế quốc Nhật chiếm đóng.

Hồ Chí Minh rời Việt Nam năm 1912. Hai năm đầu lưu vong, ông làm nghề bồi bếp trên tàu thủy Pháp tên Latouche-Tréville. Hai năm sau làm thợ nhồi bột ở Anh và 4 năm sau làm thợ chụp hình và gia nhập phong trào xã hội Pháp. Ông ta không thích hợp với chủ nghĩa xã hội Pháp. Càng ngày càng sứt ruột với những tranh cãi vô tận của các trí thức sa lông chiếm đa số trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp. Đã quyết định thay đổi, Hồ mong mỏi bắt tay hành động. Việc bàn cãi là vì những người ấy còn đang phân vân, chưa quyết định.

Năm 1920 Hồ bắt đầu tìm hiểu về Lenin một cách mê mẩn qua sách vở bằng tiếng Pháp trong gian chung cư, gật gù tán thưởng từng dòng, từng câu. Ông kinh ngạc vì “sự sáng suốt” của Lenin và “vui mừng ứa lệ” khi nhận ra chính mình là một phần tử của phong trào cách mạng. Phấn khởi, ông cùng sáng lập đảng Cộng Sản Pháp và bắt đầu cuộc đời cách mạng với Cộng Sản chủ nghĩa.

Để học hỏi sâu xa hơn, Hồ trù tính thăm viếng Moscow. Cuối cùng ông rời Paris sang Liên Bang Sô Viết vào cuối năm 1924. Ông đến quá trễ. Lenin chết vài tuần trước khi ông đến làm ông mất dịp diện kiến vĩ nhân của mình. Lúc ấy Hồ như con thuyền không lái. “Lenin chết, chúng tôi biết làm gì bây giờ?” Ông viết trong tờ Pravda như thế. Hồ cần một mục tiêu nào đó để tập trung nghị lực. Ông quyết tâm học hỏi không ngừng để tỏ lòng kính trọng Lenin. Ông ghi danh vào trường đại học Nhân Dân Đông Phương ở

Moscow, nơi ông học về các cơ phận chủ yếu của tổ chức cách mạng. Ông cũng dành thì giờ dạy vài lớp Pháp ngữ cho trường này và viết vài bài báo cho tờ Pravda.

Hài lòng với sự phát triển cách mạng của ông, Sô Viết gửi Hồ sang Trung Hoa để giúp thành lập đảng Cộng Sản Trung Hoa. Ở Quảng Đông ông gặp các nhà cách mạng chủ nghĩa quốc gia khác sống lưu vong hay trốn tránh bọn công an (Sureté), cảnh sát điều tra hình sự Pháp. Nhiều năm trước Hồ đã thấy nhiệt tình chủ nghĩa quốc gia thật mãnh liệt, nhưng giờ đây với sự huấn luyện của Sô Viết, ông nhận thấy nó thật là ngây thơ. Những nhà cách mạng quốc gia chủ nghĩa rất hăng say trong những chống đối vô hiệu quả, nhưng không hề xúc tiến một cuộc cách mạng thực sự. Lãnh tụ nhóm này là một nhà cách mạng lão thành tên Phan Bội Châu. Hồ biết Phan từ thời niên thiếu vì thân phụ Hồ và Phan là 2 người bạn thiết. Nhưng Hồ không để cho tình cảm lấn át lý trí. Loại được Phan Hồ có thể thu phục được những đồng chí quốc gia chủ nghĩa của Phan. Ngoài ra, Phan đang bị tằm nã với giải thưởng 150000 đồng. Hồ tố cáo Phan, lãnh tiền thưởng làm quỹ cho tổ chức Cộng Sản của ông.

Sau 2 năm ở Thái Lan tổ chức các tổ Cộng Sản trong cộng đồng người Việt ở Bangkok, Hồ trở lại Trung Hoa để tổ chức đảng Cộng Sản Việt Nam.

Năm 1930, ông sáng lập đảng Cộng Sản Đông Dương ở Hong Kong. Khởi đầu là một tổ chức toàn người Việt, Hồ hoài bão phát triển nó bao gồm toàn cõi Đông Dương. Tài liệu đảng minh họa tổ chức này như một liên bang gồm Việt Nam, Lào, Cambodia do Việt Nam lãnh đạo. Mục tiêu là để quốc Việt Nam. Mục tiêu này đã được chính thức hóa trong đại hội đảng Lao Động (tên mới thay cho đảng Cộng Sản Đông Dương) năm 1951.

Bước tiên khởi trong chiều hướng này, đảng tổ chức một tổ ở Lào. Đảng viên là những kiều bào ở Vientiane. Đã có một nỗ lực phối hợp để kết nạp người Lào, nhưng chủ nghĩa Mác lê không hấp dẫn họ. Đổ thừa cho người Lào thiếu trình độ, đảng Lao Động ra lệnh các cán bộ “giáo dục” họ.

Truyền đơn được phân phát, những bài bản được diễn giảng tố cáo sự bóc

lột tàn ác của chủ nghĩa đế quốc và sự cần thiết của những tổ chức cách mạng để dành lại quyền làm chủ về cho giai cấp vô sản bị áp bức. Dù với cuộc vận động tuyên truyền mạnh mẽ, chỉ có 3 tổ mới được thành lập trong thị trấn mỏ thiếc tỉnh Khammouane, và tất cả đảng viên là người Việt Nam. Năm 1935 tổng số đảng viên người Lào là 3 người và chưa đầy 1 năm, 2 trong số 3 người đó bỏ cuộc.

Tình cảnh thật là đen tối. Đảng Lao Động ở Việt Nam chỉ hơi khá hơn một chút. Giống như Lào, giai cấp công nhân ở Việt Nam rất ít, chỉ hơn 200 ngàn trong số 17 triệu dân số cả nước. Một phần ba những công nhân này là phu đồn điền cao su, nơi điều kiện sinh sống khắc nghiệt và tử suất cao không tưởng tượng nổi. Sự tàn bạo ở đồn điền cao su sinh ra loại công nhân võ trang. Đình công tự phát, có lúc bạo động xảy ra thường xuyên. Dù thế, chỉ non 2 ngàn công nhân gia nhập đảng và năm 1935, đa số bị vào tù.

Phong trào Cộng Sản ở Việt Nam rõ ràng gặp trở ngại và cần được chỉnh đốn, nhưng đảng Lao Động vẫn tiếp tục vung vãi tài nguyên hiếm hoi để lập ra một đảng Cộng Sản ở Lào. Một quan tâm đặc biệt là kết nạp người Lào vào đảng Cộng Sản Lào mà không bị lộ tẩy là một tổ chức ngoại vi của Việt Nam, do Việt Nam lãnh đạo. Người Lào đã oán hận việc người Việt áp đảo mọi mặt xã hội Lào như trong chính quyền, thương mại, giáo dục v.v... Việt Nam chiếm mọi chức vị quan trọng trong cơ quan hành chính, độc quyền buôn bán ở các thành phố lớn và chiếm đa số ở các trường học. Giáo dục là một điểm nhức buốt đặc biệt. Lào có tỷ lệ mù chữ cao nhất Đông Nam Á. Số người biết đọc quá ít đến nỗi mãi năm 1941, cả nước mới có 1 tờ báo in bằng chữ Lào. Thống kê này không chỉ gây bối rối, nó tạo ganh ghét về phía người Việt chiếm chỗ trong các trường ít ỏi của quốc gia. Diễn hình là Lycée Pavie. Nó là trường cấp 2 độc nhất ở Vientiane, cũng là trường duy nhất cả nước. Tất cả giáo viên là Việt Nam hay Pháp và tất cả chung thành kiến là người Việt thông minh hơn Lào. Thành kiến này phản ánh qua sự chênh lệch sĩ số học sinh Lào và Việt và con số học sinh Việt đỗ đạt. Suốt năm 1930, số người Việt chiếm 65/100 học sinh tốt nghiệp trường

Pavie. Người Việt không che giấu khinh miệt sự thiếu óc cầu tiến của người Lào. Sự khinh miệt này sánh bằng với nỗi hận thù của người Lào lười biếng, bất lực trước người Việt cần cù và quy cách.

Không chỉ người Việt sở tại bị oán giận, hình ảnh Việt Nam như một nước gây hấn và đế quốc đã hằn sâu vào ý thức quốc gia. Trước khi người Pháp đến, Việt Nam đã chiếm cứ hết khu vực Đông Bắc Lào và tràn lan khắp Cambodia. Đế quốc chủ nghĩa Việt Nam tàn nhẫn và dã man khi nào còn tồn tại, không cần cải trang bằng những viện lẽ đạo đức như ”sứ mệnh khai hóa” của thực dân Pháp; mục đích của nó minh bạch và đơn giản là một tiến trình chinh phục thuộc địa để thu đoạt của cải vật chất.

Chủ nghĩa đế quốc tham tàn này tạo ra một di sản thù hận và nghi kỵ người Việt. Vào thế kỷ thứ 19, Cambodia trút cơn thù hận này bằng cuộc tàn sát đẫm máu kiêu bào Việt, tuyên bố rằng chém giết những người dân xấu số này mang lại nỗi thống khoái vô hạn. Các bà mẹ miêu tả Duồn (tiếng ghê tởm ám chỉ người Việt) như ngáo ộp hay ông ba bị, cầm con cái vào rừng kéo bị Duồn ăn thịt. Thái độ chống người Việt ở Lào không lên cao đến như vậy, tuy thế nó phổ quát và sâu xa. Đôi khi nó bùng nổ thành man rợ mà người Cambodia không bì kịp.

Vì hận thù nòi giống, Cộng Sản Việt Nam có bốn phận (sic) chiêu dụ người Lào vào phong trào Cộng Sản Lào. Hoang mang vì không thấy triển vọng, năm 1936 Hồ Chí Minh ra lệnh cho các đảng viên áp dụng chiến thuật mới. Họ phớt lờ Cộng Sản chủ nghĩa, bỏ những giáo điều Mác Lê, hợp tác với những người quốc gia và phong trào chống Pháp ở Lào – bất cứ cái gì dù cho bằng được người Lào can dự vào đấu tranh cách mạng. Ý thức hệ và quyền lãnh đạo cách mạng sẽ giải quyết sau.

Sự khó khăn với chiến lược này là tình trạng yếu ớt của quốc gia chủ nghĩa Lào. Hầu như không ai để ý khi nghe nói về độc lập chính trị. May thay, Nhật chiếm Đông Dương gây dòn dập những biến cố khiến quốc gia chủ nghĩa Lào được dịp bộc phát.

Đế quốc Nhật xâm lăng.

Người Nhật có lý do tốt xâm lăng Đông Dương. Họ xâm lăng Trung Hoa năm 1937, mau chóng đè bẹp quân đội vô tích sự Trung Hoa, càn quét không trở ngại suốt Quê Châu đến Mãn Châu. Mặc dầu đạo quân Nhật có xe tăng mở đường tung hoành khắp sa mạc Bắc Trung Hoa và một không lực Thiên Hoàng thống trị bầu trời, người Trung Hoa ngoan cường không chịu khuất phục. Binh sĩ Trung Hoa võ trang lạc hậu, thiếu ăn thiếu mặc, và chỉ huy kém, vẫn tiếp tục chiến đấu trong khi gánh chịu tổn thất lên đến hàng triệu nhân mạng. Nhận ra rằng Trung Hoa sẽ bại trận dễ dàng hơn nếu lương thực, đạn dược duy trì kháng chiến bị cắt đứt tại Đông Dương. Người Nhật cũng cần lương thực từ Đông Dương nếu chỉ phải trả một cái giá vừa phải.

Sau khi Nhật xâm chiếm Pháp tháng Năm năm 1940, chính quyền Pháp ở Đông Dương không còn trông vào yểm trợ của mẫu quốc được nữa.

Georges Catroux, toàn quyền Đông Pháp, thỉnh cầu Anh, Mỹ trợ giúp chặn đứng quân Nhật. Ông ta được phúc đáp là phải tự lo liệu. Không khó đến nỗi phải xem bản đồ treo tường ở phủ toàn quyền tại Hà Nội để biết rằng Nhật đã gần ngay ngưỡng cửa. Họ đã chiếm Hải Nam, hòn đảo lớn án ngữ vịnh Bắc Kỳ. Để tỏ thiện chí với Nhật, ông cắt đứt mọi quan hệ thương mại với Trung Hoa. Nhưng quá trễ.

Sáu ngàn binh sĩ Nhật xâm lăng Bắc Việt vào tháng 9 năm 1940. Vài tháng sau, nhiều ngàn nữa đến từ hướng Nam, vào Sài Gòn bằng xe đạp giống học sinh nghỉ hè. Trước khi họ dựng càn chống xe đạp, Catroux nhận một công điện thông báo chuẩn bị dọn dẹp văn phòng cho vị toàn quyền mới đến thay thế, đô đốc Jean Decoux.

Người Nhật muốn cai trị Đông Dương với giá rẻ, duy trì một nhóm binh sĩ tượng trưng và mặc người Pháp quản trị hành chính. Với mục đích ấy, người Nhật đề nghị một trao đổi khó có thể từ chối: Người Pháp toàn quyền cai trị miễn người Nhật độc quyền quản lý gạo, cà phê, cao su, thiếc, than đá, và kẽm. Chỉ viên thuốc đắng độc nhất là dành một phần lợi tức thuộc địa nuôi dưỡng binh sĩ Nhật ở Đông Dương - giống như mọi chi phí khác

đều thâm thủng ngân sách – trung bình 200 triệu đồng một năm.

Ước vọng tiên quyết là giữ cho thuộc địa được toàn vẹn trong chiến tranh, Decoux đồng ý thỏa ước, kéo dài thời gian chờ tăng viện của lực lượng Pháp từ Âu Châu hay Bắc Phi sang. Không phải chỉ ngồi không chờ thời; có một vấn đề nhỏ là lính Thái Lan xâm chiếm một phần vương quốc Lào. Decoux vẫn còn 13 ngàn binh sĩ dưới quyền, cùng với lực lượng nhỏ hải và không quân, cho nên ông có thể phản ứng mạnh hơn là chỉ phản đối suông. Điều khó là ông không thể tốc chiến tốc thắng.

Cuộc chiến kéo dài sang năm sau, cho đến khi người Nhật xem chán mắt và buộc 2 bên đình chiến. Một giải quyết cưỡng bách cắt một dải đất phía Tây Lào cho Thái Lan, 54 ngàn cây số vuông bao gồm một phần tỉnh Sayaboury và tỉnh Bassac. Nhằm vào mục tiêu lớn hơn, Thái Lan rải truyền đơn bên Lào, nhắc đến di sản Thái của người Lào gồm liên hệ huyết thống và lịch sử. Nhiều người Lào đã định cư bên Thái Lan, nhiều hơn người Lào sinh sống trên đất Lào nữa.

Một cách thận trọng, những truyền đơn tặng lờ không giải thích sự chênh lệch dân cư này. Năm 1829, sau những năm chiến tranh giữa 2 nước, Thái Lan xâm lấn Lào, phá tan Vientaine, thiêu rụi các thành phố chính dọc theo sông Mekong. Để chắc chắn Lào mất hẳn mọi đe dọa quân sự, Thái Lan dồn dân Lào nghèo khổ sang bên phần đất Thái Lan phía bên kia bờ sông Mekong. Thái Lan dựng một thành phố gọi là Nong Khai, thẳng bên bờ bên kia đối diện với tro tàn Vientaine, với ý định thay thế cho Vientaine và giữ người Lào trên đất Thái. Nhiều thập niên trôi qua, nhiều người Lào sống bên Thái Lan hơn bên Lào, và con số chênh lệch ấy ngày một lớn. Đến năm 1930, dân số Lào ở Thái Lan bằng dân số Thái Lan. Nếu Thái Lan đồng hóa Lào, dân số Lào cả 2 nơi cộng lại, nhiều hơn dân số Thái Lan chính gốc. Đó là điều đáng suy tư của nhiều người Lào.

Đọc tuyên truyền của người Thái Lan như là sự chuẩn bị âm mưu sát nhập Lào sau chiến tranh, Decoux tranh thủ cảm tình người Lào bằng cách xây dựng đường sá, trường học, những toán y tế lưu động đến những miền quê

chăm sóc cho dân nghèo. Để ngăn cách Lào với Thái lan, ông phát động phong trào canh tân quốc gia, một chương trình đề cao văn hóa, kích thích lòng tôn trọng tất cả những gì thuộc về Lào. Giai cấp thượng lưu được yêu cầu cởi bỏ bộ âu phục ở nhà, mặc vào bộ trang phục truyền thống, đi lại trên đường phố. Quốc kỳ Lào mang quốc huy con voi 3 đầu được treo khắp nơi. Kịch nghệ nói bằng tiếng Lào, các nhà soạn kịch được khuyến khích sáng tác các đề tài đề cao văn hóa cổ truyền. Vũ công Lào chung diện mạo thứ trước khán giả ở Vientaine, Thakhek, Luang Prabang, và Savanakhet – mỗi thứ và mọi thứ nhằm tôn vinh sự khác biệt văn hóa Lào và dập tắt ý tưởng nguy hiểm Lào và Thái chung một dòng giống.

Đúng như kỳ vọng, bộ ngực người Lào ưỡn ra vì tự hào quốc gia. Một phần bội thu nằm ngoài kế hoạch là lòng yêu nước quá cuồng nhiệt sinh ra ý tưởng ... đòi độc lập từ người Pháp. Một số người bị bỏ tù. Số còn lại trốn sang Thái Lan, nơi đó họ được tuyển mộ vào lực lượng Lào Seri (Lào tự do), một tổ chức của OSS(Office of Strategy Services, tiền thân CIA), nhằm khuấy phá lực lượng Nhật bằng cách biến người dân hiền hòa thành những biệt kích đáng sợ. Để nâng cao tinh thần, OSS rao giảng chủ nghĩa chống thực dân cho các khóa sinh, Lào Seri là thí dụ điển hình, , chỉ củng cố quyết tâm tạo lập một quốc gia Lào độc lập sau chiến tranh.

Thuốc phiện của Hmong.

Đôi khi lợi tức thuộc địa giảm sút. Khi người Nhật ngự trị biển Nam Hải, chấm dứt mọi lưu thông hàng hải giữa Đông Dương và Tây Phương, nguồn cung cấp thuốc phiện từ Thổ Nhĩ Kỳ và Iran nuôi dưỡng ngành khai thác độc quyền ma túy của chính quyền thuộc địa cũng theo đó chấm dứt.

Ma túy từ lâu vốn là nguồn lợi của chính quyền thuộc địa. Năm 1902, thuế đánh vào mặt hàng này trên các cửa hàng quốc doanh và các tiệm hút chiếm 1/3 tổng lợi tức quốc gia. Gần 3 thập niên, lợi tức từ thuốc phiện giúp bù đắp những tổn kém không sinh lợi của chính phủ, khuyến khích các nhà đầu tư Âu Châu bỏ ra hàng triệu để phát triển hạ tầng cơ sở của Việt Nam. Nhiều ngàn dặm đường rầy xe lửa đã được đặt, hải cảng được nạo vét

và xây cất thêm và hệ thống đê điều được phát triển để kích thích thương mại thuộc địa. Những người Pháp giàu có mua ruộng, đồn điền cao su, xưởng tơ sợi và hầm mỏ. Gạo xuất cảng lên gấp đôi, sản xuất cao su tăng gấp 30 lần(3000/100), than đá tăng gấp 4 lần, tất cả cho nguồn lợi của nhà Doan (Douanes et régies, sở thuế Đông Dương), đánh thuế trên mọi mặt hàng xuất cảng.

Trong lúc nhà cầm quyền không còn trông cậy vào nguồn lợi thuốc phiện đắp vào cán cân chi phí, thuốc phiện vẫn là lưu lượng kim ngạch chủ yếu. Trước thế chiến thứ hai, thuốc phiện chiếm 15/100 tổng lợi tức của nhà Doan (sở thuế thuộc địa). Chiến tranh chấm dứt nguồn lợi dễ dàng này. Người Nhật cấm tàu bè qua lại khiến việc chuyên chở mua bán ít dần rồi cạn hẳn nguồn cung cấp thuốc phiện gồm 60 tấn nhập cảng hàng năm từ Thổ Nhĩ Kỳ và Iran cho 125 ngàn con nghiện Đông Dương.

Từ lâu người Pháp mua thuốc phiện của các cộng đồng Hmong ở Bắc Việt và Lào, nhưng chập chờn trong việc khuyến khích khai khẩn, phát triển thêm vì quá nhiều thuốc phiện Hmong lọt vào thị trường chợ đen, tước đoạt một phần nào độc quyền của chính phủ. Chiến tranh chấm dứt sự do dự này. Mất nguồn cung cấp hải ngoại, chính phủ thuộc địa không còn cách nào hơn là quay sang Hmong bù vào chỗ thiếu. Chỉ có một vấn đề là Hmong không thấy có khích lệ để trồng thêm cây anh túc.

Chính phủ thuộc địa thu hoạch thuốc phiện qua ban thu mua nha phiến, tung nhân viên thu mua đi khắp khu vực gieo trồng thuốc phiện ở Đông Dương. Rất ít người Hmong bán trực tiếp cho ban thu mua này vì giá cả thay đổi tùy theo lượng morphine trong thuốc phiện và sự tùy nghi định đoạt của nhân viên ban thu mua. Nghĩa là Hmong phải chờ vài tuần cho ban thu mua gửi đi thử nghiệm và chỉ được nhận tiền khi có kết quả thử nghiệm. Hmong không biết thuốc phiện của mình gửi đi đâu và trị giá bao nhiêu. Họ không muốn như thế, nhất là ban thu mua không ứng trước một khoản tiền đặt cọc khi thử hàng của họ. Thay vào đó, họ bán cho các trung gian tư nhân, thường là người Việt hay Lào.

Người trung gian trả giá rất gắt. Không hề biết phẩm chất món hàng, hiếm khi họ trả bằng phân nửa giá do ban thu mua ấn định. Hmong có một ngõ tiêu thụ hàng hóa khác là thị trường chợ đen, nhưng một nỗ lực bài trừ buôn lậu ma túy bắt đầu từ năm 1930 của người Pháp, đã thu hẹp thị trường này.

Cắt khỏi thị trường chợ đen và đối đầu với bọn trung gian trả giá rẻ mạt, Hmong không còn trông vào nghề sản xuất thuốc phiện làm kế sinh nhai nữa. Tất cả Hmong là những nông dân trồng bắp và lúa sau cơn mưa đầu mùa, nuôi lợn gà và một khoảnh vườn nhỏ trồng cây thuốc, rau và gia vị. Thuốc phiện trồng lẫn với bắp chỉ là đặc sản kiếm thêm ít tiền đóng thuế. Để thay đổi bài toán kinh tế này, ban thu mua nha phiện của nhà nước phải trả giá cao hơn, loại bỏ hay rút ngắn thời gian kiểm nghiệm và nâng giá thành của thuốc phiện cao hơn.

Giải pháp này không thể chấp nhận được đối với các viên chức thuộc địa keo kiệt. Thay vào đó họ bổ nhiệm Lyfoung Touby vào ban thu mua (một chức vụ ông đảm nhiệm 8 năm), người Hmong đầu tiên chiếm địa vị này trong “cắm địa” (dịch từ chữ sanctum sanctorum) của chính sách độc quyền nha phiện người Pháp. Nó có thể so sánh với việc chỉ định Douglas Fraser, chủ tịch nghiệp đoàn công nhân ô tô, vào ban giám đốc hãng xe hơi Chrysler đầu thập niên 1980. Giống như Chrysler hy sinh một số điều tối kỵ hy vọng chiếm được sự cộng tác của Fraser và sự nhượng bộ lương bổng của công nhân, ban thu mua nha phiện thúc đẩy Touby đề xuất một kế hoạch khiến Hmong trồng thêm thuốc phiện mà vẫn không được trả giá cao hơn.

Touby không làm họ thất vọng. Chiến lược của ông là tăng thuế từ 3 lên 8 đồng bạc, ngoài khả năng đóng góp của hầu hết Hmong, cho phép trả bằng thuốc phiện thay vì trả bằng bạc nén. Để bảo đảm Hmong sẽ bán sản phẩm, Touby sắp đặt cho Hmong cấp huyện, xã chịu trách nhiệm thu thuế và được trả huê hồng trên số vượt chỉ tiêu thu được.

Đó là thủ đoạn chính trị khôn khéo. Chỉ một biện pháp nó tạo ra được một

hệ thống bổng lộc tướng thưởng cho sự trung thành chính trị và giải quyết tình trạng thiếu hụt gây điều tàn trong sổ kế toán nhà Đoan. Dưới sắc thuế mới, thuốc phiện sản xuất tăng lên rất nhiều, và các viên chức thu thuế Hmong, tất cả trung thành với Touby, càng ngày càng giàu có.

Người Pháp thưởng Touby với 2 trường học công lập cho trẻ em, một ở Xiêng Khoảng và một ở Nong Het. Một cách tượng trưng, có trường học là có Hmong. Rất ít trường học ở Lào, và không có trường nào ở miền núi. Những trường hiếm hoi đó chỉ có con cháu người Việt giàu có và giới thượng lưu Lào theo học. Hai trường mới này rõ ràng là một mỹ ý của người Pháp để hội nhập Hmong vào vai trò quan trọng trong tương lai chính trị Lào.

Việc tăng gia khai khẩn thuốc phiện phát triển cái đà tiền của nó. Hmong bắt đầu phá rừng làm rẫy, không chỉ để đóng thuế, mà còn kiếm thêm tiền chi dụng nữa. Năm 1943, tổng số thu mua nha phiện hàng năm, riêng khu vực Đông Bắc Lào, đạt được 60 tấn, bằng với số thiếu hụt trước kia phải nhập cảng từ Thổ Nhĩ Kỳ và Iran.

Tiền đúc bằng bạc từ ngân hàng Đông Dương đổ vào Lào, một số đến tay nông dân Hmong nhưng phần lớn hơn được bọn trung gian thu mua mang theo, tạo sức sống cho kinh tế. Lạm phát, thường thường là đà sát mặt đất, đột nhiên cao vút lên thượng tầng khí quyền. Giá cả nhu yếu phẩm tăng vọt vượt khỏi túi tiền của thường dân Lào, và nhiều người không thể kiếm đủ cái ăn hàng ngày.

Cô lập từ thương mại vùng đồng bằng, Hmong không bị lây cái nghèo túng do vật giá lạm phát, dù bạc nén tuôn tràn vào làm chao đảo kinh tế. Với sự thu mua vét sạch không chừa tốt xấu, Hmong không coi thuốc phiện là vụ mùa phụ nữa. Năm 1943, lợi tức trung bình Hmong là 470 dollars một năm nhờ vào thuốc phiện. Nếu gặp năm trúng mùa, một nông dân Hmong có thể làm giàu, ít nhất giàu theo tiêu chuẩn của họ. Hàng ngàn nông dân, với trợ giúp của vợ con, bắt đầu dành vài tháng trong năm để làm cỏ trong rẫy, và một tháng nữa để rạch trái thu hoạch nhựa.

Một số ít người có óc kinh doanh, qua khung cảnh lao dịch cực khổ của nông dân, nhìn thấy một viễn ảnh lớn hơn. Yang Youa Tong nhìn thấy mỗi lợi lớn của thuốc phiện lọt vào tay trung gian người Việt hay Lào chứ không phải nông dân Hmong. Ông ta mượn tiền bà con và chuyển sang làm thu mua trung gian, cạnh tranh với bọn người Việt, Lào vượt núi leo đồi lang thang hết bản làng thu mua nha phiến bán lại cho ban thu mua nhà nước. Không giống bọn đồng nghiệp người Việt, Lào, Youa Tong biết từng xó xỉnh rừng núi. Có rất nhiều thuốc phiện ở những nơi chốn chỉ một mình ông biết. Ngay cả khi phải cạnh tranh đối đầu với người khác, Youa Tong vẫn có lợi. Hmong tin Hmong hơn người lạ.

Việc làm ăn của Youa Tong ngày càng phát đạt. Ông phải nhờ thêm người em tên Chou Teng phụ tá. Con đường thu mua của ông gồm hàng trăm cộng đồng từ sông Nam Ngum thẳng đến mép đông cánh đồng chum. Quá nhiều thuốc phiện đến nỗi phải dùng hơn 20 con ngựa thồ để tải hàng. Cuối mùa thu hoạch, nhà của Youa Tong chật từ sàn nhà lên đến nóc những bánh thuốc phiện.

Chỉ vài năm, anh em Yang giàu nhất Hmong ở Lào. Họ cất những nhà sang trọng, nuôi trâu bò và ngựa. Họ là người Hmong đầu tiên có xe hơi. Một xe tải quân đội keng càng thô kệch. Nó là một biểu tượng giàu có hơn là phương tiện chuyên chở, vì có rất ít đường lộ ở miền núi, và những con đường có thể sử dụng lại không thể đi lại trong mùa mưa. Nhưng đám đông trầm trồ thán phục mỗi khi chiếc xe tải lắc lư, chồm lên chồm xuống trong đám bụi mờ vào mùa khô là cả một hãnh diện vô giá.

Touby cũng giàu nhờ thuốc phiện, chủ yếu qua sự hoàn trả của nhà Đoan (sở thuế). Ông cho vay giúp xây cất vài biệt thự trong tỉnh và mua 2 cái nhà ở Vientiane. Thêm vào sự giàu có, Touby có uy tín, quyền thế với Hmong, vì ông không ngừng nhắc với Hmong rằng sự sung túc của họ ngày nay là nhờ vào chức vị của ông trong ban thu mua nha phiến. Và vì ảnh hưởng của ông với người Pháp, dân Hmong mới có trường học.



Cây thuốc phiện

Biệt kích Pháp xuất hiện.

Tháng Tám năm 1944, lực lượng đồng minh giải phóng Paris, lập chính phủ mới với Charles de Gaulle làm tổng thống. Quá nhiều việc phải làm. Đức quốc xã đã hút kinh tế Pháp đến tận xương tủy. Kỹ nghệ tàn lụi vì thiếu nguyên liệu thô và sự phát hành bừa bãi khiến đồng tiền mất giá. Thay vào giải quyết những vấn đề kinh tế có thể di hại đến cả một thập niên về sau, de Gaulle tập trung vào việc phục hồi niềm tự hào quốc gia đã tan vỡ dưới gót giày quốc xã. Phương thuốc của ông là dựa vào chiến thắng quân sự ở Âu Châu và tái chiếm các thuộc địa. Sau khi góp quân tham dự cuộc xâm chiếm Đức quốc xã, ông tập trung vào vấn đề Đông Dương. Trước đó de Gaulle đã phái đại tá Boucher de Crèvecœur, một cựu chỉ huy của lực lượng Đông Dương, làm việc ở Ấn Độ với SOE (Special Operations Executive, cơ quan công tác đặc biệt về chiến tranh bất quy ước Anh Quốc) Với sự trợ giúp của SOE, nhiệm vụ của Crèvecœur là nghiên cứu một kế hoạch tổng quát nhằm đưa quân trở lại Đông Dương để tái chiếm thuộc địa từ tay Nhật. Kế hoạch như sau: SOE cung cấp huấn luyện

và tiếp liệu và Crèvecoeur cung cấp binh sĩ từ quân đội Pháp, biệt kích Pháp do Anh huấn luyện sẽ thâm nhập vào Đông Bắc Lào trên Cánh Đồng Chum và hướng Nam vùng cán chảo (hình thể nước Lào giống hình cái chảo, chuôi trở về hướng Nam). Một khi đặt chân xuống địa bàn, họ bắt đầu chiến tranh du kích chống Nhật.

Biệt kích có thêm 2 trách nhiệm : phân phối hàng tấn vũ khí và tiếp liệu trên Cánh Đồng Chum và các điểm khác ở Việt Nam, Lào, Cambidia; và huy động lực lượng dân công bản xứ để làm gấp những phi trường. Trên sơ đồ kế hoạch, một lực lượng khoảng 12 ngàn binh sĩ nhảy dù Pháp, điều động, huấn luyện tại Bắc Phi, chuẩn bị tổng tấn công quân Nhật khắp Đông Dương.

Tháng 11 năm 1944, de Gaulle chuẩn y cho Crèvecoeur bắt đầu “cây” biệt kích vào Lào. Crèvecoeur đã sẵn sàng nhưng còn lo ngại về sự hợp tác của dân bản xứ. Thắng bại của biệt kích hoàn toàn tùy vào sự giúp đỡ của dân miền núi, đặc biệt là bộ tộc Khmu vùng cán chảo và Hmong vùng Cánh Đồng Chum, Đông Bắc Lào. Chỉ mới đây, lính Pháp đã đè bẹp cuộc nổi dậy của Khmu. Sự kiện này chưa phai nhòa trong ký ức nên việc trông cậy sự hợp tác của Khmu là khó có hy vọng. Nhưng theo thiết tưởng, ít nhất Hmong vẫn có thiện cảm với Pháp và sẵn sàng đứng lên chống Nhật.

Thực ra, Hmong có cảm tính lẫn lộn về phía Nhật. Shiowa (Chiêu Hòa Công Ty) một công ty buôn bán Nhật đặt trụ sở ở Luang Prabang và Thakhek, đều đặn phái người đến Xiêng Khoảng mua thuốc phiện. Nhờ đó giá thuốc phiện tăng cao, Hmong rất hài lòng việc này. Ngay cả Touby (thân Pháp) cũng có lời nhiều, dùng người em tên Tougeu làm trung gian giữa Hmong và người của công ty Chiêu Hòa.

Một công ty thứ nhì có mặt thường xuyên hơn dù ít mang lợi lộc hơn cho cư dân. Nó khai thác mỏ bạc ở Pa Heo. Mỏ Pa Heo thiếu điều kiện an toàn nên khó tìm nhân công. Lính Nhật cưỡng bức dân Hmong từ những làng lân cận đến lao tác. Công việc kéo dài 13 giờ một ngày, ăn uống ngủ nghỉ ngay trong hầm để bảo đảm khỏi trốn. Người Nhật không chú trọng đến

điều kiện an toàn nên hầm mỏ bị sụp, chôn sống 200 người. Họ tìm bắt thêm Hmong bù vào số người chết. Lại sụp hầm, lại thêm người chết và tìm người thay thế. Cuối cùng Nhật không tìm thấy một người Hmong nào cả. Dân làng cách đó vài dặm bỏ nhà cửa, di cư lên núi Phu Bia, ngọn núi cao nhất nước Lào, trốn tránh.

Touby nổi giận về cách đối xử tàn nhẫn với Hmong ở hầm mỏ nhưng còn e dè không dám nổi loạn chống lại kẻ thù quá mạnh, ít nhất là không có sự trợ giúp của Pháp. Mọi sự thay đổi đột ngột vào ngày 22 tháng 12 năm 1944 khi 2 oanh tạc cơ B-24 của Mỹ, do phi công Anh điều khiển, cất cánh lúc chập choạng tối ở Ấn Độ thả dù biệt kích Pháp xuống Lào. Biệt kích nhảy dù ban đêm, một nhóm xuống vùng cán chảo, một nhóm xuống Cánh Đồng Chum. Trong vòng 2 tháng sau đó, 8 toán biệt kích Pháp do Anh huấn luyện, cũng nhảy dù xuống 2 nơi trước.

Thời điểm này người Nhật chỉ có một quân số tượng trưng ở Lào. Những đơn vị nhỏ chỉ di chuyển khi phải tiếp tế lương thực đạn dược cho các đồn bót xa xôi heo hút. Biết được biệt kích Pháp thâm nhập, người Nhật củng cố các vị trí ở Lào dùng tiền từ những vụ tịch thu hàng tấn thuốc phiện của con buôn Trung Hoa, bán ra thị trường, mua vật liệu xây cất đồn lũy. Cứ điểm phòng thủ mới mọc lên vùng cán chảo vào tháng Giêng năm 1945.

Một tháng sau, phòng tuyến thứ hai mọc lên ở ngoại ô Xiêng Khoảng. Giao thông trên đường 72 giữa Nong Het và Xiêng Khoảng trở nên tắc nghẽn, khi những quân xa Nhật chở binh sĩ tuần hành ở vùng quê truy lùng biệt kích Pháp và canh chừng các hoạt động khả nghi của Hmong.

Biệt kích ở Cánh Đồng Chum không khó tìm. Họ tạm trú trong căn biệt thự bỏ hoang gần đường 7 dẫn vào khu vực. Nhà nghỉ mát này là tài sản của tướng Philippe Leclerc, tư lệnh sư đoàn thiết giáp của quân đội viễn chinh. Vì chỉ một căn biệt thự độc nhất trong khu vực, nó dễ bị chú ý. Trong vòng vài ngày, sĩ quan Pháp chỉ huy vệ binh bản xứ (Garde Indigène) đến gặp toán biệt kích. Không muốn vị khách kế là bọn Nhật, đại úy Serres, toán trưởng biệt kích quyết định bỏ ngôi nhà tiện nghi đó, lẩn vào rừng.

Một trong những vị khách ở ngôi nhà Leclerc là Doussineau, chỉ huy (phó thanh tra) đồn binh Pháp ở Nong Het. Phục vụ nơi này 10 năm, Doussineau biết hầu hết mọi người đáng biết trong khu vực. Ông cũng được lòng Hmong, điều mà sĩ quan tinh báo biệt kích, Maurice Gauthier, quan tâm nhất. Gauthier hỏi Doussineau là có thể tin cậy vào sự hợp tác của người Hmong không? Doussineau tin rằng Hmong sẽ giúp và khuyên Gauthier tìm gặp Lyfoung Touby.

Cuối tháng Hai, Gauthier lìa rừng, tìm Touby ở Nong Het. Vì không thuộc đường, ông dừng lại ở Ban Ban để một một cựu quân nhân viễn chinh tên Tisserand làm hướng đạo viên. Tisserand không muốn hợp tác. Gauthier móc súng ra nhắc nhở lòng yêu nước. Tisserand dẫn Gauthier đến Nong Het gặp Touby. Với chiều cao 1 mét rưỡi, Touby quen với việc nói chuyện với người Âu Châu có chiều cao khác thường, nhưng lần này thì khác.

Gauthier cũng cao khoảng 1 mét rưỡi. Touby có vẻ khoan khoái khi nói chuyện với người da trắng có chiều cao như thế. Touby lắng nghe Gauthier cho biết sẽ có một đạo binh Pháp tới đánh đuổi người Nhật. Touby coi đó là tin mừng, Nếu quân đội Pháp trở lại, ông sẽ trợ giúp với tất cả những gì có thể. Touby nói với Gauthier :” Tôi cùng phe với bạn.”

Touby không hề nhắc đến tiền bạc vì ngại bị đánh giá là quân đánh mướn nhưng tiền bạc quả là vấn đề thực tế. Không tiền nuôi vợ con, Hmong nào lo cho Pháp? Một điều mà Touby cũng không muốn nói trong lúc này là khát vọng độc lập. Chỉ có tiền, vũ khí và viễn ảnh một quốc gia Hmong mới có thể động viên được người Hmong thôi. Gauthier hiểu như thế.

Thêm vào đó, cũng một điều Touby không nói ra, đây là một cơ hội giúp cho con đường danh vọng của Touby vút cao, vút cao.

Cải cách chính trị hậu quả từ cuộc khởi nghĩa Pa Chay làm cho Hmong tăng uy thế chính trị trong tỉnh, vượt xa những sắc tộc thiểu số khác. Nhưng vẫn còn có nơi chưa có trưởng làng, trưởng ấp là người Hmong. Ở những đẳng cấp hành chính cao hơn, chưa một Hmong nào nắm quyền từ khi Lo Bli Yao được cất nhắc làm hạt trưởng một thời gian ngắn ngủi. Không có

quận trưởng, và tỉnh trưởng là điều chỉ có trong mơ tưởng.

Với tài năng chính trị, Touby tin rằng tất cả những chức vụ trên đều có thể dành được cho sắc tộc Hmong, dĩ nhiên do Touby chỉ định. Vì nhiều chức vụ phải trả lương, chính quyền Vientaine nhẹ gánh nặng khi chính Hmong trả lương cho người của mình. Thêm vào đó, xã trưởng được chia hoa hồng tiền thu thuế 10/100. Số còn lại được ăn chặn từ cấp cao hơn trước khi giao nộp cho chính quyền. Tình trạng này quá phổ biến, trở thành một tất nhiên hơn là một lên án. Sự những lạng này có thể nuôi sống một tổ chức chính trị, dưới quyền kiểm soát của Touby. Và chính trị giúp cài thêm Hmong vào chính quyền. Và lại có thêm tiền để nuôi dưỡng chính trị v.v... Với Touby, chỉ khi nắm được quyền và tiền làm chất keo gắn bó những chia rẽ, Hmong mới có thể đoàn kết thành một, và viễn ảnh một vương quốc Hmong huy hoàng mới có thể từ từ lộ dạng.

Tham vọng Touby muốn có đại biểu Hmong trong chính trị quốc gia để vận động việc dùng ngân sách nhà nước xây trường, mượn thầy cho trẻ em Hmong, để trong tương lai, Hmong có thể tranh đua ngang ngửa với người Lào trong việc tìm công việc tốt và chức vụ tốt trong chính phủ. Ngân quỹ cũng có thể dùng trong việc mở mang y tế, nhà thương cho hàng trăm trẻ em Hmong chết oan vì sốt rét, chứng bệnh nhiệt đới dễ điều trị với y khoa hiện đại. Quan trọng không kém là mở mang hệ thống giao thông, và một cơ sở hạ tầng thông tin nhờ đó có thể hội nhập Hmong vào trong nền kinh tế quốc gia.

Đại biểu Quốc Hội có thể thay đổi cán cân quyền lực. Người thiểu số đông hơn người Lào nhưng lại thiếu cơ cấu chính trị để có tiếng nói. Nếu người thiểu số đoàn kết trong một quyền lợi chung, một đảng phái thiểu số, không chỉ Hmong mà còn Khmu, Yao, Thái núi và các sắc tộc khác, họ sẽ có tư thế tốt hơn để đòi hỏi được đối xử công bằng hơn và một vai trò trong đời sống quốc gia. Touby biết người Lào sẽ không bao giờ chấp nhận các điều này trừ phi bị chính quyền bảo hộ ép buộc. Đó là tại sao việc lấy lòng người Pháp là tối cần thiết.

Trong buổi gặp gỡ, Touby hỏi Gauthier, sĩ quan tình báo biệt kích rằng người Hmong có thể giúp gì. Gauthier có một liệt kê dài. Toán biệt kích có 2 máy truyền tin B-2 chạy bằng pin, rất nặng nề. Vì thế thường phải tháo ra, giao cho 2 người, một đeo máy, một đeo pin dù chỉ di chuyển một quãng ngắn. Mục đích của máy này là dùng để chuyển và nhận tín hiệu Morse nơi xa. Nó giúp biệt kích nhận lệnh và gửi tin cho Crèvecoeur và SOE (tình báo Anh) ở Ấn Độ, nhưng máy này vô dụng trong việc liên lạc gần. Thiếu máy liên lạc vô tuyến đã chiến tâm gần để trao đổi thông tin, toán biệt kích cần có giao liên Hmong thay thế. Toán biệt kích cũng cần hướng đạo thông thuộc đường lối, thông dịch viên, phu khuân vác để di chuyển, cất giấu hàng tấn vật liệu thả dù xuống cách đồng, và một số lớn tay súng du kích chiến đấu với họ chống Nhật.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 5 (tt)

Đế quốc Nhật chiếm đóng.



Gauthier

Touby hứa sẽ tìm người tình nguyện cho các yêu cầu này. Việc thăm dò tin tức tình báo tương đối dễ. Với đà dồn quân vào tỉnh ngày càng đông, quân Nhật bận trung thu thực phẩm và tiếp liệu cung cấp cho binh sĩ. Touby chỉ cần giả bộ tình nguyện giúp Nhật trong tiến trình này. Ngay sau đó, ông làm việc cho Nhật, đi khắp các làng trưng dụng gạo, bắp, gia súc cung cấp cho quân Nhật. Việc này giúp ông thu lượm thông tin về sức mạnh, vị trí của địch.

Trong lúc Touby làm công tác tình báo, biệt kích tổ chức tình nguyện quân Hmong thành những toán lao công, phá rừng dọn bãi cho những điểm thả dù vật liệu chiến tranh xuống Cánh Đồng Chum đến từ Ấn Độ. Serres chỉ định toán thứ nhì trong lực lượng, đại úy René Bichelot, tổ chức, huấn luyện Hmong thành lực lượng du kích quấy nhiễu quân Nhật. Bichelot đặt bộ chỉ huy du kích trên cao nguyên núi Phu San, Bắc đường 7. Touby đề nghị nơi này; Hmong sống quanh Phu San trung thành với ông ta.

Với biệt kích Pháp rình mò trong rừng khu vực cán chảo và phi cơ đồng minh thường xuyên thả dù tiếp liệu, vũ khí trên Cánh Đồng Chum, Nhật bắt đầu nghi ngờ có chuyện lớn gì đó sắp xảy ra. Khi Mỹ oanh tạc các nhà ga xe lửa ở Bắc Việt, sự nghi ngờ của Nhật càng được củng cố. Dù cuộc oanh tạc không có gì liên hệ đến biệt kích Pháp, người Nhật tin rằng cuộc phản công tấn chiếm Đông Dương đang trong giai đoạn chuẩn bị, và toàn quyền Decoux với lực lượng thuộc địa của ông đang chờ quân đồng minh đến là nổi dậy đâm sau lưng họ. Sự giao tình nồng ấm Pháp Nhật mau chóng biến thành chua cay. Đầu tháng ba năm 1945, Nhật đảo chính Pháp và nắm toàn quyền hành chánh, quân sự Lào, Việt Nam và Cambodia.

Những thành phố lớn nhất là mục tiêu đầu tiên dưới gót giày chinh phục Nhật. Đoàn lũ viên chức chính quyền hay sĩ quan vệ binh bản xứ ở Vientaine, Luang Prabang, Thakhek, Savanakheth chạy vào rừng để khỏi bị giam giữ. Sau khi làm chủ tình hình ở các thành phố lớn, quân Nhật tỏa ra vùng quê lùng bắt đám người bỏ trốn.

Biệt kích Pháp theo dõi biến cố diễn tiến qua mạng lưới tình báo. Serres phái 1 giao liên Hmong đến Nong Het báo động cho Doussineau (chỉ huy trưởng lực lượng Pháp ở Nong Het) tin quân đội Nhật trên đường truy nã. Doussineau gom góp vũ khí trong trại giao cho Touby giữ. Sau đó ông lên ngựa theo Tougeu, em Touby, báo động các làng xã khắp khu vực tin Nhật cướp chính quyền và chuẩn bị chiến đấu. Vài ngày sau, một đơn vị du kích Hmong phá nổ đập nước Nam Hin, tạm thời cắt đứt lưu thông vào Lào trên đường 7. Người Nhật chỉ tốn 1 ngày sửa chữa hư hại, nhưng Hmong của Touby đã ra tay trước, công khai chống Nhật. Không có thể hòa hoãn được như cũ nữa.

Cho rằng Doussineau phá đập, Nhật tung quân lên các ngọn núi tìm bắt mà không biết ông thực sự ở gần đó, ẩn nấp trong một làng Hmong chỉ cách vài dặm từ Nong Het. Nhận thấy việc để Doussineau quá mạo hiểm, Touby dẫn ông lên núi, trú trong một cái hang đá. Touby nên ở với Doussineau trong hang vì người Nhật biết rằng ông giấu điểm người Pháp và biết chỗ

giấu vũ khí của Pháp. Gián điệp giả dạng các nhà địa chất của nha công tác khoáng chất Nhật và các thương gia của Chiêu Hòa thương mại công ty thu thập tin tình báo từ các quý tộc Hmong trong khu vực. Sự hợp tác trong việc trưng dụng tiếp liệu và lương thực cho quân đội Nhật không đánh lừa được ai. Sự trung thành với Pháp của ông đã được ghi nhận rất nhiều trong hồ sơ lý lịch.

Một toán tuần tiễu võ trang hùng hậu bắt được Touby ở Na Kong và giải ông về Nong Het. Một trùng hợp may mắn rằng Jean-Henri Mazoyer, giám mục Vientaine đang trên đường kinh lý công tác truyền giáo tại nhà thờ Nong Het khi người Nhật đến tìm bắt Doussineau. Chỉ tìm thấy đức giám mục, Nhật giam tại gia ông tại nhà thờ. Đức giám mục cẩn thận kìm lại khi quân Nhật thẩm vấn Touby. Sau vài ngày tra tấn, Touby thú nhận có giữ vũ khí của quân Pháp ở Nong Het. Khi đức giám mục Mazoyer biết Touby sẽ bị hành quyết, ông không kềm được nữa. Ngài đã bỏ nhiều năm trong 10 năm truyền giáo cho dân miền núi, và chú ý đặc biệt tới Touby vì ảnh hưởng của Touby với Hmong. Mazoyer khuyên cáo người Nhật rằng nếu Touby bị xử tử, toàn thể Hmong sẽ nổi dậy. “Tình hình sẽ mau chóng trở nên không thể quản lý.” Ông thêm vào :” Họ sẽ làm loạn cho dù không có hậu thuẫn của Pháp.” Tin vào sự thâu cáy của đức giám mục, quân Nhật thả Touby.

May mắn thoát chết, Touby tránh xa người Nhật và nối lại liên lạc với biệt kích Pháp. Serres đón chào ông mừng rỡ. Càng thêm nhiều lính Nhật đến từ Việt Nam. Serres rất cần một lực lượng du kích bản xứ khá đông nhằm tăng cường cho nhóm biệt kích ít ỏi của ông. Touby chiêu mộ thêm Hmong để phát triển thành du kích với trang bị, huấn luyện, vũ khí, chất nổ từ kho chứa Đồng Minh thả dù ngày càng nhiều. Sự kiện vũ khí, đạn dược quá nhiều là vì một sai lầm hậu cần ngoài ý muốn.

Nhiều tháng trước, kỹ sư Pháp thuộc bộ Công Chánh Lào, cùng với sĩ quan quân đội thuộc địa tổ chức một lực lượng kháng chiến bí mật tên là tổ chức hoạt vụ (The Service d’Action.) Sĩ quan cầm đầu là Mayer. Họ có được

một máy vô tuyến giống như của toán biệt kích Gauthier dùng để liên lạc với Crèvecoeur (đại tá chỉ huy trưởng tỉnh báo Pháp) và SOE (tỉnh báo Anh) ở Ấn Độ. Mayer xin vũ khí và tiếp liệu, đủ để trang bị cho dân quân miền Trung và miền Nam Việt Nam. Ông đã có sẵn dân công tình nguyện chuyển những món hàng này sang Việt Nam. SOE chuẩn y và thả dù 90 tấn hàng hóa xuống Cánh Đồng Chum.

Cuộc thả dù không đúng lúc. Những cánh dù thả xuống trong lúc sự hiện diện của quân Nhật càng đông đảo. Với kẻ thù tuần tiễu khắp nơi, toán kháng chiến của Mayer không hy vọng di chuyển được một phần hàng hóa tới Việt Nam. Bằng quyền thụ hưởng mặc nhiên, hàng của Mayer trở thành hàng của biệt kích Serres, phân phối cho Hmong.

Võ trang với vũ khí mới, dù chưa bắn thử, một toán du kích Hmong phục kích một đoàn xe quân sự trên đường 7. Gauthier và 2 biệt kích Pháp khác đi theo cố vấn. Khi 12 xe tải lọt vào tầm súng, người Pháp khai hỏa vào chiếc xe đầu bằng súng tự động. Hmong quay đầu ...chạy. Họ chưa từng nghe tiếng súng liên thanh. Tiếng nổ rền làm họ hoảng sợ.

Ngay sau đó Serres nhận được tin tình báo rằng có 2 trung đoàn Nhật đến từ Việt Nam tiến chiếm Xiêng Khoảng. Không may may nghi hoặc, Serres điều quân Hmong chưa quen nghe tiếng súng đánh chặn quân địch, với tiêu lệnh tiêu diệt càng nhiều càng tốt. Lần này Hmong chiến đấu mãnh liệt, làm chậm bước tiến quân Nhật.

Hai trung đoàn Nhật chỉ là toán đi đầu cho một cuộc tăng viện ào ào của địch. Hầu như mỗi ngày, từng đoàn quân xa chở lính trên đường 7 vào Cánh Đồng Chum, Luang Prabang, Paksane, Thakhek và Savanakhet. Du kích Hmong phá cầu Ban Ban nhiều lần nhưng công binh và các toán xây cất Nhật luôn có sẵn để sửa chữa.

Một khi số quân tăng viện lên đến cực điểm, nỗ lực kháng chiến trở nên vô ích. Tổ chức hoạt vụ của Mayer trước đây hoạt động ở Vientaine và Luang Prabang, thỉnh thoảng đột nhập vào cánh Đồng Chum, giờ đây đã giải tán. Sĩ quan và viên chức dân sự Pháp lẫn vào rừng chờ cho qua cuộc chiến để

tránh bị bắt. Một lực lượng kháng chiến lớn hơn, khoảng vài ngàn người Lào, chỉ huy bởi cựu sĩ quan vệ binh bản xứ, tập trung nỗ lực trong khu vực cán chảo đạt được thành công lớn. Nhóm này cũng đã giải tán. Tất cả trốn trong rừng, dù khoảng 1000 tình nguyện quân người Lào di chuyển về hướng Bắc với một sĩ quan chỉ huy, J. Parisot, và cuối cùng đến Vân Nam, Trung Hoa. Người Pháp sau này mô tả cuộc trường chinh ấy là hào hùng và tưởng thưởng tình nguyện quân Lào tham dự bằng cách thăng chức mau chóng hơn binh sĩ khác trong quân đội Lào. Sau này, nhóm binh sĩ ấy trở thành sĩ quan nòng cốt của quân đội quốc gia.

Biệt kích trên Cánh Đồng Chum cũng bỏ cuộc. Serres đã được triệu hồi về Ấn Độ, nhường chức vụ chỉ huy cho Bichelot. Cánh Đồng Chum tràn ngập binh sĩ Nhật, Bichelot nhận lệnh từ Ấn Độ ngưng hoàn toàn chiến dịch. Các toán biệt kích chia nhau một số xuôi Nam, một số vào Việt Nam làm công tác tình báo. Chỉ còn Bichelot và Gauthier ở lại Xiêng Khoảng để duy trì liên hệ với Hmong và theo dõi hoạt động Nhật trong tỉnh.

Bây giờ công tác chiến đấu đã hết, Touby chuyển sang giúp Bichelot, gauthier, và tất cả người Pháp còn lại ẩn núp, tồn tại cho đến khi Đồng Minh giải phóng Đông Dương. Hmong đem những người Pháp bị thương về nhà chữa trị. Du kích Hmong dẫn người Pháp lên núi ở trong các hang động. Sự kiện này giữ vững tinh thần rất lớn vì người Nhật đối xử tàn nhẫn với tù binh, đâm thủng mũi họ và xỏ dây để lôi kéo như súc vật. Người Nhật buộc tù nhân kéo cây giống như trâu ngoài đồng. Nhờ hệ thống cứu giúp của Touby, nhiều người Pháp thoát khỏi bị bắt và cứu vẫn được số phận.



Touby Lyfong

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 6

Pháp trở lại.

Nền độc lập ngắn ngủi.

Trả độc lập cho toàn cõi Đông Dương nằm trong chính sách của đế quốc Nhật. Dĩ nhiên nó chỉ là một giải phóng trên giấy tờ với Việt Nam, Lào Cambodia sáp nhập vào trong đế quốc Nhật dưới danh nghĩa khối thịnh vượng chung đại Đông Á, tuột khỏi tay thực dân Pháp vào trong nắm tay của đế quốc Nhật. Người Nhật còn hoang tưởng sẽ có reo hò mừng rỡ trên đường phố. Á Châu bóc lột Á Châu đỡ ô nhục hơn bị Âu Châu khuất phục. Nhưng bây giờ quân Đồng Minh xiết chặt vòng vây quanh đế quốc Nhật, việc trả độc lập có vẻ vô nghĩa. Bộ tư lệnh tối cao Nhật ở Đông Dương quyết định giải phóng các thuộc địa Pháp bất kể thực trạng đó chỉ nhằm gây rắc rối cho Pháp một khi họ trở lại tái chiếm thuộc địa. Vấn đề suông sẽ không trở ngại ở Việt Nam và Cambodia, nhưng tạo lảo, vua Sisavang Vong, một người trung thành với Pháp, chùn lại trước ý tưởng cắt đứt mọi liên hệ với Pháp. Tuy nhiên khi Nhật bắt cóc Savang mang vào Sài Gòn,

đông cung thái tử 38 tuổi con của đức vua, người sẽ kế vị ngai vàng, vua Sisavang chịu nhượng bộ.

Người Nhật tuyển chọn trong số các quý tộc Lào tìm một thủ tướng cho nước vừa được giải phóng. Ứng viên sáng giá là hoàng tử Phetsarath. Sau đức vua, ông là một người được kính trọng nhất nước. Thông minh giỏi dẫn, ông đã du học Pháp, thêm 1 năm tại Oxford, xuất bản một cuốn sách và là một viên chức tinh tế. Từ năm 1941, Phetsarath giữ chức phó vương Lào, làm nhiệm vụ đại biểu trực tiếp giữa thân dân và đức vua. Người Nhật cam kết với Phetsarath rằng ông sẽ được tự do cai trị một nước Lào độc lập. Tin vào đó, Phetsarath bắt đầu cải tổ nhân sự. Hàng nhiều thập niên, người Pháp dùng người Việt Nam giữ những chức vụ hành chính cho đến khi con số người Việt trong guồng máy nhà nước áp đảo người bản xứ như công chánh, bưu điện, thuế vụ, viễn thông và ngay cả cảnh sát quốc gia. Từ lâu ghê tởm tình trạng này, Phetsarath định loại trừ tất cả người Việt và thay vào bằng các viên chức Lào. Đa số các viên chức Việt ngoan cố từ chối việc bỏ nhiệm sở, gây tê liệt hoàn toàn bộ máy chính quyền.

Phetsarath tiếp tục tạo sức ép lên vấn đề này. Đây là một hành động nguy hiểm. Người Việt chiếm đa số trong các thành phố lớn. Hỗn loạn bùng nổ. Từng nhóm người Việt tràn xuống đường phố, và ở Vientiane, chiếm các công sở chính phủ. Chính phủ mới tê liệt. Phetsarath kêu gọi quân đội Nhật can thiệp. Họ từ chối. Chiến tranh đã kết liễu, họ chuẩn bị đầu hàng.

Người Pháp mau chóng tiếp thu quyền lực. Tháng tám năm 1945, Hans Imfeld, một sĩ quan pháo binh Pháp được Hmong che chở trong thời kỳ Nhật tàn nã, ra khỏi nơi trú ẩn, dẫn một lực lượng du kích nhỏ của Touby chiếm đóng cự để đô Luang Prabang. Tất cả cư dân hoàng thành đã bị Nhật di tản. Chỉ có gia đình hoàng gia, vài người bành quan tại sông Mekong, nơi họ đóng những xuồng máy, ném tia nhìn lo ngại vào họ.

Imfeld gặp vua Sisavang trong tâm trạng đầy khích động. Có tin đồn là lính Trung Hoa sắp sửa chiếm đóng thủ đô. Trong lịch sử, năm 1880, lính Trung Hoa biến thành thổ phỉ tràn ngập thành phố cướp bóc và cố tình gieo

kinh hoàng trong dân chúng. Imfeld hiểu tại sao họ gấp rút chế tạo những xuống máy.

Nguyên nhân tin đồn là quyết định của Đồng Minh, chỉ định Trung Hoa việc giải giới quân đội Nhật ở Đông Dương phía Bắc vĩ tuyến 16; Anh cũng làm việc ấy phía Nam vĩ tuyến 16. 7 Năm chiếm đóng, quân đội Nhật tàn phá Trung Hoa và gây ra vụ tàn sát ở Nam Kinh, quân đội Nhật ở vùng thượng Lào và Bắc Việt gấp rút chuyển quân về phía Nam dưới vĩ tuyến 16 để có thể đầu hàng Anh thay vì đầu hàng Trung Hoa.

Người Nhật không cần phải vội vã. Vì Trung Hoa bị chiến tranh tàn phá. Quân đội Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch mắc tranh giành lãnh thổ, phải vài tháng nữa trước khi quân đội Trung Hoa bắt đầu tiến qua biên giới thi hành lệnh giải giới của Đồng Minh. Sisavang dĩ nhiên không thể biết như thế. Thừa cơ nỗi lo sợ của nhà vua về dịch bệnh Trung Hoa chiếm đóng thủ đô, Imfeld đề nghị rằng Pháp sẽ bảo vệ Luang Prabang khỏi tay bọn thổ phi Quốc Dân Đảng, nếu Sisavang từ bỏ nền độc lập và thừa nhận quyền thống trị của Pháp trên toàn cõi vương quốc. Sisavang mừng rỡ đồng ý.

Khi Sisavang tuyên bố từ bỏ độc lập đến tai tổ chức Lao Seri, cựu lực lượng bán quân sự do OSS (tiền thân CIA Mỹ) tổ chức và huấn luyện, họ cảm phần thành lập một chính phủ riêng ở Savanakheth, thành phố lớn nhất của Lào gần căn cứ cũ của OSS ngang dòng Mekong ở Thái Lan. Họ mời hoàng thân Souphanouvong, với tư cách đại biểu của đảng Cộng Sản Đông Dương, góp mặt trong thành phần chính phủ. Souphanouvong có 50 cận vệ nguyên cán bộ Cộng Sản Việt Nam.

Đó là điều khá bất ngờ. Souphanouvong là một người cô độc, trong quá khứ tránh tham gia chính trị. Dù sinh trưởng trong gia đình hoàng gia, là con út của hoàng tử Khong Boun, Souphanouvong bắt lực về mặt chính trị vì mẹ của ông là vợ bé, một cung phi trong gia đình dân giả. Trước kia Souphanouvong nhận ra hoàng thân Phetsarath và hoàng thân Souvana Phouma, anh của ông và hợp hiến hơn, luôn trội hơn ông trong chính trị. Vì thế ông ẩn lánh và chọn nghề kỹ sư công chánh, Souphanouvong du học ở

Hà Nội và sau đó ghi danh ở trường Ecole des Ponts et Chaussées để học xây dựng cầu cống, đập ngăn nước, nán lại học thêm về xây cất hải cảng ở Bordeaux và Le Havre.

Thay vì về nước, Souphanouvong tìm được việc ngành công chính với chính quyền thuộc địa tại Việt Nam, làm việc cho xưởng tiện gần Vinh cho cục đường sắt xuyên Đông Dương. (Trans-Indochinese Railway.) Kinh nghiệm này khiến ông nuôi ý căm giận người Pháp. Cục đường sắt trả lương cho người Pháp, một số không có bằng cấp như ông, nhiều gấp bội trả cho ông. Ông ít giao thiệp với người Pháp và chỉ giao du với người Việt Nam. Lúc ấy, ông không chỉ trọng người Việt hơn người Pháp mà còn hơn cả đồng bào của ông nữa (Đúng là vong bản. Định mạng an bài cho ông sau này rước Việt Nam về cai trị đất nước mình.) Ông cưới một người vợ Việt, Lê Thị Kỳ Nam, một thuộc hạ trung kiên của Hồ Chí Minh, một thời làm thư ký riêng cho Hồ. Ngay sau khi lập gia đình, Souphanouvong gia nhập đảng Cộng Sản Đông Dương.

Tại Savanakhet, Souphanouvong đóng trọn vai trò đảng viên Cộng Sản. Dựa vào uy tín của anh là hoàng tử Phetsarath, ông được chỉ định làm chủ tịch chính phủ mới. Hành động chính thức trong cương vị chủ tịch là thành lập một quân đội giải phóng. Để có thể trang bị cho quân đội, ông ký kết với Việt Minh, cho phép họ hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Lào. Từ đây, quân đội của Cộng Sản Việt Nam công khai hiện diện trên đất Lào.

Xa hơn về phương Bắc ở Vientiane, Phetsarath thành lập một chính phủ thứ hai, Lao Issara (Lào Tự Do.) Ông lập Quốc Hội, chọn đại biểu Quốc Hội lâm thời và thành phần nội các. Phetsarath chọn anh của Souphanouvong là Souvana Phouma làm bộ trưởng Công Chánh. Tốt nghiệp kỹ sư, Souvana leo từ hệ thống đẳng cấp công chánh Lào lên đến chức vụ tổng quản trị. Ông cuối cùng là một chính khách hàng đầu của chính trị Lào, nhưng lúc ấy, ông được đánh giá như một chuyên gia hơn là một chính khách.

Lo lắng việc che giấu mọi căn cứ, Souphanouvong chạy lên Vientiane tìm

nắm một chức vụ trong chính phủ. Khác với Souvana Phouma, ông không thỏa mãn với chức vụ chuyên gia kỹ thuật và đòi hỏi những gì có mục đích chính trị. Phetsarath bổ nhiệm ông làm bộ trưởng Ngoại Giao đầu tiên của chính phủ Lào Tự Do (Issara.)

Pháp tăng viện.

Trong khi giới quý tộc Lào thái ngán chính phủ mới, người Việt Nam ở các thành phố lớn ở Lào khởi sự vũ trang. Không giống như các nổi loạn trước, đây không phải cuộc nổi loạn tự phát. Cán bộ của Hồ Chí Minh được phái đến trước để sách động, hứa hẹn trang bị vũ khí chống Pháp một khi Pháp trở lại. Cán bộ Cộng Sản Việt Nam cũng liên hệ với người Việt ở khu vực thung lũng và ven biên thuộc tỉnh Xiêng Khoảng, khuyến họ chuẩn bị đấu tranh đòi ...ly khai (không thích Lào thì về Việt Nam chứ sao lại ly khai trên đất người ta?), nhằm mục tiêu liên minh tỉnh Xiêng Khoảng với Bắc Việt. Để nguôi nỗi sợ người Pháp trả đũa, cán bộ Cộng Sản Việt nam hứa yểm trợ dân làng bằng những tiểu đoàn Việt Minh tụ họp ở biên giới và sẵn sàng tiến qua.

Lúc này những đơn vị thiết giáp Pháp đã đổ bộ từ cảng Sài Gòn. Những đơn vị khác nối tiếp cho đến khi Pháp đạt được một lực lượng 40 ngàn binh sĩ. Lực lượng chính ở Việt Nam, nơi dự tính sẽ xảy ra chiến tranh kịch liệt. Số còn lại độ 3000 người, sang Lào và Cambodia. Thành phần tăng phái sang Lào đặt chân lên vùng cán chảo đầu tháng Ba năm 1946.

Đại tá Boucher de Crèvecœur (chỉ huy trưởng tình báo Pháp trụ sở tại Ấn Độ) có mặt ở Lào niềm nở tiếp đón họ. Ba tháng trước ông rời phòng kế hoạch của SOE (Special Operations Executive, tình báo Anh) ở Calcutta để bắt tay hành động. Nó mang nghĩa thăng chức. Leclerc, (vị tướng có căn biệt thự ở Nong Het từng được biệt kích Pháp của Crèvecœur tạm trú thời Nhật,) thăng chức cho Crèvecœur làm tổng tư lệnh các lực lượng Pháp ở Lào. Với vinh dự này, Crèvecœur tập hợp các biệt kích Pháp, du kích bản xứ dọn đường cho thực dân Pháp tái chiếm Lào. Crèvecœur tổ chức được một đoàn quân gồm 2000 binh sĩ, chia thành 4 tiểu đoàn khinh binh, tỏa ra

khắp vùng cán chảo, khiến lực lượng kháng chiến chống Pháp ở các thị trấn nhỏ, tìm đường lần trốn. Tới lúc liên kết được với lực lượng biệt phái từ Việt Nam, chỉ còn 2 lữ kháng chiến ở Nam Lào còn tiếp tục : Savanakhet và Thakhek.

Hợp lại thành một, hai lực lượng cơ hữu và tăng viện tràn ngập Savanakhet, phòng ngự bởi biệt kích OSS dưới hiệu lệnh của Lào Tự Do (Issara) và bởi dân sự Việt trang bị vũ khí lạc hậu. Nó là lực lượng ô hợp gồm vài trăm tay súng đối đầu với hàng ngàn binh sĩ nhà nghề võ trang hiện đại. Sau vài cuộc chạm súng nhỏ, lực lượng kháng chiến vỡ chạy. Chiến thắng dễ dàng ấy củng cố niềm tự tin của quân đội tái chiếm. Kế đến là Thakhek. Sự việc đổi khác.

Kẻ chờ đợi họ chính là Souphanouvong. (Cái tên vận vào số kiếp. “So far” và so far, ông chỉ là kiếp “nô vong”, So Far Nô Vong) tay sai Cộng Sản Bắc Việt. Với sự yểm trợ của Việt Minh, ông tổ chức Việt kiều ở Thakhek thành một nhóm dân sự chiến đấu nhì nhằng. Souphanouvong kỳ vọng một cuộc chiến đấu khốc liệt, nhưng những gì xảy ra vượt quá sức tưởng tượng của ông. Phi công Pháp lái chiến đấu cơ Spitfires của Anh đột ngột xuất hiện. Bom của họ phá tan chợ búa, sát hại và sát thương hàng trăm nhân mạng. Lính Pháp chọc thủng phòng tuyến và càn quét thị trấn. Nhà cửa bốc cháy và xác người la liệt trên đường. Sau đó cả thành phố chìm trong lửa khói. Khi người Việt Nam tìm đường tẩu thoát, tình nguyện quân Clèvecoeur tập kích bén gót. Chỉ vài giờ truy kích, hàng ngàn người Việt bị hạ sát. Một sĩ quan Pháp sau này nhận xét : Một biểu thị sự căm hận người Việt của người Lào.

Souphanouvong lần trốn sự tập kích của tình nguyện quân Lào, chạy đến bờ sông nơi ông chen lẫn vào một thuyền buồm chạy qua bờ bên kia sông Mekong sang đất Thái Lan. Oanh tạc cơ Pháp bay quần con sông, xạ kích bất cứ cái gì di động. Những viên đạn xuyên thủng vỏ thuyền sát hại 7 trong số 25 người trên thuyền và 12 người bị thương. Souphanouvong trúng đạn ở ngực, “chỉ một lông tay là trúng trái tim phản quốc.” Ông mê

man nương vào chiếc thuyền lật, thở sùi bọt qua lồng ngực lũng vì trúng đạn và được 3 người sống sót kéo vào bờ. Nhờ vào sự giúp đỡ của dân Thái Lan, Souphanouvong được nhập viện kịp thời để bác sĩ Thái Lan cứu sống. Với Thakhek trở thành đồng gạch vụn, Pháp thúc quân sang Luang Prabang. Cổ đô hoàng tộc lọt vào tay thực dân Pháp không một tiếng súng. Vientaine là mục tiêu kế. Ngày 24 tháng Tư năm 1946, một tiểu đoàn nhảy dù xuống ngoại Vientaine. Khi quân nhảy dù chinh đồn hàng ngũ tiến vào thủ đô, các lãnh tụ non yếu của chính phủ Lào Tự Do (Issara) phá hủy đài phát thanh, phóng hỏa các trụ sở chính phủ và đập phá nhà máy phát điện thủ đô. Trong một hành động chống phá cuối cùng trước khi chạy sang Thái Lan, họ bắn súng cối vào đoàn quân Pháp đang tiến vào thủ đô. Xét theo mục đích thì cuộc hành quân tái chiếm là một chiến dịch hoàn toàn thắng lợi về phía Pháp. Tất cả mọi việc lật vật là cần quét các ổ kháng cự lẻ tẻ rải rác đây đó.

Tái chiếm Xiêng Khoảng.

Phản khởi khi được tin Hồ tuyên bố độc lập và các lời lẽ sách động của cán bộ Cộng Sản, Việt kiều ở Xiêng Khoảng tổ chức đội ngũ, dương biểu ngữ tuyên bố ý định tách Xiêng Khoảng khỏi Lào, sát nhập vào nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa mới thành lập của Hồ. Người Pháp tự tin rằng những tiểu đoàn của họ có thể đánh dẹp bọn dân quân này như đã làm ở Savanakhet và Thakhek. Họ chỉ lo ngại việc Việt Minh đang điều quân ở biên giới. Để theo dõi tình hình, họ nhờ Touby.

Touby dùng tư gia của mình ở Nong Het làm trung tâm dò thám tình báo. Hmong phúc trình tin tức tại nhà và Touby chuyển sang cho bộ tư lệnh của Crèvecoeur bằng liên lạc vô tuyến, sử dụng bởi một tình nguyện viên người Pháp. Gauthier ở tại ngôi nhà ấy như sĩ quan phối hợp liên lạc. Ông ta ở với Hmong sau khi tách ra khỏi đơn vị biệt kích. Bichelot cũng thế, sống tại thị trấn Xiêng Khoảng.

Bỏ thói quen của một sĩ quan tình báo, Gauthier làm quen với sinh hoạt thường ngày ở Nong Het. Ông đặc biệt lưu tâm đến bọn thương buôn phố

Tàu. Ông tin bọn con buôn người tàu này bán tin cho Cộng Sản và bây giờ chắc Việt Minh biết chuyện gì xảy ra trong căn nhà của Touby. Gauthier tiên đoán Việt Minh sẽ tấn công bất cứ lúc nào. Theo lệnh của ông, mỗi buổi tối, tất cả mọi người trong nhà phải leo lên đồi gần nhà để ngủ. Một buổi hừng sáng, toán tình báo thức giấc vì tiếng súng. Du kích Hmong cũng nghe tiếng súng và bắn hạ theo. Du kích cẩn thận leo xuống đồi. Quang cảnh đầu tiên họ thấy khoảng một trăm người Việt bao vây căn nhà, vũ trang đầy đủ, có cả súng máy. Du kích bao vây bọn bao vây và khai hỏa. Cuộc chạm súng dứt lúc trưa khi cỗ súng máy cuối cùng câm họng. Trong số người chết có lẫn binh sĩ Nhật, vài trăm lính Nhật làm nghề đánh mướn thay vì đầu hàng Đồng Minh.

Cuộc chiến chưa dứt hẳn. Vài đơn vị Việt Minh khác cũng đã thâm nhập thị trấn Xiêng Khoảng. Bichelot ở đó với cựu Lê Dương (Legionnaire) Tisserand, cả hai chống với Việt Minh không rõ quân số, không có các tay súng Hmong yểm trợ. Hai người Pháp leo lên một chiếc xe hơi cũ chạy bằng rượu, lái về hướng những ngọn đồi. Được vài dặm họ gặp toán tuần tiễu của Nhật. Súng máy tuốt lên khắp chiếc xe. Bichelot trúng đạn phía sau lưng, Tisserand lái thay Bichelot xả tốc lực chạy thoát. Lúc Tisserand đến một làng Hmong, Bichelot đã ngất đi vì chấn thương và mất máu.

Gauthier và Touby ở cạnh Bichelot ngay sau đó. Gauthier mừng vì thấy vết thương của Bichelot không nguy hiểm đến tánh mạng. Điều đáng tiếc là ông ta phải nằm liệt giường vài tuần chờ bình phục. Vài trăm Việt Minh đổ vào tỉnh. Xiêng Khoảng vốn đã là một thành phố chiếm đóng bởi dân quân người Việt. Việt Minh lập một bộ chỉ huy tiền phương ở Lat Boua. Dù Gauthier nóng ruột muốn tấn công Việt Minh ngay lập tức, bằng không sẽ mất uy tín với Hmong, ông cũng dè dặt không dám tự làm một mình. Đầu tháng 12 vừa đến và Bichelot vẫn còn đang dưỡng thương, Gauthier không nhin nổi nữa. Ông ra lệnh tấn công Lat Boua. Ông có thể chọn mục tiêu dễ ăn hơn. Cộng Sản bao quanh căn cứ với hệ thống chiến hào kiên cố. Khi

lâm trận, Gauthier nhận ra du kích của ông khó chọc thủng tuyến phòng ngự. Ông ra lệnh rút lui lên đồi. Điều an ủi là Việt Minh bị tổn thất nặng nề trong trận chiến.

Vết thương Bichelot thuyên giảm từ từ; phải mất thêm 1 tháng nữa ông mới có thể đi lại không cần người nâng đỡ. Vì thế Gauthier vẫn nắm chỉ huy mọi việc. Gauthier bị sức ép của Touby và Sai Kham, tỉnh trưởng Xiêng Khoảng, thúc giục việc giải phóng tỉnh. Thành phố không quan trọng về mặt quân sự nhưng vì là thủ phủ của tỉnh, nó mang một biểu tượng quan trọng. Cơ may Hmong đánh bật Việt Minh ra khỏi tỉnh rất mong manh. Gauthier ước đoán Touby có thể tập hợp không hơn vài trăm tay súng, chỉ tương đương quân số với Cộng Sản ở Xiêng Khoảng. Ông ngờ vực rằng lực lượng du kích tạp nham của Hmong khó đương cự với quân chính quy Việt Minh. Mỗi lo âu này khiến ông trì hoãn, viện cớ Bichelot chưa khỏi bệnh nên phải án binh bất động. Touby tiếp tục gây sức ép buộc Gauthier hành động. Cuối tháng 12, Gauthier chịu nghe theo và nói Touby điều động du kích.

Thay vì vài trăm du kích như Gauthier ước đoán, Touby tập hợp hơn 3000 tay súng. Cuộc tấn công diễn ra lúc trời chưa rạng sáng. 10 Hmong mặc đồ đen leo lên nóc chùa Phật Giáo, đỉnh cao này có tầm nhìn bao quát khắp thành phố, bố trí 2 khẩu súng máy và một súng cối. Hmong lên vào âm thầm tiêu diệt từng người bằng dao. Vài giờ sau, chỉ ngay khi hừng đông, 3000 lính của Touby trang bị toàn súng carbine Pháp, tấn công từ mọi hướng. Địch quân tủa ra công sự phòng thủ đều bị đồn gục bằng những cỗ súng máy trên nóc chùa. Hai tiếng đồng hồ sau, Hmong xiết chặt vòng vây quanh thành phố. Cuối cùng là cận chiến, bẻ gãy ý chí chiến đấu Cộng Sản. Một tháng sau chiến thắng rực rỡ, Touby trở lại Xiêng Khoảng tham dự lễ tuyên dương công trạng của ông trong chiến dịch. Gauthier có mặt chủ tọa buổi lễ sau khi đi Sài Gòn nhận một hộp đầy huy chương. Trịnh trọng trong bộ com lê, Touby đứng hãnh diện khi Gauthier trao cho ông huy chương danh dự Lê Dương Pháp (French Legion of Honor.) Kế đến là các trưởng

tộc tham dự trận đánh. Trong trang phục truyền thống Hmong thêu sắc sỡ, với nhiều vòng cổ bằng bạc, đeo từ cổ xuống ngực, mỗi người bước lên nhận một huy chương thập tự chiến (Croix de Guerre.)

Nó cũng là ngày vinh quang cho Gauthier. Ông đã sống và làm việc chung với Hmong hơn 1 năm. Ông không ngăn được lòng mến phục họ, mặc dù họ hoàn toàn thiếu kỷ luật quân đội. Gauthier có thiện cảm với lý tưởng của họ, đối với một quân nhân chuyên nghiệp, đó chắc chắn là dấu hiệu trở nên bị đồng hóa vào địa phương. Ông bắt đầu hứa hẹn những điều ông không có thẩm quyền: trường học cho trẻ em Hmong, nhà thương cho người bệnh, tăng quyền tự trị ở cấp bậc địa phương và đại biểu trong chính quyền quốc gia. Dĩ nhiên đó chính là điều Touby mong mỏi và chỉ củng cố quyết tâm của ông giúp người Pháp tái lập nền thuộc địa ở xứ sở này.

Du kích Touby tiếp tục quấy nhiễu Việt Minh cho đến tháng Ba năm 1946 khi lực lượng chính quy Pháp đến tiếp thu Xiêng Khoảng. Hoạt động của du kích đã chế ngự mọi nỗ lực của Việt Minh nhằm thiết lập một hiện diện cố thủ có thể trói chân lực lượng Pháp trong nhiều tháng. Chỉ gặp vài ổ kháng cự lặt vặt, lính Pháp truy lùng cư dân Việt ở Xiêng Khoảng. Họ càn quét Khang Khay, khu phố toàn người Việt Nam trong tỉnh rồi thọc xuống Nam trực xuất hàng ngàn nông dân Việt Nam khỏi Cánh Đồng Chum. Từ cánh đồng, các đơn vị Pháp tạt sang hướng Đông về phía biên giới, san bằng các làng Việt Nam, lừa dân cư sang phía bên kia biên giới.

Người Việt Nam đã chiếm cứ một lõm đặc biệt trong tỉnh. Nhiều người là thương gia và nghệ nhân (thợ có tay nghề), nòng cốt của giới trung lưu ở thành phố tỉnh, nơi người Việt chiếm 70/100 dân số. Những người Việt khác là những nông dân sung túc, làm chủ những thửa đất tốt nhất trong tỉnh. Hàng ngàn mẫu ruộng nước ở khu vực Đông Nam Cánh Đồng Chum và trong thung lũng tốt tươi Muong Ngan cũng ở Đông Nam cánh đồng, loại điền thổ làm cho những thửa ruộng khô, xấu của Hmong, đào xới từ những sườn đồi cạn kiệt màu mỡ, trở nên càng xấu. Đuổi người Việt đi rồi, những thửa ruộng này trở nên vô chủ. Touby muốn những mẫu ruộng này

như là bổng lộc cho những trưởng làng trung thành với ông và cho tình nguyện quân Hmong chiến đấu chống Việt Minh. Người Pháp không những cho ông đất, họ còn cho tiền mặt nữa.

Cuộc thanh tẩy chủng tộc ở Xiêng Khoảng không là hiện tượng đơn lẻ. Ở Nam Lào, Vientaine và Luang Prabang, lính Pháp cũng đuổi người Việt ra khỏi nước. Rất ít người Việt Nam nán lại Lào sau cuộc bách hại quy mô này. Kẻ nào ở lại bị gán cho nhãn hiệu đạo quân thứ Năm, bị cảnh sát phiên nhiều, bị xã hội tẩy chay và cấm buôn bán. Trong vòng vài năm, hầu hết dọn sang Thái Lan hay trở về Việt Nam.

Cuộc tái hồi Việt Nam là một đòn chí tử cho phong trào Cộng Sản Đông Dương vùng đất thấp, nơi đảng viên toàn là người Việt. Người Việt đi rồi, và người Lào vùng thấp trợ trợ, không hưởng ứng các cuộc tuyên truyền Cộng Sản, đảng Cộng Sản Đông dương không còn cách nào khác, dời địa bàn lên vùng cao và tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản cho dân tộc miền núi. Quyết định này thay đổi hoàn toàn đường hướng của Cộng sản Lào và gây hậu quả diệt chủng cho số phận bộ tộc Hmong khi lịch sử diễn tiến.

Faydang.

Trước khi quân Pháp tái chiếm Lào và hơn một năm, Faydang tiếp tục đeo đuổi mối thù chống Pháp (chỉ vì Ly Foung Touby thân pháp.) Chỉ huy một toán du kích thị tộc Lo, ông ta giúp người Nhật tìm bắt người Pháp đang lẩn trốn. Sau khi Nhật đầu hàng, Faydang quay sang ủng hộ Việt Minh chiếm Xiêng Khoảng và đẩy lui quân Pháp tái chiếm tỉnh. Bằng quân của mình, ông phục kích một đại đội Pháp, tiêu diệt 8 binh sĩ. Đó chỉ là một chiến thắng nhỏ trong một tình thế hỗn loạn rộng lớn.

Khi quân Pháp có thể tuần tiễu suốt tỉnh không trở ngại, faydang chạy sang biên giới. Touby rượt theo bén gót và suýt tóm được ông ở Muong Sen, lỡ cơ chỉ vài tiếng đồng hồ. Vài tuần sau, Touby bắt được người anh của Faydang, tên Lo Nghia Vu và tra khảo gần chết để buộc cung khai chỗ trốn của Faydang. Nghia Vu trốn thoát trên đường áp giải lên nhà tù thành phố Xiêng Khoảng. Xin phép đi vệ sinh, ông lủi vào rừng mất dạng. Sợ bị bắt

lần nữa và bị tra tấn, ông chạy không nghỉ suốt mấy tiếng đồng hồ, tay vẫn bị trói sau lưng. Sự việc này càng nung nấu căm thù của Faydang với Touby và dòng họ Ly.

Faydang ở lại Việt Nam cùng với vài trăm Hmong cùng thị tộc ở Nong Het, lệ thuộc hoàn toàn vào Cộng Sản Việt Nam để tồn tại. Cộng Sản sát nhập toán quân nhỏ bé của Faydang vào tổ chức gọi là “Ủy ban Kháng Chiến Đông Lào” của họ. Năm 1947, Ủy Ban trở thành “Kháng Chiến Lào”, một tổ chức mặt trận của Việt Minh gồm những thành phần chống đối chính quyền Lào và người thiểu số miền núi. Faydang trở lại Lào với tư cách phó chủ tịch mặt trận. Gạt bỏ cái chức danh hào nhoáng ấy ra, công việc chính của Faydang là hâm nóng chiến tranh du kích Cộng Sản dọc đường 7, vẫn con đường khoét vào núi rừng của lao công Hmong 3 thập kỷ trước.

Với Faydang trở lại Lào, Touby bắt đầu thu thập tin tức tình báo ở các làng, tập trung vào thị tộc Lo. Thuộc hạ của ông bắt giữ những những người tình nghi và tra khảo lấy tin. Có cả vài vụ hành quyết. Faydang trả đũa bằng cách truy tầm người của Touby. Mỗi hận thù thắng hoa từ tranh chấp cá nhân, đến gia đình, dòng họ và bao gồm cả bột tộc Hmong, chia thành 2 phe. Một ngả theo Cộng Sản, một ngả theo Pháp, sau này theo Mỹ và chính phủ hoàng gia Lào.

Thành lập lực lượng Pathet Lào.

Thêm một lần nữa, Lào trở thành quốc gia thuộc Pháp bảo hộ. Những lãnh tụ Issara (Lào Tự Do) lưu vong chế nhạo người Pháp bằng cách tung lực lượng vượt sông Mekong phục kích lính Pháp. Sự thâm nhập chỉ là những quấy rối không đáng kể. Tuy vậy, Pháp thận trọng đề nghị vài nhượng bộ nhằm xoa dịu lòng ái quốc. Năm 1947, Pháp cho Lào một hiến pháp thành lập Quốc Hội và tự trị hạn chế. Hai năm sau, Pháp nói rộng quyền tự trị trong những công việc nội trị và lần đầu tiên, một ảnh hưởng khiêm nhượng nào đó trên lãnh vực ngoại giao. Tuy chưa hoàn toàn độc lập, Lào vững bước trên đường tự trị và dân chủ. Đó là sự kiện đáng mừng rỡ, cùng với sự trao trả phần lãnh thổ mất về tay Thái Lan thời kỳ Nhật chiến đóng,

theo một hiệp định giữa Thái Lan và Pháp.

Mặc dù Pháp đạt được một mực độ mới về cảm tình công chúng qua các thay đổi này, họ biết rằng chính thể không bao giờ có được sự chính đáng trong cặp mắt người dân cho đến khi đám quý tộc chính khách cũ trở lại chiếm chỗ của họ trong chính trường quốc gia. Phetsarath, Souphanouvong và Souvana Phouma vẫn lưu vong bên Thái Lan, tiếp tục cai trị một cách giả táng một nước Lào hoàn toàn độc lập qua chính phủ Issara. Người Pháp đề nghị cả 3 hoàng thân, cũng như bọn tùy tùng quốc gia chủ nghĩa của họ đang sống lưu vong, được ân xá nếu họ trở lại.

Chỉ Souvana Phouma chấp nhận đề nghị này, trở lại Lào, tham gia chính trường dưới luật lệ mới của Pháp. Ông ta là một trong số ít chính khách quốc gia vẫn giữ được cảm tình với Pháp. Với vợ Pháp và tài sản bên Pháp, ông là người duy nhất trong số người quốc gia lưu vong trong hoàn cảnh đặc biệt để gán một giải thích tốt lành về tình ý người Pháp. Sự kiện này khiến ông được các nhà ngoại giao Pháp mến chuộng, ra sức tìm một chức vụ cho ông trong chính phủ mới.

Phetsarath từ chối ân xá vì ông không thích hiến pháp mới của Lào. Ngôi vị phó vương của ông, mà ông coi như chức vụ hợp pháp, đã bị bãi bỏ. Ông ta ở lại Thái Lan thêm 8 năm nữa, chờ cho ngọn gió chính trị thổi chiều về phía thuận lợi cho ông.



Hoàng thân Phét Sa Ra

Souphanouvong khước từ lệnh ân xá vì sự liên hệ với Việt Minh và Cộng Sản quốc tế đã trở thành bền vững, khiến mọi cộng tác với Pháp là điều không thể chấp nhận. Ngay sau đó ông sang Trung Hoa 1 năm thụ huấn giáo điều Mác Xít, rồi trở lại Thái Lan năm 1948 tiếp tục đấu tranh đuổi Pháp ra khỏi Lào, sống tương đối xa hoa sung túc trong lúc các chính khách quốc gia khác phải sống bằng nghề thợ dệt hay rửa chén trong nhà hàng.

Sự chu cấp tài chánh của Việt Minh cho hoàng thân Souphanouvong, đôi khi lên đến một triệu đồng giúp ông khỏi phải lao dịch với việc rửa chén trong nhà hàng khách sạn, còn làm cho ông tổ chức những hoạt động quân sự không cần hội ý với Lào Issara để được phê chuẩn (ông chỉ là bộ trưởng Ngoại Giao của chính phủ Issara.) Gần như mỗi tháng ông đều vượt biên giới về Lào, vượt núi băng ngàn để liên lạc với chiến sĩ tự do của ông và cố vấn Việt Minh của họ. Đó là những hoạt động ám muội, không có vẻ

hoàng gia một tí nào, nhưng Souphanouvong không thuộc dòng dõi hoàng tộc chính thống. Ông thấy giam mình trong văn phòng tù túng, cần được thường xuyên co duỗi đôi chân, ngủ với màn trời chiếu đất. Điều này, ông giống hoàng tử Phetsarath, người mê săn bắn, từng viết một cuốn sách về thuật săn bắn ở thượng nguồn Mekong. Thật là thỏa thích cho Souphanouvong, tính nết của ông vừa khớp với cuộc sống ngoài trời của một lãnh tụ cách mạng thế giới thứ ba thời ấy. Ông ở trong rừng nhiều tuần lễ mộ quân, bố trí, sắp đặt xưởng quân khí, đúc súng từ những mảnh sắt vụn và cắt một xưởng chế tạo giấy thô sơ để làm truyền đơn.



Cây Són Phom Vi Hân

Những lãnh tụ Issara khác than phiền về các hoạt động quân sự riêng lẻ của ông dưới danh nghĩa của chính phủ Issara. Cui ông chỉ là một cán bộ Cộng Sản không hơn không kém, họ không muốn đánh đổi thực dân chủ nghĩa Pháp lấy để quốc chủ nghĩa Việt Nam. Nhóm lãnh đạo buộc ông từ chức tổng tư lệnh lực lượng Lào issara. Khi Souphanouvong ngoan cố từ chối, họ

cáo buộc ông là độc tài như một tiểu Thượng Đế và phê phán về quốc tịch Việt Nam của vợ ông, thái độ chính trị của vợ ông (Lê Thị Kỳ Nam, vợ ông là thuộc hạ Hồ Chí Minh.) Giận dữ, Souphanouvong gọi những người quốc gia chủ nghĩa là “những hóa thạch vô dụng” (retarded fossils,) và “trơ trơ cam chịu” (resigned irrevocably) từ Lào Issara vài tháng trước khi có lệnh ân xá của Pháp. Cùng với vài người ủng hộ, ông lợi bộ về nước tìm đến cứ điểm Việt Minh ở Sầm Nứa.

Cộng Sản Việt Nam đặt kế hoạch cho ông. Lo ngại rằng thành phần quốc gia Lào và Cambodia có thể nghi ngờ Việt Nam muốn khống chế Lào và Cambodia, họ chỉ thị cho ông thành lập một phong trào kháng chiến riêng, công khai do chính người Lào điều khiển, gọi là Pathet Lào. Cho đến 15 năm sau, Souphanouvong giữ chức vụ chủ tịch hư danh mặt trận đảng Cộng Sản Đông Dương. Đảng sau tổ chức này là Cộng Sản Bắc Việt nắm giềng mối, và Souphanouvong vẫn không phải lãnh tụ. Lãnh tụ là Kaysone Phomvihane.

Kaysone có vẻ là một nhà cách mạng kiểu mẫu theo nhãn quan Cộng Sản Việt Nam. Không giống nhà quý tộc Souphanouvong, ông chỉ là một thường dân ở Savanakhet, có cha người Việt Nam. Kaysone theo học ở Việt Nam. Đảng Cộng Sản Đông Dương kết nạp ông khi ông còn là học sinh.. Trên cương vị một đảng viên, Kaysone là người bạn quan trọng của Võ Nguyên Giáp, kẻ được an bài thành tổng tư lệnh các lực lượng Việt Minh. Mỗi giao hảo này góp phần vào việc Kaysone được cất nhắc lên làm tổng bí thư đảng Cộng Sản Lào năm 1955, một chức vụ ông vẫn nắm giữ khi Cộng Sản nắm chính quyền ở Lào năm 1975.



Su Pha Nu Vong

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 6 (tt)

Nấc thang danh vọng của Touby.

Hiến pháp mới của Lào cho phép thiên về hướng tự trị ít nhiều, cho phép người Hmong lần đầu tiên hưởng chút hương vị của quyền lực quốc gia. Cử tri bầu 32 đại biểu cho ngành lập pháp đầu tiên. Người Pháp quản lý việc tuyển cử ở Xiêng Khoảng để đảm bảo cho ít nhất một trong các đại biểu phải là người Hmong. Ứng viên đắc cử là em Touby, Toulia. Touby có thể chiếm ghế này nếu muốn nhưng ông thích ở lại tỉnh Xiêng Khoảng, gần gũi hơn với cử tri của ông trong chức vụ chao muong (quận trưởng)- lại một

nhượng bộ nữa của Pháp cho Touby và Hmong trong tỉnh.

Người Pháp ban phát những ơn huệ khác. Tất cả các ruộng đất tốt người Việt Nam bỏ lại thuộc về Hmong, kẻ sẽ mãi là lực lượng chính trị nòng cốt của Touby trong tương lai. Người Pháp cũng thưởng cho Hmong 250 ngàn đồng tiền Pháp như là tiền bồi thường chiến tranh cho những du kích quân Hmong thiệt mạng trong chiến dịch tái chiếm Xiêng Khoảng. Touby chia phân nửa số tiền cho các trưởng làng trung thành với ông và những người Hmong chỉ huy lực lượng du kích. Phần còn lại, gần 108 ngàn đồng, ông bỏ túi, chẳng những trở thành người Hmong giàu nhất ở Lào, mà còn là một trong số ít ỏi những thương gia, địa chủ, phân phối thuốc phiện giàu có nhất nước.

Ngoài tiền bạc, Touby còn có quyền lực. Biên cương hành chánh quận của ông trải dài giữa Nong Het và thành phố Xiêng Khoảng, ngược hướng Bắc bao gồm Cánh Đồng Chum, đặt khu tập trung dân cư Hmong đông đảo nhất dưới quyền hạn chính trị của ông. Để xứng với địa vị, Touby mở một văn phòng ở thành phố Xiêng Khoảng, gần dinh tỉnh trưởng.

Hàng ngàn người Hmong, hầu hết họ Ly theo Touby từ Cánh Đồng Chum dọn về phía Tây, trên cao nguyên Bắc thành phố Xiêng Khoảng, con số đông đảo nhất tụ họp ở thị trấn Lat Houang nằm bên rìa cánh đồng. Hầu hết thị tộc Ly không còn ở Nong Het nữa, nhường cánh đồng lại cho faydang và họ Lo, thay đổi sự phân phối địa lý ảnh hưởng quyền lực chính trị Hmong. Nong Het trở thành trung tâm tổ chức mọi hoạt động Cộng Sản trong tỉnh. Căn cứ chính trị của Touby, sau này được các chính khách Hmong khác cộng tác, chuyển sang Tây và xuống Nam.

Danh vọng của Touby rất đúng lúc, vì nguồn quyền lực, thuốc phiện, có vẻ sắp mất. Trong thời chiến, Mỹ tạo sức ép với Pháp chấm dứt khai thác Ma túy ở Đông Dương. Pháp bắt đầu thực hiện theo chiều hướng này năm 1946. May mắn cho Touby, Pháp lần nữa vấn đề này suốt 5 năm trời, cho đến khi áp lực quốc tế không thể bị làm ngơ được nữa.. Năm 1951, Ban Thu Mua Nha Phiến ngưng hoạt động. Hai năm sau, Pháp ký kết với Liên

Hiệp Quốc thỏa thuận chấm dứt mọi thương mại quốc doanh về ma túy. Dù Pháp chính thức thôi buôn bán thuốc phiện, họ vẫn lén lút tiếp tục. Hai năm trước khi Ban Thu Mua Nha Phiến đóng cửa, quân đoàn viễn chinh Pháp bắt đầu mua thuốc phiện từ những làng mạc miền núi khắp Đông Dương. Touby là người liên hệ chủ yếu. Thoạt tiên ông lo ngại việc thay đổi sẽ thu hẹp thị trường. Từ 1949-1951 quân đoàn viễn chinh mua chỉ một phần nhỏ của Hmong. Nhưng mãi lực bắt trớn từ năm 1951 khi tình báo Pháp thay thế quân đội đảm nhận công việc này và gia tăng việc thu mua. Nguyên nhân không phải vì tiền mà chỉ không muốn Cộng Sản thừa cơ khai thác. Khi mới thành lập quân đội, Hồ Chí Minh chỉ có vốn vụn vài ngàn người trang bị tạp nhạp đủ loại: carbines củ của Pháp, súng trường xin của Nhật và sau này là OSS (tiền thân CIA) mua lại vũ khí quốc dân đảng, súng Anh và những thùng vũ khí vớt được từ tàu Nhật bị đánh chìm ở vịnh Bắc Kỳ. Để canh tân quân đội, Hồ cần có tiền. Ông kiếm tiền bằng cách buôn thuốc phiện của Hmong, ở vùng cao Bắc Việt và khu vực biên giới Việt Lào. Càn quét những làng Hmong tịch thu hàng tấn thuốc phiện, Cộng sản bán cho bọn kinh doanh ma túy quốc tế ở Hà Nội. Tiền này dùng để mua vũ khí, đạn dược từ các sứ quân miền Nam Trung Hoa, vũ khí Mỹ viện trợ cho các sứ quân này để ngăn chặn sự lớn mạnh của Cộng Sản Trung Hoa. Quân đội Việt Nam mau chóng lớn mạnh thành một lực lượng hơn 100 ngàn binh sĩ, đa số vũ trang vũ khí hiện đại.

Đối với người Pháp điều này có nghĩa là mằm mống phiến loạn nảy nở thành một chiến tranh với kích thước lớn và phí tổn chiến tranh tiếp tục chồng chất. Quân đoàn viễn chinh Pháp cần thêm nhân lực và ngân sách một cách khẩn thiết nhưng Pháp không muốn cung cấp. Một phong trào phản chiến bắt trớn tại quốc nội. Khuyến khích leo thang chiến tranh không là cách kiếm phiếu của các chính khách Pháp.

Thiếu hụt ngân sách kinh niên, Cao Ủy Pháp quyết định rằng nếu Việt Minh có thể dùng ma túy để điều hành quân đội, Pháp cũng có thể làm giống vậy. Dĩ nhiên nó là việc lén lút. Đã có một tổ chức đảm đương công

việc. Lực Lượng Biệt Kích Dù (GCMA, Groupement de Commandos Mixtes Aéroportés), thành lập đầu năm 1950 nhằm tổ chức các đơn vị du kích người miền núi. Trên giấy tờ, GCMA chính thức là một phần của quân đoàn viễn chinh. Trên thực tế, nó được điều hành bởi Ban công tác tình báo đối ngoại và phản gián (SDEC, Service de Documentation Extérieure et du Contre-Espionage), cơ quan tương đương với CIA của Mỹ.

Ngoài vòng kiểm tỏa của quân đội chính quy, biệt kích dù (GCMA) không bị vướng mắc bởi những giới hạn của nghi thức hay lương tâm. Dưới sự chỉ huy của đại tá Grall, tổ chức bí mật đã chứng tỏ óc sáng tạo vượt bậc trong việc dùng băng đảng Việt Nam, gọi là Bình Xuyên, theo dõi hoạt động của Việt Cộng vùng châu thổ Cửu Long. Vì thế khó mà ngoài khả năng biệt kích dù không thể điều hành việc buôn bán ma túy, và nó giúp giảm gánh nặng chiến tranh. Theo ước tính của cơ quan tình báo Pháp (SDEC,) Cộng Sản tịch thu đủ số lượng thuốc phiện hàng năm để chi phí trang bị cho một sư đoàn. Nếu Hmong bán thuốc phiện cho biệt kích dù, nó gây thâm thủng tài chánh cho Việt Minh. Thêm vào đó, nó tạo quan hệ thân mật hơn giữa Hmong và biệt kích, tạo điều kiện cho kế hoạch thành lập những đơn vị du kích Hmong ở Lào dưới quyền khiên dụng của biệt kích GCMA, một chiến dịch do thiếu tá Roger Trinquier đảm trách, chỉ huy phó dưới quyền đại tá Grall. Trinquier đã nhận được cam kết của Touby rằng Hmong nhiệt liệt hợp tác, nhưng theo kinh nghiệm, khích lệ vật chất đáng tin cậy hơn quyết tâm. Thuốc phiện là nguồn lợi duy nhất của Hmong. Nếu biệt kích GCMA mua hết sản phẩm thuốc phiện của Hmong, sự hợp tác chắc chắn được bảo đảm.

Trinquier gặp Touby để giải quyết những chi tiết kế hoạch được đặt tên là chiến dịch X. Chủ yếu chiến dịch này là khi nào Touby gom được khoảng 1 tấn thuốc phiện, biệt kích GCMA dùng phi cơ DC-3 chở tới trung tâm huấn luyện biệt kích ở Cap Saint-Jacques (Vũng Tàu) Nam Việt Nam. Nhân viên GCMA chở số hàng này cho Lê Văn Viễn, giám đốc cảnh sát Sài Gòn, người chuyển nó cho Bình Xuyên.

Phát triển từ một tổ chức lỏng lẻo quy tụ thành phần bất hảo miền sông Cửu Long thành một tập đoàn tội phạm quy mô, Bình Xuyên kiểm soát hầu hết mọi chuyển vận thuốc phiện ở miền Nam Việt Nam. Tập đoàn này làm chủ 2 xưởng tinh chế thuốc phiện ở Sài Gòn và phân phối sản phẩm khắp miền Nam, phần tinh túy dành cho các tiệm bán lẻ và tiệm hút ở Sài Gòn, Chợ Lớn nơi con nghiện tập trung nhiều nhất. Sản phẩm thặng dư bán cho các tập đoàn ma túy quốc tế ở Hồng Kông hay Marseilles.

Bình Xuyên giữ một nửa lợi tức từ thuốc phiện của GCMA gửi qua mạng lưới này và chia một nửa cho GCMA. Trinquier dùng tiền huấn luyện, trang bị cho các tổ chức du kích của mình, dù ông luôn dành một phần đủ để bảo đảm sự trung thành của Touby. Số tiền ấy là 5000 đồnghoa hồng cho mỗi kí lô gram thu mua. Ngoài việc tăng thêm sự giàu có của Touby, chiến dịch X còn tăng cường quyền uy và ảnh hưởng của ông đối với Hmong ngày thêm nhiều đến nỗi các viên chức thuộc địa gọi ông là roi de Méos – vua Hmong.

Cuối năm 1952, GCMA cần Touby vào việc khác, ngoài chuyện thuốc phiện. Tình báo cho biết Pathet Lào thiết lập chính quyền hạ tầng cơ sở khắp tỉnh Sầm Nứa. Kế biên giới về phía Việt Nam, Việt Minh áp đảo những đồn binh Pháp ở Mộc Châu và chiếm cứ thung lũng Điện Biên Phủ, một cửa ngõ vào Lào. Các đơn vị Việt Minh khác tụ họp ở biên giới. Có mọi dấu tích cho một chuẩn bị tấn công ào qua ngã Sầm Nứa. Người Pháp cần tin tức tình báo để theo dõi địch tình, lý tưởng là các tình báo viên địa phương. Hmong của Touby là những ứng viên tối hảo cho công tác.

Không ai khác hơn tướng Raoul Salan, tham mưu trưởng của tư lệnh tối cao Pháp, tìm gặp Touby về vấn đề ấy. Là một kẻ tin tưởng nồng nhiệt vào sự trợ giúp của du kích miền núi, Salan là người chủ yếu trong việc thành lập biệt kích GCMA. Không cần tìm hiểu lâu, Salan nhận ra Touby là một người yêu nước Pháp một cách trung kiên, luôn làm hài lòng người Pháp bất cứ giá nào. Sau buổi gặp gỡ, Salan cho phép Trinquier dùng Hmong theo dõi hoạt động Cộng Sản ở Sầm Nứa và biên giới.



Tướng Raoul Salan

Biệt kích Malo và Servan.

Trinquier chọn đại úy Desfarges làm sĩ quan liên lạc giữa GCMA và Hmong. Một chiến sĩ kỳ cựu thuộc toán biệt kích nhảy dù xuống Cánh Đồng Chum tháng 12 năm 1944, Desfarges sống sót sau cuộc cướp chính quyền của Nhật, bằng cách nhờ Touby giúp tìm chỗ ẩn nấp. Touby giấu Desfarges trong một hang đá cho đến hết thế chiến. Kinh nghiệm tạo tình gắn bó keo sơn giữa 2 người. Khi Desfarges đến thành phố Xiêng Khoảng, Touby ôm ông như 2 anh em thân thiết. Trinquier chọn đúng người.

Desfarges dựng 2 trại huấn luyện điều hành bởi các hạ sĩ quan Pháp, 1 ở Bắc Cánh Đồng Chum, 1 ở Đông. Touby tuyển mộ 200 Hmong cho những khóa sinh thượng thặng của toán du kích mới, đặt tên là lực lượng Malo. Khi cán bộ Pháp huấn luyện Malo Hmong, Desfarges phái trợ tá của ông, trung úy Brehier đến Bắc Sầm Nứa với hướng dẫn viên Hmong và vài nhân viên truyền tin Việt Nam để thành lập toán thứ hai, đặt tên là lực lượng Servan.

Tháng Hai năm 1953, lực lượng Servan đã hoạt động và báo cáo hoạt động Việt Minh ở biên giới. Tư lệnh của 3 sư đoàn xâm lăng này là Võ Nguyên Giáp, một tướng Việt Minh sau này đánh bại Pháp ở Điện Biên Phủ.

Việt Minh xâm lăng.

Chiến thuật của Giáp là không bao giờ tiếp chiến với quy mô lớn trừ phi quân số và hỏa lực vượt trội. Giáp điều động gần 40 ngàn binh sĩ cho cuộc hành quân, mang theo súng cối lớn và đại bác không giật với hàng ngàn dân công mang vác đạn dược và tiếp liệu. Lực lượng ông lớn hơn lực lượng

Nhật xâm chiến Miến Điện năm 1942, dễ dàng áp đảo về mặt quân số cũng như hỏa lực của 10 ngàn binh sĩ Pháp đồn trú tại Lào.

Cuộc tấn kích có ý nghĩa chính trị. Giáp muốn lung lạc tinh thần các chính khách ở Paris với một mở rộng chiến tranh sang Lào. Nhằm đạt mục tiêu này, Giáp không cần giữ đất và cố thủ chống phản công. Sau khi gây tổn thất tối đa, Giáp sẽ rút về Hà Nội càng sớm càng tốt. Cơ may những sư đoàn của ông đè bẹp quân đội Pháp, tạo cơ hội cho một tấn kích các thành phố lớn, ông sẽ không bỏ lỡ cơ hội trước khi triệt thoái.

Giáp nắm yếu tố thời tiết và tiếp vận. Cuộc xâm lấn được chọn vào đầu mùa mưa khiến quân Pháp sa lầy, không thể truy kích hiệu quả khi họ bắt đầu rút lui. Để duy trì tiếp vận, Giáp dự trữ vũ khí, đạn dược ở thị trấn biên giới Mộc Châu, chiếm được của quân Pháp trước đó. Bên trong Lào, cán bộ Cộng Sản đã trưng thu gạo của dân làng và cất giữ trong các binh trạm dọc theo 3 mũi chuyên quân của 3 sư đoàn.

Theo kế hoạch, sư đoàn 312 đi dọc theo sông Nam Ou về phía Luang Prabang. Sư đoàn 308 tiến song song với 312 dẫn đến mép tây Cánh Đồng Chum. Mục tiêu sư đoàn 316 là thanh toán quân phòng ngự Sầm Nứa rồi tiến đến mép Đông Cánh Đồng Chum. Khi 2 sư đoàn 308, 316 đến mục tiêu, họ sẽ chuyển thành gọng kìm tiếp cận lực lượng Pháp ở cánh đồng. Mặc dù chiến dịch điều nghiên tốt, Giáp không biết toán biệt kích Servan của trung úy Brehier thám sát lực lượng của ông ngay khi xâm nhập vào đất Lào. Tin tình báo cung cấp cho Pháp biết trước mọi biến chuyển để kịp thời tổ chức phòng thủ.

Mới bắt đầu cuộc chiến, sư đoàn 312 của Giáp gặp phải chống cự dữ dội không ngờ của một tiền đồn ở Muong Khoua, nơi một sĩ quan Pháp chỉ huy 300 binh sĩ Lào. Đồn binh không chịu bỏ cuộc. Sau 3 ngày tấn công biên người, đồn trại vẫn giữ vững. Sư đoàn băng qua đồn tiếp tục tiến, để lại một lực lượng kết liễu Muong Khoua. Trận đánh mất thêm 33 ngày nữa. Đồn Muong Khoua cuối cùng bị hủy diệt bởi trận mưa trọng pháo, giã nát các công sự phòng thủ. Chỉ 3 người sống sót và bị bắt làm tù binh.

Lực lượng phòng ngự ở Sầm Nứa có vẻ chung một số phận. Những ngọn đồi dốc cao bao bọc xung quanh đồn. Đại tá Maleplatte và 3 tiểu đoàn bộ binh Lào nằm gọn trong tay địch nếu Việt Minh chiếm lĩnh các đỉnh cao. Trên máy vô tuyến, Maleplatte biết 20 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 316 đang tiếp cận. Bộ tư lệnh tối cao Pháp ra lệnh Maleplatte phá hủy các chiến cụ nặng, mở đường máu rút về Cánh Đồng Chum. Trên đường lui quân, Maleplatte giữ liên lạc với biệt kích Servan, Họ sẽ mở đường dẫn đoàn quân về cánh đồng.

Khi Maleplatte tiến xuống hướng Nam, 1 trung đoàn Việt Minh, tăng cường bởi những thành phần Pathet Lào, cấp tốc tiến về Muong Peune tổ chức phục kích. Khi Maleplatte lọt bẫy, đội hình của ông bị tấn công từ phía. Các binh sĩ đánh cận chiến. Sau khi mất một nửa quân số, Maleplatte vượt thoát.

Maleplatte chinh đồn hàng ngũ trên đồi và tiếp tục tiến xuống hướng Nam. Trung úy Brehier và biệt kích Servan cuối cùng tiếp xúc với Maleplatte ngày hôm sau. Hmong quen với địa hình hơn Cộng Sản, nhưng vì quá nhiều thương binh, cuộc rút quân rất chậm. Trong 3 ngày, Việt Minh đuổi kịp. Lại đánh lớn và nhiều thương vong. Kẻ sống sót tản mác khắp nơi. Hmong Servan chỉ tìm được 200 người, đó là tất cả quân số còn lại của một lực lượng 2400 người rời Sầm Nứa chỉ vài ngày trước. Hmong đưa những người sống sót đến Cánh Đồng Chum an toàn.

Phối hợp với trực tiến xuống Nam của sư đoàn 316, Faydang dẫn một toán quân hầu hết họ Lo vượt biên giới về thành phố Xiêng Khoảng. Chỉ vài ngày trước, 5 tiểu đoàn Pháp đồn trú tại thành phố tỉnh. Bây giờ họ không còn ở đây. Tướng Salan điều họ tới mép Tây cánh đồng làm lá chắn ngăn chặn sư đoàn 308, mà Salan nghĩ sẽ thọc sâu xuống thủ đô Vientaine(ông nghĩ sai.) 5 tiểu đoàn đã bỏ trống Xiêng Khoảng, Faydang chiếm thành phố dễ dàng. Chiến thắng ấy chỉ ngán ngủi.

Sự di chuyển 5 tiểu đoàn chỉ là một phần trong cuộc điều động cuồng loạn của Pháp. Salan và bộ chỉ huy cùng chung ý nghĩ của Giáp rằng cuộc xâm

lần thành công sẽ làm quân chúng Pháp chống chiến tranh. Nếu địch quân không bị đẩy lui một cách thảm hại, việc tiếp tục chiến tranh sẽ là điều không tưởng. Tướng Albert Sore chỉ huy không vận binh sĩ, xe tăng, trọng pháo, tiếp liệu Pháp bắt kể ngày đêm từ Hà Nội và Sài Gòn đến phi trường lớt vĩ sắt ở Cánh Đồng Chum. Từ một nơi bất ngờ nhất, ông nhận được sự giúp đỡ. Chính phủ Eisenhower tặng 6 vận tải cơ C-119 cho cuộc không vận, mỗi phi cơ lái bởi phi công do CIA muốn.

Trong vòng 1 tuần, 10 tiểu đoàn gồm 12 ngàn binh sĩ được không vận đến Cánh Đồng Chum; trọng pháo được bố trí và hàng rào kẽm gai giăng quanh tuyến phòng thủ. Trong khi Pháp chờ những sư đoàn Cộng Sản đến, tướng Sore điều 4 mũi nhọn bộ binh, cùng với biệt kích Malo của Touby, để trực xuất faydang ra khỏi thành phố Xiêng Khoảng. Faydang và đồng bọn chạy về biên giới.

Sore cũng phái binh sĩ leo lên những ngọn đồi quanh cánh đồng thu mua thuốc phiện trước khi Việt Minh thu đoạt. Ông tin rằng động cơ thứ nhì của cuộc tấn công là chiếm đoạt nguồn cung cấp thuốc phiện ở những làng trong khu vực. Ước đoán của Sore không phải không căn cứ. Việt Minh vẫn lệ thuộc nặng nề vào nguồn lợi thuốc phiện để theo đuổi chiến tranh và rất muốn nắm quyền thu hoạch vụ mùa hàng năm này. Số lượng dồi dào nhất ở trong các làng quanh Cánh Đồng Chum.

Ngày 13 tháng Năm năm 1953, 2 sư đoàn Việt Minh, 308 và 316 đến, thọc sâu vào cánh đồng và lọt vào trong trận địa pháo của Pháp. Mặc dầu tổn thất hết sức nặng nề, Việt Minh cũng tiếp cận được tuyến phòng thủ của Pháp. Quân Pháp giữ vững trận địa, đẩy lui các đợt tấn công liên người. Sau khi kiểm điểm tổn thất, nhận ra 2 sư đoàn có nguy cơ bị diệt sạch, Cộng sản rút lui khỏi cánh đồng.

Tuy nhiên, xa hơn ở hướng Tây, sư đoàn 312 vẫn nguyên vẹn và gây tác hại. Đến cuối tháng, 312 đã tiến đến gần đế đô Luang Prabang. Mất 2 ngày quân Pháp không vận trọng pháo và 3 tiểu đoàn Lê Dương đến nghênh địch. Salan lo ngại lực lượng 3 tiểu đoàn không đủ sức phòng thủ đế đô và

khuyên vua Sisavang Vong lánh nạn. Đức vua từ chối. Ông được bẩm báo rằng mọi sự sẽ ổn thỏa. Pho Satheu, một nhà sư mù nổi tiếng bói toán, tiên đoán rằng Cộng sản Việt Nam sẽ không thâm nhập thành phố. Cuối cùng, vị sư này đúng. Trời bắt đầu vào mùa mưa, mưa đầu mùa thường tầm tã. Đường dẫn đến kinh đô lầy lội, làm chậm bước tiến quân Việt Minh. Đã mất 2 sư đoàn, Giáp sinh hoảng sợ, ra lệnh sư đoàn 312 triệt binh, lui về Việt Nam.

Hồ tướng Vàng Pao.

Trong cuộc xâm lăng, một đại đội thuộc quân lực hoàng gia Lào (RLA, Royal Lao Army), đại đội 14, đồn trú tại Muong Hiem, Bắc cánh Đồng Chum, nằm ngay trực tiền quân của sư đoàn 316 Việt Minh. Vientaine chỉ thị chỉ huy trưởng đồn, đại úy Cocosteguy cô thủ, cầm chân địch.

Cocosteguy ra lệnh đào chiến hào và chờ quân Việt Nam xuất hiện trên đồi. Lính Pháp từ những vị trí tiền phương đang rút lui trước sức tiến của Việt Minh, bắt đầu đến đồn từng nhóm, kiệt sức vì đường xa không nghỉ. Một oanh tạc cơ B-26 xà thập bay về hướng tiền quân của Việt Minh. 10 phút sau, 4 trực thăng bay ngang qua quân trú phòng cũng hướng ấy.

Cocosteguy ra lệnh binh sĩ chuẩn bị chiến đấu. Trong lúc chờ đợi, tin vô tuyến cho biết Nong Het, Xiêng Khoảng, Muong Ngat đã thất thủ. Trực thăng lại xuất hiện, lần này từ hướng trận chiến, chở các binh sĩ bị thương. Trực thăng hạ cánh, ngừng chờ chuyển thương binh, bay trở lại chiến trường tiếp tục tải thương. Một giờ sau, một máy bay trinh sát hạ cánh xuống phi trường trong trại, mang theo những binh sĩ bị thương. Một trực thăng tiếp theo với 5 người bị thương nữa, tất cả đều là sĩ quan.

Trước khi sập tối, Cocosteguy nhận một tin vô tuyến từ bộ tư lệnh quân lực hoàng gia ở Vientaine. Đó là hung tin. 15 tiểu đoàn Việt Minh tiến thẳng hướng Muong Hiem. Cocosteguy được lệnh bỏ đồn khi vài người Việt Nam, có lẽ toán trinh sát, bị phát hiện di chuyển trên đồi. Cuộc triệt thoái bắt đầu lúc trời tối. Trước lúc khởi hành, Cocosteguy đốt đèn và thổi kèn giờ cơm tối, gieo ấn tượng chuẩn bị đi ngủ. Người Việt Nam không phát

hiện mưu kế này cho tới sáng hôm sau.

Trong đại đội 14 chỉ có một sĩ quan duy nhất người Hmong, 1 trung úy trẻ tên Vàng Pao. Vì ông là binh sĩ duy nhất am hiểu địa hình khu vực, Cocosteguy chỉ định ông dẫn đầu đại đội trên đường rút lui. Ngày thứ hai Vàng Pao lia con đường mòn thung lũng và dẫn đại đội vào núi. Ông phái thám báo tìm một làng Hmong, thu thập tin tức địch quân và mang về thực phẩm.



Trung úy Vàng Pao

Sĩ quan Pháp không quen trèo núi như dê rừng. Chỉ vài ngày họ mệt gần chết. Cocosteguy khẳng quyết muốn đi xuống thung lũng cho dễ đi. Ngược với sự phán đoán tốt hơn của mình, Vàng Pao tuân lệnh. Ngay sau đó họ bị

phục kích. Binh sĩ Lào bỏ vũ khí vỡ chạy. Sĩ quan Pháp theo Vang Pao và Hmong trở lên núi. Sau một ngày leo núi vất vả, Cocosteguy kiệt sức không thể đi được nữa. Vang Pao đề vị chỉ huy của mình tại một làng Hmong dưỡng sức và tiếp tục dẫn quân về Cánh Đồng Chum. Vài tuần sau, Cocosteguy cũng về tới. Họ gặp nhau ở Cánh Đồng Chum. Nó không phải cuộc trùng phùng vui vẻ vì đại đội 14 được lệnh giải thể.

Cuộc sống mới của biệt kích Malo, Servan.

Trước khi lui quân về Việt Nam, Giáp lưu lại vài ngàn binh sĩ ở Sầm Nứa tạo cơ sở lâu dài cho những cuộc xuất chinh tương lai. Làm việc chung với cán bộ Pathet Lào, người Việt Nam cưỡng bách hàng ngàn người Thái, Khmu gia nhập quân đội Pathet Lào. Họ định tuyển mộ người Hmong nhưng Hmong trốn quân dịch bằng cách bỏ làng. Cộng Sản túng thế, bắt thêm người Thái, Khmu bù vào chỗ thiếu. Có thêm nhiều tân binh, Pathet Lào di chuyển từ núi sang núi, tạo lập theo kiểu từng mảnh, từng mảnh cho đến khi hoàn tất bộ máy chính quyền, kiểm soát cả tỉnh.

Để chống lại Cộng Sản, Desfarges ra lệnh cho Brehier trở lại Sầm Nứa dưỡng quân, tái huấn luyện và bổ sung quân số cho biệt kích Servan.

Brehier nhảy dù xuống tỉnh Sầm Nứa vào tháng Mười. Cùng với ông là 7 trung sĩ và 50 Hmong đã thụ huấn khóa biệt kích nhảy dù cao cấp ở Hà Nội. Brehier lập một bộ chỉ huy mới trên núi Phu Pha Thi, một ngọn núi phẳng trên đỉnh, cao 5000 bộ đo từ thung lũng. Sau khi mọi việc ổn thỏa, ông chia 50 Hmong thành nhiều toán tuyển mộ tân binh. Trong vòng 2 tháng, họ có gần 1000 tình nguyện quân.

Phát triển mau chóng này cần đến việc tiếp tế thường xuyên vũ khí và hàng tấn gạo thả dù trên đỉnh Pha Thi. Vũ khí dành cho du kích. Gạo dành cho gia đình của họ và những làng như là thù lao cho sự cộng tác quân dịch.

Brehier chọn 90 du kích, hầu hết là trưởng toán và truyền tin, đưa sang Việt Nam thụ huấn thêm về quân sự chuyên môn và nhảy dù ở trại biệt kích GCMA, Cap St. Jacques.

Khi các khóa sinh trở về, Brehier bắt đầu hành quân ráo riết. Ông chia biệt

kích thành 3 nhóm ở những vị trí riêng rẽ. Từ 3 căn cứ này, biệt kích Servan tỏa ra, tuần tiễu không ngừng. Họ tiêu diệt một số Pathet Lào và trục xuất số còn lại ra khỏi khu vực. Áp lực quá mạnh khiến Cộng Sản dời bộ chỉ huy từ Sầm Nứa đến những hang động dễ phòng thủ hơn, ở Vieng Sai gần đó.

Không chịu kém, Desfarges thúc đẩy nỗ lực của ông phát triển Malo ở Xiêng Khoảng. Trợ tá của ông, trung úy Max Mesnier, cất 6 trại huấn luyện mới quanh mép Đông Cánh Đồng Chum. Tổng cộng, 2000 Hmong mãn khóa thụ huấn. Giống Brehier, Desfarges dùng họ nhử bắt gốc Pathet Lào mưu đồ đặt căn cứ trong tỉnh.

Quân số đông đảo của Malo khiến Desfarges có thể san sẻ bớt lực lượng của ông sang lực lượng chính quy và thiết lập một trại huấn luyện cấp chuyên môn ở Kang Khay trên cánh đồng. Đại úy Jean Sassi, chỉ huy trại chia những lớp học thành các nhóm 100 người. Mỗi nhóm có trưởng toán, do Sassi chỉ định từ các khóa sinh xuất sắc. Một trong số các trưởng toán này là Vang Pao, gia nhập biệt kích Malo chỉ vì đơn vị của ông, đại đội 14 trong quân lực hoàng gia Lào, đã bị giải thể.

Trở lại trại huấn luyện Vũng Tàu (Cap St. Jacques), Trinquier nghiên cứu sự tiến triển của Malo-Servan và nhận định kế hoạch phát triển biệt kích này là một thành công rực rỡ. Hai lực lượng biệt kích quy tụ hơn 3000 binh sĩ. Ở hướng Bắc, Servan kiểm soát một địa bàn 600 dặm vuông. Hướng Nam quanh cánh Đồng Chum, Malo bức Pathet Lào rút lui toàn bộ.

Touby ở Vientiane.

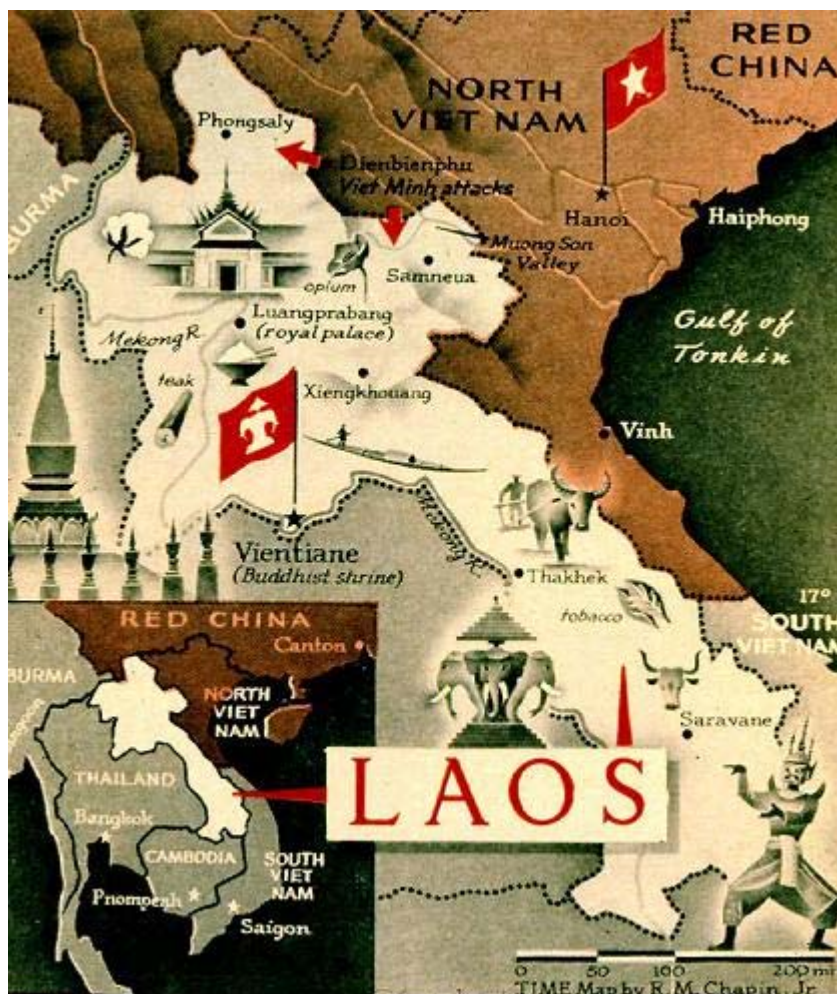
Đối với hàng ngàn Hmong ở Sầm Nứa, sự phát triển biệt kích Servan đến quá trễ. Đời sống dưới tay Pathet Lào (đa số người Khmu và Thái là chính ủy) không thể kham nổi. Bỏ phiếu bằng chân, Hmong tràn ngập Xiêng Khoảng, kể chuyện tịch thu gia súc, thuốc phiện, cưỡng bách lao động. Trên mọi cửa miện là những lên án Cộng Sản làm nhục phụ nữ. Các chính ủy đội ngũ hóa các thiếu nữ trẻ đẹp thành những ban tuyên huấn, đi từ làng này qua làng khác rao giảng về sửa sai chính trị. Trên đường, ủy viên và

lính Pathet Lào hãm hiếp các cô gái thỏa thích.

Touby hân hoan tiếp nhận người tị nạn. Mỗi Hmong chuyển sang chống Cộng vì áp bức của Pathet Lào nói rộng cơ sở chính trị của ông. Nhưng để duy trì lòng trung thành, của họ, ông phải cung cấp các chứng cứ cụ thể về sự chính đáng dưới sự lãnh đạo của mình trong quận: thêm trường học cho trẻ em Hmong, nhà thương cho người bệnh và ruộng tốt cho nông dân.

Sự việc có lẽ dễ dàng hơn nếu ông thể hiện ảnh hưởng ở tầm mức quốc gia.

Năm 1947, cải cách hiến pháp cho đất nước thể chế dân chủ nhưng người thiểu số vẫn bị loại ra khỏi đời sống chính trị. Nhờ sự bảo trợ của Pháp, chỉ có một người Hmong làm đại biểu Quốc Hội (em của Touby). Để yên với tính trì trệ, hệ thống chính trị sẽ tiếp tục thiên vị về phía người Lào, đặc biệt cho hoàng tộc, giới quý phái mang dòng máu hoàng gia của 3 vương quyền: Luang Prabang, Champassak và Vientiane.



Touby hoạch định dùng ảnh hưởng của mình với Pháp để buộc giới quý tộc

Lào chấp nhận cải tổ: đối xử bình đẳng với mọi sắc tộc có hiến pháp bảo đảm, quyền tham chính của người thiểu số và cải cách tuyển cử thêm cơ hội cho người thiểu số góp mặt trong Quốc Hội. Nó là một chiến lược không khác với cách của các chính khách da đen ở Mỹ thời 1950-1960. Bị cấm bởi chính sách bầu cử ở những tiểu bang miền Nam, nơi đa số người da đen sinh sống, và không thể dùng lá phiếu để chấm dứt nạn kỳ thị hay để thăng tiến đời sống, các lãnh tụ da đen dựa vào sự bảo trợ và ủng hộ của các chính khách cấp tiến miền Bắc nước Mỹ trong công cuộc xóa bỏ kỳ thị và mở rộng hệ thống chính trị mọi khu vực khắp nước. Người Pháp là lực lượng cấp tiến miền Bắc của Touby.

Vận động cho quyền dân sự của người thiểu số chỉ là bước đầu. Một khi Thái, Hmong, Khmu, yao và các sắc dân khác được bao gồm trong tiến trình chính trị, những lãnh đạo của họ có thể dùng sức mạnh lá phiếu để mặc cả với Vientaine. Vấn đề có thể là chức vụ trong chính quyền, hay những vấn đề ít riêng tư hơn như mở đường giao thông, trường học, nhà thương ở cao nguyên. Cuối cùng, các lãnh đạo thiểu số với viễn kiến có thể vượt lên trên những tranh đấu quyền lợi sắc tộc thành liên minh các sắc dân thiểu số, thành lập một đảng phái quốc gia.

Như một bước theo hướng này, Em Touby, ông Toulia vận động Quốc Hội để thay đổi danh xưng các công dân. Bất kể sắc tộc, người sống ở đồng bằng gọi là Lào Lum (Lào Lùm), người sơn cước miền núi gọi là Lào Suong (Lào Sùng) và người sống trên vùng cao hơn gọi là Lào Theung (Lào Thông). Đó là cách khôn khéo sáng tạo một bản sắc chung cho các nhóm chủng tộc đa dạng mà theo truyền thống, họ coi nhau như kẻ thù. Một cách dễ hiểu, sắc tộc Lào chống đối vì họ không muốn ai bằng mình. Nhưng người Pháp ủng hộ và vận động thông qua dự luật này.

Luật đặt tên, phân loại đã thành hình, Touby bước thêm một bước thử nghiệm về phía xây dựng sự liên hệ giữa các chính khách thiểu số. Vài trưởng làng Khmu bị giam ở Luang Prabang tội chống tham nhũng trong tỉnh. Các viên chức đại biểu Khmu không góp mặt trong các chức vụ

hành chánh, các thương gia nổi tiếng ở Luang Prabang chưa bao giờ đặt chân vào cộng đồng Khmu. Các trưởng làng Khmu đã đến Luang Prabang khiếu nại, đòi hỏi các thương gia phải được thay thế bằng người Khmu.

Nhà chức trách nổi giận, tổng giam các đại diện Khmu.

Touby thuyết phục các viên chức Pháp can thiệp để phóng thích những người ấy. Ông cũng ép cải tổ theo ý Khmu. Như vậy là đòi hỏi nhiều quá và sớm quá. Các viên chức vắng mặt vẫn còn tại chức. Nhưng Khmu được thả khỏi tù và mang ơn Touby. Sự kiện này tạo niềm giao hảo giữa Touby và các quý tộc Khmu trong tỉnh.

Touby không phải một mình trong cuộc vận động cho người thiểu số góp phần trong cán cân quyền lực quốc gia. Cộng Sản cũng có ý tưởng ấy. Họ ra sức chiêu mộ các bộ tộc Thái núi, Khmu, Yao, Hmong... Bị loại khỏi đời sống chính trị quốc gia và là đối tượng của thành kiến, người thiểu số đã chín mùi trong việc sẵn sàng tham chính.

Touby mưu định đánh bại Cộng Sản bằng cách trải rộng quyền lực Hmong để đạt được tiếng nói trong chính phủ, không chỉ đại biểu cho Hmong mà còn cho tất cả người thiểu số. Dĩ nhiên điều này có thể xảy ra chỉ với sự bảo bọc của Pháp và quyết tâm dùng sức mạnh quân sự ngăn chặn Cộng sản cướp chính quyền.

Mưu tính của Touby bị đảo lộn khi Bắc Việt đánh bại Pháp ở Điện Biên Phủ, buộc ông quay sang nhờ cậy Mỹ. Sự đổi từ Pháp sang Mỹ khó hơn ông tưởng. Thành công thực sự của ông là sự giao hảo với các nhà truyền giáo Mỹ hơn là các cá nhân có thẩm quyền – các nhà ngoại giao, CIA, tùy viên quân sự ... những kẻ đảm trách tương lai Lào.

Các nhà truyền giáo Công Giáo đã ở Lào từ năm 1642, loay hoay hết thập niên này đến thập niên khác tìm bốn đạo mà không thành công. Một nhóm đặc biệt 14 người đến Bắc Lào năm 1878 để tìm hiểu nguyên nhân. Cuộc hành trình là một tai họa. Tất cả mọi tu sĩ chết vì bệnh hay bị thổ phi tấn công. Cuối thế kỷ công cuộc truyền giáo đạt được một vài tiến triển nhỏ bằng cách mua lại nô lệ Lào bên Thái Lan (thiểu số Lào bị Thái Lan bắt

sang làm nô lệ) và mang về Thái Lan. Tất cả được trả tự do.

Những nô lệ được trả tự do là những bốn đạo tôn tông đầu tiên. Sau đó lại không có gì khả quan hơn. Người Lào theo đạo Phật từ lâu đời. Họ không đổi sang Công Giáo. Các tu sĩ quay sang người thiểu số nhưng cũng thất bại chua cay. Cuối cùng chỉ có di dân Việt Nam do người Pháp mang lại định cư ở các thành phố chính, hầu như tất cả đều là Công Giáo lâu đời nên đó không phải công lao của các nhà truyền giáo bên Lào.

Để thay đổi tình thế, năm 1934 Đức Giáo Hoàng Pi Ô XI giao phó tất cả Bắc Lào cho dòng Tận Hiến của Đức Mẹ Vô Nhiễm. Nếu Giê Su là thủy quân lục chiến của giáo hội Công Giáo thì Tận Hiến là người nhái của giáo hội. Khi mọi sự đều thất bại thì Tận Hiến nhập cuộc.

Jean-Henri Mazoyer (vị giám mục can can thiệp cho Touby khỏi bị hành quyết bởi quân Nhật ở Nong Het), là người đầu tiên dòng Tận Hiến. Sau đó ông hăng say công tác truyền giáo cho người miền núi suốt một thập kỷ. Ông lập một văn phòng truyền giáo ở Nong Het và sau này cất một trường học cho trẻ em Hmong.

Từ lúc đầu, Mazoyer nhờ Touby giúp truyền giáo. Touby muốn hợp tác, mong dùng vị giám mục làm mạnh địa vị của mình với các viên chức thuộc địa và đòi hỏi thêm trường học cho Hmong. Ngoài việc là một tu sĩ nhiệt thành, Mazoyer còn là một người Pháp cực đoan, một đức tính rất hợp ý thống sứ Vientaine, viên chức Pháp cai trị Lào. Biết rằng Mazoyer được lòng quan thống sứ, Touby tiếp nhận việc truyền giáo ở Nong Het., vận động một trường học Công Giáo và khuyến khích Hmong theo đạo.

Mặc dầu được khuyến khích của Touby, chỉ có vài Hmong chịu phép rửa tội. Các giáo sĩ của Mazoyer một cách tế nhị tôn trọng thờ cúng truyền thống và các ngẫu tượng, phải mất 10 năm tu học, một người Hmong mới

tự chức trợ tế và thêm 8 năm nữa mới thành một chủ tế. Không Hmong nào thụ phong linh mục. Điều Thiên Chúa giáo cần hiểu, Hmong cần giáo sĩ Hmong, có lẽ những cựu pháp sư trong làng. Những pháp sư là tôn giáo cốt lõi và biểu tượng văn hóa của xã hội Hmong, kẻ chữa bệnh theo truyền thống và thần thoại, sử gia ghi chép biến chuyển của chủng tộc. Chỉ có họ mới có thể du nhập vào thế giới huyền bí, chữa bệnh và dẫn dắt linh hồn người chết vào nẻo tái sinh. Quyền lực của pháp sư gắn bó với văn hóa Hmong hàng ngàn năm. Không dễ mà có thể bỏ hay thay thế bằng những người Pháp mặc áo linh mục.

Với quá ít tân tòng, Touby chỉ có thể nài nỉ được một trường học từ Mazoyer. Vì mối liên hệ giữa Mazoyer với viên thống sứ (Résident Supérieur, thống sứ cai quản cả nước, công sứ cai quản 1 tỉnh), Touby tiếp tục giúp đỡ dòng Tận Hiến, ít nhất cho đến năm 1950 khi giám mục Etienne Loosdregt thay thế Mazoyer. Tuy là người Pháp giống Mazoyer, Loosdregt trung thành với giáo hội La Mã hơn, nên không thân thiết với viên thống sứ . Loosdregt cũng không quan tâm đến việc mở trường mới ở Xiêng Khoảng. Vì Loosdregt không có gì Touby muốn, Touby bỏ rơi Công Giáo và quay sang Tin Lành.

Có một cơ quan truyền giáo Tin Lành ở Xiêng Khoảng từ năm 1939, khi gia đình Whipples, một tón truyền giáo cũng là một cặp vợ chồng, mở một trụ sở truyền giáo nhỏ ở thành phố Xiêng Khoảng. Nhắm vào sắc tộc Lào, whipples giảng đạo không mấy hiệu quả. Vì Nhật chiếm đóng, Whipples bỏ công tác truyền giáo năm 1943, về Mỹ . Nhưng sau chiến tranh, năm 1949, một cặp vợ chồng khác, Ted và Ruth Andrianoff, đến thành phố Xiêng Khoảng nối lại công tác truyền giáo, nhưng lần này nhắm vào Hmong.

Trong vòng 1 năm, gia đình Andrianoff có một tân tòng đầu tiên, một pháp

sư từ thị tộc Moua tên là Yao Thao. Vị pháp sư này dâng cả làng cho gia đình Andrianoff và tiếp tục rao giảng đức tin. Một pháp sư thứ nhì, một phụ nữ cũng gia nhập phong trào và thành một nhà truyền giáo nhiệt thành. Đến cuối năm, gia đình Andrianoff có hơn 1000 bôn đạo. Gia đình Andrianoff đánh điện xin phụ tá. Những nhà truyền giáo khác đến cất trường dạy giáo lý ở thành phố Xiêng Khoảng, đào tạo các thuyết giảng viên đi các nơi phục vụ và cứu rỗi các linh hồn.

Gia đình Andrianoff nắm được bí quyết truyền giáo cho Hmong: chấp nhận ngẫu tượng tôn giáo Hmong, pháp sư và dùng họ như đặc sứ của Chúa. Túng quẫn cũng đẩy họ vào đúng hướng. Vì thiếu ngân sách, họ bắt đầu dùng Hmong làm giảng viên giáo lý chăm lo cho khối tín đồ ngày mỗi đông đảo. Bằng cách vay mượn tôn giáo truyền thống Hmong qua các pháp sư, biến họ thành các mục sư Tin Lành, gia đình Andrianoff có điều kiện thành công hơn Mazoyer.

Chỉ có một khuyết điểm là vấn đề phẩm chất. Các nhà truyền giáo không biết các mục sư Hmong rao giảng những gì ở những nơi thâm sơn cùng cốc, cách biệt hẳn trung tâm truyền giáo ở thành phố Xiêng Khoảng. Mê tín dị đoan là điều không thể tránh khỏi. Ý tưởng một Chúa có đến 3 ngôi được hiểu một cách kỳ cục khi 3 pháp sư Hmong, tự nhận mình là 3 ngôi, Cha, Con, Thánh Thần) và khoe mình thủ đắc quyền lực siêu nhiên, kể cả khả năng bay như chim. Một trong 3 ngôi leo lên núi biểu diễn và tử nạn, lên thiên đàng ngay lập tức.

Touby dồn mọi nỗ lực ủng hộ công việc Andrianoff, Ông chọn Moua Yao Thao, bôn đạo đầu tiên làm cố vấn tâm linh cho riêng ông, học phúc âm với một nhà truyền giáo tên Gustafson, cùng với 300 tín hữu sùng đạo thường xuyên dự lễ ở nhà thờ mỗi Chủ Nhật và khuyến khích Hmong theo đạo Tin Lành. Nhiều người hưởng ứng. Đến năm 1957, báo cáo mục vụ đếm được

gần 5000 bôn đạo Hmong thực sự theo đạo. Các nhà truyền giáo coi sự ủng hộ của Touby là một thành công vĩ đại nhất.

Sự ủng hộ của Touby không phải là vấn đề niềm tin tôn giáo cá nhân. Một khi ông nhận thấy nhiều Hmong tham gia phong trào, ông dùng mọi cách để ép buộc họ, dù ông khấp léo không nhận mình theo đạo để tránh mất lòng những Hmong bảo thủ, luôn ghen tỵ vì phong trào phúc âm xoi mòn niềm tin vào pháp sư truyền thống. Sự nhiệt tâm của Touby với công việc truyền bá phúc âm của Andrianoff hoàn toàn vị lợi. Tổ chức truyền giáo chủ trương mở trường lớp cho mỗi làng Hmong Tin Lành trong tỉnh. Trong 1 năm, họ cất được 38 trường. Học sinh học giáo lý ở Xiêng Khoảng cũng học đọc và viết chữ Lào để có thể giảng dạy các làng. Đó là bước đầu tiên về hướng giáo dục toàn thể Hmong, điều Touby hằng mong mỏi. Nếu Paris đáng giá một thánh lễ thì dự lễ và nghe giảng những bài Phúc Âm là một giá quá hời phải trả cho những trường học Hmong. Dĩ nhiên công trạng đó một mình Touby vơ về cho mình, cho rằng đó là nhờ vào khôn khéo chính trị và uy tín của ông với người ngoại quốc. Hmong nhẹ dạ và cả tin, họ không phản đối vì nó có vẻ không chối cãi được.

Không may cho Touby, sự giao hảo với các nhà truyền giáo Mỹ không ảnh hưởng gì đến các nhà ngoại giao và tùy viên quân sự Mỹ ở Vientaine. Dần dà nó xoi mòn quyền lực và tước giảm địa vị của ông thành vai trò yểm trợ một cách phụ thuộc trong chính trị Hmong.

Sau khi tậu một căn nhà ở Vientaine năm 1947, Touby thường đến thủ đô, hội thảo với Toulia, vừa là em vừa là đại biểu Quốc Hội Lào . Ở đó Touby có dịp giao du với các nhà chính trị và viên chức cao cấp Pháp. Touby nhận thấy thích sống trong không khí nhộn nhịp ở thủ đô hơn là cái đời sống buồn tẻ, uể oải ở Xiêng Khoảng. Càng thăm viếng thủ đô thường xuyên hơn, việc chăm lo đời sống chính trị ở địa phương càng giảm đi. Giữa thập

niên 1950, vài viên chức cấp quận trưởng, tất cả do Touby đề cử, bắt đầu những lạm quyền lực. Họ thu thuế theo ý muốn, bắt kẻ luật, đánh người và ép buộc tình dục phụ nữ trong làng. Hong khiêu nài nhưng Touby lơ đi. Bây giờ ông tập trung vào chính trị ở tầm mức quốc gia hơn địa phương. Năm 1958, ông là bộ trưởng bộ xã hội. Sau đó, ông ít về Xiêng Khoảng. Thủ đô Vientaine là quê hương mới của ông; và nó nhiều người Mỹ.

Trước năm 1954, chỉ có một viên chức đại diện cho Mỹ ở Lào là một viên chức ngoại vụ. Ông Charles Yost, viên Đại Sứ đầu tiên ở Lào đả nhậm trụ sở cuối năm 1954. Sau đó là các tùy viên quân sự, binh sĩ và nhân viên dân sự. CIA lập một phân bộ ở Vientaine, đứng đầu là Milton Clark và vài nhân viên. Clark ngy lập tức đan một mạng lưới tình báo để theo dõi các phe nhóm chính trị, các lãnh tụ. Trong vòng 2 năm, hơn 100 viên chức Mỹ làm việc ở Lào, hầu hết ở Vientaine. Co số này mau chóng gấp đôi, gấp ba.

Người Mỹ bây giờ được thiết tưởng đảm trách mọi sự thay người Pháp sau Điện Biên Phủ. Tuy vậy giới quý tộc già nua Lào vẫn duy trì sự liên hệ chặt chẽ với các nhà ngoại giao Pháp ở Vientaine và các cộng đồng lớn người Pháp khắp nước, tổng cộng vài ngàn. Ngay cả có nhiều người Pháp giữ chức vụ cao trong chính phủ hoàng gia Lào (gần 200 người làm việc trong nội các.)

Như một lực lượng văn hóa, người Pháp dễ dàng làm lu mờ người Mỹ, kẻ không nói được tiếng Lào và có vẻ luộm thuộm một cách nhà quê so với vẻ lịch lãm, sang trọng ở tỉnh thành của người Pháp. Tất cả những điều này tự nhiên trở thành những điểm nhức buốt trong giới nhân viên Mỹ. Họ không che giấu được vẻ khó chịu với những gì mang hơi hướng Pháp. Đặc biệt là CIA. CIA không giữ được kiên nhẫn về sự kiện các viên chức cao cấp Lào tìm người Pháp tham vấn. CIA trở thành đối thủ đáng gờm nhất của Lào, những kẻ được coi như chịu ảnh hưởng và cai trị sâu đậm của người Pháp

hàng thế kỷ.

Trong bầu không khí chống Pháp ngày càng căng thẳng, một cách khinh suất, Touby thường đeo nơ cổ áo mang huy hiệu danh dự của binh đoàn viễn chinh Pháp trong mọi dịp và tiếp tục giao du thân mật với quan chức ngoại giao Pháp. Hãnh diện vì khả năng tiếng Pháp lưu loát và quá già để học tiếng Mỹ trôi chảy như tiếng Pháp, Touby không cần học tiếng Mỹ, dù là tiếng bồi. Người Mỹ đánh giá Touby quá “Pháp” với khẩu vị của họ. Touby mất chức phó chủ tịch Quốc Hội và cam chịu làm thành viên trong hội đồng tư vấn nhà vua, một chức tương đương với các quý tộc Anh, phù phiếm nhưng không chức vụ thực sự.

Hàng nhiều năm Touby vận động các chính khách Lào cho việc mở trường và nhà thương cho Hmong. Khi đắc cử, ông có thể chuyển những thỉnh cầu này thành luật. Nhưng khi ông bị hạ tầng công tác thành hội đồng tư vấn nhà vua thì ông không còn phương tiện chính trị để kiểm soát việc thi hành luật. Bộ xã hội chịu trách nhiệm thi hành cải cách bước bình trị hoãn. Các trường học mới không được cất và chỉ 2 bệnh xá chỉ đáng được gọi là trạm y tế được dựng lên một cách thô sơ trong tỉnh. Các viên chức Lào ở Xiêng Khoảng trở lại thói quen khinh miệt người Hmong như giống nòi hạ đẳng, khinh miệt họ và trả thù lao bằng một nửa công nhân Lào làm chung một công việc.

Ngay đến nếu Touby vẫn còn thực lực trong chính trị quốc gia, chính quyền không phải là nơi người Mỹ có cảm tình. Chính trị Lào giống như trong cảnh Alice in Wonderland. Quốc gia thiết tưởng là dân chủ nhưng tất cả các chính khách chủ yếu đều bảo hoàng. Ngay cả lãnh tụ Cộng Sản cũng cung kính :”Muôn tâu Hoàng Thượng” Không gì có thể hoàn tất mà không có những liên minh và họ phá vỡ trong khoảnh khắc cái liên minh đã tồn rất nhiều thời gian xây dựng. Nó là một nền chính trị không lập trường, đổi

phe liên tục khiến Bắc Việt thừa cơ chiếm lãnh thổ, từng miếng từng miếng, và sau cùng nuốt trọn vương quốc Lào như hiện nay.

Không cần suy xét lâu, các lãnh tụ ở Washington có thể kết luận sự cứu vớt Lào là ở chiến trường chứ không phải ở trong tòa nhà Quốc Hội ở Vientaine. Công việc cứu quốc đòi hỏi một dũng cảm quân sự, một đức tính mà quân đội hoàng gia Lào không có. Điều không thể tránh, người Mỹ chuyển sự lưu tâm đến Vang Pao, lúc ấy chỉ là một đại tá nhỏ bé thuộc quân lực hoàng gia nhưng chỉ huy một đoàn quân du kích toàn người Hmong được CIA và biệt kích Mỹ yểm trợ. Không những quân đội Vang Pao liên tục thắng trên chiến trường, họ là một quân đội được thế giới kính phục về can đảm, thiện chiến và Cộng Sản Bắc Việt khiếp sợ. Họ cầm chân 3 sư đoàn Bắc Việt ở cánh Đồng Chum cho đến 1975 và hiện nay vẫn còn âm thầm chiến đấu không ai trợ giúp. Tháng Giêng năm 2003, 2 nhà báo Philip Blenkinsop và Andrew Perrin tạp chí Time lội vào đặc khu Xaysomboune, khám phá một con đường dẫn đến doanh trại của một đoàn quân Hmong, cựu binh sĩ Vang Pao. Xin xem thêm :

<http://www.fotofreo.com/2004/Blenkinsop2004.shtml>. Họ can trường không thể tưởng tượng được.

Một khi người Mỹ đổ tiền và chuyển mọi nỗ lực yểm trợ cho Vang Pao, Touby bắt đầu dĩ chấp nhận vai trò thuộc hạ trong công việc Hmong. Nhưng dù người Mỹ nghĩ gì về ông, Vang Pao không hề đánh giá thấp tài năng chính trị của Touby. Ông ta tạo thông gia với Touby bằng cách gả con trai của mình với 1 trong số các con gái Touby. Touby trở nên mối liên lạc giữa Vang Pao và Vientaine, chia sẻ những chuyển biến chính trị và bảo đảm viện trợ quân sự đến tay du kích trên chiến trường thay vì lọt vào túi bọn chính khách tham nhũng ở Vientaine.

Touby cũng phục vụ người tị nạn Hmong bằng cách đó. Hàng trăm làng

mạc Hmong tàn phá vì chiến tranh, Cộng Sản thì cướp phá, Mỹ thì dội bom. Một nửa dân số Hmong ở Lào sống trong các trại tị nạn phía nam Cánh Đồng Chum. Touby theo dõi tiếp phẩm viện trợ và bảo đảm hàng viện trợ cho người tị nạn không lọt ra ngoài chợ đen, nơi chúng được biến hóa thành xe hơi cadillacs và biệt thự nghỉ hè cho bọn viên chức tham nhũng Lào. Ngày nay, Lào mất nước hay nói đúng hơn, là một thuộc địa của Việt Nam. Người Lào cũng không nên hối tiếc vì họ đã không chiến đấu, để cho sắc dân họ khinh miệt chiến đấu thay, và họ ra sức vơ vét làm giàu nhờ chiến tranh.

Làm việc âm thầm sau hậu trường chính trị, nỗ lực của Touby chẳng mấy Hmong biết. Chỉ vài người Mỹ trong trại tị nạn biết sự đóng góp của ông trong chiến tranh. Bị sự vĩ đại của Vang Pao che khuất, Touby không còn được các chính khách, các nhà ngoại giao trong và ngoài nước cung kính gọi : roi de Mèos (vua Hmong).

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 7

Lão hổ kinh tảo, mãnh long nô nhập.

Hehehe Pháp chạy, Mỹ vào.

Trong Thế Chiến Thứ Hai, Franklin Roosevelt nghiền ngẫm về hậu quả của chủ nghĩa đế quốc. Ý đồ của Nhật là bắt chước Âu Châu xâm chiếm những thuộc địa Á Châu dĩ nhiên không tránh khỏi dẫn đến việc tấn công Trân Châu Cảng và phát động cuộc chiến khu vực Thái Bình Dương. Đức cũng vương vào đế quốc chủ nghĩa, tuy với một con đường gián tiếp hơn. Gánh

chịu một vết thương chí tử đến lòng tự hào quốc gia trong cuộc bại trận Đệ Nhất Thế Chiến và thiếu những thuộc địa quan trọng hải ngoại nơi có thể xoa dịu tự ái dân tộc, Đức khởi sự chinh phục lân bang và tiến chiếm Âu Châu làm thuộc địa.

Roosevelt tin rằng Đồng Minh cuối cùng rồi cũng chiến thắng phe Trục, vẫn lo ngại rằng sau khi hòa bình vẫn hồi, nền hòa bình của nó không được lâu bền. Sự đe dọa lớn nhất là chủ nghĩa đế quốc của Âu Châu ở Á và Phi Châu., nơi một di sản bóc lột tàn bạo đã tạo ra mối căm thù giữa người dân bị trị với những đế quốc thực dân.

Roosevelt đặc biệt quan tâm đến thực dân Pháp ở Đông Dương. Nó khó có thể là một chính phủ anh minh sáng suốt. Roosevelt than phiền với ngoại trưởng Cordell Hull :”Pháp đã nặn vắt Đông Dương một trăm năm. Người dân Đông Dương đáng được đối xử khá hơn như thế.” Roosevelt dự kiến sau chiến tranh sẽ có các phong trào vũ trang chiến đấu giải phóng quốc gia ở các thuộc địa Pháp và Anh, bất cứ lúc nào cuộc xung đột sẽ làm tan vỡ nền hòa bình mua bằng máu của người Mỹ ở Âu Châu và Thái Bình Dương.

Năm 1943, Roosevelt tỏ mối lo ngại này với Đồng Minh, gây phiền não đáng kể cho các lãnh đạo Anh và Pháp, vì họ không thể cản trở đường lối của Mỹ nếu Mỹ muốn phá bỏ chính sách thuộc địa khắp thế giới. Họ chưa cần lo ngại vội. Chiến tranh cần phải thắng đã. Roosevelt không muốn phương hại chiến thắng bằng cách chống đối Đồng Minh lúc này. Vì thế khi Pháp tái chiếm Đông Dương từ tay Nhật và khôi phục đế quốc thuộc địa của họ, Roosevelt không yêu sách gì hơn một cam kết mơ hồ của De Gaulles ban cho các thuộc địa một mức độ độc lập nào đó sau thế chiến. Hơn thế nữa, Roosevelt cảm thấy đủ lý lẽ trong vấn đề ra lệnh cho binh sĩ Mỹ đồn trú tại Trung Hoa không yểm trợ Pháp nếu Việt Nam vũ trang đòi độc lập. Trước khi từ trần, ông tập trung vào một chỉ huy thống nhất các lực lượng Đồng Minh ở Á Châu, đảm bảo cho việc ngăn ngừa Anh, Pháp có thể đơn phương điều động binh sĩ mà không có sự đồng ý của Mỹ.

Truman.

5 tháng sau khi Roosevelt chết, Charles de Gaulles qua Washington gặp Truman để tìm hiểu lập trường của tân chính phủ về chủ nghĩa thuộc địa. Truman cam kết với de Gaulles “chính phủ tôi không chống đối việc trở lại Đông Dương của quân đội và chính quyền Pháp.” Sự thay đổi chính sách đột ngột của Mỹ về chủ nghĩa thuộc địa của Âu Châu là vì mối quan ngại về sự bành trướng của Liên Bang Sô Viết sẽ đe dọa nền hòa bình thế giới hơn là những xao động địa phương ở châu Á.

Trong vòng vài năm sau đó Sô Viết không làm gì để trấn an thế giới. Họ chiếm Đông Âu trong cuộc tấn công tối hậu của lực lượng Đồng Minh vào Đức và không chịu rút quân khi chiến tranh kết thúc, kéo dài thời gian để thành lập các chính phủ bù nhìn ở Ba Lan, Lỗ Ma Ni, Bảo Gia Lợi, Hung Gia Lợi, An Ba Ni và Tiệp Khắc. Có khả năng Tây Âu sẽ là nạn nhân tiếp theo. Chiến tranh tàn phá nền kinh tế Pháp, Đức và Ý. Với sự thao túng của Sô Viết ở Đông Âu, các nước Tây Âu bị cắt đứt nguồn nguyên liệu thô truyền thống cung cấp bởi Đông Âu: dầu hỏa từ Lỗ Ma Ni, than đá từ Silesia, lợn và khoai tây từ Ba Lan, Đông Đức. Nạn thất nghiệp và đói kém lan tràn, chính trị đầy bất ổn, đúng như điều kiện Cộng Sản chủ nghĩa dễ sinh sôi nảy nở. Đã có những đảng Cộng Sản lớn ở Pháp, Ý; một cuộc xâm lăng của Sô Viết có thể nghiêng lệch cán cân về phía Cộng sản không phải là điều không tưởng.

Để làm chùn nhụt sức hấp dẫn của chủ nghĩa Cộng Sản, Truman phát động kế hoạch marshall, một chương trình viện trợ khổng lồ nhằm chấn hưng kinh tế Âu Châu. Mỹ phân phối gần 13.2 tỉ Mỹ kim cho 16 nước Âu Châu, giúp tái thiết cơ sở kỹ nghệ. Viện trợ kinh tế giúp chặn đứng ngọn triều chủ nghĩa Cộng Sản ở Âu Châu, nhưng không giúp gì được ở Á Châu. Năm 1947 một cuộc nội chiến đẫm máu Quốc Cộng diễn ra ở Trung Hoa. Sâu hơn về hướng Nam, Cộng Sản Việt Nam và các lực lượng quốc gia nhất tề đứng lên chống Pháp. Truman muốn nước Mỹ gánh tránh nhiệm đẩy ngược ngọn triều. . Trước Quốc Hội vào tháng Ba năm 1947, ông đề xướng thuyết

sau này mệnh danh là chủ thuyết Truman :”Chính sách của Mỹ là yểm trợ khỏi đa số những người yêu chuộng tự do chống lại sự khuất phục bằng vũ lực của thiểu số đầy tham vọng chính trị hay sự áp chế ngoại bang.” Nó mang ý nghĩa Mỹ sẽ đóng góp tiền của và ngay cả đến trợ giúp quân sự cho bất cứ quốc gia nào trên thế giới đang chiến đấu chống phiến Cộng. Nó khởi đầu cuộc chiến tranh lạnh, một cuộc chiến người Mỹ kém chuẩn bị.

Chiến lược ngăn chặn.

Hầu hết trong lịch sử, Mỹ không dính dáng đến quyền lực chính trị ở Âu Châu, tập trung vào việc mở mang bờ cõi về miền Tây còn nhiều đất hoang bằng cách tước đoạt từ thổ dân da đỏ hay mua lại thuộc địa từ các quốc gia Tây Âu. Được 2 đại dương che chở mặt Đông, Tây và bao quanh bởi các lân bang yếu ớt phía Bắc, Nam. Mỹ hội đủ điều kiện tránh dây dưa với Âu Châu đang rối rắm trong việc thay bạn đổi thù, nay phe này mai phe kia, một phong trào Benjamin Franklin gán cho “theo đuổi danh vọng” hơn là nhằm mục đích cân bằng quyền lực để tránh chiến tranh. Do đó, chính sách đối ngoại của Mỹ trở nên ứng biến tùy cơ và lâm thời (hơn là lâu dài.)

Quốc gia vận dụng sức mạnh vật chất lẫn tinh thần đối phó với những cơ nguy ngoại tại nhưng trở lại với mỗi bận tâm trong công việc nội trị một khi nguy cơ đã qua. Hiếm khi các công cuộc dài hạn và liên minh lâu dài được lựa chọn và duy trì.

Chính sách cũng bị chỉ trích nhưng chỉ bắt đầu từ lúc Thế Chiến Thứ Hai sắp bùng nổ, công luận bắt đầu nghiêng về phía tích cực trong vấn đề đối ngoại hơn. Năm 1940, trong diễn văn khai mạc ở trường đại học Virginia, tổng thống Roosevelt công khai đặt nghi hoặc vào chủ nghĩa tự cô lập của quốc gia. Nhằm chuẩn bị tham chiến, ông khuyến cáo rằng Mỹ không thể mãi là một hòn đảo hòa bình trong một thế giới đầy hung bạo :” Hòn đảo này biểu thị cho tôi và đại đa số nhân dân Mỹ một cơn ác mộng vô vọng của một người mất tự do- ác mộng của một tù nhân, gông xiềng, đói khát, được nuôi ăn qua song sắt ngày ngày bởi những tên chúa ngục tàn nhẫn, vô lương các lực địa khác.

Một khi Mỹ quốc tham chiến, những tiếng nói khác cổ động cho việc chuẩn bị nâng đất nước thành vai trò lãnh đạo thế giới sau chiến thắng. Nhà báo nổi tiếng Walter Lippmann rao truyền Mỹ quốc là trung tâm mới văn minh Tây phương, lãnh trọng trách bảo vệ Âu Châu khỏi gót gày xâm lược Sô Viết. Quốc Hội lưỡng đảng thi nhau khẳng định vai trò Mỹ là một quyền lực thế giới và một “tín viên của văn minh.” Ý tưởng này lôi cuốn quân đội. Phần đầu để thắng tiền nghiệp vụ, Frank Knox, bộ trưởng bộ Hải Quân, cắt nghĩa trọng trách ấy là một bổn phận thiêng liêng để giữ gìn an ninh bốn bể (a sacred responsibility to police the seven seas.)

Đệ Nhị Thế Chiến tàn phá các cường quốc trên thế giới. Chỉ có nước Mỹ là không hề hấn. Không chỉ an toàn trong các cuộc oanh tạc tàn phá các cơ sở kỹ nghệ hầu hết Âu Châu, chiến tranh chân hưng nền kinh tế đang trên đà suy đồi của quốc gia. Đúng như John Maynard Keynes tiên đoán, việc thâm thủng ngân sách không hề kích thích kinh tế. Giữa lúc chiến tranh, thâm thủng liên bang lên đến 31/100 GNP (Gross National Product, tổng sản lượng quốc gia). Nghĩa là khoảng 1600 tỉ Mỹ kim theo giá trị hiện nay. Vay mượn để cân bằng ngân sách, chính phủ nắm trong tay và chi dụng ngay hàng tỉ Mỹ kim tẩu tán bởi các nhà đầu tư cẩn trọng, kéo dài khủng hoảng. Trong vòng 4 năm, kinh tế bành trướng 64/100. Nạn thất nghiệp 18/100 trước thế chiến, chỉ còn 2/100 sau thế chiến.

Trong sức mạnh vô địch về kinh tế và quân sự, Mỹ nghiêm nhiên trở thành siêu cường quốc vô song trên Trái Đất. Một chút phát huy sức mạnh không thể tránh khỏi. Thiếu cả 2 kinh nghiệm quốc tế và thói quen suy luận cần thiết cho một nền ngoại giao hiệu quả, nước Mỹ gánh vác công việc tối trọng đại là ngăn chặn sự bành trướng Cộng Sản bằng cách huy động quân đội thay vì trau dồi nghiệp vụ cho ngoại giao đoàn.

Như một ý tưởng, ngăn chặn phù hợp với đầu óc người Mỹ. Nó không đòi hỏi sự liên minh phức tạp hay lâu bền, vì nó là việc nước Mỹ có khả năng tự gánh vác. Một cách chủ yếu nó cũng là một khái niệm phản ứng. Chỉ sau khi Cộng Sản thăm dò những khu vực mới, cân nhắc một phản ứng thích

đáng là điều cần thiết để chống đỡ sự gây hấn. Không hạn chế lý thuyết nào áp đặt lên biện pháp đối phó, không ý tưởng nghiêm trọng nào đề cập một quyết định hành động không kết thúc sẽ rút cạn tài nguyên quốc gia hay tạo chia rẽ giữa các công dân.

Quyết tâm cao phần lớn là vì lòng nhiệt thành gần như cuồng tín bởi sự thi đua giữa Mác Xít và những nguyên tắc tự do dân chủ. Cộng Sản phát sinh từ tro tàn quốc gia chủ nghĩa rao giảng sự đoàn kết chủng tộc chính là vũ khí chống áp bức. Quốc gia chủ nghĩa cổ vũ nổi loạn và cách mạng, lật đổ chính phủ và tạo một lãnh đạo giống họ, nói cùng một thứ tiếng, và nuôi dưỡng cùng một thành kiến. Nhưng điều quốc gia chủ nghĩa không làm được là xóa đói giảm nghèo, căn bệnh trầm kha dày vò Âu Châu suốt thời kỳ dậy thì của chủ nghĩa Tư Bản kỹ nghệ. Tư bản hiện diện khắp mọi nơi, bóc lột công nhân bất kể quốc tịch, đề xướng một đoàn kết thật sự chỉ có thể hiện thực trong giai cấp chứ không phải trong chủng tộc hay văn hóa. Với Mác Xít, chỉ có một giải pháp thực thụ và toàn diện cho vấn đề đói nghèo là một phong trào công nhân thợ thuyền quốc tế, độc tâm thay thế chủ nghĩa Tư Bản bằng chủ nghĩa Cộng Sản, một thánh chiến vĩ đại bởi “đa số hăng hà vì quyền lợi của đa số hăng hà.” Cuộc cách mạng

Bolshevik tạo căn cứ cho phong trào, bảo đảm sự tồn tại và một dòng tuyên truyền liên tục quảng bá Cộng Sản chủ nghĩa là “lượn sóng của tương lai.” Lượn sóng của tương lai cũng là một vai trò người Mỹ muốn dành riêng cho mình. Quốc ấn của Mỹ, thiết kế năm 1782, mang khẩu hiệu “Novus Ordo Seclorum”, kỷ cương mới của thời đại hay nguyên văn : New order of the ages, phản ánh niềm tin rằng cách mạng Mỹ đã hun đúc một dạng xã hội mới, vừa tự do chính trị và vừa phi giai cấp. Những ân điển này là vì dân chủ cấp tiến Mỹ kết hợp một chính phủ hạn chế quyền hành, tôn trọng quyền cá nhân với Tư Bản chủ nghĩa vững mạnh và mở rộng trọng tâm vào tưởng thưởng tài năng và mẫn cán. Phúc lợi này biến nước Mỹ thành ngọn hải đăng của thế giới, trong diễn từ của Adams :”Một phối hợp hoành tráng ... cho sự chiếu rọi vào chốn ngu tối và sự giải phóng khỏi nô lệ của nhân

loại khắp nơi trên thế giới.

Niềm tin vào ý tưởng này càng sâu xa khi hàng thập niên chính sách di dân tự do không đủ sức phát động cuộc chiến chủng tộc đẫm máu hoành hành Âu Châu sau cuộc cách mạng thất bại của quốc gia chủ nghĩa năm 1848, cuộc nổi loạn mở màn cho chủ nghĩa Phát Xít và Đệ Nhị Thế Chiến. Bài học này có vẻ rõ rệt. Người Mỹ đã xua đuổi nghèo đói và trấn áp cảm tính chủng tộc. Đặt căn bản trên nguyên tắc tổng quát vượt lên trên chủng tộc, văn hóa, tôn giáo, nền dân chủ tự do có thể thực hiện bất cứ đâu, người nào trên thế giới. Vẫn còn cách mạng Pháp, cách mạng Nga lôi cuốn mọi chú ý, trong khi cách mạng Mỹ thành công quá rực rỡ, ... vẫn là một sự kiện chỉ quan trọng mang tính cách địa phương, không ai biết.

Sự thiếu chú ý giúp cắt nghĩa cho cuộc thánh chiến chống Cộng inh ỏi của Mỹ thập niên 1950 và đầu thập niên 1960. Robert Heilbroner phát biểu :”nỗi sợ mất chỗ đứng trong hoàn vũ ... kích động chủ nghĩa chống Cộng, tạo nên tảng cho chính sách đối ngoại của chúng ta.” Dù ảm đạm và nghèo đói so với Mỹ, Sô Viết trở nên nguồn phấn khởi cho phong trào cách mạng thuộc Thế Giới Thứ Ba trong khi nước Mỹ với thành công vẻ vang và ý tưởng sáng ngời bị họ coi như kẻ thù của tự do và tiến bộ. Điều các nhà cầm quyền Mỹ không để ý là động cơ gây phấn khởi của các cuộc cách mạng này không hẳn là do bản chất một xã hội Cộng Sản, nhưng vì Mác Xít cho rằng chủ nghĩa thuộc địa là một quá độ của tiến trình kinh tế Tư Bản chủ nghĩa và sự biểu lộ trắng trợn nhất của khả năng bóc lột của nó. Dù Tư Bản chủ nghĩa để ra để quốc chủ nghĩa hay không, chắc chắn đúng là công việc của Tư Bản chủ nghĩa trong các thuộc địa ở Á Châu, Phi Châu có thể là một kinh nghiệm tốt đẹp cho dân tộc bị trị. Những oán hận hàng thế kỷ bóc lột kinh tế, cùng với mối công phần thống trị văn hóa, chính trị bởi Tây Phương, cung cấp môi lửa cho các tổ chức cách mạng khơi dậy ngọn lửa quần chúng ủng hộ chiến tranh giành độc lập. Mác Xít không chỉ giúp đỡ mặt ý thức hệ cho mỗi hận thù tập thể này, nó còn cung cấp những khẩu hiệu tiền chế để vận dụng sức mạnh và kỹ thuật tổ chức

hữu hiệu để chiếm đoạt chính quyền. Từ quan điểm cách mạng nó còn là một lợi điểm bảo chữa sự không nhượng bộ bằng chính sách độc tài. Đánh đổi mọi thứ để chiếm đoạt chính quyền, cách mạng không muốn liều lĩnh đánh mất nó trong trò tuyển cử.

Sau cùng, Mác Xít trang bị cho cách mạng một viện lẽ nhằm chống đế quốc chủ nghĩa. Sau khi dựa vào cảm tính dân tộc (và nhấn mạnh quyền tự quyết văn hóa, chủng tộc) để lật đổ chế độ thuộc địa, cách mạng có thể khoan khoái gánh vác việc chinh phục bằng quân sự các quốc gia lân bang, lấy có bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản “giải phóng nhân loại,” một học thuyết không thừa nhận quốc gia là một lý tưởng chính trị hợp pháp. Với họ, chỉ có quốc tế Cộng Sản, không có quốc gia Cộng Sản.

Nếu hờn oán bị làm ngơ mang lại đam mê cho chính sách ngăn chặn Cộng Sản của Mỹ, niềm tin rằng Sô Viết phô bày mối hiểm họa cho hòa bình thế giới mượn hình ảnh Đức Quốc Xã tạo bầu không khí khẩn trương. Khi nội các của Truman “nhìn vào gương mặt Stalin, họ thấy Hitler.” Tác phẩm “Mein Kampf” của Hitler, đầy đầy những khoác lác và ma quỷ học quái đản, không được chính phủ Mỹ để ý lắm dù nó đồ họa kế hoạch chinh phục thế giới. Viên chức chính quyền Truman khó tái phạm lỗi lầm ấy với Stalin. Tin rằng Stalin là một tín đồ cốt cán Leninist, họ đối diện với sự kiện đáng sợ rằng Lê Nin đã tuyên bố chiến tranh giữa chủ nghĩa Cộng Sản và Tư Bản không thể tránh. Cuối Thế Chiến Thứ Hai, Stalin khoe khoang rằng khả năng kỹ nghệ Sô Viết và kỹ thuật quân sự sẽ bắt kịp Mỹ, một thách đố được hiểu như một tuyên chiến cho Thế Chiến Thứ Ba.

Chính quyền Truman đề nghị kế hoạch Marshall viện trợ cho Stalin, hy vọng liên kết kinh tế Sô Viết với Tây Âu sẽ khích lệ sự hòa hoãn trong chính sách đối ngoại của Sô Viết. Stalin rõ ràng cần viện trợ, đã làm thương tổn sự phục hồi quốc gia vì hoang phí tài nguyên bảo trợ sự chiếm đóng các tiểu quốc Balkans và Đông Âu. Dù thế Stalin dứt khoát từ chối đề nghị viện trợ. Sự kiện này là chứng cứ khiến chính quyền Truman tin rằng Stalin thêm muốn lan tràn chủ nghĩa Cộng Sản và cai trị độc tài toàn cầu

hơn các mối lợi thiết yếu cho quốc gia.

Tiệm tiến chủ nghĩa.

Loại bỏ thái độ kềm chế đối với Sô Viết là một lượng định đáng nản. Cộng Sản chủ nghĩa phải bị ngăn chặn bằng bất cứ giá nào. Trong những năm đầu của chiến tranh lạnh, người ta vẫn có thể tưởng nghĩ cái giá phải trả cho việc ngăn chặn tương đối rẻ. Các chiến lược gia quân sự cam kết với Truman rằng sự độc quyền về vũ khí hạch nhân của Mỹ đủ để đối phó với sức mạnh quân sự quy ước của Nga và là một nhân tố răn đe hữu hiệu cho sự bành trướng của Sô Viết.

Sự lượng định này sai lầm trong cả hai lãnh vực. Đầu nửa thập niên 1950, Mỹ chỉ có vài trái bom nguyên tử. Năm 1947, khi Truman tuyên bố quyết tâm ngăn chặn làn sóng đỏ, rất ít bom nguyên tử trong kho vũ khí hạch nhân nhỏ bé của quốc gia được chế tạo và bộ phận kích hỏa mới chưa được thử nghiệm bằng một vụ nổ thật. Ngay cả nếu bom đã sẵn sàng sử dụng, cũng quá ít để làm yếu tố tất thắng trong một trận chiến toàn diện với Sô Viết.

Sức mạnh nguyên tử của Mỹ cũng không ngăn cản được chủ nghĩa bành trướng của Sô Viết. Hai trái bom nổ ở Trường Kỳ (Hiroshima) và Quảng Đảo (Nagasaki) cũng mang ý nghĩa đe dọa Sô Viết ngoài việc trừng phạt Nhật, vì lúc ấy, Stalin muốn tạo một chỗ đứng ở Á Châu bằng cách xâm chiếm Mãn Châu. Truman hy vọng sức mạnh khủng khiếp của vũ khí mới sẽ làm Stalin nghĩ lại. Trong khi Stalin sợ đến mức chết khiếp nghe tin về bom nguyên tử của Mỹ, ông ta vẫn xua quân sang Mãn Châu và biến nó thành một chư hầu Sô Viết. Stalin tiếp tục lo sợ độc quyền nguyên tử và không lực siêu việt của Mỹ, ông không cho phép nỗi sợ hãi này phương hại đến đề quốc chủ nghĩa của Nga. Giữa năm 1947 và 1948, Sô Viết đỡ đầu cho một cuộc đảo chánh của Cộng Sản ở Tiệp Khắc, xúi bẩy cách mạng ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ và cô lập thủ đô Bá Linh với phương Tây.

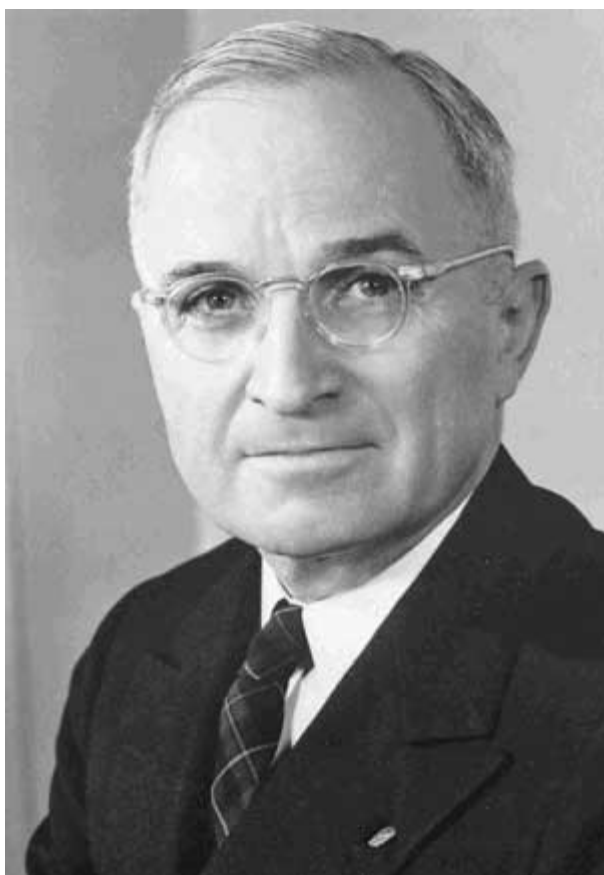
Bom nguyên tử không những không cản trở được dã tâm bành trướng của Sô Viết, chỉ vài năm sau, Mỹ mất ngôi độc bá về vũ khí hạch nhân. Sô Viết

chế tạo được bom nguyên tử năm 1949. Ba năm sau, Anh cũng chế được. Năm 1960 Pháp và 1964, Trung Cộng cũng chế được. Khi Sô Viết phá vỡ độc quyền nguyên tử của Mỹ, cuộc đua vũ trang giữa 2 siêu cường quốc bắt đầu. Cuối thập niên 1960, kỹ thuật MIRV (Multiple, Independently targetable re-entry vehicles) khiến một hỏa tiễn có thể mang nhiều đầu đạn, phóng đến nhiều mục tiêu khác nhau, gia tăng mãnh lực của vũ khí nguyên tử lên gấp bội. Thập niên 1970, Mỹ khuếch trương kho vũ khí nguyên tử chiến lược từ 4000 lên đến 12000. Giữa thập niên 1980, Mỹ có 27000 đầu đạn nguyên tử so với 21000 của Sô Viết. Tới điểm này thì Sô Viết bắt đầu đuối sức, các chi phí về cuộc đua vũ trang cũng như nghĩa vụ quốc tế vô sản là xuất cảng cách mạng đã làm Sô Viết kiệt quệ, dẫn đưa đến sự sụp đổ long trời lở đất của một đế quốc, đặt nền tảng trên bạo lực và cai trị phi nhân.

Lâu lắm trước khi đến thời điểm này, 2 siêu cường quốc đã có đủ vũ khí nguyên tử để tàn phá hạ tầng cơ sở và cư dân lẫn nhau, đồng thời phát tán phóng xạ chết người khắp thế giới. Điều này thay đổi khái niệm răn đe. Vũ khí nguyên tử Mỹ không làm nhụt chí chủ nghĩa phiêu lưu quân sự của Sô Viết nhưng thay vào đó, khuyên can Sô Viết đừng dùng tới nó. Những vũ khí này phải triệt để cấm dùng trong chiến tranh; bởi nó đồng nghĩa tận thế. Chuyển biến này thay đổi bản chất chiến tranh quy ước. Chiến thắng toàn diện trong một cuộc chiến tranh thường được coi là nguy hiểm, vì nó có lẽ tự thành quyết định rõ đại nhằm trả đũa bằng cuộc phản công bằng nguyên tử. Các chiến lược gia Mỹ chậm hiểu về nguy cơ này hay chậm nhận ra việc ngăn ngừa Cộng Sản không thể hoàn tất với giá rẻ. Họ cũng không hề tưởng nghĩ rằng chính sách ngoại giao khôn khéo lại có thể giảm bớt gánh nặng giữ an ninh thế giới trong vai trò sen đầm quốc tế. Thay vào đó, các phân tích gia khoa bảng phát triển một chiến lược tiệm tiến chủ nghĩa, theo đó sức mạnh quân sự được vận dụng một cách hạn chế và chỉ gia tăng từ từ, cho phép địch thủ đủ thời gian điều đình một thỏa ước trước khi lao vào cuộc chiến không hạn chế.

Chủ nghĩa tiếm tiến hợp lý trên sách vở vì lẽ thật là nguy hiểm trong việc gây hoảng sợ cho Trung Cộng và Sô Viết, khiến họ lao vào một thế chiến nguyên tử. Nhưng tiếm tiến chủ nghĩa cũng làm què quặt sức mạnh quân sự Mỹ, làm cho họ không thể tiến hành hiệu quả cuộc chiến, dù là cuộc chiến hạn chế. Trong buổi điều trần trước Quốc Hội, tướng Douglas MacArthur cảnh báo rằng nếu “bạn chủ tâm xoa dịu trong việc dùng vũ lực, ... bạn không tránh khỏi tai họa.” Chiến lược tiếm tiến chủ nghĩa loại bỏ những trả đũa mang tính cách gây hấn có thể gây tổn thất lớn lao đủ thuyết phục địch thủ bỏ cuộc. Nói cách khác, chỉ đánh nửa vời và chờ địch thủ đổi ý. Đây chắc chắn là hiệu ứng chiến lược ở Việt Nam. Tín hiệu Hà Nội nhận được là Mỹ không thực tâm chiến đấu hay không muốn kết thúc chiến tranh ở Việt Nam. Ngâm gởi một thông điệp như thế, Hoa Thịnh Đốn vô tình kéo dài chiến tranh, cuối cùng tạo xáo trộn chính trị nội bộ Mỹ và củng cố thế lực Cộng Sản.

Vấn đề với Châu Á.



Tổng thống Truman

Mục tiêu nguyên thủy của học thuyết Truman là Sô Viết đỡ đầu cho nội chiến ở Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp, nhưng với sự sụp đổ của chính thể chống Cộng Tưởng Giới Thạch ở Trung Hoa và Bắc Hàn xâm lấn Nam Hàn hồi tháng 7 năm 1950, việc ngăn chặn chủ nghĩa Cộng Sản tập trung vào Á Châu.

Kinh nghiệm Mỹ ở Trung Hoa đáng lẽ phải làm cho các lãnh đạo cẩn thận hơn về việc can thiệp vào chính trị Á Châu. Thời Đệ Nhị Thế Chiến, nỗ lực của Mỹ Mỹ giúp Trung Hoa dàn một phòng thủ kiên hiệu chống Nhật thật đáng nản lòng vì Trung Hoa không có chính phủ thực sự. Cả nước là một trải rộng bao la những làng mạc, một số cai trị bởi những tướng quân chuyên bóc lột tàn bạo, một số làng khác được cai trị bởi phong tục lâu đời. Nhất thống Trung Hoa mặt quân sự đòi hỏi nhất thống mặt chính trị. Một chính phủ thực sự quốc gia phải được thành lập, nó phải nắm được sự trung thành của hàng trăm triệu người và kêu gọi chiến đấu, chịu đựng và hy sinh tính mạng bảo vệ đất nước.

Người Mỹ dồn sự ủng hộ cho Tưởng Giới Thạch. Kiên cường chống Cộng và kết hôn với người vợ Ki Tô Giáo, Tưởng là một đáng đáp người Mỹ có thể nhận ra. Mặt khác, Mao Trạch Đông, một người không thêm lưu tâm đến thị trường tự do hay ý tưởng tự do dân chủ, làm họ sợ. Hơn thế nữa, Mao biết cách vận động quần chúng.

Sô Viết bắt đầu cách mạng của họ ở các thành phố lớn, rồi chuyển dần đến thôn quê để nắm quyền kiểm soát người dân. Thách đố mệnh lệnh của Sô Viết, Mao tiến hành cách mạng ngược lại. Bắt đầu ở thôn quê trước khi chuyển sang các khu vực kỹ nghệ, các cảng chính và trung tâm hành chính. Mao giải phóng các thôn làng khỏi tay các sứ quân bạo ngược, thi hành cải cách ruộng đất, tổ chức các làng xã thành những đơn vị du kích Cộng Sản để chinh phục các địa hạt mới và bành trướng quyền lực Cộng Sản. Mao phát hiện bí quyết kiến thiết quốc gia cấp thời trong cộng đồng nông dân: thiết lập kiểm soát địa phương, khu vực; tuyển mộ quần chúng vào quân đội giải phóng Cộng Sản để duy trì, bành trướng thế lực vào khu vực mới.

Tướng Joseph Stilwell, tư lệnh lực lượng Mỹ và Trung Hoa ở Á Châu, thất bại trong việc thay họ Tưởng với một lãnh đạo tài ba hơn, kẻ quyết liệt quét sạch tham nhũng và được lòng người bằng cách tạo một mặt trận quân chúng bất kể Cộng Sản hay không, đặt cơ sở trên tinh thần quốc gia để vượt lên trên những mâu thuẫn ý thức hệ đang xâu xé chính trị đất nước. Đề nghị của Stilwell bị bỏ mặc. Hoa Thịnh Đốn tiếp tục ủng hộ họ Tưởng vô điều kiện, đồng thời, cách chức tư lệnh lực lượng Mỹ - Trung Hoa của Stilwell. Hầu hết Châu Á, và đặc biệt là Đông Dương đều giống Trung Hoa trước năm 1949. Chính phủ quốc gia thực sự đều không có và phải được sáng lập trước khi nông dân có thể được kỳ vọng để tập hợp và đẩy lui chủ nghĩa Cộng Sản. Nhưng kinh nghiệm Trung Hoa cho thấy, Mỹ không biết làm thế nào tạo lập một chính phủ trong một nước kém phát triển, hay ít ra một chính phủ có khả năng hiệu lệnh lòng yêu nước và sự tuân hành của thần dân hơn là chỉ bằng lòng một cách miễn cưỡng.

Chủ nghĩa đế quốc tốt bụng cũng là một giải pháp, nhưng chỉ là một giải pháp trên lý thuyết. Mỹ thành công áp đặt dân chủ lên nước Nhật, Đức bằng họng súng sau khi đánh bại họ trong chiến tranh. Điều này không phải thực sự là xây dựng quốc gia; nó chỉ cung cấp một hướng mới cho chính phủ hiện hữu. Tuy thế nó vẫn được coi là một thành công. Có lẽ có thể làm hơn thế với một đoàn quân chiếm đóng Mỹ tại Việt Nam hay Lào, không chỉ để đương đầu với Cộng Sản ngoài chiến trường nhưng để bảo vệ một nền dân chủ áp đặt lên người dân, một nền dân chủ hướng dẫn bởi các cố vấn Mỹ và quy tụ các lãnh đạo tài năng chọn lọc từ dân bản xứ. Ngay cả nếu một thử nghiệm như thế có thể thành công, nó cũng có vẻ đế quốc và do đó không thể chấp nhận về mặt đạo lý. Ý tưởng dân tộc tự quyết, thịnh hành sau Đề Nhất Thế Chiến của Woodrow Wilson, đạt được sự hợp hiến của một ý tưởng đức trị, khiến ý đồ đế quốc chủ nghĩa không thể chấp nhận được về mặt chính trị.

Thiếu khả năng thay thế chính phủ và thiếu ý chí áp đặt chính phủ tài năng cai trị người dân các xứ thuộc địa, người Mỹ cố gắng một cách vô

vọng làm mạnh các chính phủ yếu bằng cách viện trợ kinh tế và quân sự, nói trắng ra là ném tiền ra để che lấp nan đề. Ngoại trưởng của chính phủ Eisenhower, ông John Foster Dulles, thẳng thừng trình bày vấn đề trước ủy ban ngân sách thượng viện năm 1954. Mô tả Lào như một bờ đê ngăn chặn sự tuôn tràn Cộng Sản chủ nghĩa vào Đông Nam Á, ông nói “chúng ta chỉ việc đắp đê bằng tiền...”

Đường lối này chỉ trộn thêm trở ngại vào trở ngại. Con lũ tiền bạc giúp các chính khách bản xứ cai trị không cần đến lòng trung thành của người dân, vì một ngân sách tài trợ không cần đến sự chuần chỉ của cử tri để điều hành quốc gia. Viện trợ Mỹ cũng cung cấp tiền hối lộ, đảm bảo cho sự trung thành của các quan chức, mua chuộc đối lập và biến quân đội quốc gia thành một lực lượng cận vệ để bảo vệ chính phủ phòng chống nhân dân. Từng ủng hộ và gián tiếp nuôi dưỡng lãnh đạo bất tài, Mỹ buộc phải dùng quân đội của mình như công cụ cho những người ái quốc, không tồn tại như một thế lực chính trị hay đã bị Cộng Sản thu dụng.

Chỉ còn lại một giải pháp khác một khi sự việc đã đến mức này, là bỏ rơi quốc gia đó trong thất bại nhục nhã. Nhưng sau năm 1949, chính phủ Mỹ khó có thể bỏ rơi một quốc gia Á Châu một khi đã cam kết không để lọt vào tay Cộng Sản. Rất ít người quên được sự thoái bộ chính trị khổng lồ sau việc mất Trung Hoa vào tay Cộng Sản. Không chỉ những chính khách bảo thủ lưỡng đảng gièm pha tổng thống Truman việc giảm viện trợ cho Quốc Dân Đảng của họ Tưởng, thượng nghị sĩ Joseph McCarthy tố cáo Truman chứa chấp Cộng Sản trong chính quyền của ông. Dưới sự lãnh đạo của McCarthy, những cuộc điều tra công khai của Quốc Hội về đời tư các viên chức cao cấp trong chính phủ liên bang hủy hoại sự nghiệp của một số viên chức chuyên nghiệp. Riêng bộ Ngoại Giao, 20 viên chức ngoại vụ mất việc. Truman không bao giờ tái lập được sự tín nhiệm với quần chúng hay gột rửa sự nghi hoặc về quá mềm mỏng với Cộng Sản chủ nghĩa, dù ông phản ứng tức khắc đối với sự gây hấn của Cộng Sản ở Đại Hàn. Tháng Ba năm 1952, với sự tín nhiệm thấp nhất, Truman tuyên bố không ứng cử

nhiệm kỳ 2.

Ít chính khách muốn cùng chung số phận với Truman, đó là tại sao họ khăng khăng làm ngơ tư vấn đầy bi quan của các học giả Á Châu, thay vào đó là chỉ lắng nghe những ý tưởng ít u ám hơn của các khoa học gia, kinh tế gia chính trị, kẻ hoang tưởng rằng việc xây dựng quốc gia ở Á Châu theo khuôn mẫu Âu Châu hoàn toàn có thể thực hiện. Một trong những kinh tế gia, ông Walt Rostow, trở thành tham vấn quan trọng của chính phủ Kennedy. Trong cuốn sách xuất bản năm 1960, *The Process of Economic Growth*, ông thách thức sự giả định Mác Xít, cho rằng chính trị không đóng vai trò quan yếu trong phát triển kinh tế. Rostow lập luận, trái ngược với Marx, sự tiến hóa từ xã hội tiền tư bản lên chủ nghĩa tư bản kỹ nghệ đòi hỏi một quyết tâm chính trị theo đuổi việc canh tân ngân hàng, đầu tư, nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Ứng dụng vào các nước kém mở mang ở Châu Á, Châu Phi và Nam Mỹ, điều này có nghĩa sự thịnh vượng nằm trong quyền lực của các lãnh đạo đất nước và ý chí canh tân hóa đất nước của họ. Một khi các xã hội này đạt được một tăng trưởng kinh tế vững vàng, chúng sẽ giống như các xã hội văn minh Tây Phương, nâng cao lợi tức bình quân và triệt tiêu sức hấp dẫn của chủ nghĩa Cộng Sản.

Phân tích của Rostow đã được kiểm chứng bởi các thành công kinh tế ở Nam Hàn, Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba, Mã Lai và Thái Lan. Mỗi nước, chính phủ “bán độc tài” (dịch từ semi-authoritarian regimes) thực hiện canh tân và hướng dẫn kinh tế để gia tăng xuất cảng với sự nhất trí phi thường. Trong thời hạn 15 -20 năm, mỗi trong số các quốc gia này đạt được mức tăng trưởng kinh tế vượt xa các quốc gia kỹ nghệ Tây Phương và gấp 2 lần Nhật. Như Rostow tiên đoán, Cộng Sản chủ nghĩa mất sức hấp dẫn trong bối cảnh sự sung túc ngày một tăng lên.

Nhưng thuyết của Rostow không chỉ dẫn những quốc gia kém mở mang rằng vấn đề then chốt của họ là không phải là một nền kinh tế lụn bại mà là sự thiếu vắng một lãnh đạo quốc gia tài năng để có thể huy động toàn dân. Phải có các lãnh đạo chính trị thực sự trước khi có thể có các lãnh đạo đốc

tâm canh tân đất nước. Không nắm vững sự khác biệt này, Rostow tưởng tượng sự cứu rỗi miền Nam Việt Nam khỏi hiểm họa Cộng Sản đến từ thành phần trí thức thấm nhuần nền giáo dục Tây Phương, những cá nhân biết về “văn minh tiến bộ.” Một khi nắm quyền hành, hay được Hoa Thịnh Đốn đưa lên ngôi vị nắm quyền hành, họ sẽ bắt đầu tiến hành canh tân hóa đất nước và đặt đất nước trên con đường phát triển kinh tế vững vàng, cứu đất nước thoát khỏi gông cùm Cộng Sản. Kết cuộc cho thấy, những thức giả của Rostow không có ý chí, cũng không có tài năng triệu tập sự trung thành của quần chúng, và không có ủng hộ của quần chúng, họ không thể gìn giữ quốc gia trước nguy cơ phiến Cộng hay đẩy lùi lực lượng xâm lấn Bắc Việt. Công việc này mặc nhiên rơi vào tay binh sĩ Mỹ.

Chiến tranh Đại Hàn chỉ làm rối thêm vấn đề. Không giống chính thể bạc nhược miền Nam Việt Nam, chính phủ Đại Hàn do Syngman Rhee lãnh đạo hội đủ tính chính đáng để hiệu triệu toàn dân chiến đấu với ý chí quyết thắng cùng với binh sĩ Mỹ đẩy lùi Bắc Hàn và Trung Cộng; tạo huyền tượng rằng các quốc gia Á Châu khác có thể được kỳ vọng làm được như thế. Cũng còn một lý do nữa, chiến tranh được điều hành tồi, và có lẽ không cần thiết, có vẻ vượt quá sức hiểu biết của mọi người ở Hoa Thịnh Đốn.

Cuộc xâm lấn của Bắc Hàn vào Nam Hàn không đe dọa quyền lợi cũng như an ninh của Âu Châu hay Mỹ. Trước cuộc xâm lấn, ngoại trưởng Dean Acheson chính thức tuyên bố rằng Nam Hàn không phải là một quan tâm phòng thủ tối yếu của Mỹ. Ngoài ra, một khi được biết Sô Viết đỡ đầu cho cuộc xâm lấn này, Mỹ cảm thấy có bốn phận dùng biện pháp quân sự đẩy lui Cộng Sản.

Sự can thiệp của Mỹ không chỉ không cần thiết, thiên kiến dùng giải pháp quân sự cho những bế tắc chính trị kéo dài cuộc chiến một cách không cần thiết. Sau cuộc phản công ở Ichon, thế lực quân sự của Mỹ ở Đại Hàn lên đến cực điểm, tạo điều kiện cho Cộng Sản nghĩ đến hòa bình; nhưng thay vì ngồi vào bàn đàm phán, Mỹ lại leo thang chiến tranh, buộc Cộng Sản

phải phản ứng. Mỹ chỉ quay sang ngoại giao chỉ sau khi quân địch điều động đủ lực lượng tạo ra một thế bí. Khi điều đình bắt đầu, Mỹ đại đột đình chỉ mọi hoạt động quân sự, mất tất cả lực đòn bẩy thúc đẩy Cộng Sản thỏa thuận một cách mau chóng. Mất thêm 2 năm nữa, sinh mạng hàng ngàn binh sĩ Mỹ bị phí phạm để chiếm giữ những căn cứ hỏa lực trải ra ngoài vĩ tuyến 38. Chỉ sau khi Mỹ gia tăng các cuộc oanh tạc ở Bắc Hàn, Cộng Sản mới ký kết một hiệp định đình chiến.

Mặc dù điều hành tồi, chiến tranh Đại Hàn tuyên bố ý chí sử dụng binh sĩ bộ chiến ở Á Châu, một chỉ dấu cho sự quan tâm hơn của Hoa Thịnh Đốn về Đông Dương. Ngay cả trước thời chiến tranh Đại Hàn, các chiến lược gia thâm quyền Mỹ đã bày tỏ mối quan tâm về ngăn chặn Cộng Sản ở Á Châu. Các phân tích ngoại giao ghi nhận dân số Trung Hoa trong khu vực, cho Trung Cộng một quan tâm rõ rệt trong việc bành trướng ảnh hưởng trong khu vực, được mệnh danh là “khu vực sản xuất lúa gạo vĩ đại của thế giới” và nguồn cung cấp của “80/100 cao su thiên nhiên và 50/100 mỏ thiếc.” Trong một giác thư đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên ý tưởng về Đông Nam Á, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia giới thiệu cái sau này gọi là chủ thuyết Domino, cảnh báo rằng Thái Lan và Miến Điện có thể dự kiến lọt vào sự thống trị Cộng Sản nếu Đông Dương bị khống chế bởi một chính phủ Cộng Sản,” tạo nguy cơ cho toàn cõi Đông Nam Á. Giác thư khuyến dụ rằng “bộ Ngoại Giao và Quốc Phòng...soạn thảo một kế hoạch khẩn cấp các biện pháp khả thi nhằm bảo vệ quyền lợi Mỹ ở Đông Dương. Suy luận này biến nỗ lực vô vọng duy trì quyền lực Đông Dương của Pháp thành cuộc thánh chiến chống Cộng Sản quốc tế. Pháp đã chi 11 tỉ Mỹ kim cho chiến tranh, và bây giờ trở nên tốn kém hơn. Mỹ đề nghị tài trợ cho nỗ lực của Pháp để có thể tiếp tục. Năm 1953, Mỹ tài trợ 78/100 phí tổn chiến đấu với Việt Minh, tổng cộng 2.5 tỉ Mỹ kim cho mục đích ấy, nhiều hơn Pháp nhận được từ kế hoạch Marshall tái thiết kinh tế của Mỹ.

Theo một công tác nghiên cứu trước đó, viện trợ quân sự không là một đầu tư khôn ngoan. Nhóm nghiên cứu đệ trình kết quả về Việt Nam lên các

chiến lược gia có thẩm quyền cuối năm 1950. Phúc trình kết luận rằng người Pháp đã bị căm thù đến mức người Việt Nam có thể ủng hộ bất cứ ai, Cộng Sản hay không Cộng Sản, đứng lên đánh đuổi Pháp khỏi Việt Nam. Pau Mus cũng đi đến kết luận tương tự 2 năm trước. Một học giả và cũng là chuyên gia về Đông Dương, Mus đại diện Pháp thương thảo với Hồ Chí Minh năm 1946, 1947. Mô tả Hồ là một nhà cách mạng “không thể mua chuộc, không khoan nhượng, à la Saint-Just,” ông cảnh giác rằng người dân Việt Nam không là “một quần chúng thụ động chỉ quan tâm đến bát com mỗi ngày, và bị cưỡng bức bằng khủng bố buộc họ nổi loạn bởi các cán bộ.” Họ là những con người quốc gia chủ nghĩa nhiệt thành, sẵn sàng khởi nghĩa. Đây không phải loại tham vãn các chính trị gia Pháp muốn nghe, họ làm ngơ cảnh giác của Mus.

Các chiến lược gia Mỹ cũng không cởi mở lắm so với Pháp khi đón nhận những thông tin xấu. Hoảng sợ vì sự lan tràn của Cộng Sản chủ nghĩa, họ làm ngơ những khuyến cáo của nhóm công tác nghiên cứu và dôn mọi ủng hộ cho người Pháp. Sự vô ích của công việc được khẳng định ở Điện Biên Phủ.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 7 (tt)

Điện Biên Phủ.

Sáng ngày 20 tháng 11 năm 1953, 2 tiểu đoàn Pháp nhảy dù xuống mép Tây của lòng chảo hình bàn chân người gọi là Điện Biên Phủ. Vị trí này bao quanh bởi các ngọn núi cao, 1 bức tường thành thiên nhiên – hay một

cái bẫy – tùy theo quan điểm của bạn. Những thửa ruộng vuông vắn san sát nhau tạo thành từng ô hình học che phủ khắp thung lũng đến tận chân núi. Chỉ có một phá cách hẳn lên sự đều đặn hình học này là dòng sông Namyoum chảy ngoằn ngoèo xuống giữa lòng chảo và lộ 41 chạy dọc theo bờ sông, tiếp tục xuyên suốt qua Lào cách đó chỉ 15 dặm.

Trời đã mưa tầm tã suốt hơn 1 tuần khi họ nhảy xuống. Lượng nước mưa làm mực nước sông Namyoum ngả màu cà phê sữa vì cuốn theo đất cát trên các sườn núi, biến thung lũng thành một biển bùn lầy. Toán quân nhảy dù khó nhọc vượt qua vũng lầy ấy, cất những vị trí phòng thủ chống đỡ những cuộc tấn kích. Điện Biên Phủ là bộ chỉ huy của trung đoàn chính quy 148 biệt lập. Nhưng theo tiên đoán tình báo Pháp, chỉ có một tiểu đoàn của trung đoàn 148 hiện diện tại đó đối đầu với nhảy dù. Trận chiến kéo dài vài giờ cho đến khi quân Pháp gọi không yểm. Sau khi tổn thất nặng, tiểu đoàn Việt Minh rút về hướng Nam, bỏ Điện Biên Phủ.

Đến cuối tháng gần 2000 lính Pháp được tăng phái vào lực lượng 2 tiểu đoàn ban đầu, và đến đầu năm 1954, thêm 13000 binh sĩ nữa, trong số đó có 200 tình nguyện quân Hmong, đến để xây dựng công sự chiến đấu và một phi trường nhỏ, dài 1000 mét. Toán công nhân xây dựng đặt bộ chỉ huy ở cực Nam thung lũng, lập 5 đồn phòng thủ quanh căn cứ và 4 tiền đồn.

Các đồn được đặt tên Claudine, Eliane, Huguette, Francoise, Isabelle, Beatrice, Gabrielle và Anne Marie. Các tên này là danh sách các tình nhân của tư lệnh căn cứ, phản ánh tính hiếu sắc của ông.

Sự đồn trú Điện Biên Phủ quan trọng với người Pháp vì 3 lý do. Đầu tiên, những đồi núi bao quanh là vùng sản xuất thuốc phiện. Việt Minh đã thu hoạch gần 1 triệu Mỹ kim hàng năm để chu cấp quân đội. Pháp định cắt đứt nguồn lợi này của Việt Minh.

Thứ hai, Cộng Sản dùng lộ 41 làm đường rút quân sang Lào mỗi khi thua trận. Hơn 1 lần Pháp đã bao vây các sư đoàn Việt Minh và để họ rút sang Lào, hy sinh một lực lượng nhỏ cảnh hậu. Người Pháp cũng muốn Việt Minh ra khỏi Lào. Chỉ vài tháng trước, Việt Minh đã đưa các thành phần

thiện chiến của 3 sư đoàn lên lộ 41, phát động cuộc tổng tấn công xâm chiếm. Mặc dù bị đẩy lui, Cộng Sản để lại một lực lượng nhỏ ở các tỉnh Đông Bắc Lào với ý đồ rõ rệt là lập một đầu cầu cho các cuộc xâm lấn mai sau. Các chiến lược gia quân sự Pháp ở Hà Nội kết luận rằng một cứ điểm phòng thủ kiên cố ở Điện Biên Phủ sẽ ngăn chặn mọi di chuyển vào Lào, biến sự có mặt của họ tại đây thành vô dụng. Để làm vui lòng các chính khách, Pháp mới ký kết hiệp ước hữu nghị với Lào, cam kết bảo vệ Lào khỏi các cuộc xâm lăng trong tương lai. Bảo vệ lời hứa của quốc gia là bổn phận của quân đoàn viễn chinh Pháp.

Thứ ba và cũng là lý do quan trọng nhất, viên tư lệnh quân đoàn, tướng Henri Navarre, định giương một cái bẫy nhử Việt Minh. Chiếm đóng trong khu vực của Việt Minh, Navarre hy vọng dụ các sư đoàn của Việt Minh xuất đầu lộ diện trong một trận quyết chiến. Với Điện Biên án ngữ ngã đường thông sang Lào, Navarre định triệt đường rút quân của địch và tiêu diệt đoàn quân không ngõ thoát.

Kế hoạch của Navarre là một hành động tuyệt vọng mong đoạt được một chiến thắng càng sớm càng tốt. Công chúng Pháp đã bắt đầu chống chiến tranh. Không phải chỉ mới đây, công dân Pháp từ lâu đã ngờ vực sự khôn ngoan trong việc duy trì nên thuộc địa ở Đông Dương. Từ năm 1947, một thăm dò dư luận toàn quốc tiết lộ rằng 42/100 người Pháp được phỏng vấn nghiêng về giải pháp điều đình với Cộng Sản; 8/100 ngăn gọn muốn rút chân khỏi Đông Dương, chỉ 36/100 muốn tiếp tục chiến tranh bằng mọi giá. Năm 1953, con số phản chiến tăng đáng kể.

Trong đầu óc công chúng Pháp, chiến tranh Đông Dương biến thành la sale guerre (chiến tranh phi nghĩa,) cuộc chiến không vinh dự, một xung đột quá nhiều tổn thất. Sinh viên bắt đầu nhất tề biểu tình chống đối. Thanh niên trốn quân dịch. Tân binh đào ngũ ngay khi được đưa vào hoạt động, một số nhảy khỏi tàu ở cảng Marseilles. Sự tôn trọng các quân nhân xuống đến mức thấp nhất. Hình ảnh công dân Pháp phỉ nhổ vào mặt những quân nhân Pháp hồi hương từ Việt Nam không phải điều hiếm thấy, vì sự tàn bạo của

họ đối với người Việt Nam và dù với tàn bạo, họ không thể chiến thắng. Diềm xấu càng rõ nét là cuộc xung đột quan điểm trong phiên họp Quốc Hội Pháp chỉ 1 tháng trước khi Navarre bắt đầu đưa quân vào Điện Biên Phủ. Trong cuộc bàn bạc, mọi đại biểu thiên về giải pháp đàm phán một cách rõ rệt và chỉ bất đồng ý kiến làm thế nào để thực hiện. Navarre cần một chiến thắng lớn để xoay chuyển tình thế.

Đối với Việt Minh, chiến lược của Navarre là một quà tặng Trời cho. Ngay hồi đầu năm 1951, họ đã thăm dò sức mạnh của Pháp trong khu vực, những đồn bót cô lẻ rải rác cuối chặng đường tiếp tế bấp bênh, xa cách các phi trường quân sự. Những thâm nhập trước khiến Cộng Sản kết luận rằng trận quyết chiến tối hậu phải ở trong khu vực cô lập này, nơi người Pháp phải đương đầu với những khó khăn tiếp vận và tiếp viện không thể vượt qua được. Cộng Sản đã và đang kéo dài thì giờ, chờ thời cơ cho cái gọi là trận chiến quyết định. Thời cơ ấy đã đến khi người Pháp ào ạt đổ quân xuống Điện Biên Phủ.

Ý tưởng Điện Biên Phủ bị địch quân áp đảo không hề có trong đầu óc của Navarre. Để hoàn thành điều này, tư lệnh của địch, tướng Giáp phải huy động vài sư đoàn và nhiều cỗ đại pháo. Navarre thấy rằng không thể tưởng tượng một lực lượng như thế có thể vận chuyển qua hàng trăm dặm núi rừng dù chuẩn bị với thời gian vô hạn.

Vậy mà điều này xảy ra. Hàng trăm ngàn dân công đắp đường, 1 ngàn xe vận tải (200 xe do Trung Cộng viện trợ, chiếm được của Mỹ trong chiến tranh Đại Hàn) và 260000 dân công khuân vác gạo, Cộng Sản có thể chuyển vận 230 cỗ trọng pháo, hàng ngàn tấn thực phẩm, hàng trăm ngàn viên đạn lên những đỉnh núi ngó xuống Điện Biên Phủ. Giáp cũng huy động 80000 bộ binh, đủ để áp đảo lực lượng trú phòng, vốn vẹn 15000 binh sĩ. Nó là sự tương quan lực lượng vô cùng chênh lệch đúng ý muốn của Giáp.

Xa hẳn vùng chiến trường, Hồ Chí Minh nói chuyện với một ký giả Anh trong bộ tư lệnh. Viên ký giả hỏi về tin đồn một trận chiến ở một nơi gọi là

Điện Biên Phủ. Trước khi trả lời, Hồ lật cái mũ cối lật ngửa trên mặt bàn. Ông thọc bàn tay xuống lòng mũ. “Điện Biên Phủ là một thung lũng và nó bị bao quanh bởi những ngọn núi. Đoàn quân viễn chinh Pháp ở đây.” Tiếp theo, Hồ lần ngón tay trở quanh mép mũ. “Và chúng tôi ở trên những ngọn núi. Họ không thể vượt thoát.”

Giáp mô tả Điện Biên Phủ theo cách của ông. Người Pháp chặt đầu em của ông, treo vợ ông bằng 2 ngón tay cái, tra tấn đến chết và bỏ đói con gái ông chết trong tù. Ở bộ tư lệnh tiền phương trên núi khu vực Điện Biên Phủ, ông cả quyết với ban tham mưu :”Chúng ta chẹn ngang họng quân Pháp.” Đó là thời cơ lý tưởng cho một chiến thắng quyết định. Trong vòng 1 tháng, Pháp, Anh, Sô Viết và Trung Cộng hội nghị ở Geneva về vấn đề Đông Dương. Đánh bại Pháp ở Điện Biên Phủ sẽ cho phe Cộng Sản ưu thế trên bàn hội nghị.

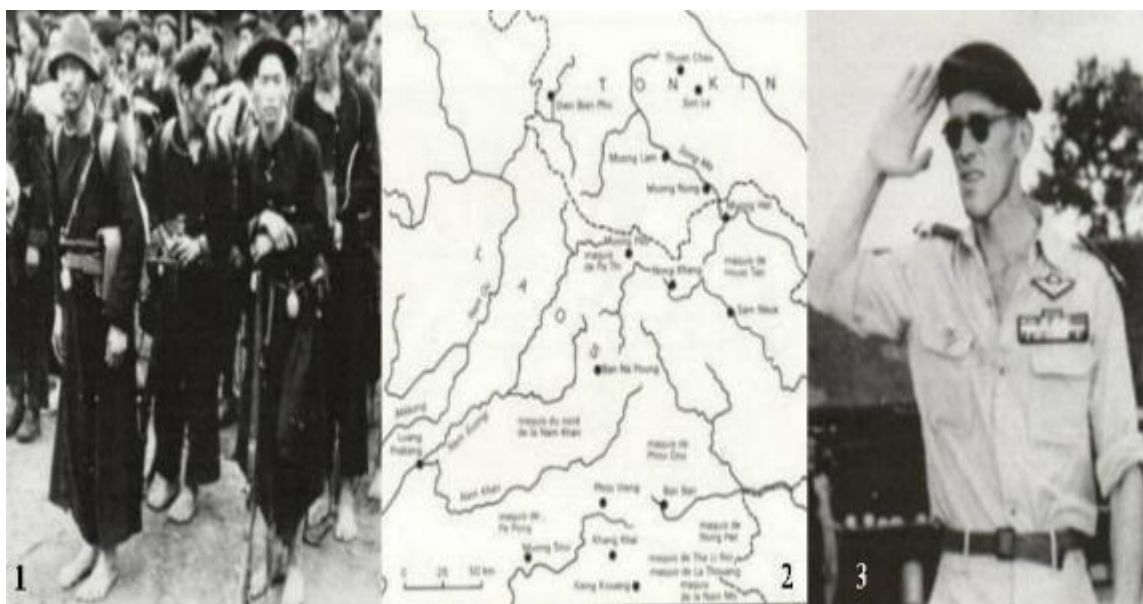
Người Pháp định tiếp tế quân phòng ngự bằng không vận, nhưng các đại bác phòng không Việt Minh làm cho phương tiện này trở thành nhỏ giọt. Thiếu lương thực, thuốc men, đạn dược, binh sĩ trú phòng chịu đựng các cuộc tấn kích trọng pháo của địch giấu trong các hang động trên núi quanh đồn trại. 3 ngàn trái đạn rót vào tuyến phòng thủ trong vòng 1 giờ. Một binh sĩ trong bệnh viện dã chiến, cặp mắt vẫn còn vẻ hoảng sợ, nói với bác sĩ chuyện xảy ra cho anh ta ở Beatrice, 1 trong những tiền đồn :”Nếu thiếu tá bác sĩ có thể thấy địch, hàng ngàn và hàng ngàn bọn địch, đập lên những xác đồng đội, chết bởi hỏa lực chúng tôi. Rồi thì hàng ngàn viên đạn trọng pháo – Sau trận pháo kích, một nửa hầm trú ẩn của chúng tôi sụp đổ.

Các cuộc tấn công của Việt Minh theo một chiến thuật đơn giản và giống nhau. Các tổ đặc công mang theo mìn Bangalore (phá hàng rào) hay đeo chất nổ quanh mình, xông vào hàng rào kẽm gai và kích hỏa. Khi chọc thủng một lỗ hồng, binh sĩ nhất loạt xông vào. Đằng sau là quân yểm trợ có nhiệm vụ bắn che cho đội xung phong, cũng vượt qua phòng tuyến nếu đợt tấn công có kết quả, bắn áp đảo cho toán xung phong rút lui nếu thất bại. Các đợt tấn công biến người tiếp tục mỗi ngày. Các tiền đồn thất thủ. Tồn

thất Pháp càng cao. Bệnh viện nhỏ của căn cứ gồm 42 giường, 4 feet sâu dưới lòng đất, không thể chứa hết các thương binh. Các băng ca xếp khít nhau trong chiến hào có mái che chờ giải phẫu. Vì số binh sĩ tử trận quá nhiều, các bác sĩ đã chiến buộc các thương binh, kể cả người bị cưa chân tay mà vẫn có thể cầm súng, trở lại vị trí chiến đấu thay cho người chết. Gần cuối cuộc chiến, một súng liên thanh 4 nòng, bắn không ngừng suốt vài ngày, vỏ đạn văng ra, chát cao đến 3 feet. Ngày 7 tháng Năm, Pháp tổn thất hàng ngàn người, hàng trăm xác chồng chất như củi súc trên nóc nhà xác, một hồ vuông lớn cạnh bệnh viện. Mất tất cả mọi tiền đồn, chu vi căn cứ thu hẹp lại bằng cỡ sân túc cầu. Thuốc men, lương thực, đạn dược cạn kiệt vì thiếu tiếp tế. Tình trạng này, Cộng Sản chỉ việc bước vào tiếp thu doanh trại.

Khi giờ cuối đã điểm, con số binh sĩ Pháp tử trận lên đến non 5000. Việt Minh chết gấp 5 lần con số đó. Thật là tổn thất khủng khiếp để đạt chiến thắng, nhưng Cộng Sản sẵn sàng trả bất cứ giá nào để thắng một trận đánh kết thúc chiến tranh.

Tin bại trận bay đến Geneva nơi cuộc đàm phán đang diễn ra. Nó thay đổi mọi sự và cho Cộng Sản sức thương thuyết họ cần có để chấm dứt sự cai trị Pháp ở Đông Dương. Yếu tố thời cơ của Cộng Sản hoàn toàn chính xác.



Bộ đội Vàng Pao tiếp cứu Điện Biên Phủ nhưng quá trễ.

Người Mỹ nhúng tay vào Đông Nam Á.

Bại trận ở Điện Biên Phủ buộc Pháp phải nhượng bộ rất nhiều ở Geneva: Việt Nam cắt đôi ở vĩ tuyến 17 và Bắc Việt được thừa nhận như một quốc gia độc lập, tạm thời ngăn cách Cộng Sản ở miền Bắc. Người Mỹ hy vọng đó là một cô lập khu vĩnh viễn dù nó không có vẻ như thế. Cuối hội nghị Geneva, một trong nhóm đại biểu Bắc Việt khoắc lác rằng nếu chiến tranh kéo dài 1 năm nữa, Việt Minh có thể chiếm trọn toàn cõi Việt Nam, Lào và Cambodia. Tự tin và ngạo mạn như thế, Việt Minh khó lòng chịu nằm yên ở miền Bắc lâu dài.

Người Mỹ không chịu đựng được chiến thắng của Cộng Sản. Eisenhower lúc này làm tổng thống và cũng quyết tâm như Truman trong vấn đề chống Cộng, minh họa cuộc chiến đấu trong những kích thích vĩ đại:” tự do chống lại nô lệ, ánh sáng chống lại bóng tối.” Eisenhower minh định rằng Mỹ không bị hiệp định Geneva ràng buộc và không nhân nhượng sự gây hấn của Cộng Sản ở Đông Nam Á. Biểu dương quyết tâm này, chỉ 2 tháng sau hiệp định Geneva, Mỹ thành lập Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á. (SEATO, South-East Asia Treaty Organization.)

Trong khi tạo dáng theo khuôn mẫu NATO (Minh ước Bắc Đại Tây Dương) như một tổ chức tương trợ phòng thủ, các thành viên Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á không là đồng minh tự nhiên, liên kết bởi cùng chung biên giới và quan tâm với hiểm họa xâm lăng của Liên Bang Xô Viết. 8 thành viên Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á gồm Mỹ, Úc, Anh, Pháp, Tân Tây Lan, Pakistan, Thái Lan và Phi Luật Tân, chỉ Thái Lan là một nước Đông Nam Á. Nam Việt Nam, Lào, Cambodia không có tên trong danh sách vì những khoản cấm trong hiệp định Geneva năm 1954. Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á được thiết tưởng vô hiệu hóa khoản cấm này qua minh ước đối phó mọi gây hấn quân sự ở Đông Nam Á. Điều khó khăn là, khác với NATO (Minh ước Bắc Đại Tây Dương), liên minh phòng thủ mới này

không có điều khoản nào về quân đội thường trực. Đây là một khiếm khuyết nghiêm trọng và là sự ngẫm nghĩ rằng Mỹ gánh vác trách nhiệm quân sự, dù chính quyền Eisenhower hăng hái thăm dò các biện pháp khác để không cần đến giải pháp quân sự.

Một năm trước khi Điện Biên Phủ thất thủ, Eisenhower đã khuyên Pháp huấn luyện, trang bị và tuyển dụng những thành phần trong quân đội quốc gia Việt Nam để chiến đấu chống Việt Minh. Sự làm ngơ của Pháp về đề nghị này, sau này được các chuyên gia quân sự Mỹ coi như một trong những nhân tố góp phần vào sự bại trận của họ. Với sự thành lập khối Liên phòng Đông Nam Á, ý tưởng huấn luyện lực lượng bản xứ đẩy lùi phiên Cộng ở Đông Nam Á lại được lưu ý. Ý tưởng này cộng hưởng với khái niệm tự nhận của Mỹ như kẻ thù của thực dân chủ nghĩa. Cũng vậy, nếu nó thành công, sẽ không cần sự có mặt của quân đội Mỹ trong khu vực.

Bắt đầu năm 1955, Mỹ phát triển các chương trình viện trợ kinh tế, quân sự ở Thái Lan, Nam Việt Nam và Lào. Hàng triệu Mỹ kim đổ ra để tăng gấp đôi quân đội và tăng cường không lực hoàng gia Thái Lan. Tại Nam Việt Nam, tướng John O'Daniel, giám đốc phái bộ cố vấn quân sự Mỹ (MAAG, Military Assistance Advisory Group) đặt kế hoạch xây dựng một quân đội gồm 7 sư đoàn Nam Việt Nam.

Mỹ cũng đã viện trợ cho Lào dưới các điều khoản cam kết trong hiệp ước ký kết năm 1950, nhưng với số lượng nhỏ bé và điều hành theo may rủi.

Khi Đại Sứ Charles Yost đến Vientiane năm 1954, chỉ có một viên chức ngoại vụ trong nước, không nhân viên ophụ tá và phải tự đánh máy lẩy.

Nản hơn nữa, Yost phát hiện tòa nhà Đại Sứ nơi ông sẽ làm việc vừa lăm chuột lại vừa dột.

Năm sau, Hoa Thịnh Đốn ủy nhiệm một cơ quan công tác vụ (USOM, United States Operations Mission) cho Lào. Công việc của USOM là đảm nhiệm điều hành viện trợ cho Lào, dự kiến sẽ tăng một cách đáng kể. Bộ chỉ huy của cơ sở là một cái lều dựng trong một đồng cỏ ở Vientiane.

Ngoại trưởng John Foster Dulles tham quan sau đó để điều tra sự tiến triển.

Kinh hoảng vì tình trạng thô sơ và nhân viên quá ít ỏi không đủ xử lý công tác, ông lập tức ra lệnh tăng ngân quỹ và thêm nhân viên.

Nhân viên USOM tăng từ 12 lên 82 người. Hàng triệu Mỹ kim thêm vào ngân sách đổ vào trong nước, lên đến 300 triệu tính đến năm 1960, vượt trội viện trợ bình quân đầu người hơn các nước khác. Nó đánh dấu khởi đầu của 18 năm can thiệp quân sự Mỹ, tốn kém hàng tỉ Mỹ kim và lôi cuốn nước Mỹ vào trong cuộc chiến tranh bí mật.

Tạo bất công.

Dù Lào là một nước nông nghiệp, chỉ một phần nhỏ trong hàng triệu Mỹ kim viện trợ cho Lào sử dụng trong nông nghiệp. Giữa năm 1955 – 1959, chỉ non 1.4 triệu dành cho nông trại kiểu mẫu, gia tăng thu hoạch vụ mùa hay cải tạo đất màu. Mặt khác, quân đội hoàng gia Lào nhận 200 triệu Mỹ kim viện trợ. Cuối thập niên 1950 – 1960, quân đội hoàng gia Lào từ một lực lượng 17000 người ô hợp, trang bị kém thành một quân đội hiện đại 25000 tay súng, được cho là một lực lượng quân sự ngoại quốc duy nhất trên thế giới được Mỹ cấp dưỡng hoàn toàn. Phí tổn cho sự phát triển này lớn hơn con số Hoa Thịnh Đốn muốn thú nhận. Một ngân khoản lớn được chuyển qua CIA theo yêu cầu của bộ Quốc Phòng, ếm nhem bớt tổng số chi phí khỏi sự dò xét của Quốc Hội. Hoa Thịnh Đốn còn “rửa tiền” (thủ đoạn làm mất lai lịch ngân khoản) các tài khoản lớn qua chương trình nhập cảng hàng hoá.

Nó như thế này. Thay vì đưa thẳng tiền cho chính phủ Lào, Hoa Thịnh Đốn ký thác ngân hàng Mỹ dưới trương mục bộ Tài Chánh Lào. Điều này làm cho quân lực hoàng gia Lào in những kiện tiền Kip để chi dụng cho phát triển chính phủ và lương bổng quân đội mà không gây lạm phát. Mỗi 35 Kip được in ra, Mỹ ký thác thêm vào 1 Mỹ kim vào trong tài khoản bí mật Lào, chủ yếu nâng đỡ tiền Kip với đồng Mỹ kim theo tỷ giá 35/1. Trương mục phát triển cho quân lực hoàng gia Lào tài sản trị giá trên đồng Mỹ kim, nhờ đó các nhà đầu tư ngoại quốc bán hàng hóa cho Lào và nhận trao đổi bằng đồng Kip.

Chỉ những người bàng quan không nằm trong kế hoạch tài chánh này hoàn toàn không hiểu vì đâu sự phát triển kinh tế Lào được tiếp sức bằng nguồn tiền bạc bí mật cung cấp ngày càng nhiều. Quyền lãnh chúa (quyền in tiền chi dụng cho trái khoản chính phủ) thiết tưởng vô dụng. Nước Đức thử dùng phương sách in tiền đầu thập niên 1920 với kết quả tai hại. Trong thời hạn 2 năm, giá trị đồng Mark của Đức giảm 55000 phần trăm, chủ yếu là mất hẳn giá trị. Chẳng ngạc nhiên, kinh tế Đức sụp đổ. Thí nghiệm thất bại của Đức thiết tưởng là một minh chứng một chính sách rồ dại cho mọi quốc gia mọi thời, dù thế, có vẻ vẫn chính sách in tiền ấy, một cách khó hiểu, mang lại sinh khí cho kinh tế Lào mà không bị hiệu quả xấu.

Thực ra có một công việc nhập cảng hàng hóa thực sự trong kế hoạch rửa tiền nguy trang dưới chương trình nhập cảng hàng hóa. Người Lào có giấy phép nhập cảng có thể đổi tiền Kip sang đồng Mỹ kim theo tỷ giá 35 trên 1 ở ngân hàng quốc gia Vientaine (do Mỹ thành lập cho chương trình nhập cảng hàng hóa), nơi chính phủ Mỹ ký thác nhiều triệu Mỹ kim bảo đảm cho mọi giao dịch tài chánh, hy vọng Mỹ kim sẽ được dùng để mua sản phẩm ngoại quốc, nhất là sản phẩm Mỹ. Với hàng hóa tuôn đổ vào Lào, và những xe bò chở đồng tiền Kip lưu hành trong nước để mua chúng, mức sinh hoạt ở Lào lên cao, làm Cộng Sản chủ nghĩa mất sức hấp dẫn.

Theo thống kê, lợi tức bình quân tăng mau chóng với gần 86/100 tăng nhờ viện trợ Mỹ. Nhưng thực tế đằng sau những con số thống kê vẽ nên một hình ảnh hoàn toàn khác. Lợi tức thực sự (lợi tức đã điều chỉnh vì lạm phát) của người dân Lào gần các thành phố lớn đều đi xuống. Trong vòng 2 năm, giá gạo tăng 112/100; giá thịt gà tăng 300/100.

Lạm phát có thể dò tìm nguyên nhân trực tiếp vì bộ Tài Chánh tràn ngập đất nước với tiền Kip. Dù một thỏa ước bất chính thức để quản lý việc in tiền Kip theo số Mỹ kim viện trợ, số tiền Kip lưu hành thường xuyên vượt quá tỷ lệ 35/1. Phản ánh sự bất quân phân này, một thị trường chợ đen mọc lên với tỷ giá trao đổi là 120 Kip ăn 1 Mỹ kim.

Các nhà nhập cảng lợi dụng sự bất tương xứng giữa tỷ giá chính thức và

chợ đen để làm giàu. Họ mang 35000 Kip đổi lấy 1000 Mỹ kim để mua hàng hóa ngoại quốc. Hàng hóa này bán ra ngoài thị trường với tỷ giá 120 Kip ăn 1 Mỹ kim. Thu được 120000 từ vốn ban đầu 35000, đổi ở ngân hàng quốc gia được 3400 Mỹ kim, lời 240/100. Nói theo phát biểu của một nhà báo :”Các nhà nhập cảng Lào đã tìm được bí mật chế biến vàng.”

Chỉ một số ít người Lào biết cách hối lộ mới có thể được cấp giấy phép nhập cảng. Người ta hy vọng rằng tăng mức nhập cảng giúp nâng cao mức sinh hoạt, nhưng người dân Lào quá nghèo không đủ sức mua hàng hóa đổ vào trong nước. Ngay cả giới quý tộc giàu có cũng không thấy xe Buicks, Cadillacs, Fords dừng ở chỗ nào vì quá ít đường lộ cho xe chạy. Radio và truyền hình cũng là hàng hóa vô dụng vì Lào không có điện lực. Có 1 máy điện nhỏ ở Vientiane chạy dầu cặn, nhưng hoàn toàn dùng thấp sáng đại lộ Lan Xang, đường phố chính của thủ đô. Không có đường giầy từ nhà máy điện đến nhà riêng hay công xưởng, nơi thấp sáng bằng đèn dầu mỗi đêm. Vô dụng với người giàu và ngoài tầm tay người nghèo, mọi hàng hóa nhập cảng được chuyển qua sông Mekong bán ở Thái Lan, nơi có sẵn xa lộ tối tân và khán giả truyền hình có thể mở xem vài đài. Ít nhất cũng có vài đài truyền hình ở Bangkok.

Ngay cả tiền dành cho những việc công ích như làm đường sá cũng thất thoát. Hoa Thịnh Đốn dành hàng triệu Mỹ kim cho việc sửa chữa đường sá, nhưng cuối cùng tiền ấy lọt vào túi những thương gia Mỹ, giới lừa bịp hơn việc san đất, trải nhựa làm đường. Công ty Universal Construction được thành lập vội vã ở Bangkok bởi 2 thương gia hiểu biết về cách làm ăn trong khu vực. Dùng hối lộ, họ trúng những mớ thầu hàng triệu, không xây cất được gì hết và vẫn được cấp thêm khế ước xây cất. Haynes Miller, một thanh tra, phát hiện nhiều điểm bất hợp quy cách và báo cáo về Hoa Thịnh Đốn. Thượng cấp của ông, Đại Sứ Parsons ra lệnh Miller về Mỹ, gán tội vấn đề tư cách cá nhân khiến Miller phải chuyển công tác.

Hoạch định lén lút cấp tiền cho quân đội Lào và phòng vệ bằng cách nâng cao mức sinh hoạt dân Lào, chương trình nhập cảng hàng hóa làm giàu một

thiểu số trên sự thiệt thòi của đa số. Tai hại đặc biệt là giới quý tộc trở nên giàu có một sớm một chiều, như các sĩ quan cao cấp trong quân đội hay các bộ trưởng trong chính phủ.

Trước thời kỳ viện trợ, khoảng cách giàu nghèo ở Lào nhỏ nhất Đông Nam Á. Những người giàu có không quá giàu và người nghèo không quá nghèo. Điều này là một thành đạt đáng kể của thế giới, nơi các viên chức, theo lời Gunnar Myrdal, kỳ vọng khai thác địa vị của mình để trục lợi cho mình, cho gia đình và cho nhóm của mình.

Chương trình nhập cảng hàng hóa chấm dứt chủ nghĩa biệt lệ Lào (quốc gia giàu nghèo không quá chênh lệch.) Giới quý tộc Lào xây những biệt thự sang trọng bên bờ sông Mekong và di chuyển bằng xe hơi có tài xế lái. Đây trợ giúp việc nhà ngày càng cao giá đến nỗi lương bổng của họ lên đến 130/100. Trong khi đó, lạm phát gặm mòn mức sinh hoạt của thứ dân Lào, nới rộng khoảng cách giàu nghèo. Năm 1955, một nông dân Lào có thể mang 1 con lợn ra chợ và mang về một cái áo sơ mi cho mình, một cho con và một váy cho vợ. Năm 1957, lạm phát giảm sức mua của ông ta đến mức mang một con lợn ra chợ, ông chỉ mua được một cái áo sơ mi cho chính ông.

Viện trợ Mỹ tạo ra bất công thay vì loại trừ bất công. Tội tham nhũng quá phổ biến khiến chính phủ chỉ thị cho các viên chức chịu khó đi chùa, đi nhà thờ để chứng minh với mọi người rằng công chức chính quyền quan tâm đến đời sống tinh thần hơn lợi lộc vật chất. Cộng Sản không thể tuyên truyền giỏi hơn nếu họ muốn tuyên truyền như thế.

Tham nhũng trong quân đội.

Tham nhũng do viện trợ Mỹ lan từ chính quyền sang quân đội. Tiền không đến tay binh sĩ. Không kể một số rất ít ngoại lệ, trước năm 1954, các sĩ quan trong quân lực hoàng gia Lào toàn là người Pháp. Bây giờ toàn người Lào. Một sớm một chiều, các hạ sĩ quan trở thành đại tá hay tướng. Thiếu hẳn truyền thống quân đội hướng dẫn, nhiều người để cho tư lợi khiến chế sự làm việc.

Quân đội chia thành các tiểu đoàn và lên danh sách lương bổng nhưng các sĩ quan chỉ huy thường không tuyển mộ tân binh để huấn luyện hoặc phục vụ đất nước. Tiền trả cho các lính ma này lọt vào túi các sĩ quan cao cấp. Công án nổi tiếng là trường hợp tướng Kot., tư lệnh quân khu 4 ở miền Nam. Ông cất 2 tòa lầu đài ở Pakse và mua sắm máy cày cho nông trại bằng tiền của thiết tướng trả cho binh sĩ. Những binh sĩ này không hề có mặt, chỉ có trong danh sách.

Làm đầy danh sách quân nhân và bỏ túi tiền trả cho lính ma là công việc thường xảy ra trong những năm cuối của đế quốc La Mã. Một nhiều thế kỷ để cho quân đội hùng mạnh nhất thời cổ đắm chìm trong những lạm. Quân đội hiện đại Lào, chỉ non một thập niên, bắt đầu tham nhũng ngay khi có viện trợ quân sự Mỹ. Kỳ diệu nhưng không phải điều kỳ diệu tốt.

Ngay cả khi binh sĩ thực sự tòng quân, họ được huấn luyện rất ít. Theo hiệp định Geneva, 5000 lính Pháp biệt phái cho cơ quan tổ chức cảnh sát hoàng gia(The Mission d'Organisation de la Gendarmerie Royale) chịu trách nhiệm huấn luyện quân đội Lào. Hai trại huấn luyện được đặt kế hoạch nhưng chỉ có một hoạt động và luôn thiếu nhân viên điều hành. Đã mất trắng thuộc địa, Pháp không coi việc huấn luyện binh sĩ Lào là ưu tiên. Bất cứ trường hợp nào, binh sĩ Pháp biệt phái cho bộ chỉ huy cảnh sát bận rộn việc bỏ Lào để đối phó vấn đề ở Algeria, nơi các chiến sĩ Ả Rập đối địch với nửa triệu binh sĩ Pháp. Mất Đông Dương, Bắc Phi chính là chỗ thắng tiến binh nghiệp. Tồn thì giờ lo liệu việc giấy tờ chuyển chuyên sang Bắc Phi khiến họ ít thì giờ huấn luyện tân binh Lào.

Người Pháp rút cuộc thừa nhận sự không tiến triển đối với số phận quân đội Lào năm 1961, khi họ bãi bỏ trại huấn luyện và rút lui quân đội khỏi Lào. Một lực lượng nhỏ còn ở lại, về hưu và trở thành thợ máy, chủ nhà hàng, buôn bán ma túy v.v... Một số ít hơn làm việc cho CIA.

Phòng thẩm định viện trợ (PEO)

Từ khởi đầu, Hoa Thịnh Đốn không định giao cho quân đội Pháp toàn quyền huấn luyện binh sĩ Lào. Để đưa quân đội Mỹ vào bối cảnh, năm

1955 Hoa Thịnh Đốn lập ra văn phòng thẩm định chương trình (PEO, Programs Evaluation Office). Mặt hình thức, nó trực thuộc phái bộ Viện Trợ Hoa Kỳ (USOM, United States Operations Mission), tổ chức quản trị việc phân phối viện trợ kinh tế cho Lào. Trong thực tế, PEO là một chương trình viện trợ quân sự do chuẩn tướng hồi hưu Rothwell H. Brown làm giám đốc cùng với một ban nhân viên gồm các quân nhân chuyên nghiệp, tất cả xóa tên trong danh sách quân đội, và nguy trang thành nhân viên sở Ngoại Vụ - dù nhiều người trên tay, sau lưng vẫn còn xăm những khẩu hiệu như “Sư đoàn 3 muôn năm,” sự hóa trang không hoàn toàn khéo cho lắm. PEO thường than phiền về điều khoản trong hiệp định Geneva, giao cho Pháp quyền huấn luyện các đơn vị quân đội hoàng gia Lào. Một trong những than phiền là Pháp không quen với đại liên 12.7 ly của Mỹ và đại bác không giật 57 ly. Nó khó là một phản đối hợp lý vì đại liên 12.7 (còn gọi là đại liên 50) đã là trang bị tiêu chuẩn cho các đơn vị Pháp từ năm 1942 và đại bác 57 ly đã thông dụng từ cuối thập niên 1940. Dù không nói ra, sự thực là Pháp đã bị đánh bại ở Việt Nam, một bằng chứng là binh sĩ Pháp thiếu tư cách huấn luyện quân đội Lào.

Người Pháp không làm công tác huấn luyện nhiều. PEO xác định điều này sau các chuyến thanh sát. Binh sĩ Lào chiến đấu tới khi đạn trận với Pathet Lào và luôn bị Bắc Việt đánh bại. Thất vọng hơn nữa, tiếp liệu và đạn dược cấp cho các đơn vị chiến đấu không đến tay người lính; tiền bạc tự nhiên biến mất.

Sau 3 năm ngoại cuộc, nhìn người Pháp thờ ơ không ngó ngàng gì hết, PEO quyết định nhúng tay trực tiếp. Chuẩn tướng John Heintges, người thay thế Rothwell Brown làm giám đốc chương trình này vào tháng Hai năm 1959, thuyết phục bộ Quốc Phòng cấp cho 500 cán bộ quân sự để huấn luyện và chỉ huy binh sĩ hoàng gia Lào trên các chiến trường. Heintges tuyển mộ một đơn vị binh sĩ Phi Luật Tân thiện chiến, tất cả là cựu quân nhân dày kinh nghiệm chống phiến Cộng trên lãnh thổ của họ, huấn luyện binh sĩ Lào những kỹ thuật chống phiến loạn. Ông cũng mang lại các toán biệt

kích thuộc lực lượng 7 ở trại Bragg. Hoạt động dưới mã danh “Ngôi sao trắng”, họ được chia thành 2 nhóm : một tiểu đoàn chiến đấu tinh nhuệ và một nhóm huấn luyện gồm 12 toán huấn luyện dã chiến (FTT, Field Training Teams). Một toán huấn luyện dã chiến gồm từ 8 đến 12 người, đào tạo binh sĩ Lào và các lực lượng bán quân sự và chỉ huy họ trực tiếp chiến đấu trong các trận đánh.

Biện pháp trực tiếp này cũng không làm tăng khả năng chiến đấu của binh sĩ Lào. Các toán “Ngôi sao trắng” thường thấy tính khí Lào không thích hợp với chiến tranh. Họ làm mọi chuyện để tránh chiến đấu và dùng chiến thuật gây náo động (bắn súng lớn hay gây ồn ào huyên náo khi hành quân) để báo động cho quân địch , hy vọng địch quân sẽ né họ. Lính Lào thuộc 1 toán “Ngôi sao trắng” bỏ chạy khi chiến đấu xảy ra quá thường xuyên đến nỗi một viên chức PEO tặng họ một huy hiệu đơn vị vẽ hình đôi giày quần vợt cho dễ chạy. Sau một tháng thất vọng trên chiến trường, 1 cố vấn Mỹ nhận xét về họ: “Chỉ vài tháng trước, lính Lào chạy quãng vũ khí; bây giờ họ tiến bộ đến mức chạy có mang theo vũ khí.”

Nhưng tình trạng khác hoàn toàn khi “Ngôi sao trắng” huấn luyện người thiểu số. Người thiểu số hăng hái học tập và rất nóng ruột muốn chiến đấu. Đại tá Arthur “Bull” Simons, chỉ huy trưởng “Ngôi sao trắng”, bắt đầu chuyển thêm các toán huấn luyện vào vùng rừng núi Đông Bắc làm việc với người Hmong và cao nguyên Bolovens trong vùng cán chảo Nam Lào huấn luyện bộ tộc Khmu.

Năm 1961 người thiểu số đã chứng tỏ họ là những chiến sĩ ở Lào có khả năng đánh bại Cộng Sản trên trận địa. Trong vùng cán chảo, 5 FTT (toán huấn luyện và chỉ huy) tổ chức một lực lượng Khmu gồm 600 tay súng thành các đại đội khinh binh. Binh sĩ Khmu truy kích và đánh đuổi Pathet Lào ra khỏi cao nguyên Bolovens. Phần khởi hơn nữa, là các bộ lạc Hmong miền Bắc Lào. Trong một trận đánh dữ dội ở Cánh Đồng Chum, 1 đại đội Hmong, đụng độ một lực lượng Bắc Việt trội hẳn về quân số và trang bị tối tân hơn, gây tổn thất nặng cho địch. Những thành công này, phóng đại bởi

những thất vọng về quân đội hoàng gia Lào, khó mà không nhận biết và cuối cùng buộc các cố vấn quân sự Mỹ giao phó cho quân đội hoàng gia Lào những chiến dịch kém quan trọng và chuyển mọi nỗ lực yểm trợ về phía người thiểu số, đặc biệt người Hmong. Chương sử đẫm máu và định mệnh ác nghiệt giáng xuống dân tộc này kể từ đây.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 8

Ủng hộ lắm.

Souvanna Phouma.

Xin nhắc lại. Sau khi đức vua Sisavang từ khước độc lập và chấp nhận sự bảo hộ của Pháp năm 1945 vì lo sợ đoàn quân Trung Hoa tràn qua Lào giải giáp quân đội Nhật, các chính khách Lào như hoàng tử Phetsarath, hoàng thân Souphanouvong và Souvanna Phouma sang Thái Lan với chính phủ lưu vong Issara (Lào tự do). Khác với Souphanouvong, một đảng viên Cộng Sản và Phetsarath, không hy vọng gì nắm lại chức phó vương, vẫn ở lại Thái Lan, Souvanna Phouma hưởng ứng chiêu dụ của Pháp, về nước chấm dứt giai đoạn lưu vong năm 1949, mau chóng trở lại chính trường Lào. Trong vòng 2 năm ông trở thành thủ tướng; 2 năm nữa ông kết thúc cuộc điều đình với Pháp trao trả độc lập hoàn toàn cho Lào. Đã quen thuần hóa người Pháp, ông dốc nỗ lực thuần hóa Pathet Lào.

BA ANH EM HOÀNG TỘC



Hoàng thân Phetsarath
(1890-1959)

HT Souvanna Phouma
(1901-1984)

HT Souphanouvong
(1909-1995)

Ba anh em hoàng thân Phetsarath, Souvanna Phouma, Souphanouvong với 3 chính kiến khác nhau.

Souvanna cho rằng Pathet Lào là những người quốc gia khoác bộ áo Cộng Sản, đồng minh với Việt Nam vì tiện lợi hơn là niềm tin vào ý thức hệ.

Tổng tuyển cử quốc gia ấn định vào năm 1955. Nếu ứng cử viên Pathet Lào chiếm được vài chỗ, nó có thể hợp thức hóa chính phủ bao gồm mọi thành phần và thuyết phục pathet Lào cắt đứt mọi quan hệ với Việt Nam và tránh khỏi một cuộc nội chiến.

Giữa năm 1954, Souvanna gặp Souphanouvong ở Kang Khay trên Cánh Đồng Chum. Souvanna khuyên người em cùng cha khác mẹ đề cử vài ứng viên cho cuộc tuyển cử sắp đến và ám chỉ rằng sẽ có một chức vị cao dành sẵn cho Souphanouvong trong chính phủ liên hiệp. Dù Souphanouvong không hứa hẹn gì hết, Souvanna cũng tràn trề lạc quan. Không may cho ông, Pathet Lào không những tẩy chay cuộc tuyển cử mà còn gia tăng các hoạt động quân sự chống lại quân đội hoàng gia.

Cuối năm 1957, Thái tử Phetsarath trở về nước chấm dứt cuộc đời lưu vong. Chức phó vương cũ đã được phục hồi và dành sẵn cho ông như một môi nhử về nước. Tại vị, ông khuyên 2 em hòa giải những xung khắc. Sau nhiều cuộc hội họp, Souvanna và Souphanouvong ký một thỏa ước sát nhập Cộng Sản vào chính phủ. Souphanouvong giữ một chức bộ trưởng và Souvanna trông đợi cuộc tuyển cử vào tháng Năm năm 1958 đầy tin tưởng.

Pathet Lào dùng tệ trạng tham nhũng trong chính phủ làm nòng cốt cho vận động tranh cử. Hàng năm nhiều triệu Mỹ kim đổ vào trong nước và mọi người trong chính phủ tìm cách bớt xén. Ngay cả Souvanna Phouma, người chỉ mặc những bộ đồ lớn may cắt ở Paris, nhúng tay vào việc tham nhũng. Ông là một trong những người giàu nhất Lào, một thành đạt đáng kể vì thời còn là một công chức, ông chỉ lãnh 2500 Mỹ kim 1 năm. Souvanna làm chủ một phần lớn trong 2 ngân hàng, một hãng hàng không, làm chủ nhiều mẫu đất, nhiều biệt thự, chung cư ở Vientaine và Luang Prabang, và nhiều bất động sản bên Pháp. Những tài sản này sinh sản lợi tức chồng chất hàng năm. Năm 1964, danh sách tài sản của Souvanna ở Pháp không thôi đã trị giá 2.25 triệu Mỹ kim.

Nỗ lực chống chế của chính phủ nhằm bác bỏ tố giác tham nhũng của Pathet Lào bị ngăn trở bởi sự gian lận bầu cử của CIA. Nhân viên CIA đi khắp các thôn làng ở miền quê, mua phiếu cho ứng cử viên thân Mỹ. Các nhân viên CIA cũng cung cấp tín dụng cho ứng viên khuynh hữu để họ có thể mua chuộc cử tri bằng quà tặng hay tiền mặt. Một phần trong nỗ lực mua phiếu là một chương trình gọi là Liều Thuốc Khỏe. Nhân viên CIA tuyệt phục dân làng rằng Mỹ là những người tốt bụng bằng cách bỏ tiền của đào giếng, xây đập ngăn lụt và sửa chữa đường sá.

Cộng Sản phô bày việc mua phiếu như những bằng chứng hiềm độc. Khi đếm phiếu, Cộng Sản đạt được 1/3 tổng số phiếu và chiếm được hơn nửa số ghế trong Quốc Hội. Hoàng thân đỏ Souphanouvong đắc cử với tỷ số phiếu cao nhất so với bất kỳ các ứng cử viên khác. Trong phiên họp đầu, Quốc Hội bầu ông làm chủ tịch ngành lập pháp.

Một nơi Cộng Sản ít được đồn phiếu nhất là Xiêng Khoảng, nơi Touby tranh cử 1 ghế Quốc Hội với một địch thủ do Faydang vận động, tên Lo Fong. Chú ý Faydang chỉ ủng hộ họ Lo mà thôi. Touby dễ dàng đánh bại tay sai Faydang bởi uy tín và công lao của ông nhiều năm với Hmong.

Kết quả tuyển cử làm CIA và viên chức bộ Ngoại Giao Mỹ thất vọng trong công cuộc lèo lái Lào khỏi Cộng Sản chủ nghĩa. Những người chống Cộng

vẫn chiếm đa số trong 59 ghế ở Quốc Hội, nhưng sức mạnh chính trị đầy bất ngờ của Pathet Lào khiến tương lai nhóm khuynh hữu có vẻ đen tối. Chính quyền Eisenhower hoàn toàn chống lại mọi hình thức liên hiệp với Cộng Sản. Phát ngôn viên cho lập trường này là Walter Robertson, thứ trưởng Ngoại Giao đặc trách Viễn Đông Sự Vụ. Robertson nêu ra việc Cộng Sản chiếm Tiệp Khắc năm 1948 như một minh họa rõ rệt về hậu quả việc cho phép Cộng Sản trong chính phủ. Trong cuộc tuyển cử 1946 ở Czechoslovakia, Cộng Sản chiếm 1/3 số phiếu, tương đương với số phiếu Cộng Sản Lào trong cuộc tuyển cử 1958. Chỉ cần 2 năm sau, Cộng Sản ở Czechoslovakia phế bỏ chính phủ và đưa Klement Gottwald, lãnh đạo đảng Cộng Sản Tiệp làm chủ tịch.

Chủ trương của Hoa Thịnh Đốn là trong chiến tranh lạnh, mọi người phải theo một phe. Trung lập không thể chấp nhận được. Eisenhower tuyên bố khó tưởng tượng một con người đầu óc tỉnh táo lại có thể đứng tách rời khỏi cuộc chiến đấu toàn thế giới giữa những người bảo vệ chính phủ đặt nền tảng trên tự do và nhân vị và những người coi nhân dân như một tài sản của nhà nước. Phó tổng thống Nixon công kích lập trường trung lập như đặt ngang hàng tự do với chuyên chế. John Foster Dulles, bộ trưởng Ngoại Giao chính phủ Eisenhower vẫn tất : Trung lập là vô nhân đạo.

Đại sứ J. Graham Parsons nhờ chống Cộng mà được thăng chức thứ trưởng Ngoại Giao. Hoa Thịnh Đốn cử Horace Smith thay thế chức đại sứ. Khi Smith nhậm chức tháng Ba năm 1958, người ta tưởng ông sẽ tiếp tục đường lối chống trung lập kịch liệt của Parson. Điều này có thể xảy ra nếu Smith không có chuyện gấu ó với Henry Hecksher, giám đốc mới CIA trụ sở tại Vientaine.

Hecksher thay Milton Clark, người đơn độc biến trụ sở CIA ở Vientaine thành một mạng lưới tình báo thượng thặng, thu hoạch những tin tức chính trị, quân sự đáng tin cậy trong nước. Đại sứ Parsons dựa vào nguồn tình báo này để hoạch định chính sách và bao gồm luôn cả Clark trong các phiên họp soạn thảo chính sách. Khi Hecksher thay Clark, Đại Sứ Parsons

tiếp tục để cho CIA làm việc độc lập, ngang hàng với đại sứ hơn là thuộc cấp. Điều này thay đổi khi Horace Smith lãnh chức đại sứ. Smith đòi kiểm soát CIA và loại Hecksher khỏi công việc bàn thảo chính sách. Hecksher không chịu và cả hai bắt đầu cãi vã.

Smith thách đố Hecksher và CIA đảm đương việc đánh bại chủ trương trung lập dưới bất cứ hình thức nào. Nặng lòng đồ kỵ hơn là suy xét công minh, Smith bắt đầu ủng hộ nỗ lực của Souvanna Phouma duy trì một chính phủ liên hiệp, tức trung lập. Vấn đề này, Smith lẻ loi một mình. Sau lưng ông, toàn thể nhân viên tòa Đại Sứ ngả về phe CIA, tức phe Hoa Thịnh Đốn. Mặc Smith phản đối, Hoa Thịnh Đốn cắt viện trợ. Để tiếp tục viện trợ, Quốc Hội Lào phế bỏ Souvanna Phouma và cử Phoui Sananikone lên thay, một hữu khuynh cực kỳ bảo thủ, thề sinh tử chống ý tưởng liên hiệp.



Souvanna Phouma

Để bảo đảm Souvanna Phouma không còn quanh quẩn xúi giục thí nghiệm

với ý tưởng trung lập, Sananikone phong Souvanna Phouma làm Đại Sứ Lào tại Pháp. Smith cũng được sắp xếp để rời nhiệm sở dù 1 năm nữa Winthrop Brown mới đến Vientiane thay thế chức đại sứ. Ba Đại Sứ trong vòng 1 năm khiến người ta có thể suy đoán Hoa Thịnh Đốn không nắm vững tình hình tại Lào.

Được Hoa Thịnh Đốn nâng đỡ, thủ tướng mới, ông Phoui Sananikone tìm cách loại trừ các đại biểu Cộng Sản trong Quốc Hội. Đầu tiên Sananikone cần thêm nhiều quyền hành. Tháng 12 năm 1958, các đơn vị Bắc Việt xâm lăng Lào và lập đồn trại ở tỉnh savanakhet. Sananikone lợi dụng cơ hội, đòi quyền độc tài trong vòng 1 năm để huy động quốc gia chuẩn bị đối phó với cuộc tổng tấn công xâm lăng có thể xảy ra. Bắc Việt không có ý định xâm chiếm Lào bằng vũ lực – ít nhất chưa phải lúc. Ý đồ của họ là chiếm đóng vùng biên giới để xây dựng đường mòn Hồ Chí Minh.

Một điều khoản trong hiệp định 1957 là sát nhập Pathet Lào vào chính phủ. Về quân sự gồm 2 tiểu đoàn Pathet Lào vào quân đội hoàng gia Lào. Cả 2 tiểu đoàn này vẫn hoạt động biệt lập với quân đội chính phủ. Sananikone đã có cơ thanh lọc Cộng Sản. Ông ra hạn trong vòng 24 tiếng những đơn vị biệt lập phải chấp nhận sát nhập hay giao nộp vũ khí. Nếu bất tuân, ông sẽ viện cớ thanh toán bọn Cộng Sản trong chính phủ, kể cả các dân biểu Cộng Sản.

Quân đội hoàng gia Lào bao vây 1 trong 2 tiểu đoàn Pathet Lào đóng quân tại Xieng Ngeun phía Nam Luang Prabang. Hết đường thoát, chỉ huy trưởng tiểu đoàn Pathet Lào tuân hành lệnh sát nhập. Tiểu đoàn còn lại, đóng ở Cánh Đồng Chum trong một đồn binh cũ Pháp bỏ lại ở Thong HaiHin, có mưu đồ khác.

VANG PAO.

Sau khi đại đội của ông bị giải tán năm 1953, nhiệm vụ mới của Vang Pao là làm việc với tình nguyện quân Hmong. Ông thành lập một đại đội gồm các cựu binh sĩ biệt kích Malo chuyên đón đánh Pathet Lào và Bắc Việt tìm cách xâm nhập Xiêng Khoảng. Trong một trận đánh gần Nong Het, Vang

Pao bị thương nặng lở chân. Ông hồi phục đúng lúc dẫn lực lượng của mình xâm nhập Bắc Việt giải cứu tù binh Pháp thất trận Điện Biên Phủ. Đầu năm 1955, Vang Pao lại thất nghiệp. Pháp triệt binh ở Đông Dương và giải tán các tổ chức du kích Malo để chấp hành hiệp định Geneva. Malo chính thức giải tán vào tháng Tư. Người Pháp khuyến quân đội Lào sát nhập các đơn vị du kích (có lẽ là các đơn vị thiện chiến nhất nước) vào trong quân đội chính quy, nhưng người Lào bất đắc dĩ lắm mới làm theo. Sự nhượng bộ duy nhất là họ chấp nhận đơn vị tình nguyện của Vang Pao như lực lượng bán quân sự, bổ nhiệm thành tiểu đoàn tình nguyện 21 liên hệ lỏng lẻo với quân đội chính quy.

Vang Pao chỉ huy tiểu đoàn 21 được 1 năm, rồi được triệu về bộ chỉ huy trại quân sự Chinaimo. Đó là cơ hội bỏ rơi mọi thứ liên hệ đến công việc biệt kích Hmong và thăng tiến nghiệp vụ như một sĩ quan quân đội hoàng gia. Sau Chinaimo, Vang Pao trở lại cánh Đồng Chum chỉ huy trường huấn luyện hạ sĩ quan ở Khang Khay. Một năm sau, ông được thăng chức thiếu tá, quyền chỉ huy tiểu đoàn 10 bộ binh quân đội hoàng gia, chỉ huy sở cách Thong Hai Hin vài dặm, nơi tiểu đoàn 2 Pathet Lào đang nhận lệnh sát nhập vào quân đội hoàng gia Lào.

Vang Pao viếng trại Pathet Lào để thăm dò ý đồ của họ. Ông thấy trại đang bận rộn chuẩn bị cho một cuộc hành quân. Lính gác trong quân phục tác chiến chặn ông ngoài cổng. Súng máy nấp đạn sẵn sàng. Trong trại, ông thấy những sĩ quan Bắc Việt và một đơn vị toàn người Hmong thuộc quyền chỉ huy của Tou Thao Saychou, tư lệnh tương lai của toàn thể lực lượng Hmong của Pathet Lào. Vang Pao chỉ biết tên của Tou Thao Saychou chứ không biết mặt. Saychou cùng với Faydang chống Pháp và nghe đồn là một sĩ quan cao cấp. Đại tá Niem Chan, người Việt lai Thái, chỉ huy trại này. Niem Chan có vẻ trốn tránh khi Vang Pao hỏi về kế hoạch của ông ta. Vang Pao rời trại, đinh ninh rằng một cuộc hành quân đang tiến hành và báo cáo lên thượng cấp.

Vang Pao đóng quân trên đỉnh núi ngó xuống Thong Hai Hin. Một đơn vị

quân đội hoàng gia Lào do đại úy Kettsana Vongsuvan đã chọn con đường lên Ban Mone, con đường dự kiến tiểu đoàn 2 Pathet Lào tẩu thoát. Quá nửa đêm, Vang Pao thấy lửa cháy phía dưới. Ông phái thám báo dò xét và biết Cộng Sản đốt trại bỏ trốn. Vang Pao ra lệnh truy kích, hy vọng đuổi Niem Chan vào ổ mai phục của đại úy Kettsana.

Kettsana để cho tiểu đoàn 2 qua khỏi không thêm bắn một phát. Vang Pao sửng sốt rồi giận tím mặt. Kettsana đổ thừa việc để sống quân địch là vì đạo Phật của ông ta cấm giết người. Nó là cơ thông thường cho tính nhất nhúa tạo chiến thắng cho Cộng Sản. Kettsana sau này bị ám sát tại nhà ở Phong Savan bởi binh sĩ Pathet Lào, sắc tộc Lào và cũng theo đạo Phật.

Vang Pao dẫn tiểu đoàn 10 dầm mưa rượt bết gót Niem Chan. Ba lần ông bắt kịp quân địch, hạ sát 3 sĩ quan Pathet Lào và bắn Niem Chan bị thương ở chân. Rồi thì Pathet Lào rút xa hơn về phía biên giới Việt Nam. Vang Pao không ngăn được khâm phục sức chạy của tiểu đoàn Cộng Sản này.

Hmong không thể chạy nhanh hơn. Đây là sự khâm phục của một người nổi tiếng về sức dẻo dai chịu đựng. Một trong những truyền thống của khóa sinh trường sĩ quan Dong Hene là chạy 2.5 dặm với đầy đủ quân trang quân dụng. Vang Pao phá kỷ lục, về tới mức trong vòng 14 phút. Chỉ lính Hmong mới có thể theo kịp ông. Chỉ có ít Hmong trong tiểu đoàn 10 do ông chỉ huy. Đa số là người Lào và họ hay đòi nghỉ mệt. Vang Pao buộc phải để họ nghỉ và tiếp nhận tiếp liệu từ phi cơ thả dù xuống.

Sự trì hoãn này làm Niem Chan bỏ rơi tiểu đoàn 10 khá xa. Tiểu đoàn Pathet Lào phải băng qua rừng núi biên giới để vào Việt Nam. Vang Pao đi vòng lên núi Gà Gáy (Chant du Coq), nơi có một độc đạo dẫn thẳng vào Việt Nam. Ông tin Niem Chan sẽ băng ngang đây. Nếu ông đến đó trước, nó là điểm lý tưởng cho một ổ phục kích. Nhưng vì nghỉ mệt quá nhiều và quá lâu, khi ông đến thì Niem Chan đã qua và được một đơn vị đặc công (tương đương với biệt kích Mỹ, thiện chiến và cảm tử) Bắc Việt hộ tống. Khi tiểu đoàn 2 Pathet Lào thoát sang Việt Nam, đặc công đóng chốt chặn hậu ngăn cản Vang Pao đuổi theo.

Vang Pao tin rằng ông có thể đẩy lui quân Bắc Việt khỏi đỉnh núi nhưng ông không thể làm 1 mình. Ông cần có thêm trợ thủ. Không một người Lào dám tình nguyện. Họ sợ đặc công Bắc Việt hơn là sợ vị chỉ huy trưởng của họ. Họ coi Vang Pao thuộc giai cấp hạ đẳng; từ lúc ông chỉ huy tiểu đoàn, uy quyền của ông đối với họ rất mong manh. Nếu Vang Pao ra lệnh cho họ xông lên đèo, họ sẽ làm loạn. May cho ông, 1 trong số người Hmong tình nguyện, một sĩ quan phụ tá tên Ly Ndjouava.

Vang Pao và Ly Ndjouava leo lên núi, luân phiên bắn che cho nhau khi chạy từ mô đá này đến gốc cây khác. Họ tìm thấy đặc công, 2 người một hố mỗi hố cách nhau 20 mét. Hai đặc công hố đầu tiên thấy họ và giương súng bắn, lộ đầu và vai. Vang Pao và Lý Ndjouava đồn gục cả hai. Vang Pao dẫn Ly đến hố kế, bắn hạ thêm 2 đặc công nữa và cứ thế, diệt địch từ hố này sang hố khác như thể tập tác xạ ở quân trường. Sau khi hạ sát 12 đặc công, bọn cảm tử ...bỏ chạy.

Mất hàng giờ để dỡ ngọt tiểu đoàn của ông lên núi. Lúc này Niem Chan đã cao chạy xa bay về thị trấn Muong Sen, cam tâm làm tay sai cho Bắc Việt, chờ dịp đem giặc về giết đồng bào mình.

Cộng Sản tấn công.

Tìm một con dê tế thần, bộ Tư Lệnh quân đội hoàng gia Lào đổ lỗi cho tướng Kittirath Sang, tư lệnh quân khu II làm cho Niem Chan trốn thoát. Ông ta bị truất chức và đại tá Bouddavong Khamkhong lên thay. Mặt chính trị, Sananikone đổ lỗi cho đại biểu Cộng Sản trong Quốc Hội về hành động phản trắc của tiểu đoàn 2 Pathet Lào với tội danh âm mưu ngăn cản đơn vị này sát nhập vào quân đội. Ông hạ lệnh quản thúc tại gia các đại biểu Cộng Sản. Suốt từ đó cho đến 8 tháng sau, binh sĩ võ trang canh gác tư gia của họ ở Vientiane 24 tiếng một ngày .

Pathet Lào trả lời bằng súng đạn. Trận chiến đầu tiên bùng nổ tại Sầm Nứa, nơi Cộng Sản thao tác để đè bẹp mọi cứ điểm quân đội hoàng gia và cô lập tỉnh lỵ. Chỉ huy bởi các sĩ quan Việt Nam, Pathet Lào đóng góp có 2000 binh sĩ cho chiến dịch, dùng khéo léo, mưu mẹo bù vào chỗ thiếu người.

Đồn lũy phòng thủ của chính phủ hầu hết là vách đất trộn rom bao quanh bởi một hệ thống chiến hào và hoàn toàn lệ thuộc vào tuyển mộ từ dân quân địa phương. Cán bộ Bắc Việt gieo hoang mang bằng cách tung tin đồn trong những thị trấn lân cận về quân số đông đảo của lực lượng Cộng Sản, tạo thêm bằng chứng bằng cách mua trù số lượng lớn lương thực cho các tiểu đoàn hù dọa này. Dân chúng các thôn làng, thị trấn bỏ nhà cửa trốn vào trong rừng. Tin các thị trấn bỏ hoang đến tai binh sĩ chính phủ. Họ rủ nhau bỏ trại, một số bắn sau lưng sĩ quan chỉ huy trước khi bỏ ngũ.

Dù với tình trạng đào ngũ hàng loạt, cuộc tấn công của Pathet Lào hầu hết chết yểu. Phát động chiến dịch vào mùa mưa, Cộng Sản di hành khó nhọc và chậm, nếu cần, khó có thể tăng viện kịp thời. Bất ngờ, các đồn trại quanh thành phố Sầm Nứa chống trả kịch liệt. Dù Pathet Lào chiến đấu anh dũng trong điều kiện thời tiết bất lợi và thiếu quân số để đánh bật quân chính phủ, không lực hoàng gia Lào với những máy bay vận tải cũ kỹ C-47, Beavers, bay qua các rừng núi dưới những cơn mưa mùa như thác lũ, tiếp viện quân dụng và tăng viện binh sĩ xuống phi trường cỏ ngoại ô tỉnh lỵ. Khi chiến dịch thất bại, Pathet Lào phân tán lực lượng và tung các cuộc càn quét, quấy phá ở các tỉnh trong nước, dụng ý tạo ấn tượng họ làm chủ miền quê.

Trong giai đoạn cuối chiến dịch tấn công, từ tháng Tám đến tháng Chín năm 1959, Pathet Lào trở lại Sầm Nứa 1 lần nữa thử chiếm các đồn trại. Chỉ 2 đồn thất thủ là Muong Het và Xieng Kho. Cả 2 đồn này cách biên giới Việt Nam chỉ một tầm ném. Trọng pháo Bắc Việt bên kia biên giới pháo kích nhiều ngày. Mưa mai, khi trọng pháo chấm dứt, tiểu đoàn 2 Pathet Lào, đơn vị chạy thoát khỏi tay Vang Pao ở Thong Hai Hin năm ngoái, do đại tá Hmong Tou Thao Saychou chỉ huy, mở cuộc tấn công dứt điểm.

Thông tin giữa Vientaine và các đồn trại bị tấn công rất kém. Không thể biết tường tận tình hình, Vientaine tưởng tượng thêm vào cho phong phú. Có tin đồn một cuộc đại xâm lấn có quy mô ngang với cuộc xâm lăng năm

1953 của Việt Minh với nhiều sư đoàn. Tức giận, Sananikone bắt tất cả đại biểu Cộng Sản đã bị quản thúc tại gia từ trước, chở đến giam giữ tại trại tù cảnh sát Phone Kheng ở ngoại thành về tội phản quốc để họ sống như những thường phạm hình sự thay vì ngồi chơi uống trà như trước.

Ban điều hành tòa Đại Sứ Mỹ hoan nghênh hành động này. Từ lâu họ vận động Hoa Thịnh Đốn viện trợ quân sự cho nhóm khuynh hữu. Tư thế cứng rắn của Sananikone chính là cử động cần thiết để Hoa Thịnh Đốn mở hầu bao.. Ngay lập tức, 25 triệu Mỹ kim viện trợ cho quân đội hoàng gia. Sau này khi sự việc diễn tiến, nó chứng tỏ Mỹ tốn tiền vô ích.

Nhóm hữu khuynh đảo chánh.

Khi Pathet Lào tấn công, Sananikone “xin” quyền độc tài 1 năm. Thời hạn ấy chấm dứt vào tháng 12 năm 1959. Ông yêu cầu Quốc Hội gia hạn thêm cho đến tháng Tư năm sau, khi bắt đầu cuộc tuyển cử mới. Ông được thỏa nguyện nhưng lần này, có những bất mãn của phe khuynh hữu.

Một nhóm chính khách trẻ và sĩ quan quân đội tổ chức Hội Đồng Bảo Vệ Quyền Lợi Quốc Gia (CDNI, Committee for the Defense of the National Interest) công khai chỉ trích thủ tướng chính phủ quá lần lữa trong việc tổ chức một quân đội hùng mạnh đối phó với sự đe dọa quân sự của Pathet Lào. Chủ tịch Hội Đồng là đại tá Nousavan Phoumi, một nhân viên CIA. Giám đốc CIA ở Vientiane là Hecksher ủng hộ Hội Đồng từ thừa ban đầu và gây áp lực buộc Hội Đồng tổ chức một mặt trận thống nhất để đòi hỏi ảnh hưởng lớn hơn trong chính phủ.



Phủi Xa Na Ni Kon

Nổi giận vì sự táo bạo của Hội Đồng, Sananikone thanh lọc các thành viên Hội Đồng trong nội các, kể cả Phoumi, người nắm giữ bộ trưởng bộ Quốc Phòng. Với sự ủng hộ ngầm của CIA, Phoumi ra lệnh cho binh sĩ chiếm các công sở vào ngày 25 tháng 12 năm 1959, sau này lịch sử gọi là cuộc đảo chánh Giáng Sinh. Sananikone ở nhà lúc ấy, nhìn binh sĩ trong quân phục ngụy trang rần rí qua cửa sổ đang bố trí quanh tư thất của ông và nhìn các xe tăng M-8 đậu trước sân. Ông quyết định về hưu non. Phoumi thay thế Sananikone bằng một chính khách lão thành Vientaine, ông Abhay Kou. Phoumi cũng muốn lãnh đạo chính phủ. CIA cũng đồng ý như vậy nhưng Đại Sứ Smith thì không. Nhắc lại viên Đại Sứ này vì ganh ghét CIA mà ủng hộ chính phủ trung lập, bất chấp đường lối Hoa Thịnh Đốn. Đây là một trong họa hoằn vài lần Hoa Thịnh Đốn ủng hộ Smith trong chức vụ đại sứ. Bộ ngoại Giao lo lắng về tai tiếng. Lào được thiết tưởng là một thể chế dân

chủ. Cho phép dùng quân đội lật đổ chính phủ làm sao ăn nói với nhân dân trong nước và dư luận thế giới. Phoumi phải bằng lòng điều khiển chính phủ từ trong hậu trường.

Tuyển cử ấn định vào tháng Tư năm 1960. Để bảo đảm Cộng Sản không chiếm được ghế nào, Phoumi nâng trình độ học vấn của cử tri lên như một điều kiện hợp lệ. Nói khác đi, không có học không được đi bầu. Thêm vào đó, ông vẽ lại địa hạt cử tri ở các tỉnh Đông Bắc sao cho giảm thiểu sức mạnh lá phiếu của Cộng Sản và tăng lệ phí ứng cử sao cho vượt khỏi túi tiền các ứng viên có thể lo liệu. Những biện pháp này khiến cho tổng số cử tri hợp lệ còn có 25000 người và loại trừ hầu hết đối thủ. Trong số 59 ghế Quốc Hội, Cộng Sản chỉ có thể đưa ra 9 ứng viên tranh cử. Quyết tâm không để yên bất cứ sự gì không vừa ý, Phoumi dùng thủ đoạn tuyển cử năm 1958 và với sự tài trợ của CIA, phái những toán sĩ quan quân đội đi khắp thôn làng mua phiếu. CIA cũng hăng say không kém. Một nhân viên tòa Đại Sứ thấy vài viên chức CIA phân phối những bì tiền cho các trưởng làng.

Với các chính khách Cộng Sản trong tù, hay trốn tránh ở các tỉnh miền Bắc, họ khó vận động tranh cử. – dù có vận động tranh cử cũng không hề gì, vì nhóm khuynh hữu gian lận thả cửa trong vấn đề bỏ phiếu. Một ứng cử viên Pathet Lào ở miền Nam nhận được 4 phiếu dù rằng trong gia đình ông, có 5 người đi bầu.

Cố vấn Mỹ của Phoumi thoả mãn với kết quả cuộc đầu phiếu. Không hài lòng Pathet Lào trả lời bằng một loạt khủng bố mà tổng kết chỉ là vài tổ chức ám sát các viên chức chính phủ, viên chức ngoại giao Mỹ. Cộng Sản âm mưu giết một viên chức. Mục tiêu là một viên chức Mỹ nhưng tên sát thủ làm hỏng việc, vô tình giết lầm phải một viên chức Liên Hiệp Quốc. Kẻ khủng bố tử tế đến nỗi để một lá thư xin lỗi người vợ nạn nhân vì nhầm lẫn. Phoumi nhận thấy đã đúng thời điểm xét xử Souphanouvong và các chính khách Cộng Sản đang bị giam giữ trong nhà lao Phone Kheng. Khi quan tòa không tìm thấy cơ sở hợp pháp để truy tố những người này trong phiên

xử sơ bộ, Phoumi âm mưu ám sát tù nhân bằng giả tạo ra một âm mưu vượt ngục. Souphanouvong biết tin nhờ một người coi tù thân Cộng. Pathet Lào mau chóng hồi lộ lính gác tù. Cửa mở khóa và bọn lính gác nhìn đi chỗ khác khi Souphanouvong và các đại biểu Cộng Sản khác vượt ngục. Vài tháng sau, cả bọn có mặt ở căn cứ Pathet Lào tại Sầm Nứa.

Cộng Sản dùng cuộc vượt ngục để tuyên truyền, khoe rằng Souphanouvong kêu gọi lương tâm cách mạng của lính gác, “giáo dục một cách dễ hiểu về ý nghĩa chính trị, thực trạng Lào và nhu cầu đất nước,” một bài học đầy đủ về suy luận chính trị công dân, đặt nền tảng trên truyền thông và ý thức xã hội. Nhiều năm sau, câu chuyện bịa đặt này vẫn lưu truyền, trở nên phóng đại hơn theo thời gian :”Toàn câu chuyện về cuộc vượt ngục và công cuộc chuẩn bị ý thức hệ của Souphanouvong trong tình trạng ngặt nghèo nhà tù, đáng là một thiên tiểu thuyết vĩ đại về lòng can đảm, chí mao hiểm ngoài sức tưởng tượng. Một lần nữa, nó làm chứng cho cá tính phi thường của một ông hoàng biến thành nhà cách mạng.

Dù cuộc vượt ngục là một thất bại của chính phủ, Phoumi vẫn thỏa mãn với mọi sự diễn ra. Cộng Sản bị cấm trong chính trường và lãnh tụ của họ đang tại đào. Nhóm hữu khuynh nắm quyền hoàn toàn. Các viên chức lãnh đạo Mỹ chúc mừng họ vì rốt cuộc, đã có những tiến triển cụ thể.

Kong Lê.



Coong Le

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

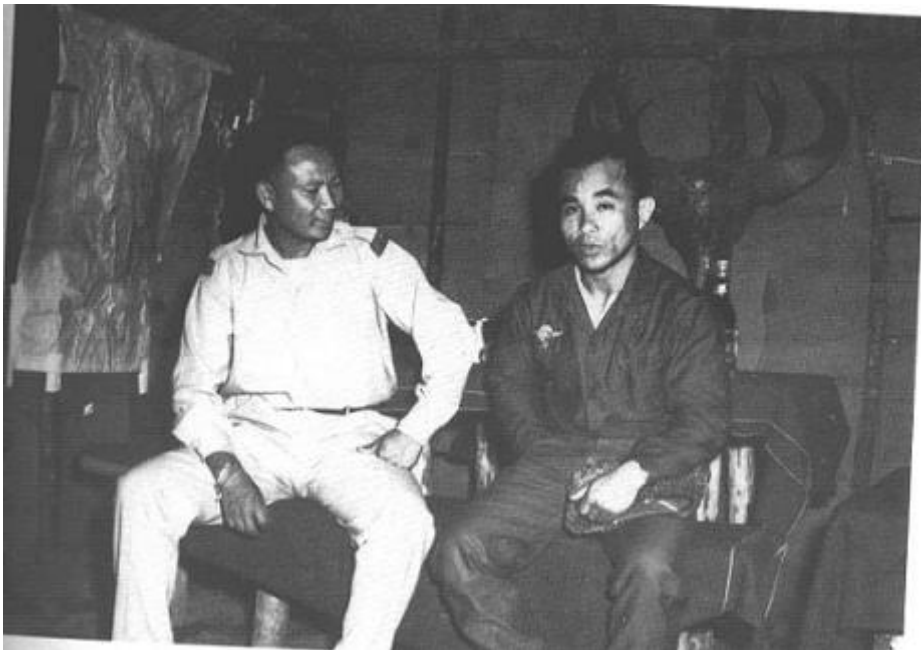
Chương 8 (tt)

Chỉ 4 tháng sau tuyển cử, phe hữu khuynh đột nhiên mất hết quyền bính và một đại tá nhỏ thó trong quân lực hoàng gia 26 tuổi với gương mặt non choẹt, lên nắm quyền, tuyên bố các phần tử hữu khuynh và các cố vấn Mỹ của họ là kẻ thù dân tộc.

Đại tá Kong Lê chỉ huy tiểu đoàn 2 nhảy dù thuộc quân lực hoàng gia. Được công nhận là đơn vị ưu tú nhất quân đội, tiểu đoàn 2 được mệnh danh là “lữ đoàn lửa.” Đã nhiều lần tiểu đoàn nêu gương anh dũng trong các

cuộc giao tranh với Cộng Sản, cả trong vùng núi non trùng điệp Sầm Nứa, nơi Kong Lê có 2 chuyên viên chống phiến Cộng Phi Luật Tân, thuộc CIA trực tiếp cố vấn và trong rừng rậm phía Nam Lào, khu vực cán chảo.

Tiểu đoàn 2 Dù do Mỹ thành lập. Kong Lê thụ huấn một khóa học đặc biệt ở trường Biệt Động Quân Đội Mỹ tại Phi Luật Tân để chuẩn bị cho ông chỉ huy một đơn vị thiện chiến. Ông không thấy quá trình cuộc huấn luyện là một kinh nghiệm đẹp. Ông cảm thấy các huấn luyện viên coi người Lào như một sắc tộc hạ đẳng. Điều này làm ông suy nghĩ. Trên bối cảnh toàn cầu, Lào chỉ là con chốt trong Chiến Tranh Lạnh. Người Mỹ chẳng tử tế gì với nước Lào hoặc nhân dân Lào. Từ đó, Kong Lê mưu đồ đảo chánh. Ông đã có kinh nghiệm làm đảo chánh vì đã 1 lần, Phoumi dùng “tiểu đoàn lửa” chiếm đóng các công sở dịp đảo chánh Giáng Sinh. Sau này, Phoumi còn cho Kong Lê biết kế hoạch (do CIA soạn thảo) chiếm đóng Vientaine. Mọi sự được tính toán từng chi tiết. Phoumi không hề ngờ rằng Kong Lê có thể phản mình vì viên đại tá trẻ Kong Lê cưới cháu gái Phoumi làm vợ.



Coong Le và Vàng Pao

Kong Lê ở Vientaine đầu tháng 8 năm 1960, sau một trận đánh cam go ở miền Nam Lào. Tiểu đoàn của ông đóng quân trong những lều bần thiu trên một bãi lầy ngoại ô thành phố. Kong Lê phàn nàn về tình trạng tồi tệ của

doanh trại và binh sĩ chưa được trả lương quá 2 tháng. Ông được hứa hẹn cung cấp vật liệu xây cất doanh trại nhưng chờ mãi không thấy. Thay vào đó, tiểu đoàn được lệnh trở lại chiến trường Vang Viêng phía Tây Bắc thủ đô đương đầu với Pathet Lào. Đơn vị của ông đã chiến đấu liên tục suốt 1 năm và là đơn vị thực sự chiến đấu trong hàng ngũ các lực lượng quân đội hoàng gia. Lệnh tiếp tục chiến đấu là giọt nước làm tràn bát nước đầy.

Ngoại trừ lực lượng cảnh sát, Vientaine không có đơn vị nào khác bảo vệ. Các viên chức cao cấp chính phủ cũng như các tướng lĩnh quân đội luôn ở Luang Prabang. Vua Sisavang Vong đã chết 1 năm trước sau 54 năm trị vì. Thái tử Savang Vatthana kế vị trong buổi lễ đăng quang sơ sài ở chùa Hotmam Sapha vào tháng 10 năm 1959, với đông cung thái tử ngồi bệt trên thảm trong chiếc áo dài trắng giản dị, đối diện các nhà sư, các em hướng đạo và các nhà ngoại giao lột giày, xếp bằng trên nền chính điện. Chỉ có một nghi thức còn lại để hoàn tất lễ đăng quang : Lễ hỏa táng đức vua Sisavang Vong đã băng hà. Trong khi Kong Lê giận dữ trên bãi lầy ngoại ô Vientaine , hầu như mọi thành phần chính trị, quân sự Lào tụ họp trong cung điện hoàng gia ở Luang Prabang để tham dự lễ quốc táng.

Ngày 9 tháng Tám năm 1960, binh sĩ Kong Lê chiếm đài phát thanh, các công sở, nhà máy điện Vientaine và phi trường. Chiếm đoạt đài phát thanh là mục tiêu quan trọng nhất cho cuộc đảo chánh. Kong Lê đã phân phát radio mua bằng viện trợ Mỹ cho binh sĩ thuộc cấp. Truyền lệnh hành quân qua làn sóng truyền thanh, ông chỉ huy các trung đội, tiểu đội lần lượt tiến chiếm các mục tiêu. Một đơn vị chiếm trại binh Chinaimo ngoại ô Vientaine và trưng dụng các thiết vận xa, chiến xa ở đó. Một đơn vị đặc phái đến tòa lâu đài của tướng Sounthone Patthammavong, tổng tham mưu quân lực hoàng gia, đặt ông dưới sự quản thúc tại gia. Chỉ có sự chống đối ở trại quân đội. Hai binh sĩ bắn vào lực lượng Kong Lê và bị hạ sát.

Toàn thể cuộc hành quân diễn ra vài tiếng đồng hồ. Kong Lê đọc diễn văn trước quốc dân trên đài phát thanh, trình bày lý do đảo chánh :”Lãnh đạo chính phủ và lực lượng võ trang đã hơn 1 lần tuyên bố rằng những kẻ hối

lộ, tham nhũng, sống trên mồ hôi nước mắt kẻ khác và những kẻ trục lợi trên sự thiệt hại của người khác phải bị trừng trị. Nhưng những kẻ xấu này vẫn tiếp tục tồn tại. Khi Kong Lê nói, quân xa đi khắp ngã đường thành phố, phân phát truyền đơn lên án những người hợp tác với Mỹ là những kẻ phản quốc “người bán chúng ta cho Mỹ.”

Hai ngày sau, trước một đám đông ngồi trên các dãy ghế của sân vận động Vientaine, Kong Lê biện hộ chủ trương trung lập là con đường chắc chắn dẫn đến hòa bình cho “tổ quốc chúng ta,” mà sau này ông cắt nghĩa là một chủ nghĩa bài Mỹ hiểm độc. “Người Mỹ mua chuộc chính phủ, các tướng lãnh, gây chiến tranh và chia rẽ trong chúng ta.” Kong Lê nhấn mạnh rằng việc đánh đuổi kẻ bán nước ra khỏi tổ quốc càng sớm càng tốt là bổn phận của chúng ta.” Để tăng cường ủng hộ, ông thả tù và ra lệnh cho các phạm nhân, một số ít chính trị phạm còn lại toàn tội phạm hình sự, diễu hành các đường phố, mang những biểu ngữ chống Mỹ.

Lo ngại sự an toàn của công dân Mỹ, Hoa Thịnh Đốn ra lệnh triệt thoái 700 nhân viên dân sự, quân sự và gia đình của họ. Một số người sợ những xe hơi của họ bỏ lại sẽ bị phá hoại, mang theo cả xe hơi lên phà băng qua sông Mekong, đến Thái Lan, 6 xe một chuyến, do USAID (US Agency for International Development), cơ quan phát triển quốc tế Mỹ tổ chức và điều hành việc vận chuyển. Khi người Mỹ khởi hành, Kong Lê dùng đài phát thanh làm diễn đàn riêng lăng mạ các bộ trưởng chính phủ về tội tham nhũng. Trong bầu không khí đầy đe dọa, tất cả các quan chức cũ tránh khỏi thủ đô. Một số ít cần phải ra đường, họ để xe hơi và tài xế ở nhà và tự lái một chiếc xe cũ mượn tạm của ai đó làm phương tiện di chuyển. Sự khích động trên đường phố và những công kích hằn học trên đài phát thanh diễn tả cái tâm hạn hẹp chính trị của Kong Lê. Không biết làm thế nào thể hiện chủ nghĩa trung lập, ông ta giao cho Souvanna Phouma việc lập nội các chính phủ.

Hoa Thịnh Đốn dĩ nhiên hoảng sợ về những cuộc biểu tình bài Mỹ, đặc biệt không hài lòng với Winthrop Brown, người kế nhiệm đại sứ Smith ở Lào.

Cuối cùng Brown và Smith cũng thuộc loại cá mè một lứa. Việc giao du thân mật với Souvanna Phouma và có thiện cảm với phe nhóm trung lập được coi như nguyên nhân gây đảo chánh. Ông ta cần được thay thế bằng một đại sứ khác sau một thời gian thích hợp. Ngay bây giờ, chỉ có một giải pháp duy nhất là ngưng viện trợ kinh tế cho Lào và chờ thời.

Sarit Thanarat, thủ tướng Thái Lan và bà con của Phoumi có ý đồ sâu xa hơn. Ông huy động binh sĩ nhảy dù chuẩn bị tiến chiếm thủ đô Lào. Các viên chức Mỹ hay tin, khuyên Sarit hủy bỏ cuộc hành quân ấy. Tuy nhiên, Hoa Thịnh Đốn bằng lòng cho Sarit phong tỏa bên phà Nong Khai là mạch máu kinh tế Vientaine. Hàng chục ngàn tấn hàng viện trợ Mỹ trên lộ trình Lào chắt đóng ở các nhà kho Bangkok, Thái Lan. Nạn thiếu hụt thực phẩm ngày một trầm trọng ở Vientaine và các thành phố lớn khác. Ngoại trừ một tỉnh là Savanakhet, bộ tư lệnh lực lượng Phoumi. Sarit bảo đảm hàng hóa và vật liệu quân sự tiếp tục đến tay Phoumi, vừa là bà con, vừa là đồng minh chống Cộng.

Souvanna quay sang Sô Viết yêu cầu viện trợ. Máy bay vận tải Nga nườm nượp hạ cánh xuống phi trường Wat Tay chở đầy thực phẩm. Sau đó, một tòa đại sứ Sô Viết cấp tốc mọc lên ở thủ đô và với khinh hoàng của người Mỹ, Souvanna bắt đầu đàm phán với Pathet Lào.

Vì đại sứ Brown không được tin cậy, cựu đại sứ Graham Parsons, một kẻ thù của ý tưởng trung lập, được triệu hồi đến Vientaine để nói chuyện cùng Souvanna. Parsons tìm ông thủ tướng Souvanna từ nhà riêng cho đến văn phòng, khuyên ông chấm dứt thỏa hiệp với Cộng Sản và cho phép phe nhóm khuynh hữu chống Cộng có mặt trong chính phủ. Dù Souvanna từ chối không chịu cắt đứt đàm phán với Cộng Sản, ông đồng ý cho thành phần hữu khuynh trong nội các. Sự nhượng bộ này đủ thuyết phục bộ Ngoại Giao Mỹ ủng hộ chính phủ Souvanna.

Phoumi nắm quyền.

Mặc dù Hoa Thịnh Đốn chính thức bằng lòng, CIA đánh giá tâm nội các không thể chấp nhận được. Desmond FitzGerald, giám đốc ngành công tác

mật của cơ quan, bật đèn xanh cho Gordon Jorgensen, tân giám đốc phân bộ CIA tại Vientaine, lập mưu lật đổ chính phủ. Để chứng tỏ tài năng, Jorgensen dò tìm trong các tướng lãnh hữu khuynh quân lực hoàng gia và chọn Phoumi Nosavan, dày dạn kinh nghiệm đảo chánh, mưu đồ một cuộc phản đảo chánh, đuổi Souvanna và Kong Lê ra khỏi chính quyền.

Phoumi Nosavan ở Savanakhet thuộc khu vực cán chảo với binh sĩ quân khu III và cố vấn bởi Jack Hasey, một cựu lính viễn chinh Pháp nay làm việc cho CIA. 4 nhân viên phòng thẩm định chương trình viện trợ (PEO) đến bộ tư lệnh của Phoumi hội thảo, đặt kế hoạch phản đảo chánh. Liên sau đó, các chuyên viên phân phối loạn đến từ quân đội Thái Lan. CIA tiếp tế quân phục, vũ khí, đạn dược, thiết giáp và trọng pháo. Mọi thứ đều đầy đủ và sẵn sàng. Phoumi còn có sự ủng hộ của tất cả các chỉ huy trong quân đội, đã không được trả lương từ khi Mỹ cắt viện trợ.. Phoumi có tiền trả lương mà chính phủ nợ họ, nguồn từ CIA, mang đến Savanakhet bằng trực thăng, xếp thành từng xấp Mỹ kim đựng trong hộp khẩu phần tác chiến cá nhân ration C.

Tháng 12 năm 1960, chỉ 4 tháng sau cuộc đảo chánh của Kong Lê, Phoumi dẫn quân lên Vientaine, đi cùng với một toán binh sĩ Mỹ. Đoàn quân của ông đến ngoại ô Vientaine nhằm ngày 13 tháng 12. Trận chiến diễn ra suốt 36 giờ quanh khu vực một nhà thờ Công Giáo. Binh sĩ Kong Lê chiếm tầng hai ngôi trường thuộc khuôn viên nhà thờ. Lính Phoumi ở trong nghĩa trang bên kia đường, nấp bắn đằng sau những bia mộ.

Bị đánh bật ra khỏi trường học, lực lượng Kong Lê rút lui vào thủ đô. Trận chiến trên đường phố mang một sắc thái riêng của Lào. Cả hai phe mặc quân phục giống nhau, do Mỹ cung cấp. Để phân biệt bạn thù, quân đội Phoumi đeo băng tay trắng và binh sĩ Kong Lê đeo băng tay đỏ. Dân chúng thủ sẵn băng tay trắng và đỏ chờ dịp đeo tùy theo tình hình chiến trận.

Phoumi có đại bác 104 ly không giật do Mỹ cung cấp. Kong Lê có trọng pháo của Sô Viết và pháo thủ Bắc Việt điều khiển. Cả hai phe bắt đầu khai hỏa những cỗ súng lớn này. Cuộc pháo kích sát hại 600 dân sự và làm đổ

nát hoàn toàn những khu phố thủ đô. Sự tàn phá chỉ làm chậm việc không thể tránh khỏi. Bị áp đảo quân số và nguy cơ bị tràn ngập, Kong Lê chôn mìn phá sập cư xá nhân viên Mỹ. Sau đó ông tập hợp 1200 binh sĩ cùng với trọng pháo Sô Viết chạy lên hướng Bắc về phía Vang Vieng.

Phoumi hoàn toàn làm chủ tình thế. Giống như thường xảy ra ở Á Châu, Mỹ ủng hộ lầm người. Phoumi chỉ là một kẻ đầy tham vọng. Dù gia đình ông giàu nhất Savanakhet, ông vẫn không thuộc hoàng tộc và điều này ngăn trở con đường danh vọng của ông. Chỉ còn lại con đường quân đội. Phoumi được OSS (tiền thân CIA) huấn luyện và trở nên một chiến sĩ tự do trong tổ chức Lào Issara. Souphanouvong đã chiêu dụ ông gia nhập Pathet Lào nhưng Phoumi cho rằng ông là một quân nhân chuyên nghiệp, không muốn dây dưa chính trị, Souphanouvong giúp ông gặp gỡ Việt Minh.

Phoumi được Việt Minh huấn luyện chiến tranh du kích 2 năm, chuẩn bị một cuộc đời chiến sĩ cách mạng. Nó là một động cơ nghề nghiệp chứ không phải ý thức hệ. Rồi thì năm 1949 Phoumi đứng trước một chọn lựa đầy định mệnh. Chính phủ Lào Issara trở về Lào và những cựu chiến sĩ tự do được sát nhập vào quân đội quốc gia của Pháp. Là một kẻ cơ hội chủ nghĩa, điều quan tâm duy nhất của ông là theo phe thắng, nhưng lúc này khó mà biết giữa Việt Minh và Pháp, ai thắng ai bại. Nghe kể lại, Phoumi rút thăm bằng 2 cọng rơm, rút phải cọng dài, và về Vientiane thay vì sang Hà Nội.

Người Pháp cho ông làm chức hạ sĩ quan, thăng cấp trung úy năm 1950 và 4 năm sau lên thiếu tá. Khi người Mỹ thay thế, Phoumi mau chóng nắm chức tham mưu trưởng quân đội hoàng gia, một thăng tiến nhanh như sao xẹt nhờ vào liên hệ bà con. Bộ trưởng Quốc Phòng, Kou Voravong là bà con Phoumi. Sarit Thanarat, một tướng lĩnh cao cấp nhất Thái Lan (và sau này cai trị Thái Lan) cũng có liên hệ huyết thống với Phoumi với chú trọng đặc biệt tới binh nghiệp của Phoumi.

Thành công trong binh nghiệp, Phoumi không để ý đến chính trị cho đến khi hoàng tử Boun Oum chọn ông làm tùy viên quân sự. Một hoàng tử

dong đồng cao, khắc khổ, thừa kế ngai vàng của vương quốc Champassak, nay không còn nữa. Ông là một mẫu người được ký giả Mỹ ưa chuộng, mô tả ông là John Wayne của Lào. Cảnh quan chính trị lúc ấy là Boun Oum đang là ngôi sao sáng và Phoumi bám vào bầu áo của ông. Nhưng sự liên hệ sớm trở thành con chó vẫy đuôi. Phoumi học cách ra vẻ chống Cộng điên cuồng để lấy lòng người Mỹ và được trả công hậu hĩnh. Với sự ủng hộ của Mỹ và nhất là CIA, Phoumi không cần sự đỡ đầu của hoàng tử Boun Oum nữa. Tấn tuồng cuối cùng chấm dứt sự giám hộ của Boun Oum là bổ nhiệm vị hoàng tử làm thủ tướng, dùng Boun Oum như một con rối do mình điều khiển đằng sau và làm dụng cụ tuyên truyền cho chủ trương quân phiệt của ông.

Ngay sau cuộc đảo chánh, cố vấn Mỹ của Phoumi thỉnh cầu ông truy kích Kong Lê và tiêu diệt lực lượng ông ta, nhưng Phoumi từ chối. Ông muốn tận hưởng men chiến thắng với những lễ hội liên hoan. Ông cũng không muốn rời Vientaine trong tay viên sĩ quan đại biểu, đại tá Kouprasith Abhay. Abhay đóng vai trò chính trong cuộc đảo chánh, đóng góp lực lượng riêng của mình trước khi Phoumi đến. kẻ này là một đồng minh nhưng cũng đầy tham vọng. Sợ Abhay sẽ giải phóng thủ đô một lần nữa nếu mình vắng mặt, Phoumi muốn củng cố quyền lực trước khi rời Vientaine ra chiến tuyến.

Sự lẩn lữa khiến Cộng Sản có thời gian tiếp xúc Kong Lê và chiêu dụ ông vào hàng ngũ của họ, không phải với tư cách một đảng viên Cộng Sản nhưng như một đồng minh chống Phoumi và phe nhóm khuynh hữu của hội đồng bảo vệ quyền lợi quốc gia (CDNI, Committee for the Defense of the National Interest.) Sô Viết bắt đầu không vận các tiếp liệu quân dụng cho lực lượng Kong Lê và Pathet Lào. Theo ước lượng của tình báo Mỹ, người Nga thực hiện 184 phi vụ tiếp tế. Một viên chức Sô Viết sau này tiết lộ rằng đó là chiến dịch tiếp vận quy mô nhất của Mát Cơ Va kể từ Đệ Nhị Thế Chiến. Người Nga chuyên chở vũ khí cũng như đặc công Bắc Việt. Trọn đại đội binh sĩ chính quy Bắc Việt hòa nhập vào lực lượng nhỏ bé của

Kong Lê, bộ chỉ huy đặt tại mép Nam Cánh Đồng Chum.

Dù Phoumi được thụ huấn quân sự rất nhiều, gồm cả trường đại học chiến tranh cao đẳng của Pháp, ông ta không phải là một nhà chiến thuật khéo léo. Khi ông ta bắt đầu chuyển quân truy nã phe trung lập, ông thực hiện với nhịp độ nhàn nhã, di chuyển 65 dặm trong vòng 29 ngày. Tốc độ này một phần do Phoumi đổ thừa cho đoàn chiến xa do Mỹ viện trợ, dẫn đầu đoàn quân. Việc này buộc ông lệ thuộc vào tình trạng con đường vốn thích hợp với xe bò hơn xe tăng, tạo cơ hội cho Kong Lê có thì giờ chôn mìn chống chiến xa dọc con đường truy kích.

Cuộc tiến quân của Phoumi cũng chậm lại bởi lòng ngại chiến đấu của binh sĩ. Có nhiều tường trình không căn cứ về những sư đoàn Bắc Việt, gồm sư đoàn 316 từng tham chiến trận Điện Biên Phủ, tiến vào Lào. Việc chạm trán với vài thành phần Bắc Việt trong lực lượng Kong Lê là chuyện khác nhưng viễn ảnh đụng độ với các sư đoàn chính quy thiện chiến Việt Nam khiến binh sĩ và sĩ quan quân đội hoàng gia Lào chỉ muốn quay lại Vientaine cho an toàn.

Có nhiều vụ đào ngũ. Một đơn vị dẫn đầu bằng chiến xa di chuyển chậm chạp trên lộ 13, lọt ổ phục kích gần Hin Heup. Đội quân tăng tốc độ và thoát khỏi ổ phục kích với thiệt hại nhẹ. Tiến thêm 5 cây số, đội quân lại lọt vào ổ phục kích khác. Lần này địch quân nhắm kỹ hơn và thiệt hại nhiều hơn. Sau này vị chỉ huy đội quân tường thuật :”Viên sĩ quan tình báo của tôi quyết định rằng Vientaine có nhiều cái vui hơn sự hiểm nghèo dọc đường 13 và hẳn ta biến mất.” Khi chiến trận gia tăng cường độ, sự biến mất trở nên truyền nhiễm, đặc biệt các đơn vị không có sĩ quan chỉ huy, những kẻ ở lại hậu phương, la cà trong các ổ điểm mỗi ngày. Sự việc có thể khác đi nếu có các vị chỉ huy tài giỏi, can trường, dù các cố vấn Mỹ trên chiến trường không ngăn được nhận xét “không thể cứu vãn được sự bất tài – và thường hèn nhát – của quân đội hoàng gia Lào.

Tâm trạng này không qua tai mắt báo chí. Cuối tháng Một năm 1961, một bài báo trong tạp chí Time mô tả trận đánh như một quân đội gồm 30000

binh sĩ được Mỹ yểm trợ bị một lực lượng gồm 300 người do một cựu đại úy quân đội hoàng gia chỉ huy, đánh đuổi. Phoumi không thể thắng trên chiến địa nhưng ông có thể cầm tạp chí Time lưu hành trên đất Lào.

Tù binh Mỹ đầu tiên.

Cường độ chiến tranh chậm lại vào tháng Hai, tạo cơ hội cho 2 bên củng cố lực lượng. Để biết rõ địch tình, Mỹ dùng máy bay trinh sát SC-47 cải tiến để chụp hình Cánh Đồng Chum. SC-47 sau gần một tháng quần đảo trên cánh đồng chụp hình bằng máy chụp K-17 hiện đại và dùng máy dò sóng tìm kiếm tín hiệu hướng dẫn máy bay vận tải Ilyushin-14 của Sô Viết, lên xuống phi trường Xiêng Khoảng. Triệt hạ đài phát sóng này là ưu tiên số một. Ilyushin chuyên chở từng kiện AK-47, xe tải quân sự Molotova, thiết giáp, và phòng không 37 ly tìm mục tiêu bằng ra đa, được các chuyên viên kỹ thuật Bắc Việt đi theo để sử dụng.

Hình ảnh từ những chuyến bay trinh sát cho thấy Cộng Sản không chỉ tăng cường sức mạnh của họ. Một lực lượng viên chức cũng xâm nhập vào Cánh Đồng Chum. Sô Viết đã cất một tòa đại sứ nhỏ ở Khang Khay. Người Trung Hoa có một trụ sở kinh tế và văn hóa ở Khang Khay cầm đầu bởi 1 sĩ quan Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân. Khiêm nhượng hơn, nhưng cũng rõ rệt, là một trạm thông tin nhỏ của Bắc Việt tọa lạc ở cuối khu thương mại ở Phong Savan, gần bệnh viện dã chiến mới của Bắc Việt.

Ngày 23 tháng Ba năm 1961, trinh sát cơ SC-47 lại bay trên cánh đồng dò tìm tín hiệu hướng dẫn không lưu Sô Viết. Khi máy bay bay qua Phong Savan, súng phòng không mới viện trợ khai hỏa bên dưới. Một viên đạn trúng vào cánh phải máy bay làm cháy bình xăng. Lửa cháy lan về phía thân máy bay. Phi hành đoàn đổ xô tìm trang bị nhảy dù. Chỉ có đại tá Lawrence Bailey Jr. chui lọt qua cửa trước khi cánh máy bay đứt lìa và SC-47 chúi mũi xuống mặt đất.

Bailey không là một thành viên trong phi hành đoàn. Phận sự của ông trong chức vụ tùy viên quân sự là lái chiếc máy bay 2 động cơ Beechcraft, chở đại sứ Brown và các nhân viên đại sứ khác đi họp ở Thái Lan và Nam Việt

Nam. Bailey quá giang chiếc SC-47 đi Sài Gòn khi chiếc Beechcraft của ông đang được tân trang máy mới. Chuyến bay được coi như nhàn rỗi, một lướt qua cánh đồng chụp vài tấm hình và dò xét tín hiệu rồi thẳng hướng Sài Gòn. Bailey là người duy nhất đeo dù vì chỉ có 1 dù lưng trên máy bay. Phi hành đoàn thích dù ngực hơn vì dễ mặc và ít vướng. Dù này chứa ở cánh. Xui xẻo là cánh SC-47 gãy rời trước khi phi hành đoàn cần đến dù. Khi Bailey nhảy khỏi phi cơ, ông bị lọt vào trong những mảnh vụn máy bay trên không. Một mảnh máy bay va vào hông trái, làm ông gãy tay. Không thể điều khiển dù, ông phó mặc cho luồng gió. Ông đặt chân lên một bãi cỏ, cạnh một con trâu. Con trâu hoảng chạy để lại mình ông nằm ngửa trên cánh đồng. Chân ông sưng lên khiến ông không thể đứng được. Chỉ còn 1 tay lành lặn, ông dùng dây dù cột cánh tay gãy vào ngực. Một máy bay xuất hiện ở chân trời, bay theo đường bay tìm kiếm. Đó là chiếc DeHavilland L-20 Beaver phái đến tìm kiếm chiếc SC-47. Chiếc Beaver biến mất mà không thấy Bailey. Vài giờ sau, Bailey nghe tiếng binh sĩ nói chuyện. Khoảng hơn chục người xuất hiện trên đỉnh đồi. Họ thuộc lực lượng Trung Lập của Kong Lê, hầu hết là thiếu niên, sợ Bailey hơn là Bailey sợ chúng. Toán binh sĩ cẩn thận bao vây Bailey. Sau khi đè nén được hoảng sợ bằng cách bắn thị uy, bọn lính lục soát, tịch thu bóp, dao, thuốc lá và giày. Bọn lính cười khoe nhau chiến lợi phẩm. Chúng đưa Bailey đến bệnh viện dã chiến Bắc Việt ở Phong Savan. Ở đó, Bailey được bó bột cánh tay gãy và chăm sóc các vết thương khác. Bailey nằm ở nhà thương một tuần. Khi ông mơ màng trên giường dưới ảnh hưởng thuốc giảm đau, một sĩ quan tình báo thăm vấn ông về vị trí Đệ Thất Hạm Đội và những chuyện khác ông không biết. Bailey chơi trò sáng tác ra những lời khai, mỗi ngày lại khai khác nhau. Một phái viên Tin Hoa Xã đến phỏng vấn và giảng cho Bailey về chủ nghĩa Đế Quốc Mỹ. Khi bác sĩ bệnh viện quyết định ông đã hồi phục đủ sức khỏe để di chuyển, Bailey được bay đến Sầm Nứa và nhốt trong một phòng giam canh gác cẩn mật với chế độ ăn uống chết đói. Suốt vài tuần, sĩ quan Pathet Lào đến

thăm vấn về tin tức chiến tranh. Sau đó các sĩ quan này biến mất để lại Bailey lẻ loi với lính gác mà ông đoán là những dân quê trong quân phục hơn là binh sĩ chuyên nghiệp. Bailey là tù binh Mỹ đầu tiên của Pathet Lào và họ không biết phải làm gì với tù binh. Suốt hơn 1 năm rưỡi sau đó ông bị giam trong gian phòng chật hẹp, canh gác cẩn mật nhưng hoàn toàn bị bỏ quên không ai đoái hoài.

Vụ SC-47 bị bắn hạ làm Hoa Thịnh Đốn mất đi khả năng duy trì một nguồn tin tình báo đều đặn về hoạt động địch, rất cần thiết cho những quyết định về chính sách đối phó. Hoa Thịnh Đốn mau chóng thay SC-47 bằng phi cơ phản lực RT-33, hiện đại hơn, ít nguy hiểm hơn. Những hình chụp từ RT-33 tiết lộ Cộng Sản tiếp tục dồn nhân lực, vật liệu cho một trận đánh lớn.

Cuộc tấn công mới của Cộng Sản.

Cuộc tấn công khởi động vào đầu tháng Tư năm 1961. Thành phần tham dự gồm binh sĩ Kong Lê và 7 tiểu đoàn Bắc Việt, Pathet Lào dễ dàng đè bẹp lực lượng Phoumi trong mỗi trận đánh. Phoumi tháo lui một cách hỗn loạn về phía thủ đô. Trong vòng 1 tháng, Cộng Sản chiếm hầu hết Cánh Đồng Chum và chuẩn bị làm đường dẫn đến 5 tỉnh Bắc Lào.

Sự thất thủ Cánh Đồng Chum là một lo ngại nghiêm trọng vì nó là 1 trong số ít ỏi khu vực Bắc Lào có thể sử dụng xe tăng Sô Viết. Nó còn là trục lộ giao thông chính trong hệ thống đường sá thô sơ của Lào, đặt địch quân trong tư thế kiểm soát tất cả giao thông đường bộ Bắc Lào và khai thông một nối kết với Bắc Việt (Đường 6, 7 chạy từ biên giới Bắc Việt tới Cánh Đồng Chum). Có một nguy cơ khác nữa. Phía Tây cánh đồng, đường 7 nối với đường 13, dẫn đến Luang Prabang và Vientaine. Nếu Cộng Sản kiểm soát ngã tư này, họ có thể tổ chức tấn công thủ đô chính trị quốc gia hay chuyển sang hướng Bắc tiến chiếm đế đô của vương quốc.

Như thể đoán trước sự lo ngại của Mỹ, trong tuần lễ thứ hai của cuộc tấn công, Pathet Lào và Trung Lập Kong Lê chiếm Sala Phu Khun ở yếu điểm chiến lược nơi đường 7 và 13 giao nhau. Phoumi bị dồn vào chân tường. Cố vấn Mỹ cũng thế. Theo lệnh trực tiếp của tổng thống Kennedy, Phòng

Thẩm Định Chương Trình Viện Trợ bỏ cái vỏ khoác dân sự, công khai đảm đương vai trò Cố Vấn Quân Sự Mỹ (MAAG, US Military Assistance Advisory Group). Biệt kích Mỹ cởi bỏ bộ đồ thể thao, mặc vào bộ quân phục và dẫn đầu binh sĩ hoàng gia Lào nhập trận.

Trong một cuộc hành quân không ky (dùng trực thăng câu xe tăng đến trận địa) trực thăng CIA vận chuyển cố vấn biệt kích Mỹ và 2 tiểu đoàn Lào đến Muong Kassy, Bắc Vientaine, truy cản địch quân, đã tiến qua Sala Phu Khun, tạo áp lực lên đường 13. Hai trung đoàn Lào được bố trí làm lực lượng hậu tập nhưng ngày theo ngày trôi qua, địch càng gần mà 2 trung đoàn chưa thấy tăm hơi đâu cả. Cô lập và thiếu quân số, sĩ quan biệt kích không còn cách nào hơn là ra lệnh rút lui.

Xa hơn về hướng Nam, cố vấn Mỹ dùng mọi cách thúc đẩy 2 trung đoàn Lào tiến đến địa điểm hậu tập theo kế hoạch. Đến ngày 22 tháng Tư, 2 trung đoàn chỉ vừa đến Vang Vieng. Ở đó 1 trung đoàn Pathet Lào có chiến xa yểm trợ xáp chiến với quân chính phủ và tràn ngập thị trấn. Cố vấn Mỹ cố gắng tổ chức cuộc triệt thoái chiến thuật nhưng binh sĩ Lào bỏ chạy tán loạn trong hoảng sợ, bỏ lại cố vấn Mỹ với quân địch.

Đại úy Walter Moon và toán biệt kích trong xe thiết giáp dẫn đầu các trung đoàn khi Cộng Sản tung một đợt tấn công. Dạn pháo kích rơi vào đoàn quân. Có cả súng cá nhân bắn từ 2 bên đường. Moon nhìn cả trung đoàn chạy từ đường lộ vào rừng, bỏ lại toán cố vấn Mỹ. Ông quày xe tăng hướng Nam, chạy thẳng vào ổ phục kích. Dạn súng máy và lựu đạn sát hại 2 người trên xe và làm xe chết máy. Moon và trung sĩ Orville ballenger bỏ xe nhảy xuống hố. Lính Pathet Lào bao vây xung quanh. Trong vòng vài ngày, Moon và Ballenger ở Lat Hoang trên Cánh Đồng Chum, nhốt trong một trạm viện trợ nông nghiệp USAID (US Agency for International Development, cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ). Vì Moon nhiều lần âm mưu bỏ trốn, Cộng Sản xử tử ông. Ballenger trở thành tù binh chiến tranh. Khi Pathet Lào bận rộn truy quét quân đội hoàng gia và bắt giữ tù binh Mỹ, Bắc Việt tấn công cứ điểm phòng ngự của quân hoàng gia gần Paksane,

một thị trấn ven sông. Giống như ở Vang Vieng, lính chính phủ bỏ chạy về phía Mekong. Sự thảm bại nhục nhã lần thứ 2 này làm tiêu tan mọi kỳ vọng của Mỹ về khả năng ngăn chặn Cộng Sản của quân đội hoàng gia Lào.

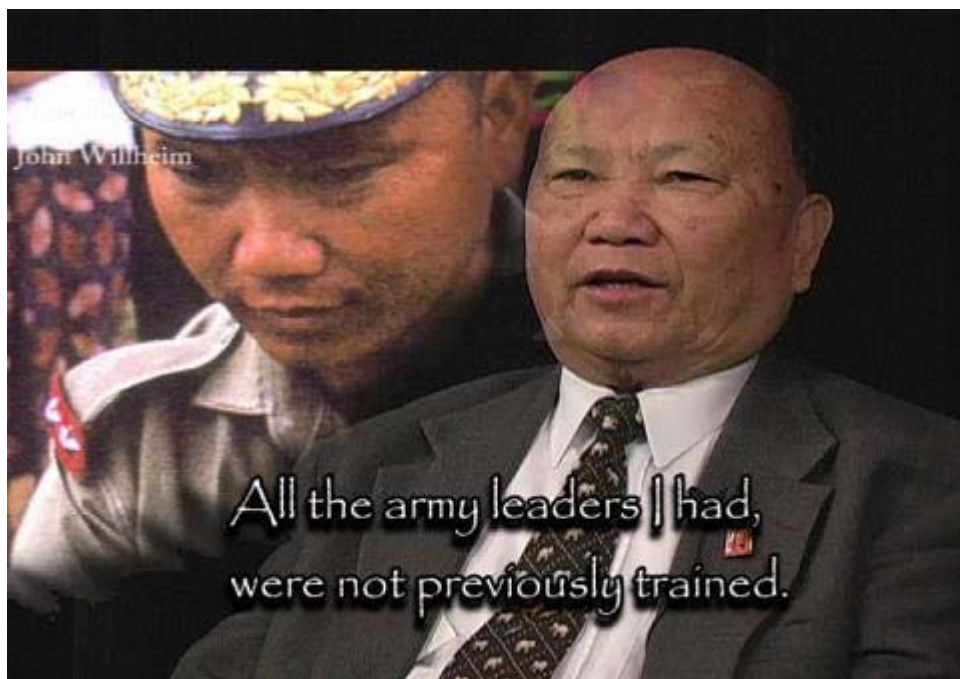
Hồi trước, tháng Chín năm 1959, Phòng Thẩm Định Viện Trợ bắt đầu huấn luyện, trang bị cho du kích Hmong. Phòng Thẩm Định Viện Trợ đã thiết lập một trung tâm huấn luyện gần Khang Khay trên Cánh Đồng Chum và cố vấn Mỹ làm việc với các đơn vị Hmong trên chiến trường. Vang Pao chỉ huy một trong những đơn vị này, một chức vụ mới sau khi mất chức tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 10 bộ binh. Đầu năm 1960, cố vấn Mỹ chọn Vang Pao làm chỉ huy các lực lượng bộ tộc Hmong. Để gia tăng uy tín của ông với Hmong, Phòng Thẩm Định Viện Trợ trực thăng vận thực phẩm, tiếp liệu cho Vang Pao dùng phân phối cho các cộng đồng Hmong.

Sự đầu tư của Phòng Thẩm Định Viện Trợ vẫn tương đối nhỏ so với tài nguyên khổng lồ cung ứng cho quân đội vô tích sự hoàng gia Lào. Tất cả viện trợ ấy cạn dần sau cuộc đảo chánh của Kong Lê. Mọi nỗ lực viện trợ dồn cho lực lượng Phoumi ở Savanakhet và nhu cầu hành quân tấn công nhóm Trung Lập ở Vientiane. Nó gây ấn tượng cho Vang Pao rằng người Mỹ là một nguồn yểm trợ khó tin cậy và nếu cần có một quân đội Hmong, ông phải tự mình xây dựng nó, không nhờ vào Mỹ.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 9

Đại tá Billy phát hiện Vang Pao.



Đại tá Billy Lair và Vang Pao

Cuộc đảo chánh của Kong Lê đặt nhóm Trung Lập vào vị trí nắm chính quyền chỉ được 4 tháng. Trong thời kỳ ngắn ngủi này, Cộng sản thừa cơ chiếm Sầm Nứa và Xiêng Khoảng, một khu vực được phân chia thành quân khu II. 3 tiểu đoàn của Khong Vongnarath chỉ huy ở Sầm Nứa là mục tiêu của Pathet Lào. Khi cuộc tấn công bắt đầu, Vongarath lập tức lui quân về hướng nam để tránh bị tiêu diệt. Cộng quân đuổi kịp. Vongnarath ra lệnh đào công sự và chiến đấu. Khi cuộc chạm súng diễn ra, ông gọi Vientaine xin tiếp ứng. Bộ tư lệnh hoàng gia bây giờ nhận lệnh trực tiếp từ thủ tướng Souvanna Phouma, người hoàn toàn trông cậy vào viện trợ Sô Viết để tồn tại. Vongnarath nhận chỉ thị phải tự lo liệu lấy. Vây khốn bởi địch quân, cắt đứt tiếp viện và tổn thất nặng, ông đầu hàng.

Sâu hơn về hướng nam Cánh Đồng Chum, một sĩ quan hoàng gia khác theo dõi tình hình của Vongnarath trên máy vô tuyến. Đại tá Khambou Boussarath không cảnh giác quá mức khi được tin Vongnarath đầu hàng. Không giống Vongnarath, Boussarath ngả về phe Trung lập. Với Souvanna Phouma đề nghị hòa giải với Cộng sản, Boussarath nghĩ Pathet Lào và Bắc

Việt coi ông như đồng minh hơn là kẻ địch. Boussarath bắt đầu suy xét lại ước đoán này khi hàng ngàn người tị nạn từ Sầm Nứa đổ về cánh Đồng Chum. Người tị nạn kể lại nỗ lực phối hợp của Cộng Sản nhằm thiết lập bộ máy hành chính kiểm soát Sầm Nứa.

Ngay khi người tị nạn đến, các đơn vị Bắc Việt xuất hiện trên cánh đồng, rõ ràng nhằm bao vây lực lượng Boussarath. Bousarath cầu viện Vang Pao huy động lực lượng Hmong. Vì Boussarath có lý do chủng tộc để khinh miệt Vang Pao, đây chỉ là phương sách phải dùng trong tuyệt vọng. Vang Pao án binh bất động không phải vì ác cảm giữa Boussarath và ông. Ông rất muốn ra tay dạy cho Cộng Sản một bài học về sự kiên cường chiến đấu của giống nòi ông. Hàng ngàn tay súng sẵn sàng dưới quyền ông chỉ chờ một lệnh truyền. Ông khoanh tay nhìn vì mọi sự chưa đến lúc. Con rồng Bắc Lào chưa cựa mình.

Kế hoạch tái lập lực lượng Malo của Vang Pao.

Khi Kong Lê chiếm chính quyền, vang pao đã quan sát Pathet Lào củng cố lực lượng ở Sầm Nứa với linh tính. Rõ ràng chúng lợi dụng rối ren chính trị để chiếm Cánh Đồng Chum. Nếu Phoumi án binh ở Nam Lào, không gì có thể ngăn cản chúng. Kế hoạch Vang Pao là tổ chức quân đội du kích Hmong ngăn chặn Cộng Sản khi chúng xâm nhập cánh đồng, cắt đứt hậu cần và ghìm chúng tại đây. Nhân lực có sẵn từ các làng mạc Hmong xung quanh. Đúng thời điểm, hàng ngàn dân làng sẽ được dời đến những vị trí chiến lược, tổ chức thành đơn vị du kích, cấp phát vũ khí, huấn luyện quân sự và bắt đầu nhập trận.

Ý tưởng đó không mới mẻ gì. 7 năm trước Vang Pao đã phục vụ trong đội du kích Malo của Pháp, do một cựu sĩ quan đặc vụ Pháp tên Max Mesnier tổ chức. Mesnier lập 6 trại ở những vị trí chiến lược quanh Cánh Đồng Chum : Một ở phía Tây Nong Het, một ở Đông Nam cánh đồng và 4 trại ở Phou Dou, Muong Hiem, Tha Lin Noi, Muong Ngan. Xuất phát hành quân từ những trại này, Mesnier và du kích Malo của ông dễ dàng kiểm soát nhất

cử nhất động của Pathet Lào, Việt Minh và đẩy lùi địch về biên giới Việt Nam. Hồi tưởng lại sự thành công của Malo, Vang pao mượn ý tưởng Mesnier với chút ít thay đổi. Thay vào 6 trại, Vang Pao chọn 7, dù 5 trong số chỉ vài dặm gần với những trại cũ của Mesnier.

Không giống Mesnier, người có thể trông nhờ vào yểm trợ tiếp vận của GCMA (Groupement de Commandos Mixtes Aéroportés, Biệt kích dù), Vang Pao phải tự lo liệu. Yểm trợ của PEO (Phòng Thăm Định Viện Trợ) hầu hết không còn và ông không thể kỳ vọng gì ở sự trợ giúp của quân đội hoàng gia. Tái lập lực lượng du kích Malo chỉ có thể thực hiện được nếu có sự ủng hộ của Hmong, đặc biệt những kẻ cư ngụ phía Đông cánh đồng, vì du kích được tuyển mộ từ họ, kẻ am hiểu địa hình địa vật và là nguồn cung cấp lương thực, an toàn khu, tiếp liệu và tình báo hoạt động địch. Vấn đề nan giải là lôi kéo họ vào kế hoạch vì Vang Pao thiếu uy tín, cũng như quyền lực bảo đảm sự trung thành của họ. Ông được Hmong khâm phục vì là một sĩ quan Hmong duy nhất trong quân đội Lào, nhưng đó là niềm tự hào cùng tộc, thế thôi. Thực ra ông không được cảm tình sâu rộng của quần chúng, đặc biệt trong số những người có uy tín. Chiếm cảm tình những người này thật là khó.

Sau này khi thống lĩnh các lực lượng Hmong và với sự yểm trợ tận tình của CIA, phải mất một thời gian Vang Pao mới có thể đạt được sự kính trọng ngang với Touby ở đỉnh cao sự nghiệp chính trị của nhân vật này. Vinton Lawrence, một viên chức CIA làm việc với Vang Pao khi quân đội Vang Pao trong giai đoạn còn non yếu, lắm lúc ngạc nhiên vì sự coi thường Vang Pao của người dân Hmong. “Tuyệt đối không có sự tôn kính Vang Pao trong quần chúng Hmong. Họ có thể đến trước mặt Vang Pao, quát tháo vào mặt điều này điều nọ.” Rồi đến một ngày chỉ một số ít Hmong, tất cả là bạn cùng chí hướng, dám cả gan nhấc mắng Vang Pao trước công chúng. Tuy nhiên ở thời sớm sủa này Vang Pao đau đớn biết rằng ông thiếu uy tín. Nhiều kẻ coi ông như kẻ mới gặp thời. Cũng vậy, thị tộc của ông có lắm lỗi lầm quá khứ. Nhưng quan trọng nhất, vì ông từ Nong Het và thuộc hạ của

Touby, Hmong ở Cảnh Đồng Chum không tin tưởng ông.

Sinh trong một gia đình nghèo nhưng Vang Pao được đỡ đầu bởi Chao Saykham (tỉnh trưởng tương lai Xiêng Khoảng), lo liệu cho đi học ở trường tư thực tiểu học Nong Het. Khi còn niên thiếu, Vang Pao thuyết phục Touby nhận ông làm thông dịch viên và giao liên cho biệt kích Pháp, một chức vụ giúp ông một địa vị trong lực lượng cảnh sát Lào do Pháp bảo hộ. Nơi đây, ông được các sĩ quan Pháp cất nhắc và gửi học khóa dự bị sĩ quan quân đội tại Dong Hene. Luôn luôn Vang Pao thăng tiến nhưng không bao giờ ông thỏa mãn. Tham vọng vừa ông gây nhiều phê phán trong lịch sử.

Khi Vang Pao vi phạm phong tục bằng cách chôn xác phụ thân bên vệ đường lộ (theo lời khuyên của một pháp sư), một bô lão họ Ly coi đó như là hành động cố ý kiêu ngạo; một ngôi mộ tầm thường không đủ xứng với cha của kẻ ngạo mạn Vang Pao. Trước mộ, ông lão họ Ly mắng chửi :”Vang Pao là thằng ngu nếu nó nghĩ nó sẽ là một lãnh tụ vĩ đại.” Lời căn nhắc này dẫn đến một hài kịch nhầm lẫn. Bà di của Vang Pao bị bệnh lãng tai, kể lại rằng cụ trưởng tộc họ Ly tiên tri rằng vang Pao sẽ trở thành một lãnh tụ vĩ đại. Khi kiến làm tổ trên mộ và làm thành một tổ kiến khổng lồ cao đến 14 bộ (feet), vang pao coi đó là điềm ông lão họ Ly chính là vị tiên tri. Nhiều năm sau khi Vang Pao nắm quyền tư lệnh quân khu II, thống lĩnh các lực lượng Hmong và họ Ly sa sút, Vang Pao cấp dưỡng hưu bổng cho vị trưởng tộc họ Ly sống sung sướng với thuốc phiện đầy đủ. Chỉ đến khi sắp chết, ông lão mới tiết lộ sự thật với Vang Pao, người coi câu chuyện là một hài kịch và không oán giận.

Thêm vào tham vọng, Vang Pao cũng tai tiếng vì mang họ Vang. Triệt đề ngoại hôn theo phong tục, Hmong chỉ lấy người khác họ. Bất cứ một sự vi phạm nào , ngay cả giữa bà con xa được coi như loạn luân và bị khai trừ khỏi dòng họ và xã hội Hmong. Trong mọi thị tộc, chỉ dòng họ Vang là phạm điều cấm kỵ này. Những kẻ phạm tội chính thuộc thị tộc Vang ở Sam Thong và Long Cheng, kẻ dễ chấp nhận tội loạn luân gây tai tiếng các thị tộc khác và nhơ nhục lây cho tất cả họ Vang.

Rồi thì sinh quán Vang Pao ở Nong Het. Hmong ở Phong Savan, Nong Pet, Pha Kha, và những làng Hmong khác trên Cánh Đồng Chum gọi Hmong ở Nong Het là “Pla Law”, nghĩa là bọn tham lam, vì họ hay quýt nợ. Sống gần biên giới Việt Nam, đôi khi họ trốn sang Việt Nam để trốn nợ. Hmong ở Nong Het không thể tín nhiệm.

Nhưng điều nhơ nhuốc nhất với Vang Pao, ít nhất đối với dân Hmong trên Cánh Đồng Chum là sự liên hệ với LyFoung Touby. Cuối thập niên 1940, Touby chỉ định Ly Pa Ngcha thu thuế khu vực Đông cánh đồng. Trong vòng 1 thập niên, Pa Ngcha gieo thù oán với toàn thể Hmong trong khu vực khiến người dân thù hận lây sang cả Touby, mỗi thù hận theo truyền thống chỉ dành cho bọn quan chức bạo ngược người Lào. Touby dùng Pa ngcha, một quý tộc họ Ly để lấy lòng giới quý tộc họ Ly. Touby giàu có và uy quyền nhưng ông thuộc giới bình dân. Ông Touby đến Lào trong vai trò đầy tớ một thương gia Trung Hoa, một nghề nghiệp hèn kém nhất đối với Hmong. Các tộc trưởng họ Ly không đánh giá đến nghề ấy. Cha Touby, Ly Foung, phấn đấu suốt một đời để nâng địa vị xã hội của gia đình, dồn hết hy vọng vào Touby. Ngay cả khi Touby đạt được đỉnh cao danh vọng, giới quý tộc họ Ly vẫn coi gia đình ông là người ngoại tộc.

Với tư cách cá nhân, Touby không thêm để ý việc dòng họ Ly có trọng mình hay không. Ông ta không quan tâm đến gia phả. Điều ông kính phục đó là tài năng chính trị và sự khôn ngoan, đó chính là lý do ông ít khi tham dự lễ hội tất niên của thị tộc. Không những nhàm chán, Touby còn thấy ghê tởm cảnh tượng bọn bản dân nịnh bợ bọn quý tộc. Mỗi dịp năm mới, ông luôn ở Vientaine tham dự cuộc họp mặt các trí thức Pháp, Lào nơi luôn có những bàn thảo sôi nổi về chính trị.

Nhưng là một chính khách, Touby không thể làm ngơ rằng thành kiến xã hội của quý tộc có sự phân nhánh chính trị. Hồng việc vì phải nhận lệnh từ tầng lớp thấp kém hơn, các trưởng tộc Ly thỉnh thoảng bất phục tùng sự lãnh đạo của ông., gây ra những làn sóng chống đối trong hệ thống phẩm trật xã hội họ Ly. Để tôn trọng truyền thống và cũng tạo ơn huệ làm tròn

bấy chính trị, Touby bắt đầu dùng một số nhà quý tộc họ Ly, gồm cả Ly Pa Ngcha, vào trong bộ máy hành chính của mình.

Trong tất cả thuộc hạ, Ly Pa Ngcha là kẻ tệ nhất. Trong mỗi kỳ thu thuế, Pa Ngcha bắt mỗi làng phải mổ lợn, gà khoản đãi. Ông ta làm nhục phụ nữ vô tội và thu dụng gia súc dùng vào việc tổ chức lễ hội Tết ở Nong Het.

Theo thông lệ, viên chức thu thuế phải tự lo liệu vấn đề phu khuân vác để thu thuế bằng những nén bạc hay thuốc phiện lên sở thuế quận hạt. Pa Ngcha trái lại, buộc dân làng làm công tác này, rồi gia đình hàng nhiều tuần mà không trả lương. Pa Ngcha còn yêu sách những chuyện vô lý, chẳng hạn con đường ông đi phải sạch sẽ, không rác rưởi. Nếu vi phạm, ông phạt và hoặc đánh đập.

Bổ nhiệm Pa Ngcha không chỉ là sai lầm chính trị độc nhất của Touby. Sau 1957, khi làm đại biểu quốc hội, Touby bỏ rơi mọi lên hệ địa phương, làm ngơ cho tham nhũng, bóc lột cấu kết với Pa Ngcha lan tràn khắp quận của ông. Viên chức Hmong bắt đầu đánh thuế bất hợp pháp, chiếm đoạt tài sản, ngược đãi dân làng tùy ý. Sự nhũng lạm xoi mòn uy tín, quyền lực chính trị Touby tuy vẫn độc tôn trong khu vực Xiêng Khoảng và Nong Het.

Thiết tưởng không đáng kính trọng vì ở Nong Het, bại hoại luân thường vì họ Vang và phản trắc liên hệ với Touby, Vang Pao ít hy vọng thuyết phục Hmong trên Cánh Đồng Chum hưởng ứng cuộc chiến tranh du kích do ông tổ chức. Phải có những người uy tín làm công việc đó cho ông. Vang Pao nhờ Yang Youa Tong.

Chúng ta đã đọc về Youa Tong lúc ông còn là trung gian thu mua thuốc phiện cho chính quyền Pháp và trở nên giàu nhất Hmong ở Lào, sống trong nhà Tây và là người Hmong đầu tiên có xe hơi. Bây giờ gần 2 thập niên trôi qua, Youa Tong không giàu như xưa nữa. Năm 1950, một người Pháp chuyên buôn bán thuốc phiện với Youa Tong, mang thuốc phiện sang Sài Gòn và không bao giờ trở lại. Ba năm sau, dùng một thiếu phụ Việt Nam làm trung gian với Sài Gòn, Youa Tong định gỡ vốn bằng cách dốc hết vốn liếng dành dụm, hàng ngàn Mỹ kim bằng nén bạc, mượn 15 người phụ tá

thu mua hết tất cả thuốc phiện vốn liếng cho phép. Giống như gã người Pháp, người đàn bà Việt Nam này cũng ẵm tất cả thuốc phiện trốn mất. Youa Tong bỏ nghề và trở thành một thương gia thường cho đến khi LyFoung Touby bổ nhiệm ông làm hạt trưởng Hmong (nai kong) trên Cánh Đồng Chum.

Vang Pao và Youa Tong là bà con và thân phụ 2 ông là bạn thân với nhau – Sự mật thiết này khiến Youa Tong nhận lời làm phát ngôn viên cho Vang Pao. Ông ta là một sứ giả lý tưởng. Từng mua thuốc phiện khắp mọi làng trong khu vực và nức tiếng công bằng, không chỉ trong lãnh vực thuốc phiện mà ngay cả lãnh vực hạt trưởng hành chính. Đối với Youa Tong, nó giống như trở lại nghề thu mua thuốc phiện ngày xưa, lặn lội rừng sâu núi thẳm đến từng bản làng, gặp lại bạn cũ, trao đổi chuyện mới lạ. Nhưng thay vì mua thuốc phiện, ông quảng bá kế hoạch : Theo hiệu lệnh Vang Pao, gần 70000 Hmong từ 200 làng sẽ thu dọn di chuyển đến gần những trại du kích Malo cũ; những địa điểm này sẽ trở thành trung tâm yểm trợ, huấn luyện chiến tranh du kích để khu trừ Cộng Sản, ngăn chặn hậu cần và cắt đứt liên lạc địch.

Thêm vào Hmong trên cánh đồng, Vang Pao còn có nguồn yểm trợ phía mép Nam Cánh đồng, hầu hết mới di cư từ Nong Het, Pak Lak, Keng Khoai, và Phac Boun. Đợt di cư này xảy ra sau cuộc đảo chánh của Kong Lê, khi Pathet Lào bắt đầu tập trung lực lượng ở biên giới Việt Nam, cách Nong Het chỉ một ngày hành quân. Sợ rằng Cộng Sản vượt biên sang cướp bóc các làng, Hmong ùn ùn bỏ chạy về phía Đông Nam cánh đồng, dừng lều ở một trạm cứu trợ USAID ở Lat Houang, nơi sẵn thực phẩm và vật liệu cứu trợ. Nhiều di dân thuộc thị tộc Thao và tộc trưởng là Thao Sao Chia. Một nhà chính trị lỗi lạc, Sao Chia mau chóng thiết lập quyền lãnh đạo tất cả Hmong ở mép Nam Cánh Đồng Chum. Đó là điều may mắn cho Vang Pao. Là bạn cố tri và bà con thân thích (vợ hai của Vang Pao họ Thao), Sao Chia cam kết yểm trợ tận tình quân đội du kích Vang Pao, dù chỉ là quân đội trong dự kiến.

Thu phục Touby.

Khi Cộng Sản tràn ngập cánh Đồng Chum và bao vây những tiểu đoàn của Boussarath, thời điểm hành động đã đến. 70000 Hmong đã sẵn sàng nhờ vào uy tính chính trị của Yang Youa Tobng và Thao sao Chia. Nhưng Vang pao do dự. Ông muốn Touby nhập cuộc. Không may, Touby công khai đồng minh với Souvanna Phouma và phe Trung Lập, nắm 2 chức vụ trong nội các Souvanna là bộ trưởng Tư Pháp và bộ Y Tế Xã Hội. Trong khi Vientaine tìm mọi cách hòa giải với Pathet Lào, Touby khó ủng hộ phong trào du kích chiến đấu chống Cộng. Giải pháp duy nhất là tìm cách khiến Touby từ bỏ phe Trung Lập. Như phép lạ, trong vòng vài tuần, Touby chia tay với Souvanna Phouma và bỏ 2 chức bộ trưởng. Hiếm thấy một người từ bỏ danh vọng vì quyền lợi sắc tộc như ông.

Nhiều năm sau khi nhớ lại, Vang Pao cắt nghĩa cuộc vận động thu phục Touby. Theo Vang Pao, áp lực chính trị thủ đô làm Touby quên bằng dân tộc ông ở Xiêng Khoảng và những chuyện xảy ra trên Cánh Đồng Chum. Vang Pao dùng bùa phép triệu hồn Touby về Xiêng Khoảng để mục kích tận mắt những gì xảy đến cho đồng bào ông. :”Touby ở Vientaine và chúng ta không có cách gì liên lạc với thủ đô. Chúng tôi nhờ pháp sư Ya Shao ở Khang Kho triệu hồn tổ tiên về làm Touby bỏ tất cả đi theo lý tưởng của chúng tôi. Chúng tôi tế lễ dâng tổ tiên bằng một con bò đực trắng, một con đen.”

Vang Pao cũng mê tín dị đoan như mọi Hmong khác nhưng ông cũng biết vận dụng mê tín vào mục đích chính trị dễ dàng như một giáo chủ thời Phục Hưng. Lễ gọi hồn là một mưu kế. Ông không cần Shao Ya gửi thông điệp thiêng liêng đến Touby. Một phi công quân lực hoàng gia Lào lái trực thăng mỗi ngày từ Vientaine đến Xiêng Khoảng phân phối và thu nhận thông báo. Nhiều tuần trước khi Touby trở về Xiêng Khoảng, đã có rất nhiều thư từ trao đổi giữa Vang Pao và Touby. Vang pao tường thuật hoạt động Cộng Sản trong vùng và Touby tiết lộ sự ngày càng rạn vỡ của chính

thể Souvanna Phouma.



Touby

Viễn ảnh Cộng Sản chiếm Xiêng Khoảng cuối cùng thuyết phục Touby về sự điên rồ của chủ trương Trung Lập và sự cần thiết tổ chức một lực lượng du kích Hmong. Có lẽ chính lúc này, Vang Pao tiết lộ rằng Youa Tong và Sao Chia đã chuẩn bị sẵn sàng và chỉ cần một hiệu lệnh là khởi sự. Điều Vang Pao mong mỏi ở Touby là cam kết trung thành với ông để yểm trợ kế hoạch. Touby không hoàn toàn tin rằng ông có thể thuyết phục các đồng chí trung kiên của ông ủng hộ một chiến tranh du kích. Đã bỏ bằng chính trị địa phương nhiều năm, ông sợ uy tín của ông đã suy suyển. Mọi việc phải phối hợp khéo léo để thành công. Kế hoạch của Touby là khuyên Vang Pao tổ chức đại hội các trưởng làng và quý tộc ở thành phố Xiêng Khoảng để thỉnh cầu dân ý và chọn một đường lối nhất trí hành động. Rồi Vang Pao sẽ đến diễn thuyết trước công chúng thuyết phục họ về sự cần thiết phải vũ trang tự vệ.

Sự đóng góp của Vang Pao cho kế hoạch là dùng Yang Ya Shao để “được phép” động viên. Nếu vong hồn tổ tiên đưa Touby đến Xiêng Khoảng để kêu gọi Hmong chiến đấu, ai dám cãi lại thiên mệnh? Theo đức tin Hmong, cố tình chọc giận thần linh sẽ mang lại xui xẻo, côn trùng và dịch bệnh.

Vang Pao đón Touby ở phi trường thành phố Xiêng Khoảng với một lễ tế 2 con bò đực, 1 trắng 1 đen mà pháp sư Ya Shao đã hứa với tổ tiên. Với sự hài lòng và đồng ý của thần linh, Touby và Vang Pao đến đại hội gặp gỡ

các trưởng tộc. Cuối cuộc họp, một sự ủng hộ hầu như nhất trí cho Vang Pao chiêu tập quân đội du kích và cam kết từ các trưởng làng về yểm trợ tình báo, lương thực, tiếp liệu và tân binh.

Kham Sai, tỉnh trưởng Xiêng Khoảng cũng tham dự đại hội. (Trong xã hội kỳ thị chủng tộc ở Lào, cấp tỉnh trưởng trở lên đều người Lào.) Ông mê say kế hoạch của Vang Pao, coi đó như con đường tiến thân về chính trị của riêng mình. Với tình hình chính trị quốc gia rối ren hiện tại, và các phe nhóm tìm cách liên minh với nhau đầy mảnh khén trực lợi, Kham Sai tin rằng thời cơ tranh đấu cho nền tự trị ở Xiêng Khoảng đã đến. Với tư cách cá nhân, ông khuyến khích Touby liên minh với Phoumi dùng lực lượng Hmong làm hậu thuẫn cho một Xiêng Khoảng độc lập chính trị trong tương lai.

Touby cũng liên minh với Phoumi, nhưng không rõ có thỏa thuận gì về việc tự trị ở Xiêng Khoảng hay không, dù Hmong tin rằng một thỏa thuận đã được ký kết và đó là bước đầu cho một quốc gia Hmong tự trị, ước mơ ngàn đời mà hạt giống Pa Chay đã gieo trên cánh đồng máu. Tin đồn đó cả Vang Pao lẫn Touby không muốn cải chính. Điều được biết rõ rệt là Touby yêu cầu Vang Pao gửi một thông tư cho Phoumi, tuyên bố ý định thành lập lực lượng du kích Hmong, dự kiến lớn hơn, hùng mạnh hơn tổ chức Malo-Servan trước đây.

Phoumi nhận tin với cảm giác lẫn lộn. Chống Cộng thì tốt thôi nhưng một quân đội Hmong độc lập khó có thể kiểm soát. Phoumi nhận xét Hmong là dân tộc sơ khai và khó tin cậy. Ông ta muốn Vang Pao chỉ huy lực lượng quân đội hoàng gia Lào trên cánh đồng. Sau một trao đổi thông điệp, Phoumi bằng lòng một thỏa thuận. Ông cho phép Vang Pao tuyển mộ tình nguyện quân nhưng cũng ra lệnh Vang Pao chỉ huy trại binh hoàng gia gần Lat Houang trên mép Đông Nam Cánh Đồng Chum.

Vang Pao đến Lat Houang với 350 Hmong. Binh sĩ của ông võ trang sơ sài. Vang Pao chỉ có thể tìm được 34 khẩu súng cũ cho binh sĩ của mình, một số là súng săn cổ của Pháp. Binh sĩ Lào ở Lat Houang không phản đối sự chỉ

huy của Vang Pao. Tuy nhiên, vì cẩn thận, Vang Pao mở những thùng súng mới của trại phân phát cho binh sĩ Hmong.

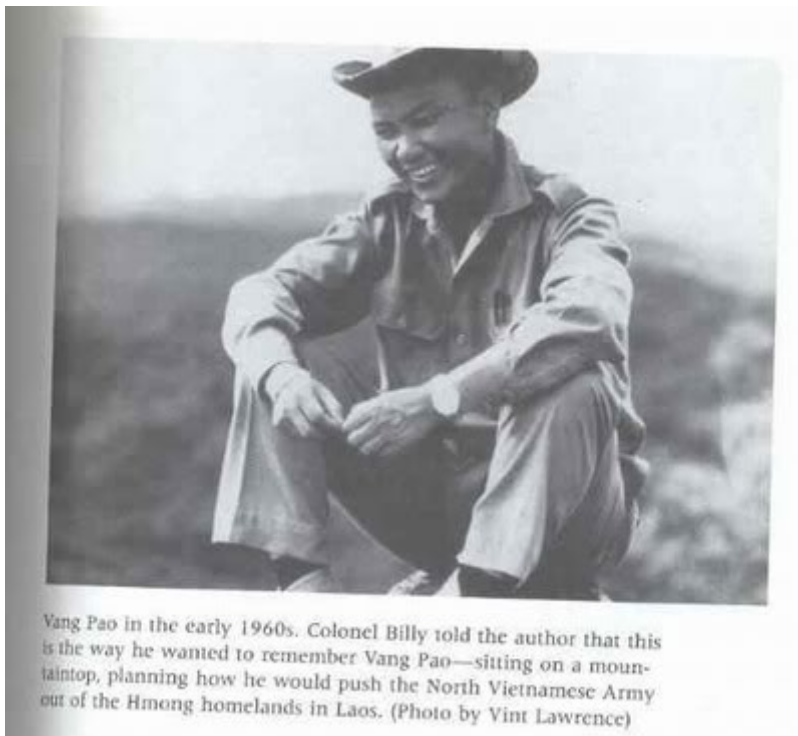
Binh sĩ ở Lat Houang không được trả lương hàng nhiều tháng. Để lấy lại lòng trung thành của họ, Vang Pao bay đến bộ tư lệnh của Phoumi ở Savanakhet để đòi tiền cho họ. Trước khi Phoumi trao 200000 kip (tiền CIA), ông đề nghị Vang Pao nắm chức tư lệnh quân khu II gồm Xiêng Khoảng và Sầm Nứa. Một sĩ quan cấp đại tá hay cao hơn tương xứng với chức tư lệnh quân khu. Vang Pao chỉ là thiếu tá. Phoumi minh định rằng Vang pao nắm chức vụ nhưng không được thăng cấp.

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 9 (tt)

Đại tá Billy phát hiện Vang Pao.

Cuộc đời binh nghiệp của Vang Pao.



Vang Pao in the early 1960s. Colonel Billy told the author that this is the way he wanted to remember Vang Pao—sitting on a mountaintop, planning how he would push the North Vietnamese Army out of the Hmong homelands in Laos. (Photo by Vint Lawrence)

Vang Pao 1960

Vang Pao thăng cấp liên tục khi Pháp nắm chính quyền, lên đến chức đại úy trong vòng vài năm. Các chỉ huy Pháp lưu tâm đặc biệt đến ông, mặc những phản đối của các sĩ quan Lào, cho rằng dân tộc hạ đẳng Hmong không thích hợp với chức vụ sĩ quan quân đội. Vang Pao được huấn luyện cao đẳng sĩ quan và thăng cấp mau chóng, đôi khi sĩ quan Pháp trả lời giùm những bài thi viết bằng tiếng Pháp để đảm bảo lỗi chính tả không cản trở con đường binh nghiệp của ông. Nhưng sau khi Pháp về nước, 4 năm trôi qua khi quân đội hoàng gia đang xây dựng và cải tổ, thay thế sĩ quan Pháp bằng sĩ quan Lào. Một sớm một chiều, những sĩ quan trung cấp Lào trở thành tướng lĩnh. Những trung úy quen bỗng nhiên thành đại tá. Trung sĩ thành trung úy và đại úy. Trong lúc đó, Vang Pao vẫn nguyên chức đại úy. Thành kiến sắc tộc một phần là nguyên do. Với sắc tộc Lào nắm quân đội, ít binh sĩ người thiểu số được thăng cấp cao. Đây là một thực trạng của người Khmu và Hmong, ô nhục trong văn hóa Lào như dòng giống man rợ. Đã lên cấp đại úy, Kong Lê là một ngoại lệ trong hàng ngàn người Khmu trong quân đội. Khi Vang Pao lên chức thiếu tá, ông có vẻ không thể được thăng cấp cao hơn nữa – vì một lý do khác hơn là thành kiến chủng tộc.

Vang Pao đã bị kỷ luật cuối năm 1959 vì biến thủ tiền lương binh sĩ Hmong thành lập hồi đầu năm như lực lượng dân quân tự vệ do ông chỉ huy. Đơn vị này là một phần của Phòng Thẩm Định Viện Trợ (PEO) dành cho người thiểu số. Biệt kích Mỹ huấn luyện binh sĩ Hmong sử dụng vô tuyến và vũ khí hiện đại. Những phần tử của đơn vị được trả lương hàng tháng, nhưng Vang Pao giữ vài tháng lương của họ. Một binh sĩ gặp Vang Pao chất vấn lương bổng bị ông bắn vào chân.

Sự kiện này là việc đầu tiên trong bản liệt kê dài về cung cách đối xử tàn bạo của Vang Pao làm hoen ố cuộc đời binh nghiệp của ông. Nếu không, ông có một sự nghiệp quân sự sáng chói không thua những danh tướng trong lịch sử thế giới. Sau này khi chỉ huy quân đội Hmong của mình, ông xử bắn một số sĩ quan ngay tại chỗ. Ông bắn 1 người giữa trán về tội bán gạo CIA cho Pathet Lào và bắn vào ngực một sĩ quan khác can tội ăn cắp tiền lương binh sĩ không có phép của ông. Vang Pao đối xử với tù binh cũng tàn nhẫn không kém. Ông bỏ họ trong thùng phi 55 gallons chôn dưới đất, một kiểu tra tấn tâm lý các tù binh Bắc Việt và Pathet Lào, buộc khai báo thông tin về đơn vị của họ. Vang Pao gửi những tù binh khác đến trung tâm thẩm vấn của ông ở Pha Khao, nơi họ bị tra tấn tàn nhẫn trước khi bị xử bắn. Năm 1965, khi một nhân viên CIA “đòi hỏi” Vang Pao cho phép chuyên viên thẩm vấn Mỹ lấy cung tù binh, Vang Pao mang tù ra, bắn tại chỗ trước mặt người Mỹ. CIA hiểu và thay đổi thái độ. “Thưa trung tướng, ý tôi muốn nói là tôi thành thật biết ơn nếu ông cho phép chúng tôi thẩm vấn tù binh.”

Nhưng năm 1959 Vang Pao chưa tiến xa hơn đến mức làm mọi việc mà không bị khép tội. Lúc ấy, Boussarath chỉ huy quân đội tỉnh. Ông lỡ mồm ra lệnh Vang Pao trả tiền lương cho binh sĩ Hmong mà Vang Pao cố tình giữ vài tháng. Sự khiển trách công khai trước hàng quân khiến Vang Pao đem lòng căm giận. vài ngày sau, 30 binh sĩ của Vang Pao phục kích Boussarath khi ông đến Lat Houang bằng xe jeep. Boussarath tổng ga thoát chạy khi nghe tiếng súng đầu tiên. Đạn bắn đuổi theo ghim lỗ chỗ vào xe.

May mắn, ông đến Lat Houang bình an vô sự.

Boussarath liên lạc vô tuyến với Vientaine báo cáo âm mưu ám sát. Tướng Ouane Rattikone, tổng tham mưu trưởng quân đội, bay đến Xiêng Khoảng sáng hôm sau để gặp Vang Pao. Theo một tường thuật, sau khi đọc cáo trạng, Vang pao phủ phục trước vị tướng, khóc lóc thảm thiết, xin thứ tội. May cho Vang Pao, ông không bị cách chức. Có lẽ một phần vì hình ảnh thống hối hèn hạ, nhưng có lẽ nhờ vào sự can thiệp của biệt kích Mỹ đang chịu trách nhiệm huấn luyện du kích Hmong. Dù thế nào, sự cố làm hoen ố danh tiếng Vang Pao với tư lệnh tối cao quân đội hoàng gia. Cảm giác chung là cuộc đời binh nghiệp của vang Pao đã chấm dứt.

Vang Pao không chấp nhận phán quyết này. Ông từ chối chức tư lệnh quân khu II mà không thăng cấp do Phoumi đề nghị. Sĩ quan hoàng gia tài năng rất hiếm. Ông tin rằng nếu ông từ chối, ông sẽ được thăng cấp. Vang Pao nhận 200000 kip tiền lương binh sĩ, trở lại lat Houang để xem có thể biến đổi binh sĩ Lào dưới quyền thành một đơn vị chiến đấu hiệu quả và thử họ trên chiến trường. Cơ hội không bao giờ đến.

Vang Pao ở Nam Chat.

Vang Pao đã theo dõi tình hình chuyển quân của Kong Lê trên Cánh Đồng Chum và được biết ý định của Kong Lê là tấn công doanh trại quân đội hoàng gia ở Nam Chat. Vang Pao chuyển tin tức tình báo này lên Vientaine và được lệnh chỉ huy doanh trại ấy chống cự với phe Trung Lập. Vang Pao không trả lời cho đến khi được thăng cấp mà ông cho là ông xứng đáng. Dù cơ hội thử thách binh sĩ ở Lat Houang không còn nữa, trung tá Vang Pao bây giờ đối đầu với một thử thách lớn lao hơn : Biến binh sĩ chưa từng chiến đấu ở Nam Chat trong tư thế sẵn sàng ứng chiến với cuộc tấn công sắp đến. Dưới cặp mắt kinh hoàng, ông thấy doanh trại hỗn loạn hoàn toàn. Đại tá Don Sasorith Sourith, tư lệnh quân khu II có mặt trong trại và đang trong trạng thái bán loạn. Ông ta vừa được tin 3 tiểu đoàn Bắc Việt vừa phối hợp với lực lượng Kong Lê. Sourith cho rằng Nam Chat sẽ thất thủ và

sẵn sàng tháo chạy. Tinh thần chủ bại của ông lan truyền khắp trại. Binh sĩ Lào sẵn sàng bỏ chạy với trái pháo đầu tiên rót vào căn cứ.

Có 2 khẩu đại bác 105 ly trong trại. Vang Pao ra lệnh cho sĩ quan pháo binh dời 2 khẩu súng vào vị trí gần phi trường chuẩn bị phản pháo. Viên sĩ quan đột nhiên quên hết những năm huấn luyện và trả lời ông ta không biết sử dụng trọng pháo 105 ly. Vang Pao chửi viên sĩ quan hèn nhát và tự mình chuyển đại bác vào vị trí tác chiến.

Căn cứ cần thêm thời gian để tổ chức phòng thủ. Vang Pao chất 6 thùng chất nổ lên một trục thăng cứu thương và ra lệnh cho phi công bay về Lat Ngone, một làng cách trại 6 dặm. Chiến xa Kong Lê phải sử dụng cây cầu của làng để qua sông. Nếu phá cầu, đoàn cơ giới sẽ bị trì hoãn nhiều giờ. Viên phi công trục thăng giúp 1 tay xuống những thùng chất nổ. Xong xuôi, viên phi công đứng chờ Vang Pao mang chất nổ xuống cầu, gắn ngòi nổ, đốt ngòi và chạy. Thành phần dẫn đầu của Kong Lê vừa xuất hiện khi cây cầu bắn tung lên không trung.

Khi Vang Pao trở lại Nam Chat, ông thấy đại tá Sourith và hầu hết binh sĩ đã trốn mất. Vang Pao tìm được 5 tình nguyện quân giúp ông đặt 2 cỗ đại bác lên 2 xe Dodge và 200 trái đạn, chở lên ngã tư đường 7 và đường 4. Ở đây, Vang Pao chờ quân Kong Lê. Có tiếng động cơ rầm rì từ xa trong đám bụi mù. Vang Pao khai hỏa về phía đoàn quân đang tiến. Ông giữ các khẩu đại bác bắn liên tục, kéo dài 200 viên đạn trong vòng 4 tiếng đồng hồ.

Hết đạn, ông trở lại Nam Chat, lúc này không một bóng người. Mãi mai cho Vang Pao là ngày ông thăng cấp trung tá, ông không có người lính nào để chỉ huy hết. Ông ăn mừng cấp bậc mới bằng cách một mình khiêng mìn và một mình bắn đại bác. Không có lính để chỉ huy, ông đành theo đoàn binh sĩ hoàng gia, viên chức chính phủ và cả tỉnh trưởng Kham Sai rút lui dọc theo đường 4, một con đường đất gập ghềnh thiếu tu bổ.

Đại tá Sourith đã lấy lại phong độ sau khi bỏ binh sĩ ở Nam Chat chỉ huy cuộc triệt thoái.. Khi đoàn quân đến làng Tha Vieng, ông tập hợp tàn quân độ 2 tiểu đoàn lập một tuyến phòng thủ rồi dẫn tất cả số còn lại, đa số dân

sự, chạy về hướng Nam, lập thêm tuyến phòng thủ thứ hai ở Tha Thom, cách Tha Vieng 15 dặm.

Thành lập quân đội riêng.

Vang Pao là 1 trong các sĩ quan ở lại tuyến phòng thủ Tha Vieng. Để củng cố vị trí, ông tung thám báo đến những làng Hmong lân cận chiêu mộ tình nguyện quân. Ông có ngay 1000 người và gia đình của họ tụ họp và sẵn sàng chiến đấu. Bây giờ ông đã bắt liên lạc vô tuyến với tướng Phoumi, hứa sẽ tử thủ phòng tuyến và yêu cầu một ân huệ. Gia đình Vang Pao ở Tha Vieng. Ông muốn di tản gia đình lên Vientiane bằng máy bay. Phoumi tiếp xúc CIA tìm phương tiện. Hôm sau, một trực thăng của hàng không Air America đến đón các vợ và con Vang Pao đi Vientiane.

Dù tình nguyện quân Vang Pao chính thức là lực lượng phụ thuộc của phòng tuyến Tha Vieng của Sourith, Vang Pao bắt đầu nảy ý tưởng dùng họ như nòng cốt của quân đội Hmong tương lai. Ông chỉ phải nhắc Touby, Yang Youa Tong, Thao Sao Chia để khởi sự. Nếu ông đánh Cộng Sản theo cách của ông với những chiến sĩ du kích Hmong kiên cường, ông có thể đánh bại chúng. Nó cũng có lẽ là cơ hội duy nhất có thể làm lu mờ Phoumi và những tướng lãnh Lào đánh giặc sau bàn giấy.

Nhiều năm, thực tế phũ phàng làm giao động lương tâm Vang Pao, một khó chịu trong đầu khó có thể quên. Đó là cơ hội duy nhất ghi đậm dấu trong quân sự bằng cách lãnh đạo Hmong trên chiến trường. Nó gây hứng khởi cho ý tưởng tái lập lực lượng du kích Malo. Dù thế, Vang Pao không thể bỏ rơi nguyện vọng để đạt thành tích xuất sắc chỉ huy binh sĩ Lào trong quân đội chính quy. Nó là một tham vọng dai dẳng hướng dẫn ông, đi ngược với lý trí, nhận lời Phoumi chỉ huy binh sĩ Lào, đầu tiên ở Lat Houang, sau đó ở Nam Chat. Cũng dễ cắt nghĩa quyết định này. Binh sĩ Lào có thể chiến đấu tốt nếu có chỉ huy giỏi. Họ từng chiến đấu tốt dưới sự chỉ huy của Pháp ngày xưa và trong vài trường hợp đơn lẻ, dưới sự chỉ huy của một số sĩ quan Lào tài giỏi. Trong thâm tâm, ông còn biết binh sĩ Lào

không chấp nhận dưới quyền chỉ huy một sĩ quan Hmong như ông, dù là sĩ quan giỏi.

Trước khi gia nhập quân đội, Vang Pao đã phục vụ 4 năm trong ngành cảnh sát quốc gia do Pháp điều hành. Nguyên thủy nó là tổ chức cảnh sát quốc gia nhưng cuối thập niên 1940, nó cải biến thành lực lượng bán quân sự chống phiên Cộng. Công tác mới của cảnh sát cho Vang Pao cơ hội thăng tiến binh nghiệp. Ông được bổ nhiệm đồn trú ở bót cảnh sát Muong Ngan, gần biên giới Việt Nam. Đại úy Fret, chỉ huy đồn cảnh sát nhận ra ngay phụ tá của mình là một biệt kích bẩm sinh. Fret để Vang Pao tự do hành quân du kích chống Pathet Lào và Bắc Việt. Chỉ huy 1 trung đội Hmong, Vang Pao diệt gọn một đơn vị Việt Minh và tịch thu những tài liệu tiết lộ tổ chức Việt Minh và hoạt động của họ trong khu vực. Để tưởng thưởng, Fret dành một chỗ cho Vang Pao trong trường huấn luyện ứng viên sĩ quan quân đội hoàng gia Lào.

Sau khi tốt nghiệp, Vang Pao đến trình diện đại đội 14 bộ binh ở Muong Hiem. Nhờ đồn trú trong khu vực Hmong, công tác của ông là tổ chức, phát triển mạng lưới tình báo ở các làng và tuyển mộ tân binh Hmong cho quân đội. Ngày xưa các viên chức chính phủ đã hạ độc giếng nước, Vang Pao phải mất một thời gian để lấy lại lòng tin của dân làng. Cuối cùng hệ thống tình báo cũng thành lập và 73 Hmong đã đầu quân. Trộn lẫn tân binh Hmong vào đại đội gây căng thẳng sắc tộc. Người Lào đòi thuyền chuyển đi nơi khác. Chỉ huy trưởng đại đội, đại úy Cocosteguy, giải quyết bằng cách chia Hmong thành 1 đơn vị đặc biệt trong đại đội, do Vang Pao chỉ huy.

Sự kiện này báo trước khó khăn cho tương lai nghề nghiệp của Vang Pao trong quân đội. Nếu Lào không chịu khoác chung áo lính với Hmong, họ chắc chắn bất tuân sự chỉ huy của một sĩ quan Hmong. Có lẽ đây là thời điểm phát hiện của ông, một phát hiện đen tối rằng ông không thể thành công rực rỡ trong binh nghiệp nếu chỉ huy những đơn vị Lào. Hoặc sự phát hiện đến trễ hơn : Sau khi đại đội 14 giải tán; binh nghiệp của ông tạm

dừng lại khi ông chỉ huy Hmong; sau khóa huấn luyện đặc biệt ở Phi Luật Tân và trở lại quân đội chỉ huy trường huấn luyện hạ sĩ quan ở Khang Khay sau khi đảm nhận chức chỉ huy một đơn vị đa số người Lào, tiểu đoàn 10 bộ binh quân lực hoàng gia.

Từ khởi đầu ấy, binh sĩ Lào tiểu đoàn 10 không muốn nhận lệnh từ vị chỉ huy Hmong. Vang Pao đã phát huy quyền hạn của mình đến cực điểm trong cuộc truy kích tiểu đoàn 2 Pathet Lào làm phản và có những âm hưởng sau đó. Sau cuộc hành quân, binh sĩ của ông hùng hổ và rồi làm loạn. Vang Pao sợ cho tính mạng mình. Tạm rời chức vụ, ông tạm trú với 1 đơn vị biệt kích Mỹ ở Khang Khay. Sau đó, ông được giao phó tiếp tục công việc với tình nguyện quân Hmong.

Nếu Vang Pao được an bài để chỉ huy Hmong, ít ra họ cũng là những chiến sĩ du kích thiên bẩm và du kích chiến là Vang Pao tin rằng ông có năng khiếu. Năm 1952, tốt nghiệp trường sĩ quan Dong Hene, người Pháp gởi Vang Pao sang Hà Nội 2 tuần để quabn sát sự vận hành của bộ tổng tham mưu quân đội Pháp. Những gì ông thấy gây trở ngại cho ông. Người Pháp khur khur vào những mưu lược cổ truyền và những trận đánh kinh điển, loại chiến tranh dẫn đến bại trận Điện Biên Phủ. Với cương vị hạ sĩ quan cảnh sát, Vang Pao dẫn Hmong chiến đấu và đánh bại người Việt Nam dùng chiến thuật du kích, một tài năng thiên bẩm của sắc tộc Hmong. Ông tìm ra những địa thế hiểm trở, và dụ kẻ địch mạnh hơn vào ổ phục kích. Khi nào trận chiến có vẻ thất thế, ông rút lên núi, đi 6-8 dặm một giờ, đôi khi không nghỉ suốt vài ngày. Địch quân sẽ bỏ cuộc vì không thể theo kịp hoặc sẽ lọt vào nơi Vang Pao chọn sẵn, quá mệt mỏi để phát hiện mình lọt bẫy.

Các sử gia quân sự đặt tên chiến lược này là chiến thuật Fabian, 1 kỹ thuật dùng 2000 năm trước bởi một danh tướng La Mã tên Quintus Fabius Maximus, cũng có tên là Cunctator (người hoãn binh). Vị tướng này không chịu giao chiến với quân địch mạnh hơn cho đến khi quân Carthaginians mệt mỏi vì truy kích. Nhưng Fabius thành công 1 lần bởi vì Hannibal không thể trông cậy vào tiếp viện. Bắc Việt không phải Carthage vốn cách

La Mã 1 đại dương mà sát bên nách Lào và khả năng tiếp viện hầu như vô tận. Chống lại Bắc Việt, chiến lược Fabian có thể thắng các trận chiến nhưng không thể thắng cuộc chiến tranh.

Cuối cùng quyết tâm xây dựng quân đội riêng, Vang Pao gửi thông điệp cho Yang Youa Tong và Thao Sao Chia mời họ đến Tha Vieng. Ông muốn hội ý một lần chót trước khi ra lệnh cho Hmong trên Cánh Đồng Chum di dân đến 7 yếu điểm chiến lược bao quanh cánh đồng. Kế hoạch của ông là dùng binh sĩ Hmong dưới quyền ở Tha Vieng làm nòng cốt cho lực lượng du kích Hmong tương lai. Sau khi lập căn cứ cho binh sĩ, ông bắt đầu tổ chức, huấn luyện các tình nguyện quân tụ họp ở các cứ điểm cũ của du kích Malo.

Ngay lúc này, nhu cầu cấp bách nhất là vũ khí. Thung lũng Tha Vieng phẳng và rộng, lý tưởng cho một phi trường. Vang Pao huy động 300 dân làng lân cận san các bờ đê ngăn ruộng, lấp chỗ trũng làm phi trường. Khi lao công làm việc, Vang Pao gọi cho Phoumi ở Savanakhet yêu cầu tiếp tế vũ khí, tiếp liệu quân trang quân dụng cho tân binh. Ông cam kết với Phoumi rằng luôn trung thành với quân đội và Hmong của ông vẫn là một thành phần trong quân đoàn của đại tá Sourith và nếu vũ khí, tiếp liệu có thể phân phối đến Tha Vieng, Hmong sẽ là lá chắn bảo vệ lực lượng Sourith ở Tha Thom.

Vang Pao không hy vọng nhiều từ Phoumi. Mọi thứ đều đổ dồn cho Sourith ở Tha Thom : tiếp liệu, trọng pháo, binh sĩ tăng viện. Ông nghi rằng Phoumi và các tướng lĩnh khác ở Vientaine đã có chủ ý thí bỏ lực lượng Hmong ở Tha Vieng và như thế, gửi tiếp liệu đến Tha Vieng cầm bằng đồ tiền của xuống sông xuống biển. Điều Vang Pao không được biết là Phoumi bị áp lực từ tòa đại sứ cũng như CIA buộc phải chuyển nhượng bớt vật liệu cho các lực lượng bán quân sự. Vài ngày sau khi Vang Pao xin vũ khí và tiếp liệu, 1 đại tá Thái Lan và một viên chức Mỹ dung mạo kỳ cục với cái đầu vuông có vẻ to quá so với cần cổ; nói giọng Texas và tự giới thiệu là đại tá Billy.

Đại tá Billy và lực lượng Không Cảnh.



Không cảnh Thái Lan

William "Bill" Lair bắt đầu công tác dã ngoại (tức công tác rời bàn giấy đi thực tế tại hiện trường) năm 1951 ở Bangkok, Thái Lan. Ông quan tâm đặc biệt về chống phiến loạn và thuyết phục thượng cấp ở Thái Lan cho phép ông làm việc với người Thái để phát triển một lực lượng biên phòng chính quy. Lực lượng này được đặt tên là Tuần cảnh không viện (PARU, The Police Aerial Reinforcement Unit. Từ bây giờ xin gọi tắt là lực lượng Không Cảnh). năm 1960, nó tiến triển thành một đơn vị bán quân sự thiện chiến nhất Đông Nam Á.

Bộ chỉ huy Không Cảnh đặt bản doanh ở Hua Hin, một thị trấn hải cảng cực nam bán đảo Thái Lan, một khoảng cách xa từ địa bàn hoạt động của họ nơi vùng bắc Thái Lan. Tại đó có những ngọn núi dùng làm địa hình huấn luyện người thiểu số, đa số là Thái Lan Hmong, sử dụng vũ khí và kỹ thuật chiến đấu phòng thủ biên giới chống thổ phỉ và phiến cộng. Chiến dịch thành công vượt bậc mà các viên chức CIA gọi lực lượng không cảnh này là một tuyệt phẩm của họ. Lực lượng không cảnh được đỡ đầu trực tiếp

từ Desmond Fitz Gerald, giám đốc Viễn Đông Sự Vụ CIA và tổng giám đốc CIA, ông Allen W. Dulles. Cả hai viên chức này không quản ngại bỏ thì giờ thị sát các bộ chỉ huy của tổ chức.

Cuối năm 1950, lực lượng Không Cảnh đã hầu như hoàn tất mục tiêu bình định vùng Bắc Thái Lan và Lair (nhắc lại lần chót, nhân viên CIA đặc trách huấn luyện lực lượng Không Cảnh dưới quyền Desmond Fitz Gerald, giám đốc Viễn Đông Sự Vụ) không còn việc gì để làm. Ông nảy ý định huấn luyện người thiểu số miền núi tại Lào (thay vì Thái Lan đã bình định). Năm năm trước, tướng Phao Siyanon, tư lệnh Không Cảnh Thái đã đề nghị ý kiến này lúc Không Cảnh còn mang tên là Vệ binh hoàng gia (Royal Guards). Lúc ấy kế hoạch của Phao Siyanon không ai ủng hộ vì không tìm đâu ra ngân sách. Coi như quá nhiều tham vọng quyền bính, Phao Siyanon bị huyền chức và buộc phải lưu vong. Bây giờ đến lượt Lair đề xuất ý kiến này.

Lair có thêm uy tín khi CIA yêu cầu ông sử dụng lực lượng Không Cảnh Thái Lan làm cố vấn quân sự cho quân đội Phoumi Nosavan trong cuộc đảo chánh Giáng Sinh 1960 tại Vientiane. Với hoàn cảnh thuận lợi, Lair thuyết phục Gordon Jorgensen, giám đốc CIA tại Lào, cho phép Không cảnh Thái làm việc với người thiểu số Lào. Lair biết rằng PEO (Programs Evaluation Office, tổ chức CIA nguy trang thành một văn phòng theo dõi tình hình cứu trợ người thiểu số) đã huấn luyện người Hmong từ năm 1959. Lair nói rằng việc dùng Không Cảnh Thái tại Lào, được việc hơn lại ít tốn kém hơn. Hơn nữa, Thái giống Lào về ngoại hình nên có thể che mắt thế giới rằng CIA không trực tiếp nhúng tay vào. CIA biết trước rằng Lào sẽ trung lập. Sau này, ngày 11 tháng 6 năm 1962, đại biểu 14 nước trong đó có Mỹ, Nga, Pháp đã ký kết một hiệp ước công nhận Lào trung lập và phải rút hết người ngoại quốc khỏi Lào trong vòng 75 ngày.

Trong lúc Gordon Jorgensen còn do dự, Lair đơn phương lập một văn phòng Không Cảnh Thái tại Vientiane và duy trì lực lượng này tại Lào để yểm trợ tướng Phoumi Nosavan (lập trường quốc gia hữu khuynh) chống

đảo chánh tại thủ đô Lào, sẵn sàng hành động một khi Gordon Jorgensen gật đầu chấp thuận. Lair cũng xúc tiến việc tìm gặp các lãnh tụ Hmong để thăm dò sự hợp tác của họ. Hồi còn ở Thái Lan, Lair đã nghe tiếng một sĩ quan can trường, tài giỏi trong quân lực hoàng gia Lào (Royal Laotian Army). Xin bạn đọc nhớ tên vị sĩ quan này . Ông tên Vang Pao. Một mãnh tướng làm thay đổi cuộc chiến Đông Dương, một khắc tinh của tướng Vũ Lập, Lê Trọng Tấn, Võ Nguyên Giáp và là một sát tinh của các sư đoàn 312, 316, 325 bộ đội Bắc Việt. Lair ngỏ ý với các viên chức CIA ở Lào rằng ông muốn diện kiến Vang Pao. Ngày 31 tháng 12 năm 1960, sau vụ đảo chánh của tướng Phoumi với sự trợ giúp ngầm của Không Cảnh Thái đánh đuổi lực lượng chủ trương trung lập của tướng Kong Lê đêm Giáng Sinh, Lair được thông báo là Vang Pao đang trú quân tại một nơi gọi là Tha Vieng. Lair xin phép Gordon Jorgensen đi gặp Vang Pao. Gordon Jorgensen cho phép nhưng không cho phép Lair ở qua đêm tại Tha Vieng. Người Mỹ không muốn Cộng Sản bắt được Lair làm tù binh, nhân chứng sống về sự can thiệp trắng trợn của Mỹ.

Lair tổ chức một toán 5 người thuộc Không Cảnh Thái đến Tha Vieng bằng trực thăng và chỉ thị họ thông báo ngay nếu tìm được Vang Pao. Phần Lair thì ở lại Vientiane chờ tin từ đại tá Pranet Ritchenchai, tư lệnh Không Cảnh Thái. Qua hôm sau, Pranet tìm được Vang Pao. Lair nhảy lên trực thăng và gặp Pranet tại Tha Vieng.

Vang Pao gặp Lair trong bộ quân phục kaki, giày vải và chiếc mũ rộng vành, quân trang tiêu chuẩn của biệt kích Pháp (lúc này Pháp đã về nước theo hiệp ước Geneve sau thất trận Điện Biên Phủ). Ở Vang Pao rất dễ nhận thấy toát ra một niềm tự tin sôi sục. Với Lair, Vang Pao là một Thành Cát Tư Hãn quy mô nhỏ. Sau một vòng thị sát quanh dinh trại, Lair hỏi Vang Pao rằng ông có thể tuyển mộ được bao nhiêu tay súng. Vang Pao đã chuẩn bị từ trước bằng cách liên hệ với hai phụ tá đặc trách tuyển mộ ở khắp bản làng, Youa Tong Yang và Sao Chia Thao. Vang Pao trả lời rằng ông có thể có ít nhất 10 ngàn tay súng.

Lair tràn ngập tin tưởng. Ông đã thấy hàng trăm Hmong cầm cui sẻ đất san đồng làm phi đạo, những toán du kích đeo súng săn, rầm rập thi hành chỉ thị Vang Pao. Mọi người cật lực làm việc cho Vang Pao. Có lẽ Vang Pao chiêu mộ hàng chục ngàn người. Lair hỏi Vang Pao cần những thứ gì. Vang Pao đưa ra một liệt kê: 5 ngàn súng cá nhân, một số súng máy, tiếp liệu và quân trang cho binh sĩ với một số phụ trội cho những tân binh dự kiến. Lair gật đầu nhưng không hứa hẹn gì cả. Ông đã cộng tác với đại tá Pranet Ritchenchai, tư lệnh không cảnh Thái hàng chục năm vùng bắc Thái. Chưa bao giờ họ thấy một vị chỉ huy như Vang Pao. Với con mắt nghề nghiệp, Vang Pao là một ước ao chỉ có trong mơ, nay trở thành sự thật.

Trở về Vientiane, Lair đi thẳng đến trụ sở CIA để nói về Vang Pao với Jorgensen, giám đốc CIA tại Lào. Tại đây Lair may mắn gặp cả Desmond Fitz Gerald, giám đốc Viễn Đông Sự Vụ CIA nữa. Fitz Gerald dẫn Vientiane hội ý với Jorgensen về vai trò CIA trong tương lai tại Lào. Đó là một sự kiện bất ngờ ngoài dự tính.

Lair nói với Fitz Gerald về Vang Pao và bày tỏ mối tin tưởng rằng viên đại tá Hmong này có thể tổ chức một đạo binh du kích với quân số đáng kể, một lực lượng mà Bắc Việt chưa từng thử sức. Dùng chiến thuật đánh và rút lui, du kích Hmong sẽ gây cho Bắc Việt một trở ngại khó chống đỡ, một kẻ địch khó thanh toán. Tiếp tế cho lực lượng này chắc ít tốn kém hơn quân đội chính quy hoàng gia Lào, vừa hèn nhát vừa tham nhũng. CIA có thể trang bị Hmong các loại vũ khí thặng dư thời đệ nhị thế chiến. Không Cảnh của Lair, tất cả người Á Châu nào hao hao giống người Lào, có thể huấn luyện họ. Nó chắc chắn phải là một công tác mật toàn hảo. Người Mỹ không bao giờ nhúng tay vào. Người Mỹ vô can. Hoàn toàn chối tội.

Fitz Gerald tỏ vẻ quan tâm nhưng cũng lo ngại. Nó mang ý nghĩa một hướng chiến lược mới của CIA tại Lào và chính sách mới của chính phủ Mỹ. Qua hôm sau, Fitz Gerald nói với Lair rằng ông thích đề nghị của Lair và yêu cầu Lair đệ trình một đề án. Lair tức tốc gửi một công điện 18 trang phác họa kế hoạch của ông. Lair không mong mỏi sẽ được trả lời ngay.

Trái với dự đoán, Lair nhận được điện văn phúc đáp trong vòng vài ngày. CIA đã đệ trình lên Eisenhower, lúc này trong thời kỳ gần hết nhiệm kỳ tổng thống, thỉnh cầu chấp thuận. Eisenhower bằng lòng. Điều này đủ thuyết phục Allen Dulles, tổng giám đốc CIA, với tư cách cá nhân, chấp thuận kế hoạch. Chiến dịch được đặt tên là "Momentum", "Động Lượng". Nó bắt đầu như một chương trình thử nghiệm. Lair được ủy quyền huấn luyện, trang bị cho 1 ngàn binh sĩ. Ông phải tự lo liệu lấy, không có sự giám sát cũng như chịu trách nhiệm với thượng cấp. Ông cũng không có bốn phận báo cáo mỗi ngày cho văn phòng CIA ở Vientiane hay Bangkok. Ngân sách điều hành được trích ra từ một tài khoản đặc biệt do ông kiểm soát. Nếu công việc trôi chảy, ông có quyền huấn luyện, trang bị cho nhiều đợt tuyển mộ tân binh Hmong theo kế hoạch.

Quá nóng lòng khởi sự, Lair trở lại Tha Vieng gặp Vang Pao thêm một lần nữa. Lần này, Youa Tong Yang và Sao Chia Thao, 2 sĩ quan đặc trách tuyển mộ tân binh và vài tộc trưởng khác cũng hiện diện. Vai trò 2 sĩ quan này rất quan trọng. Họ có uy tín với Hmong khắp nơi. Chính Vang Pao không thể tuyển mộ Hmong nếu không có họ. Tất cả mọi người buộc Lair, nhân danh chính phủ Mỹ, đưa ra những bảo đảm cho Hmong nếu Hmong ủng hộ kế hoạch quân đội du kích của Vang Pao. Lair hứa hẹn vũ khí, tiếp liệu, huấn luyện nếu Hmong chiến đấu hữu hiệu trong công cuộc chống Pathet Lào và Bắc Việt. Ngoài ra, Lair cũng hứa hẹn một an toàn khu nếu Hmong và Mỹ hoàn toàn chiến bại.

Lair bàn thảo với Fitz Gerald vấn đề "an toàn khu" trước khi ông ta rời Vientiane bay về Washington. Lair khuyên cáo Fitz Gerald rằng nếu CIA bảo trợ một quân đội du kích Hmong, CIA có bốn phận cung cấp một an toàn khu, nơi Hmong có thể nương náu nếu rủi ro chiến cuộc không được như ý muốn. Trong đầu của Lair, nơi đó là tỉnh Sayaboury nằm phía tả ngạn sông Mekong, một dải đất thuộc Lào, tuy ở những nơi khác, phía bên trái sông Mekong đều thuộc lãnh thổ Thái Lan. hai nước dùng con sông làm biên giới thiên nhiên. Sẽ có cuộc thương lượng với chính phủ Thái cho

phép Hmong trú ngụ và bảo vệ họ trong trường hợp Cộng sản vượt sông tràn sang Sayaboury truy kích họ. Đó chỉ là ý kiến. CIA không hứa như vậy và Lair cũng không được quyền hứa như vậy. An toàn khu đó chỉ là bánh vẽ. Tuy nhiên, Lair trái lệnh thượng cấp. Ông ta hứa bằng miệng rằng sẽ dành riêng tỉnh Sayaboury cho Hmong. Hmong ngây thơ, mê say một quốc gia độc lập, lại một lần nữa như nhiều lần trong lịch sử, đổ xương máu chiến đấu cho Mỹ, tin tưởng vào an toàn khu của một đồng minh phản trắc. Và Vang Pao, "đấng cứu độ" bộ tộc Hmong, đem cả dân tộc mình gồm non 200 ngàn người đối chọi với hơn 70 ngàn bộ đội Bắc Việt, chặn đứng các sư đoàn 325, 316, 312 của tướng Vũ Lập, sau này là tướng Lê Trọng Tấn suốt hơn 15 năm máu lửa.

Các tộc trưởng Hmong muốn lời hứa phải rành rành trên giấy trắng mực đen. Lair thảo một bản thỏa ước hứa hẹn nội trong vài ngày sẽ cung cấp vũ khí, đạn dược trang bị cho 500 binh sĩ. Lair, Vang Pao, Youa Tong Yang, đại tá Pranet (không cảnh Thái) cùng ký tên trên thỏa ước đó. Mặc dầu văn kiện này không đề cập gì đến "an toàn khu" nhưng nhiều Hmong suy diễn thành Mỹ đảm bảo một vương quốc Hmong độc lập nếu Hmong thắng Cộng Sản và một an toàn khu nếu thua. Dần dần niềm tin vào thỏa ước ấy ngày càng lan rộng đến nỗi tất cả Hmong thiết tưởng nó là một sự kiện chắc chắn, không cần bàn cãi. Năm 1997, Hmong tị nạn trên đất Thái, đang trong nguy cơ trục xuất về Lào, gửi một lá thư cho tổng thống Bill Clinton, kính cẩn nhắc nhở đến văn kiện ký kết với đại tá Billy Lair (Họ nói là vào tháng 11 năm 1959. Thực ra, nó nhằm tháng Giêng năm 1961) rằng chính phủ Mỹ sẽ chăm lo cho Hmong vì sự hợp tác chống Cộng với Mỹ trong chiến tranh tại Lào. Như đã hèn nhát bỏ rơi quân dân miền nam Việt Nam trước đây, Clinton chối bỏ trách nhiệm với họ, viện cớ văn kiện không đã động gì đến bốn phận Mỹ sau chiến tranh.

Ý tưởng an toàn khu là lỗi của Lair vì ông ta cố ý hứa hẹn bằng miệng rằng chính phủ Mỹ sẽ thu xếp một chốn dung thân cho Hmong nếu cần thiết. Tuy thế, Vang Pao cũng chịu một phần trách nhiệm. Vì lý do chính trị,

Vang Pao khuyến khích Hmong tin lời hứa miệng của có giá trị chính thức, cổ vũ nó như lợi khí yểm trợ cho quân đội của ông, bảo đảm với những người còn ngờ vực rằng nếu Mỹ thất trận và chúng ta gặp nguy hiểm – không thể dung thân ở Lào – Mỹ sẽ tìm chỗ cho chúng ta nương náu. Sau này khi ý tưởng “an toàn khu” không còn là lợi khí chính trị nữa, Vang Pao ém nhem chuyện ấy. Nhưng với Lair, nó vẫn còn là một cội đá đạo đức đè nặng lên lương tâm của ông hằng nhiều năm. Đôi khi, ông muốn thể hiện lời hứa ấy nhưng lần nào cũng bị Vang Pao ngăn trở vì e rằng một an toàn khu ở Sayaboury sẽ xoi mòn quyết tâm Hmong trong công cuộc chiến đấu. Khác với lời hứa an toàn khu, lời hứa một quốc gia Hmong độc lập không đến từ miệng của Lair. Một trong những câu hỏi đầu tiên Lair hỏi Vang Pao trong cuộc gặp gỡ ban đầu là ông ta muốn tự trị về chính trị hay không? Washington muốn Lào vẹn toàn lãnh thổ và không Cộng Sản chứ không bị chia cắt cho Hmong và không muốn CIA bảo đảm cho một phong trào Hmong ly khai. Đỡ khổ tâm cho Lair, Vang Pao tuyên bố trung thành với hoàng gia và chối bỏ mọi quan tâm đến ý tưởng tự trị. Có lẽ đây là cảm giác thực sự của Vang Pao lúc ấy. Sau đó ít lâu, khi thấy vấn đề tự trị có thể động viên Hmong yểm trợ quân đội của ông, Vang Pao dò xét ý tưởng ấy và cổ động niềm tin rằng Mỹ sẽ thành lập một quốc gia Hmong tự trị khi Cộng Sản bị đánh bại, tạo ấn tượng rằng điều này cũng được ghi trong thỏa ước tương tượng với Mỹ.

Như Lair đã hứa hẹn, CIA phân phối vài thùng vũ khí và 4 máy liên lạc vô tuyến đến Tha Vieng cùng với một hướng dẫn viên Mỹ cắt nghĩa cách sử dụng. Số vũ khí ấy chỉ đáp ứng một phần nhỏ cần thiết và quá trễ. Bắc Việt đã đánh hơi, lần mò đến. Ngày 13 tháng Giêng năm 1961, lực lượng Kong Lê (trung lập) phối hợp với lực lượng Pathet Lào, các bộ phận của sư đoàn 325 Bắc Việt tiến gần Tha Vieng để dàn các khẩu đại pháo. Không có đại bác và không yểm, Vang Pao bất đắc dĩ rút lui. Ông định xuôi nam về Tha Thom để nhập với lực lượng của Sourith (quân đội hoàng gia Lào). Quyết định này trì hoãn sự thành lập quân đội du kích Hmong đến vô tận.

Đó là lần cuối cùng Vang Pao do dự trong vấn đề ấy. Khi ông biết Tha Thom cũng bị tấn công và gắng hết sức bám trụ dù có chiến đấu cơ T-6 do phi công Thái Lan yểm trợ, ông cũng cố quyết tâm và dẫn đoàn du kích vào núi. Sắt thép đã đúc khuôn.

Cuộc chiến không thể thắng.

Khi được biết rõ ràng quân đội hoàng gia Lào hoàn toàn không có giá trị quân sự gì, quay lại với Hmong là điều không tránh khỏi. Đó là chính sách cố hữu trong chính quyền Eisenhower tin cậy vào những lực lượng bản xứ để chống lại phiên cộng ở Lào. Chỉ còn phương pháp cuối cùng tránh khỏi thất bại là đưa quân đội Mỹ sang tham chiến, điều không thể chấp nhận.

Eisenhower không chống đối đưa quân tham chiến ở nước ngoài, nhưng chống những cuộc viễn chinh không thể thắng. Ông nhận xét vấn đề tiếp vận (Cộng Sản gọi là hậu cần) trong cuộc chiến ở vùng rừng rậm không có biển như Lào sẽ bị sa lầy như cuộc chiến ở Đại Hàn. Eisenhower đặc cử nhờ vào lời hứa chấm dứt chiến tranh ở Đại Hàn. Ông không muốn rời chức vụ sau khi đưa nước Mỹ vào cuộc chiến khác ở đông nam Á.

Ngũ Giác Đài cũng thôi chí không kém về việc đưa quân sang Lào, nhưng với những lý do khác. Quốc hội đã cắt giảm ngân sách quốc phòng sau chiến tranh Đại Hàn. Cùn nhụt vì chuẩn bị cho cuộc xung đột với Sô Viết ở Âu Châu, bộ tư lệnh hỗn hợp muốn điều động tài nguyên quân sự ít ỏi vào mục đích này thay vì lãng phí nó vào cuộc chiến tranh xa xôi ở Á Châu. Do đó, ý tưởng người Lào tự phòng thủ rất thuyết phục.

Ngay cả lịch sử cũng biện hộ cho việc sử dụng lực lượng bản xứ. Trong thế kỷ 20, phiên quân chỉ đặc thế một khi chống lại quân đội thực dân. Dấy loạn chống lại chính quyền địa phương phòng thủ bởi dân cư địa phương hay những nhóm chủng tộc lớn luôn không hiệu quả (trừ trường hợp Trung Hoa năm 1949 và Cu ba năm 1959). Một cách khả dĩ, một quân đội gồm toàn chủng tộc Lào, chính phủ hoàng gia Lào sẽ khẳng định xu thế lịch sử. Tất nhiên hiệu năng đen tối của quân lực hoàng gia Lào đúng hơn, chọn

thủng một lỗ hổng trong lý lẽ này. Trông cậy vào lực lượng Hmong thế chỗ lực lượng Lào là không đếm xỉa những bài học lịch sử. Họ chiếm non 15/100 dân số. Thêm vào đó, họ là sắc dân bị khinh miệt vì kỳ thị chủng tộc, khó lòng hưởng sự ủng hộ của đại đa số quần chúng. Tuy nhiên, sự bắt buộc thành lập một quân đội bản xứ hữu hiệu đã thu hoạch được đầy đủ sức tiến khiến các suy xét thâm kín này bị bỏ mặc.

Tốt nhất là tách rời những đơn vị Hmong với quân đội chính quy, không chỉ để ngăn cách họ khỏi ảnh hưởng tham nhũng của quân đội hoàng gia, mà còn bảo đảm họ nhận được một cách thỏa đáng mọi nỗ lực yểm trợ nơi chiến trường, vì sĩ quan Lào không cần che giấu sự khinh bỉ người Hmong, sắc dân họ coi như hạ đẳng. Mỗi ác cảm này không dẫn đến khả quan trong các cuộc hành quân hỗn hợp. Nhưng ly cách Hmong có nghĩa tạo ra một quân đội hoàn toàn độc lập, một thực thể chính trị lẫn quân sự CIA phải chịu trách nhiệm một mình và tách rời nó khỏi chính quyền hợp pháp quốc gia. Đối với thế giới, tình trạng độc lập này sẽ nâng đỡ cảm tưởng rằng quân đội Hmong là lực lượng đánh thuê, chiến đấu không phải vì ái quốc mà chỉ vì bổng lộc. Dù điều này đúng một phần nào, nó cũng đúng rằng Hmong trả một giá quá đắt cho món nợ quân sự.

Phẩm chất chính yếu làm nổi bật du kích Hmong vượt trội lực lượng hoàng gia Lào là tính hiếu chiến. Nếu địch thủ hèn nhát như binh sĩ chính phủ Lào thì đó là một ưu điểm không lồ cho Hmong nhưng binh sĩ Bắc Việt cũng thiện chiến và có phần kỷ luật hơn Hmong. Nói chung là kỳ phùng địch thủ.

Trong khi có nhiều trường hợp Hmong phô bày dũng cảm trong chiến đấu hơn Việt Nam, nó chỉ ảnh hưởng đến kết quả riêng biệt của trận chiến, không phải toàn thể cuộc chiến. Chỉ có những cuộc chiến cổ điển trong lịch sử mà thắng bại trong một trận chiến chủ yếu với hai bên đụng độ trực tiếp với toàn lực quyết định thắng bại tối hậu của cuộc chiến. Chiến tranh Lào thì khác hẳn. Nó là cuộc chiến hiện đại, không phải chỉ trên bình diện kỹ thuật quân sự tối tân mà còn hiện đại ở chỗ nó là cuộc chiến ủy thác giữa

hai thế lực Sô Viết và Mỹ.

Trong sự tương tranh giữa Mỹ và Sô Viết, không bên nào dám trực diện nhau trên chiến trường, càng không dám dùng vũ khí hạch nhân. Chỉ một lần năm 1962, trong khủng hoảng hỏa tiễn ở Cu Ba, Mỹ và Sô Viết suýt vi phạm nguyên tắc này vì cả hai đều liều lĩnh một cách rồ dại. Để tránh tình trạng đó tái diễn, xung đột giữa 2 siêu cường quốc phải có trái độn bởi những quốc gia uỷ nhiệm. Lý tưởng nhất là 2 quốc gia uỷ nhiệm; kém lý tưởng hơn, giữa một siêu cường và một uỷ nhiệm quốc. Học thuyết chiến tranh hạn chế, đề xướng năm 1950 bởi các lý thuyết gia quân sự (hầu hết là các khoa học gia vật lý) ít hoặc không có kinh nghiệm, trở nên chính thống đầu thập niên 1960, buộc quân đội hiệu chính lại cầm nang phục vụ chiến trường nhằm loại trừ chiến thắng là mục tiêu chiến tranh. Trái tim của học thuyết chiến tranh hạn chế là ý tưởng tiệm tiến chủ nghĩa. Trong cuộc xung đột uỷ nhiệm, mức gia tăng cường độ chiến tranh (gọi là leo thang) phải phát triển từ từ cho địch thủ có thời gian tái thẩm định quyết tâm và cơ hội đàm phán một giải pháp kết thúc chiến tranh.

Có 2 vấn đề với tiệm tiến chủ nghĩa. Đầu tiên, nó gây hiểu lầm: thiếu ý chí chiến đấu và chiến thắng địch. Đây là nhận định của Bắc Việt về Mỹ trong cuộc chiến ở Lào và Việt Nam, thúc đẩy họ tiếp tục chiến đấu và bác bỏ mọi giải pháp ngoại giao. Bắc Việt tin rằng họ có thể thắng và chiến thắng của họ sẽ là một kiểu mẫu nhằm đánh bại quân đội Tây phương khắp thế giới thứ ba. Võ nguyên Giáp phát biểu:” Nếu nó chứng tỏ có thể đánh bại cuộc chiến tranh đặc biệt thử nghiệm tại nam Việt bởi đế quốc Mỹ, nó có thể cũng bị đánh bại ở khắp nơi.”

Nạn giải thứ hai với tiệm tiến chủ nghĩa là nó bất kể thực tế chính trị. Các nhà lãnh đạo độc tài không phải tuyển cử, vì vậy khó khơi dậy mối bất mãn vì hoang phí tài nguyên cũng như từ quần chúng có con em tử trận. Những nhà lãnh đạo ở quốc gia dân chủ phải đối đầu với cử tri mỗi nhiệm kỳ.

Trung bình nếu cuộc chiến kéo dài quá 3 năm, những chất vấn gai góc được nêu lên. Tiếp tục chiến tranh có thể gây chống đối và rối loạn chính

trị. Đây là bài học của Pháp tại Việt Nam Cử tri Pháp đánh bại những quân đoàn viễn chinh chứ không phải Việt Minh. Chính khách Pháp đã chậm trí khôn để học thuộc lòng bài học này. Chỉ 4 năm sau Điện Biên Phủ, Pháp suýt bị rơi vào cuộc cách mạng trong cuộc chiến thuộc địa khác, lần này ở Algeria. Nó dẫn đến cuộc đảo chánh đưa Charles de Gaule nắm quyền. Hà Nội hiểu vắn nạn này hơn những kẻ làm chính sách ở Washington. Tin rằng Bắc Việt chỉ là một quốc gia nhược tiểu, lạc hậu và nghèo đói, tổng thống Johnson cam kết với cử tri rằng Mỹ đã được an bài để thắng cuộc chiến. “Bởi vì chúng ta chiến đấu cho những giá trị và nguyên tắc hơn là chiến đấu giành lãnh thổ hay thuộc địa, sự kiên trì và nghị lực của chúng ta vô tận.” Henry Kissingerđoan quyết với niềm tin “Chúng ta mạnh đến mức Hà Nội không thể đánh bại chúng ta về mặt quân sự.” Bắc Việt không cãi sự xác nhận này, họ chỉ coi như không thích đáng.

Mao Trạch Đông dạy rằng có 3 giai đoạn trong chiến tranh nhân dân. Giai đoạn đầu còn thiếu thôn, phiên cộng áp dụng chiến thuật du kích để tránh tiêu hao lực lượng bởi cường địch. Để phát triển khỏi giai đoạn này, phiên cộng phải động viên quần chúng ở thôn quê để có được tài nguyên và làm chủ một nguồn nhân lực lớn lao cho quân đội. Trong giai đoạn hai, phiên cộng phối hợp du kích chiến và quy ước chiến hạn chế. Giai đoạn baco sở tài nguyên phải bành trướng sâu xa hơn và quân sự phát triển thành một đạo quân quy ước hiện đại. Lúc đó phiên cộng mới ngang nhiên chiến đấu với kẻ địch một cách bình đẳng và đạt thắng lợi.

Binh pháp Mao thành công ở Trung Hoa, nơi người Tầu chiến đấu với người Tầu. Nhưng du kích Hồ Chí Minh đương đầu với quân đội ngoại quốc, không phải Việt Nam, một kích thước thêm vào Mao chưa hề đối phó. Hồ Chí Minh tin rằng kích thước đôi trọi này đã đánh bại Pháp và sẽ đánh bại Mỹ. Trao đổi với một nhà ngoại giao Ba Lan năm 1963, Hồ dự kiến Mỹ phải rút khỏi Việt Nam vì mệt mỏi, ngã lòng, biết rằng họ sẽ không đạt được mục tiêu mà người Pháp đã theo đuổi và thất bại, sẽ dẫn đến một tình thức mới, cảm xúc mới.” Giáp phát biểu đơn giản :” Dân chủ

không sở đắc phương tiện chính trị và tâm lý trong trường kỳ kháng chiến.” Chiến lược Hồ là khai thác nhược điểm này bằng những chiến thuật cắt xén để khai thác “những mâu thuẫn trong hàng ngũ địch.” và nhân đó làm mạnh cảm xúc phản chiến ở Mỹ. Một chiến thuật được Việt Cộng áp dụng là bắn vào lính Mỹ ngoài bìa làng để Mỹ pháo kích. Nó gây căm thù trong dân làng và những tin tức về thương vong dân sự gợi phong trào phản chiến Mỹ. Sô Viết nhận thấy chiến lược Hồ đủ thuyết phục để giao phó cho KGB trách nhiệm cung cấp tin tình báo những lượng định tình hình chính trị ở Mỹ, giúp Bắc Việt uốn nắn chính sách quân sự đạt tối đa hiệu quả chính trị. Bằng chiến tranh chính trị, Bắc Việt không cần đánh bại Mỹ mặt quân sự. Bắc Việt chỉ phải chịu đựng bền bỉ. Cử tri Mỹ sẽ đảm đương mọi phần còn lại.

Nhược điểm chính trị Mỹ đặt Hmong vào thế bất lợi sinh tử. Thời gian và dân số ở về phía Cộng Sản. Nếu Bắc Việt chỉ tiếp tục ở Lào, người Mỹ sẽ rút và bỏ rơi Hmong. Năm 1969, Mỹ đã tỏ dấu bỏ cuộc. Nixon gọi là “hòa bình trong danh dự.” Đó là danh xưng dành cho quân chúng Mỹ. Mục đích giống như Pháp đã đạt được ở Algeria, “triệt thoái vì chính sách chứ không phải sụp đổ,” rút quân tùy nhịp độ và tùy thời điểm tự chọn như thể giảm thiểu cường độ chiến tranh chứ không phải quy hàng.

Ngay cả nếu như Mỹ không triệt binh, dân số Hmong cũng quá ít để kéo dài cuộc chiến lâu hơn Bắc Việt. Khoảng 300 ngàn Hmong ở Lào, so với 20 triệu bắc Việt. Quân đội Vang Pao chưa bao giờ quá 40 ngàn. Đầu thập niên 1970, số tử vong đã vét cạn thanh niên Hmong trong hạn tuổi nên một nửa quân số lực lượng du kích Vang Pao là người Thái Lan. Mặt khác, quân số Bắc Việt lên đến lên đến 250 ngàn người khoảng đầu thập niên 1960 và cuối thập niên, 500 ngàn binh sĩ. Đa số cán binh này được phân bổ khắp chiến trường miền Nam nhưng một quân số hơn 60 ngàn ở lại Lào, bổ sung, tăng cường với đầy đủ sức mạnh hơn một thập kỷ.

Các lãnh đạo Bắc Việt chấp nhận chiến đấu ở Lào thêm một thập niên nữa nếu cần thiết. Năm 1969, các chiến lược gia quân sự nghiên cứu dân số các

làng mạc khu Tây Bắc, giáp giới Lào, trải dài từ Mộc Châu cho đến biên giới Trung Cộng. Tính theo đầu người, họ ước tính có đủ em bé sơ sinh, trẻ con, thiếu niên bảo đảm cho nguồn nhân lực đủ bổ sung cho 10 ngàn tử vong chiến trường ở Lào mỗi năm suốt 14 năm nữa.

Pôn Pốt, lãnh tụ khát máu của Miên Cộng (Kampuchia), hoang tưởng mỗi binh sĩ Khmer đỏ có thể dễ dàng hạ sát 50 chiến binh Bắc Việt, do đó có thể đánh bại Việt nam trong một trận chiến toàn lực. Chỉ trong 2 tuần tháng Giêng năm 1979, một cuộc xâm lấn của Việt Nam tàn nhẫn đập tan ảo tưởng ấy. Vang Pao không hề thương thức ảo tưởng như vậy, nhưng ông hy vọng những chiến thắng mang tính quyết định sẽ làm cho Bắc Việt từ bỏ mộng xâm lấn Lào. Hà Nội không hề nghĩ như vậy. Khả năng chịu đựng tổn thất lớn lao trong một trận chiến quy mô là chiến lược then chốt của Cộng Sản. Giống như tại Việt Nam, cuộc chiến Lào là chiến tranh tiêu hao nhưng với một tương đối thiếu nhân số về phía Hmong. Vang Pao nhờ vào không lực Mỹ bù vào khiếm khuyết ấy. Nó chỉ trì hoãn cái thất bại không thể tránh. Năm 1969, Vang Pao trưng binh cả trẻ con Hmong để bổ sung các cấp trong hàng ngũ quân đội của ông.

Có một truyện cổ tích về cuộc chiến giữa bầy cào cào và bầy khỉ. Cào cào tràn ngập lãnh thổ bầy khỉ như một đám mây. bầy khỉ đuổi đánh bằng gậy, nhưng cào cào nhảy lên đầu bầy khỉ và trong lúc hăng máu, bầy khỉ đập đầu nhau cho đến chết. Khi còn lại một con khỉ cuối cùng, vì quá đói vì dùng sức trong trận đánh, nó bắt đầu ăn cào cào hàng ngàn con rồi đến hàng ngàn con nữa cho đến khi bể bụng chết.

Quá nhiều lính Bắc Việt cho Hmong tiêu hóa.

Khởi sự.

Sau khi bỏ Tha Vieng, Vang Pao dừng quân ở Pha Khao, một làng núi mép Nam Cánh Đồng Chum nơi có một phi đạo thô sơ, có thể đón nhận vũ khí và tiếp phẩm. Lair đã để lại một đơn vị Không Cảnh Thái Lan cho Vang

Pao. Trưởng toán Không Cảnh liên lạc vô tuyến với Lair cho biết vị trí mới của họ và xin thêm vũ khí, đạn dược. Vũ khí và thêm một Không Cảnh khác giúp việc huấn luyện.

Hàng nhiều năm Không Cảnh dùng một khóa học 3 ngày huấn luyện các binh sĩ thiếu số. Khóa học tuy ngắn nhưng hiệu quả. Người Thái Lan vẫn dùng hệ thống huấn luyện này cho người Hmong ở Pha Khao. Ngày đầu tiên học về sử dụng súng trường carbine M-1. Ngày thứ nhì cách sử dụng súng cối, bazookas và súng máy. Ngày cuối cùng thực tập phục kích.

Một phần của huấn luyện phục kích là giảng giầy gài lựu đạn. Binh sĩ mãn khóa đầu tiên thực tập giảng lựu đạn bầy chung quanh căn cứ theo lệnh

Vang Pao. Ngày hôm sau, một toán tuần tiểu Pathet Lào mò vào khu vực và vương lựu đạn. Khóa sinh Hmong dùng vũ khí mới đuổi bắt Cộng Sản giữa lẩn đạn. Dịch bỏ chạy, bỏ lại vài người chết và bị thương. Lair có mặt chứng kiến cuộc phục kích. Có vẻ như chiến dịch Động Lượng có kết quả.

Địch quân đã biết vị trí của mình, Vang Pao dời bộ chỉ huy lên hướng Bắc cách Pha Khao vài ngọn núi, đến một chỗ gọi là Pa Dong. Làng Pa Dong một thời là địa điểm thu mua thuốc phiện của ban thu mua nha phiến Pháp.

Người Pháp đã xây cất một phi trường nhỏ để phi cơ có thể vận chuyển thuốc phiện đến nhà kho ở Sài Gòn. Phi trường vẫn còn đó nhưng cây cối đã mọc lấp. Vang Pao huy động dân làng, hầu hết đàn bà, trẻ con sửa sang lại phi đạo. Trong vòng vài ngày, máy bay CIA bắt đầu thả dù vũ khí :

carbines thời Đế Nhị Thế Chiến, Garands M-1, trung liên BAR (Browning Automatic Rifles), súng cối và hỏa tiễn cá nhân (bazookas)- đủ trang bị cho 2 đại đội. Không Cảnh Thái Lan chia 200 binh sĩ Hmong thành 2 đại đội, cấp tốc huấn luyện 3 ngày và trao 2 đại đội này cho Vang Pao. Liên tức thì ông tung quân về hướng Nam thành phố Xiêng Khoảng để xem họ có thể làm được gì. Chỉ vài ngày, họ phục kích một đoàn quân Pathet Lào, hạ sát 15 mạng.

Phần khởi, Vang Pao muốn có thêm nhiều đơn vị. Yang Youa Tong và Thao Sao Chia đã bắt đầu tổng động viên, dời hàng ngàn Hmong đến 7 yếu

điểm chiến lược định sẵn. Vang Pao liên lạc vô tuyến với Yang Youa Tong và Thao Sao Chia yêu cầu gọi tân binh đến Pa Dong thụ huấn quân sự.

Hàng trăm tình nguyện quân từ mọi khe núi đổ về căn cứ. Người tị nạn ở rải rác trên Cánh Đồng Chum cũng tụ tập nơi đây tránh chiến tranh. Lều và nhà lá mọc san sát để cung ứng cho cư dân ngày một đông đảo. Hai máy bay Dakota chở đầy vũ khí và tiếp liệu hạ cánh mỗi ngày để bỏ hàng. Như thế vẫn không đủ bắt kịp với làn sóng người tị nạn và tình nguyện quân ùn ùn kéo về. Tất cả đều mang theo gia đình.

Hai nhân viên CIA, Joe Hudachek và William Young đến phụ giúp Không Cảnh. Là huấn luyện viên bộ môn nhảy dù thời Đệ Nhị Thế Chiến, Hudachek đến đó giúp huấn luyện quân sự. Young đến đó vì khả năng ngôn ngữ. Thêm vào việc nói trôi chảy tiếng Lào, anh còn nói được vài thô ngữ nữa. Từ tháng Một cho đến tháng Hai, 2 nhân viên CIA và 5 người Thái Lan huấn luyện thêm 5 đại đội nữa.

Giữa tháng Ba, thêm 5 nhân viên CIA đến Pa Dong. Một người tên Anthony Alexander Poshepny, bí danh là “Tony Poe. Là cựu chiến binh thủy quân lục chiến, Poe đã đạt được nghiệp vụ chói sáng trong chức vụ nhân viên dã chiến. Năm 1957, Poe là 1 trong toán 5 người làm việc với phiến quân Sumatra lật đổ chế độ Sukarno ở Nam Dương. Sau khi âm mưu bại lộ, anh sang Tây Tạng tổ chức cho Đạt Lai Lạt Ma trốn thoát. Poe tiếp tục chọc giận các lãnh tụ Bắc Kinh bằng cách huấn luyện lực lượng xung kích Trung Hoa Quốc Gia xâm nhập Hoa Lục. Cùng với Poe còn có Tom Fosmire, Jack Shirley, Lloyd “Pat” Landry và Thomas Ahern. Fosmire từng làm việc với Poe ở Tây Tạng. Shirley là chuyên viên Không Cảnh, ở trong tổ chức Không Cảnh cũng lâu như Lair. Landry là một nhân viên dã chiến ở Âu Châu và Á Châu. Chỉ Ahern là người mới. Chán bàn giấy CIA ở Vientiane, anh vận động để được phục vụ dã chiến. Đây là công tác dã chiến đầu tiên của anh.

Cùng với 5 CIA là 4 toán Không Cảnh Thái Lan. Công việc tập thể của họ là tiếp xúc với Hmong ở 7 địa điểm chiến lược và thành lập 6 căn cứ huấn

luyện mới : 1 ở Ban Na, Bắc Pa Dong; 1 ở Phu Fa, mép tây Cánh Đồng Chum; 3 căn cứ khác, San Tiau, Tha Lin Noi, Muong Ngat ở mép Đông cánh đồng và 1 ở Houei Sa An, Bắc cánh đồng.

Cuối tháng Tư, chiến dịch “Động Lượng” đã võ trang tổng cộng 5000 Hmong và luân phiên thụ huấn chương trình huấn luyện 3 ngày. Đó là một phần nhỏ hơn lực lượng Vang Pao mơ ước muốn có nhưng với Bill Lair, nó đã tạm đủ vì ông muốn mọi sự phải kín đáo, không ai biết. Ông cảm thấy quá nhiều người Mỹ nơi tiền tuyến. Người Mỹ lười cuốn chú ý, nhất là bọn Bắc Việt. Lair muốn mọi sự giao phó cho Không Cảnh Thái Lan.

Lair quên tiền liệu việc tranh chấp hành chánh giữa CIA và quân đội, khó tránh khỏi khi chương trình phát triển. Quân đội Mỹ, đầu tiên tổ chức Phòng Thẩm Định Viện Trợ (PEO), sau đổi thành MAAG/Laos (Military Assistance Advisor's Group/Laos – Nhóm Cố Vấn Quân Sự Lào), muốn các toán White Star huấn luyện Hmong. Một số ngân khoản lớn dành cho giai đoạn đầu của chiến dịch Động Lượng lấy từ ngân sách quân đội Mỹ, tạo điều kiện cho bộ Quốc Phòng ép CIA phải nhượng bộ. Tuy nhiên quyết định là do tổng thống. Tai họa vịnh Con Heo do CIA tổ chức vẫn còn âm ỉ trên mặt báo. Kennedy trở nên thận trọng hơn với CIA và không muốn CIA hoàn toàn tổ chức lực lượng bán quân sự ở Lào. Ông muốn các toán White Star của quân đội tham gia như một đối trọng với CIA.

Toán White Star đầu tiên, do đại úy Bill Chance đến Pa Dong vào cuối tháng Tư. Bây giờ có rất nhiều da trắng trong căn cứ. Như Lair canh cánh lo ngại, Bắc Việt bắt đầu để ý đến Pa Dong.

Edgar Buell.

Hầu như mỗi ngày Vang Pao đáp máy bay trong một phi cơ loại Helio-Courier của Air America, một máy bay chế tạo đặc biệt cho việc cất cánh và hạ cánh bằng phi đạo ngắn (STOL, Short takeoffs and Landings), đến những làng xa xôi để trông coi tổ chức gọi là “những đại đội xung kích”- Những đơn vị cơ động cao có khả năng đánh mau rút lệ. Cuối tháng Năm,

84 đơn vị được thành lập và bố trí quanh Cánh Đồng Chum. Những đơn vị này hầu hết là trên danh sách. Ít người được huấn luyện quân sự hay vũ trang. Nhân viên CIA, Không Cảnh hay cố vấn White Star đến các nơi này để trông coi việc xây dựng phi trường để tiếp tế vũ khí, vật liệu quân sự. Mất gần 1 năm các đơn vị xung kích này mới có đủ vũ khí để tự vệ, chứ chưa đủ đảm đương những cuộc hành quân tấn công địch.

Dù vũ khí đến chậm nhưng thực phẩm, quần áo, thuốc men được thả đủ đều đặn. Mục đích không hẳn là nhân đạo. 80000 Hmong được huy động để yểm trợ, hay nhập ngũ trong quân đội du kích Vang Pao theo hiệu lệnh của Yang Youa Tong, Thao Sao Chia và sau này, LyFoung Touby. Họ trung thành với 3 người này chứ không phải với Vang Pao. Muốn chuyển sự trung thành đó cho mình, Vang Pao cần ban phát những nguồn lợi cụ thể. Bill Lair hiểu điều ấy và phát động một nỗ lực cứu trợ quy mô qua ngân quỹ của USAID (Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế) do Edgar Buell tổ chức, một tình nguyện viên lãnh 65 Mỹ kim 1 tháng do cơ quan thiện nguyện quốc tế IVS (International Voluntary Service), một tổ chức tư nhân, chu cấp.

Buell bắt đầu chuyển công tác cho IVS ở Lat Houang, 1 thị trấn 1000 người phía Đông Bắc Cánh Đồng Chum. Buell là nông dân da đỏ, không khỏe, chân vòng kiềng và lùn tịt bằng người Hmong. Ông bỏ nghề nông lúc chưa đến ngũ tuần sau cái chết của vợ. Phiền muộn triền miên vì tình cảnh góa bụa, Buell nghe lời khuyên bác sĩ, tìm một công việc tình nguyện nào đó khuây khỏa. Viên bác sĩ nghĩ đến những công việc xã hội tại địa phương chứ không phải công tác cứu trợ ở chốn xa xôi hàng vạn dặm như Lào. IVS thuyết phục ông rằng ông có thể làm những việc hữu ích ở cao nguyên Lào, nơi những nông dân nghèo đói, quần quật với mảnh đất bằng những nông cụ thời thạch khí.

Thoạt tiên, công việc của Buell với IVS là giảng dạy kỹ thuật canh nông hiện đại cho Hmong. Nông trại hiện đại do USAID tài trợ đã hoạt động ở Lat Houang. Nông trại có 2 máy cày, máy trồng bắp và máy gặt bắp. Đất

nơi ấy đã cạn kiệt màu mỡ vì đã canh tác nhiều năm không chăm bón và do đó, bị bỏ phế từ lâu. Dù thế IVS vẫn trồng bắp, nhìn cây mọc cao đến đầu gối, còi cọc lần hồi rồi chết rụi.

Buell không chống đối kỹ thuật nông nghiệp hiện đại nhưng phải được ứng dụng một cách hợp lý. Nông trại ở Lat Houang không chỉ phí thì giờ, nó còn gieo ấn tượng kỹ thuật tân tiến thật là vô tích sự. Buell tránh vắng phòng IVS và bỏ hết thời gian ra ruộng với nông dân, xem họ làm việc và học ngôn ngữ của họ. Ông chỉ dẫn thợ rèn trong làng cách rèn lưỡi cày gắn vào cái cây bằng gỗ, một cái cách thực dụng khiến mọi người kính trọng. Ông có một xe ủi đất của USAID cấp, ông mượn 1 toán Hmong xây đập bằng đất, dẫn thủy nhập điền và sau này làm 1 con đường dài 20 dặm cũng bằng cái xe ủi ấy. Nhắc lại, ông chỉ lãnh 65 Mỹ kim 1 tháng, vừa đủ ăn uống nhưng không đủ may mặc.

Trong lúc làm đường, Kong Lê chiếm chính quyền và Mỹ cắt viện trợ cho Lào khiến Buell không có tiền trả cho công nhân làm đường lộ. Buell dùng tiền để dành trả lương cho họ và vẫn tiếp tục làm đường. Nhưng khi chiến cuộc lan tràn khắp Cánh Đồng Chum, Buell bỏ việc làm đường, xoay sang cứu trợ nạn nhân chiến tranh. Làm việc với người tị nạn khiến ông tiếp xúc gần gũi hơn với USAID. Buell biết cơ quan này đầy những nhân viên CIA và nó làm ông khó chịu, nhưng vì tiền của CIA hầu như vô tận và dường như họ muốn cho không dân Hmong. Cảm ơn lòng tốt CIA.

Cuối tháng Một năm 1961, Buell ở Vientiane với các tình nguyện viên IVS khác hoạch định chương trình cứu trợ đặc biệt cho nạn nhân chiến tranh do USAID tài trợ. Cuộc cứu trợ dành cho Hmong của Vang Pao cho nên Buell mới được triệu hồi về Vientiane để hội ý. Vài tháng trước, trong một cuộc họp với 1 người trong nhóm Vang Pao, Buell được biết kế hoạch di dân gồm khoảng 200 làng và được xem bản đồ những địa điểm định cư mới. Buell là người Mỹ duy nhất biết các nơi chốn ấy.

Trong vòng 3 tháng, mỗi ngày Buell và các tình nguyện viên khác chất những bao gạo (96 cân Anh 1 bao), quần áo, thuốc men từ nhà kho ở

Vientaine lên phi cơ C-47 rồi theo phi cơ đến các nơi khắp Cánh Đồng Chum. Khi họ bay qua một khu tạm dừng lều của Hmong, Buell buộc giây an toàn vào bụng, đập những món hàng USAID rơi xuống đám người Hmong vẫy gọi bên dưới.

Chuyến bay đầy nguy hiểm. Chỗ dừng lều tạm của Hmong thường khuất trong những đỉnh núi cao, một chút bất cẩn là máy bay va vào núi. Máy bay còn bị xạ kích bởi những lực lượng bên dưới. Một phi vụ, Buell đếm 27 lỗ đạn trên 2 cánh máy bay. Mùa mưa thì nguy hiểm hơn. Bay trong điều kiện tầm nhìn xa là zero, va vào núi là một đe dọa thường xuyên. 23 nhân viên cứu trợ chết vì tai nạn máy bay va vào núi.

Vài ngày trong công tác, Buell phát hiện 1 nhóm Hmong đi về hướng Nam, không đi về những chỗ Vang Pao chỉ định. Họ mới chính là những người tị nạn chiến tranh thực sự, không bị Vang Pao cũng như ai xúi giục, và họ đông đến 50000 người. Buell nghe đồn về tin ngừng bắn. Ông hy vọng tin này thành sự thực. Nếu chiến tranh chấm dứt, dù chỉ tạm chấm dứt, ông vẫn còn cơ hội đổ hàng cứu trợ xuống đoàn người khốn khổ, không nhà cửa, không thực phẩm đang chết dần mòn vì đói khát hay bị Cộng Sản tàn sát.



Kong Le



Edgar Buell

Cánh Đồng Chum - Thiên Hùng Ca Hmong

Chương 10

Trong lúc tìm một giải pháp chính trị.

Trong vài tuần lễ đầu nhậm chức tổng thống, phúc trình về những chiến thắng của Cộng Sản ở Lào đến bàn giấy Kennedy mỗi ngày. Trót tuyên bố trong bài diễn văn nhậm chức :”trả bất cứ giá nào, gánh bất cứ gánh nặng nào ...để bảo đảm sự tồn tại và thành công của tự do,” ông phân vân không biết có nên gửi quân sang Lào không. Ông hội ý với bộ Tổng Tham Mưu để tìm phương cách giải quyết.

Các tướng lãnh không nói với Kennedy điều ông muốn nghe. Biện pháp quân sự chỉ được sử dụng nếu tổng thống muốn một cuộc chiến tranh quyết liệt và toàn diện ở Á Châu. Bắc Việt sẽ tham chiến, và Trung Cộng. Nó sẽ là một chiến tranh lớn lên đến một phần tư triệu binh sĩ Mỹ - mọi thứ đều lớn như cuộc chiến tranh Đại Hàn. Kennedy hỏi chúng ta có đủ quân số nếu Trung Cộng tham chiến. Kế hoạch điều binh duy nhất các tướng lãnh có thể dùng đối phó với Trung Cộng là vũ khí nguyên tử.

Trong khi Kennedy không chùn lại với ý tưởng một cuộc chiến lớn ở Đông Nam Á, Lào có vẻ không phải là điểm khởi chiến. Quốc gia này không ổn định về mặt chính trị và không hiệu quả về mặt quân sự. Nằm sâu trong đất liền, quốc gia này không có biển khiến việc tiếp tế quân sự rất khó khăn – Giống như nhận xét của Eisenhower bác bỏ việc gửi quân sang Lào trước đây. Với Kennedy, Việt Nam là nơi khởi đầu hợp lý hơn nếu phải khởi đầu

một cuộc chiến.

Những nhận xét này củng cố sự hấp dẫn của 1 giải pháp chính trị ở Lào: thiết lập 1 chính phủ liên hiệp gồm Pathet Lào, Trung Lập cũng như hữu khuynh thân Mỹ. Vấn đề là kêu gọi Pathet Lào và Trung Lập ngưng chiến, ngồi vào bàn đàm phán. Vì trên đà chiến thắng dồn dập, họ không muốn ngưng chiến. Kế hoạch Kennedy là để thuyết phục Cộng Sản, đặc biệt là người Nga, rằng Mỹ muốn đem quân sang Lào ngăn cản sự chiến thắng của Cộng Sản, dùng thâu cày (hù dọa) buộc họ ngồi vào bàn đàm phán. Phản ứng của Sô Viết rất quan trọng vì sự thiết tưởng (sai) rằng Sô Viết hoàn toàn khống chế các phong trào Cộng Sản Trung Cộng, Lào và Việt Nam. Cũng thế, vì Sô Viết vũ trang cho Trung Lập và Pathet Lào bằng kho vũ khí ở Kiev và Minsk, cả 2 nhóm này lệ thuộc vào ý muốn Sô Viết. Nếu Sô Viết ngưng không vận vào cánh đồng, cả 2 quân đội này sẽ ngưng hoạt động.

Đầu tháng Ba năm 1961, Kennedy bắt đầu thâu cày bằng một lá thư gửi cho Khrushchev tuyên bố quyết tâm bảo vệ Lào, ngay cả nếu phải đổ bộ quân lên đất Lào. Theo sau lá thư là cuộc phô trương sức mạnh quân sự. Trong khi Đệ Thất Hạm Đội vào vịnh Thái Lan, 500 binh sĩ Mỹ xuống phi trường Udorn ở Thái Lan, cùng với một phi đội trực thăng tạo ấn tượng binh sĩ sẽ được sử dụng như lực lượng cơ động trực thăng vận trên chiến trường Lào. Để tô đậm hình ảnh này, tiếp liệu quân sự được dự trữ trong những căn cứ ở Thái Lan, gần biên giới Lào.

Một hành động cuối cùng được thực thi nhằm thuyết phục Sô Viết về quyết tâm Mỹ. Kennedy ra lệnh một chiến dịch đặc biệt phát động cùng một lúc với cuộc đổ bộ Cu Ba vào trung tuần tháng Tư. Một khi cuộc đổ bộ Cu Ba tiến hành, một phi đoàn oanh tạc cơ B-26 cất cánh từ căn cứ không quân Tahkli ở Thái Lan sẽ dội bom Cánh Đồng Chum và các vị trí Pathet Lào khác trong thung lũng Ban Ban. Các đơn vị Hmong, cùng với 300 binh sĩ thủy quân lục chiến không vận từ Xung Thăng (Okinawa) sẽ tấn công các

lực lượng Cộng Sản khắp nơi trên cánh đồng.

B-26 không hề cất cánh và thủy quân lục chiến không hề đổ bộ. Khi cuộc tấn công Cu Ba thất bại, Kennedy đành chỉ chiến dịch phía Lào. Nhưng vẫn có mẩu hạm ngoài khơi Thái Lan, 500 binh sĩ trên đất Thái Lan, phi đoàn trực thăng và chiến cụ dự trữ gần biên giới Lào – đủ để thuyết phục Sô Viết rằng người Mỹ không chỉ nói suông. Kennedy lên đài truyền hình, với bản đồ, đồ thị và lập luận “tự do của Lào là tự do của Mỹ,” và một đe dọa Lào là một đe dọa cho an ninh quốc gia Mỹ.

Người Nga mắc lừa bởi màn kịch của Kennedy và thúc đẩy một giải pháp điều đình. Bắc Việt chống đối ý tưởng này. Phoumi Nosavan cũng thế vì nhận ra rằng một chính phủ liên hiệp sẽ chấm dứt tham vọng độc tài quân phiệt hữu khuynh của ông. Người Nga không đếm xỉa Hà Nội, tuyệt phục Trung Lập và Pathet Lào bước vào bàn hội nghị. Noi theo Nga, Hoa Thịnh Đốn gạt Phoumi ra rìa và tạo áp lực lên thủ tướng Boun Oum bắt đầu tiến trình tạo dựng một chính phủ liên hiệp.

Một cuộc hưu chiến bắt đầu ngày 3 tháng Năm năm 1961. Hai tuần lễ sau, cuộc đàm phán bắt đầu ở Geneva, gồm đại biểu 14 quốc gia, trong đó có Mỹ, Nga, Trung Cộng, Bắc Việt và đại biểu phe Khuynh Hữu, Trung Lập và Pathet Lào. Để làm mạnh uy thế đàm phán, Kennedy ra lệnh điều 5000 binh sĩ sang Thái Lan.

Tại hội nghị Geneva, Sô Viết có vẻ cũng nhiệt tâm như Mỹ trong việc lập một chính phủ liên hiệp. Nhưng Trung Cộng theo sau Bắc Việt cố tình trì hoãn. Rõ ràng có sự bất đồng sâu sắc giữa Trung Cộng và Sô Viết. Trong khi Khrushchev muốn cải thiện ngoại giao với Mỹ và Tây Phương, Mao Trạch Đông vẫn khẳng khái cổ võ cho cuộc chiến đấu vô tận chống chủ nghĩa tư bản khắp Thế Giới Thứ Ba. Trung Cộng ngoan cố trong vấn đề này và dùng các hội nghị Cộng Sản quốc tế làm diễn đàn đả kích Khrushchev. Để trả đũa, Sô Viết cắt đứt mọi viện trợ quân sự và kinh tế cho Trung Cộng.

Căng thẳng giữa 2 nước Cộng Sản đầu sỏ có thể thấy rõ ở hội nghị Geneva.

Sau một phiên họp nhằm chán không kết quả, đại biểu Sô Viết, Andrei Gromyko nhận xét một cách châm biếm rằng :” Người ta không thể ngồi vô hạn bên bờ hồ Geneva đếm thiên nga.” Kiểm tra sổ thiên nga hồ Geneva cũng chẳng sao đối với Trung Cộng. Đại biểu của họ đã ký mượn dài hạn 1 biệt thự, tỏ dấu từ lúc đầu rằng họ định kéo dài đàm phán càng lâu càng tốt, đủ thời gian cho Pathet Lào, Trung Lập và Bắc Việt vận động những cuộc hành quân tấn chiếm các vị trí chiến lược để nắm ưu thế đàm phán.

Padong bị vây hãm.

Trong khi đàm phán kéo dài ở Geneva, Cộng Sản chuyển quân đến Padong, đe dọa tiêu diệt quân đội Hmong đang thời kỳ sơ sinh của Vang Pao. Mục tiêu không phải là làm tăng uy thế trên bàn hội nghị tại Geneva, nhưng là để loại trừ một kinh địch duy nhất có thể đe dọa lực lượng Pathet Lào và Bắc Việt. Suy luận này dựa vào một trận đánh, cuộc bao vây Muong Ngat. Trước khi có cuộc ngừng bắn chuẩn bị hội nghị, Bắc Việt đã đánh một trận thăm dò sức mạnh của các căn cứ “Động Lượng” với cuộc tấn công vào San Tiau. 300 Hmong đồn trú tại đây, cùng với 1 toán Không Cảnh và 2 nhân viên CIA, Shirley và Ahern. Họ cố thủ được 3 ngày. Sắp sửa bị tràn ngập, Shirley ra lệnh bỏ trại. Hmong biến vào trong núi. Phi công Air America không vận người Thái Lan và người Mỹ bằng trực thăng. Mục tiêu tiếp theo của Bắc Việt là một căn cứ “Động Lượng” ở Muong Ngat, phòng thủ bởi 1 đại đội Hmong, 6 Không Cảnh Thái Lan và một số người Khmu. Tất cả chui rúc trong một trại binh đồ nát người Pháp bỏ lại trước đây. Người Pháp dựng đồn này trên một đỉnh cao để theo dõi lưu thông từ biên giới đến đường 4. Đến nay nó vẫn là một cứ điểm chiến lược và Bắc Việt muốn chiếm nó.

Chỉ huy trưởng Muong Ngat là Ly Ndjouava, 2 năm trước tình nguyện xung phong vào đèo Gà Gáy cùng với Vang Pao truy đuổi tiểu đoàn 2 Pathet Lào của Niem Chan, bắn hạ đặc công Bắc Việt. Nhớ hành động anh dũng của Ly Ndjouava, Vang Pao giao cho anh ta chỉ huy đại đội phòng

thủ Muong Ngat.

Khi Bắc Việt tấn công Muong Ngat, Ndjouava đã cảnh bị. Hai tuần trước, Vang Pao đã liên lạc vô tuyến với Ndjouava thông báo 1 tiểu đoàn Bắc Việt phối hợp với vài đại đội Pathet Lào, đang tiến quân trực chỉ Muong Ngat. Vang Pao chỉ thị Ndjouava mộ thêm quân ở các làng trên núi và đồng thời đánh quấy nhiễu làm chậm bước tiến địch. Trang bị với carbine thời Đệ Nhị Thế Chiến, tinh nguyện quân Hmong gồm vài trăm Hmong phục kích Cộng Sản nhiều lần, đủ thì giờ trì hoãn 1 tuần cho Ndjouava chuẩn bị hầm hố phòng thủ trên núi. Toán Không Cảnh chỉ Hmong cách dùng súng máy bắn giăng lưới và gài mìn chống tấn công.

Cộng Sản tấn công Muong Ngat ngày 12 tháng Năm năm 1961, với 1 lực lượng gồm 900 Bắc Việt và 400 Pathet Lào, tỷ số chênh lệch là 15 chọi 1. Cộc tấn công bắt đầu bằng súng cối và đại bác không giật. Trong vòng vài giờ, Cộng quân bao vây hoàn toàn căn cứ. Sáng hôm sau, hàng đợt sóng Bắc Việt leo lên núi. Quân phòng thủ đón ngã từng đợt bằng súng máy và mìn chống biển người tạo những lỗ hổng trong các đội hình tấn công. Xạ thủ Hmong hạ các sĩ quan Bắc Việt từng người. Họ rất dễ nhận, đứng thẳng trên mặt phẳng dưới chân núi, với một binh sĩ đeo máy truyền tin bên cạnh, quan sát chiến trường bằng ống nhòm.

Bắc Việt tấn công cho đến chiều, xác chết binh sĩ chất chồng xung quanh. Quân phòng thủ đã chuẩn bị cho điều tệ nhất. Những ngày Cộng Sản chưa đến, họ đào sâu vào trong núi một đường hầm dẫn đến một con suối. Khi Bắc Việt và Pathet Lào chọc thủng được tuyến phòng ngự, Hmong bắn xả đạn (không cần ngắm) và đánh cận chiến. Chỉ 23 người sống sót chui xuống hầm, để lại xác 60 đồng đội.

Hmong trên các đỉnh đồi kế cận theo dõi trận chiến từ đầu đến cuối, tường thuật cho Vang Pao. Họ mô tả xác địch quân la liệt khắp bãi chiến trường và 23 đồng đội sống sót của họ được dân làng dẫn vào núi trốn thoát. Ly Ndjouava trong số kẻ sống sót. Vang Pao định thăng thưởng cho Ndjouava nhưng trước tiên phải đưa anh đến nơi an toàn đã. Vang Pao liên lạc vô

tuyển với anh và cho vị trí nhận thả dù tiếp tế. Gần 1 tháng, Ndjouava len lỏi 80 dặm núi rừng, trốn tránh lòng sục của Cộng Sản mới đến được Pa Dong. Anh đến nơi để chứng kiến Pa Dong rơi vào tay giặc.

Theo một lời kể, tin thất thủ Muong Ngat rung động tinh thần binh sĩ Muong Ngat. Thực tế, Vang Pao hài lòng với kết quả. Chỉ 1 đại đội Hmong loại khỏi vòng chiến 20 sĩ quan Bắc Việt, trong đó có 1 đại tá, sát thương 300 quân địch. Cuộc tử thủ Muong Ngat khẳng định sự huấn luyện và trang bị chu đáo có thể chống chọi, đánh bại quân địch thiện chiến. Theo lời Vang Pao :” Bắc Việt đã biết năng lực của chúng ta, có thể gây tổn thất nặng nề cho họ trong chiến đấu.”

Trận chiến Muong Ngat gây kinh hoàng cho Cộng Sản. Họ thường chiến thắng quân lực hoàng gia Lào vì thiên hướng bỏ chạy tán loạn ở mọi cuộc chạm súng. Hmong chiến đấu gần như đến người cuối cùng. Theo báo cáo Bắc Việt và pathet Lào, họ thiệt hại gần 1000 thương vong trong những tháng đầu năm 1961, hầu hết dưới tay lực lượng Hmong của Vang Pao khiến việc trừ khử Hmong ở Pa Dong là việc buộc phải thi hành trước khi quân đội Hmong ở Pa Dong có dịp lớn mạnh.

Những tuần đầu tháng Năm, 1961, Bắc Việt đào các bãi đặt trọng pháo trên triền dốc trong tầm bắn vào căn cứ Pa Dong. Trái đạn đầu tiên rơi vào căn cứ ngày 15 tháng Năm. 11 ngày sau, Pa Dong rơi trong mưa pháo. Sau 2 ngày tạm ngớt, thêm 400 trái đạn trọng pháo rót vào căn cứ. Cộng Sản cũng bắn hạ 1 trực thăng gây tử thương 2 phi hành đoàn và 1 cố vấn quân sự MAAG.

Người Mỹ ở Pa Dong không muốn tin địch quân là bọn Bắc Việt. Vang Pao tung quân thám báo tìm bằng chứng. Một đơn vị mang về một xương tai người. Vang Pao cắt nghĩa cho toán White Star (có 2 lực lượng yểm trợ Hmong : lực lượng CIA và Không Cảnh Thái Lan của họ, lực lượng thứ 2 là nhóm White Star gồm biệt kích trực thuộc quân đội. Xin ghi nhớ điều này.) rằng trái tai người Việt nhọn hơn Pathet Lào. Bill Chance, trưởng toán White Star vẫn không tin vì sự phân biệt hình dạng tai không có cơ sở

khoa học.

Cuộc tấn công Pa Dong tăng cường độ vào đầu tháng Sáu năm 1961, dẫn đầu bởi trung đoàn biệt lập 148 Bắc Việt. Lúc 10 giờ sáng, 1200 binh sĩ Cộng Sản bám vào được một điểm tựa trong thung lũng nhìn lên căn cứ Pa Dong trên đỉnh núi. Họ di chuyển súng cối lên sườn đồi bắn vào tuyến phòng thủ vòng ngoài của quân phòng thủ, buộc Hmong phải thối lui. Lúc này đang trong mùa mưa nên quân tấn công tiến quân rất khó khăn. Suốt 1 tuần, sương mù bao phủ Pa Dong. Vẫn có những cơn mưa tầm tã nhưng sương mù ẩm ướt không thôi cũng đủ biến chiến trường thành những triền dốc lầy lội và trơn trượt. Trong khi quân Bắc Việt leo dốc thì Vang Pao tái bố trí súng máy và súng cối. Toán White Star giúp Hmong điều chỉnh tầm bắn. Những đạn cối và súng máy làm chậm thêm bước tiến quân địch.

Hai ngàn gia đình binh sĩ Hmong ở Pa Dong sống trong những lều do CIA và cố vấn Mỹ cung cấp. Quan tâm chính của Vang Pao là cản trở Bắc Việt đủ cho trẻ em và phụ nữ di tản về phía bên kia mũi tấn công, đi đến chỗ an toàn. Trong khi binh sĩ Hmong cố thủ, gia đình của họ bỏ lều xuống núi. Chiều xuống, Cộng quân mang được súng cối vào tầm bắn. Chúng bắn tan nát những mái lều mà ngỡ rằng đã tiêu diệt thành công “dân của địch.”

Edgar Buell, nhân viên cứu trợ tị nạn USAID, đến Pa Dong vào buổi sáng, trước khi trận đánh khởi sự. Ông đến từ Ban Na, 1 làng núi Tây Bắc Pa Dong, nơi trung tâm tị nạn đầu tiên và chính thức của dân Hmong trong chiến tranh. Buell thấy Ban Na từ trực thăng trong một chuyến bay tìm người tị nạn trong rừng. Ông phát hiện 5000 người Hmong chen chúc trên chóp một đỉnh núi. Ông xuống trực thăng tìm hiểu họ cần những gì. Họ hết thực phẩm đã 3 tuần. Trẻ em mặt hóp lại vì đói ngồi dờ dẩn trong bùn, những vết nứt trên mặt đã đóng những vảy mủ khô. Buell thấy 1 em bé tí hon gần như xác khô vì đói, cố sức tằn búa vào đôi vú lép của người mẹ. Nhiều trẻ sơ sinh khác đã chết.

Hai lần Buell nghe tiếng súng báo hiệu người chết khi đang quan sát người

tị nạn. Súng báo hiệu là 3 phát bắn chỉ thiên bằng súng hỏa mai. Ông gọi USAID ở Vientiane và cả ngày hôm ấy, ông điều khiển việc tiếp vận gạo, muối, chăn mền, quần áo và thuốc men. Đối với vài người xấu số, cuộc cứu trợ quá trễ. Súng báo tử vẫn thỉnh thoảng nổ suốt đêm. Tiếp vận đồ xuống thêm sáng hôm sau. Mất 3 ngày, súng hỏa mai mới ngừng báo tử.

Khi Buell ngồi ở Pa Dong, ngồi lẫn lộn với người tị nạn bên sườn đồi, nép mình theo tiếng nổ trọng pháo bắn vào trại lều bỏ trống bên dưới, ông đột nhiên sợ, muốn quay lại Ban Na. Một cô gái Hmong 14 tuổi vịn vai ông ta. Cô mang một cây súng Garand M-1 Mỹ. Một dây đạn tự may lấy bắt chéo với những băng đạn trĩu nặng trên bờ vai gây guộc thả lỏng xuống hông. “Đừng sợ,” cô trấn an. “Tôi sẽ bảo vệ ông.” Cô chĩa họng súng về phía quân thù bắn một phát và quay nhìn ông cười. Buell cảm thấy hết sợ sệt. Vang Pao yêu cầu ông tập hợp phụ nữ, trẻ em chuẩn bị di tản. Cộng Sản không tha bất cứ ai còn sống.

Mưa bắt đầu nặng hạt lúc mặt trời lặn. Tiếng mưa rơi hòa lẫn tiếng trọng pháo ầm ỹ như tiếng nước lũ cuộn cuộn dưới nương trong cơn lụt. Vang Pao ra lệnh khởi hành. Đoàn người khốn khổ nối nhau một hàng dài, uốn khúc ngoằn ngoèo xuống chân núi, bám vào những dây leo cho khỏi ngã trên sinh lầy. Những em bé ướt đầm nước mưa, có em mới đẻ được vài ngày, được hôn hạnh nếm mùi giải phóng, ngọ nguậy trong cái địu trên lưng mẹ, bình thản bú ngón tay. Cộng Sản đã từng nắm chân những em bé này, quật đầu vào tảng đá. Họ đi 18 giờ trong mưa, tiếng súng ở Pa Dong mới lắng dịu khỏi tầm nghe.

Đoàn người đi thêm 1 ngày nữa trước khi đến Yat Mu, một ngọn núi đã chật ních người tị nạn. Họ là những người dân từ cuộc hành quân mở rộng địa bàn của Cộng quân từ Cánh Đồng Chum. Mục đích là mộ quân, cũng bách dân công, cướp thuốc phiện và lúa gạo Hmong. Nhiều làng trong khu vực đã đến Yat Mu trước đoàn người đến từ Pa Dong. Tổng cộng con số lên đến 9000 người, chen chúc nhau để tự an ủi, chia sẻ đồ ăn mang theo và dần dần chết vì đói. Khi Edgar Buell đến với đoàn người ở Pa Dong (đáng

phục con người này. Chắc chắn ông chia sẻ sống chết với họ không phải vì tiền lương 65 Mỹ kim 1 tháng của cơ quan thiện nguyện quốc tế IVS (International Voluntary Service) ông đi vòng quanh để tìm phương án cứu trợ. Ông vô cùng ngạc nhiên khi tìm thấy đã có những người thiện nguyện trên núi, dẫn đầu bởi Felix Romero, 1 bác sĩ trong chiến dịch Huynh Đệ, một cơ quan y tế tư nhân Phi Luật Tân. Nhóm của Romero chỉ là 1 phần của hàng trăm người Phi Luật Tân đến Lào bởi sự vận động của CIA, phần nhiều trong số họ là những cựu chuyên viên quân sự thời thập niên 1950 đánh tan phiên Cộng “Huk” trên đảo Negros và Panay, Phi Luật Tân. Một cách chính thức, những cựu binh sĩ Phi Luật Tân này là nhân viên dân chính của công ty xây dựng miền Đông, trụ sở ở Manila, thầu xây cất đường sá Lào. Công việc chính của họ là huấn luyện binh sĩ Lào và cùng chiến đấu với họ. Một số sau này sẽ chiến đấu chung với người Hmong. Romero thông báo Buell rằng dân của ông không có gì ăn đã nhiều ngày. Thời tiết xấu khiến Vientaine không thể thả dù tiếp tế. Thêm vào đó, Romero đang chiến đấu chống bệnh kiết lỵ đang lan tràn, và đang thua trận vì thiếu thuốc. Ông sợ rằng nếu tiếp tế không đến kịp, người tị nạn sẽ chết tập thể. Hàng trăm người đã chết khi Romero và Buell cầu nguyện cho thời tiết trở nên tốt hơn. Không muốn chờ chết, nhiều Hmong nuốt thuốc phiện tự tử. Một ngàn người khác vì quá đói và tuyệt vọng, bỏ trại đi lang thang vào rừng tìm chỗ khác, hy vọng có thực phẩm. Với điều kiện sức khỏe như thế, chắc chắn họ chết trong vòng vài ngày. Ngày thứ 11, lời cầu nguyện của Buell và bác sĩ Romero đã được đáp ứng. Trời quang đãng trở lại và máy bay vận tải từ Vientaine thả dù gạo, muối, chăn mền và thuốc men. Lúc này vang Pao đã lập bộ chỉ huy mới ở Pha Khao. Ông rời Pa Dong bằng trực thăng sau khi đoàn người tị nạn đã đi khỏi. Còn lại là vài trăm du kích Hmong, Không Cảnh Thái Lan, cố vấn White Star và nhân viên CIA Jack Shirley. Khi Cộng quân tiến đến gần, Không Cảnh Thái Lan và toán White Star cản hậu cho đồng đội mở đường máu. Sập tối, những người sống sót bỏ căn cứ. Không hổ danh những chiến sĩ du kích trời sinh,

Hmong lẫn vào trong núi. Trục thẳng chỉ việc bốc người Mỹ và Thái Lan bay đến Pha Khao, bộ chỉ huy của Vang Pao trong vòng 16 tháng tới.

Nóng lòng chiến đấu.

Sự thất thủ Pa Dong chỉ tăng cường quyết tâm của Vang Pao về nỗ lực tuyển mộ, võ trang, tình nguyện quân Hmong. Nhưng ngoại trừ binh sĩ ở Pha Khao, và ở 4 căn cứ “Động Lượng” còn lại, ít binh sĩ của ông được võ trang hay huấn luyện. Thèm muốn vũ khí, Hmong đi lùng sục khắp các hang cùng núi hẻm theo những lời đồn rằng vũ khí được thả dù ở chỗ nọ chỗ kia.

Sự kiện hàng ngàn Hmong muốn chiến đấu mà không có vũ khí và không được huấn luyện khiến Vang Pao phàn nàn với Tony Poe và Vinton Lawrence, 2 nhân viên CIA làm việc với ông, về người Mỹ chỉ tiếp tế thực phẩm mà không có vũ khí, đạn dược để họ có thể tự vệ. Buell, phụ trách tị nạn muốn gì cũng có mà ông chỉ muốn vũ khí mà không có. Lair bay đến Pha Khao khuyên Vang Pao nên hạn chế sự mong mỏi, bằng lòng với những gì mình đang có và tự túc tự cường. Lair biết đàm phán ở Geneva có thể đi đến quyết định bỏ rơi Lào hay ít nhất, ngưng yểm trợ Hmong. Lair muốn Vang Pao chuẩn bị cho khả năng phải chiến đấu một mình, không ai trợ giúp.

Lượng định của Lair chỉ nung nấu sự thèm khát vũ khí của Vang Pao. Nếu người Mỹ bỏ cuộc, ông cần dự trữ vũ khí. Yêu cầu võ trang của ông bị làm ngơ cho đến khi Cộng Sản nhiều lần vi phạm ngừng bắn và sự vận động không ngừng của giám đốc Phân Bộ Viễn Đông CIA, ông William Colby, hối thúc tổng thống Kennedy chuyển hướng chính sách. Tháng Tám năm 1961, Kennedy phê chuẩn kế hoạch phát triển quân đội Hmong lên 11000 người.

Lair gửi 5 toán Không Cảnh Thái Lan điều hành thêm 5 trại huấn luyện quanh Cánh Đồng Chum. Để thúc đẩy việc huấn luyện, Lair bắt đầu dùng huấn luyện viên Hmong. Sau một khóa huấn luyện đặc biệt ở bộ chỉ huy

Không Cảnh ở Hua Hin, một nhóm gồm 120 tân huấn luyện viên Hmong chia thành 10 toán công tác đặc biệt (SOT, Special Operations Teams) thay thế Không Cảnh ở các căn cứ “Động Lượng”, để các huấn luyện viên Thái Lan rảnh tay điều hành các trại mới. Trong vòng vài tháng, Lair thành lập thêm 12 toán công tác đặc biệt và các Không Cảnh khác đến từ Thái Lan, di chuyển đến Sầm Nứa để mở rộng hệ thống “Động Lượng” về phía Bắc. Ngay cả PEO, Cơ Quan Thẩm Định Viện Trợ cũng đóng góp vào công cuộc huấn luyện. Vài toán cổ vũ White Star ở Sam Thong ở mép Nam Cánh Đồng Chum bắt đầu xây dựng căn cứ tiếp vận lớn, đầy đủ với trung tâm truyền tin và kho dự trữ 73 phân phối tiếp liệu và vũ khí cho Hmong đang thụ huấn. Toán White Star cũng thiết lập căn cứ huấn luyện riêng để tăng cường nỗ lực Không Cảnh.

Nhiều Hmong hưởng ứng tòng quân trong chiến dịch “Động Lượng” nhưng Lair biết vẫn chưa đủ. Luôn bi quan về kết quả hội nghị Geneva, ông ta cảm thấy Vang Pao phải tạo thế thuận lợi nếu ông có sẵn một đơn vị tinh nhuệ trong tình trạng hiểm nghèo. Theo đề nghị của Lair, Vang Pao gọi 500 binh sĩ thiện chiến nhất đến Hua Hin thụ huấn bổ túc 1 tháng để thành lập đơn vị biệt kích đầu tiên SGU (Special Guerrilla Unit), một đơn vị cấp tiểu đoàn, nòng cốt của binh lực Hmong.

Vang Pao bây giờ nắm một lực lượng 7000 du kích vũ trang, huấn luyện đầy đủ. Tuy nhiên chỉ 1 phần của lực lượng này liệt vào hạng đáng nể : tiểu đoàn biệt kích SGU duy nhất và vài chục toán huấn luyện viên SOT chuyên về xung kích cảm tử. Tất cả binh sĩ còn lại đóng rải rác trên Cánh Đồng Chum, tổ chức thành những đại đội dân sự chiến đấu (ADC, Auto Défense de Choc) một danh xưng rôm rả gọi các lực lượng bán quân sự địa phương. Dân sự chiến đấu ADC có khả năng bảo vệ căn cứ nhưng thiếu tổ chức, huấn luyện cho những cuộc hành quân tấn công.

Quan điểm của Hoa Thịnh Đốn đây là tình trạng tốt vì sự tinh tế của cuộc hội nghị Geneva. Kennedy không muốn những lực lượng bán quân sự Hmong phát động tấn công tạo lý do cho Cộng Sản trì hoãn việc ký kết

hiệp định. Vang Pao được khuyến cáo hạn chế các hoạt động quân sự, chỉ còn các công tác tình báo, phòng thủ đơn vị và các trại tị nạn.. Để đảm bảo, Air America của CIA chỉ viện trợ nhỏ giọt cho quân đội Vang Pao. Vài cấp chỉ huy của Vang Pao trên chiến trường, nóng lòng chiến đấu, tìm cách trái lệnh, tự tìm địch mà đánh.

Yang Youa Pao chỉ huy 1 đại đội dân sự chiến đấu ở Tha Lin Noi, 1 trong 7 căn cứ nguyên thủy của “Động Lượng”. Dù vóc dáng thấp lùn,(4 feet 9 inches) Youa Pao là một dáng dấp đầy dọa nạt. To như một gốc cổ thụ và gương mặt luôn cau có, lúc nào ông cũng đeo xề xệ ngang hông khẩu súng lục bá bằng ngọc thạch. Ông thường rút súng mỗi khi ra lệnh, đôi khi bắn chớ của dân làng mỗi khi cần thị uy. Ông dữ tợn và gan dạ. Khi nói thuộc hạ ông đều răm rắp tuân lệnh.

Tháng Tư, Youa Pao được tin tình báo Cộng quân xuất hiện quanh vùng và xin phép xuất quân. Vang Pao ra lệnh Youa Pao án binh bất động.. Vài tuần sau nhận thêm những phúc trình hoạt động địch, Youa Pao lại xin phép Vang Pao mở cuộc hành quân. Lần nữa, ông lại được lệnh ém quân. Đến tháng Sáu, Youa Pao không chịu nổi nữa khi thấy địch quân nghênh ngang trong địa bàn của mình, ông dẫn đại đội xuất quân hướng Tây Bắc đến Phong Savan.

Thời Pháp thuộc, Phong Savan là trung tâm thương mại. Những con buôn nha phiến tụ họp nơi đây từ Bắc Lào để chuyển hàng về Vientaine hay Sài Gòn. Phi công chở hàng người Pháp la cà ở các quán rượu. Các con buôn mua sắm ở các cửa tiệm, quán ăn và các chợ lộ thiên ở thị trấn Phong Savan. Hmong ở Cánh Đồng Chum cũng tề tựu họp chợ, nhiều kẻ lợi bộ hàng mấy ngày đường, bán nông phẩm và mua sắm những hàng nhập cảnh Pháp như lược, nữ trang, nước hoa, vải vóc, kìm búa, radio và máy chụp hình. Thị trấn là một biểu tượng trù phú và thịnh vượng, một triển lãm hào nhoáng văn minh kỹ thuật Tây Phương. Giải phóng thị trấn này khỏi tay Cộng Sản là một khích lệ tinh thần to lớn đối với Hmong tỉnh Xiêng

Khoảng.

Youa Pao đến Phong Savan từ hướng Đông, lách qua các toán tuần phòng Pathet Lào cho đến khi tới đỉnh núi ngó xuống phi trường thị trấn. bên dưới, binh sĩ Pathet Lào đang rờ hàng từ 1 vận tải cơ Ilyushin của Sô Viết. Youa Pao dẫn quânmen xuống núi, băng qua 1 rừng tre đến một cánh đồng cỏ voi mọc lẩn đến tận hàng rào phi trường. Ba du kích ở lại trên đỉnh cao chuẩn bị súng cối, chờ lệnh khai hỏa. Khi được lệnh, họ nã đạn xuống phi trường. Khi đạn cối nổ trên phi đạo, Youa Pao và binh sĩ xung phong từ đồng cỏ. Bọn kỹ thuật Nga, Bắc Việt và pathet Lào nhảy lên xe tải chạy khỏi Phong Savan. Trong vòng vài phút, cả phi trường không còn bóng một tên Cộng Sản.

Youa Pao chiếm phi trường và chờ địch hoàn hồn, tổ chức phản công. Chờ đến tối không thấy địch trở lại. Lúc này Vang Pao đã biết quân của ông chiếm phi trường. Ông hạ lệnh Youa Pao rút quân ngay tức khắc. Viên chỉ huy mập lùn chờ thêm vài tiếng, hy vọng Cộng quân tấn công để có cơ nán lại. Chờ mãi không được, bắt đắ dĩ ông cho quân rút lui.

Sau vài tuần ấm không ngồi rồi ở Tha Lin Noi và nổi nóng, Youa pao lại dẫn quân đi tìm địch, lần này hướng về nam tới thành phố Xiêng Khoảng, chỉ cách 1 ngày hành quân từ căn cứ của ông. Giống như lần trước, Cộng quân bỏ chạy sau khi nghe tiếng súng khai hỏa. Youa Pao và binh sĩ của ông ta chờ địch quân trở lại phản công.

Vang Pao giận tím mặt. Nếu Cộng quân phản công và một trận chiến lớn bùng nổ, làm sao ăn nói với cố vấn Mỹ về việc ngăn trở cuộc đàm phán đang diễn ra ở Geneva. Vang Pao ra lệnh cho Youa Pao rút quân khỏi thành phố và chửi mắng Youa Pao thậm tệ trước đại đội. Youa Pao bỏ quân ngũ, đi biệt tích, rồi xuất hiện trở lại sau 2 năm, có lẽ đã nguôi giận. Lần này ông lại chỉ huy 1 đại đội khác. Ông tham dự nhiều trận đánh và bị thương nhiều lần. Gần cuối cuộc chiến, Vang Pao thưởng ông một chức vụ hành chính tỉnh Xiêng Khoảng.

Long Cheng.

Khi hội nghị Geneva bước vào vòng kết thúc, Vang Pao dời bộ chỉ huy từ Pha Khao đến Long Cheng, một thảo nguyên miền cao dài 5 dặm phía Nam Cánh Đồng Chum. Nhân viên CIA Bill Young phát hiện ra chỗ này. Công tác mới của Young sau khi thất thủ Pa Dong là tìm những vị trí mới có thể xây dựng các căn cứ “Động Lượng”. Ông thám hiểm các vùng đất Nam cánh đồng, nói dần về hướng Tây theo hình cánh cung đến tận tỉnh Sayaboury, nơi gọi là an toàn khu, theo yêu cầu của Lair, làm địa điểm rút quân tiên liệu cho Hmong. Trong cuộc thám hiểm Young tiếp xúc với các trưởng làng Hmong và tìm thấy vài địa điểm huấn luyện lý tưởng. Cú điểm quan trọng nhất là Long Cheng.

Cảnh tượng ở đây là một kỳ quan hùng vĩ. Những ngọn núi đá vôi sừng sững trên cao nguyên là pho tượng điêu khắc thiên nhiên, những đỉnh cao của nó tạo thành một hệ thống nối kết những dãy đồi ngoằn ngoèo với những đỉnh núi sắc cạnh, gọt đẽo hàng nghìn năm bởi mưa mùa. Sương mù như vắn khăn trên các đỉnh cao hơn. Một tấm rêu xanh đậm như vạt áo choàng đắp lên các sườn đồi. Những cây rừng đầy mắt máu với những nhánh xoắn thành những hình thù cổ quái bám chênh vênh trên sườn dốc. Nhiều năm sau khi phi công Mỹ nhập bọn với đám nhân viên CIA, Không Cảnh, cố vấn quân sự Mỹ ở Long Cheng, ai cũng há hốc miệng chiêm ngưỡng quang cảnh hùng vĩ diệu kỳ trong buổi tham quan đầu tiên tại đây. Nó là bức tranh sơn thủy sống động của bức họa cổ Trung Hoa, 1 Shangri-La, một nơi chốn vượt thời gian và vẻ đẹp khó tưởng.

Young chọn Long Cheng không phải vì cảnh tượng hùng vĩ của nó. Điều hấp dẫn ông ta là những dãy núi che chở một thảo nguyên dài, rộng 5 dặm khiến Cộng Sản khó tấn công. Sự phẳng phiu và rộng lớn của nó lý tưởng cho một phi trường lớn. Edgar Buell đến nơi này vì cũng muốn lập 1 phi trường dành cho việc cứu trợ. Ông cấp tốc dời 6000 người tị nạn từ Pha Khao đến Long Cheng, “xí chỗ” nơi có thể trở nên phi trường tiếp vận của

người tị nạn kéo bọn CIA chiếm mất. Rồi ông thuyết phục USAID và CIA xây một phi trường hiện đại để dung nạp những phi cơ vận tải lớn.

Những chuyến bay đầu tiên đến Long Cheng ngoài thực phẩm, thuốc men, quần áo còn chuyên chở hàng tấn vật liệu xây cất. Buell muốn nơi đây thành 1 trung tâm tị nạn kiểu mẫu. Vì CIA sẵn sàng chi phí, ông trừ liệu khu dành riêng cho người tị nạn và nhân viên cứu trợ, 1 bệnh xá đầy đủ thuốc men, y cụ, trường học, kho chứa thực phẩm và tiếp liệu. Vang Pao đến trong lúc căn cứ đang xây cất, nhận ra tiềm năng của Long Cheng và dành nó cho riêng ông ta, ra lệnh cho Buell dời trại tị nạn sang Sam Thong 1 làng cách Long Cheng 6 dặm về hướng Bắc.

Trong vòng 2 năm, CIA nới rộng phi trường Long Cheng thành một phi đạo trải nhựa dài 1 dặm, dùng được cho cả phi cơ vận tải hạng nặng và thỉnh thoảng nếu cần, có thể cất cánh những chiến đấu cơ phản lực. CIA cất những kho chứa lớn, nhà cửa, trung tâm truyền tin và 1 tư dinh cho Vang Pao: 1 ngôi nhà 2 tầng bắt chước kiểu khách sạn Motel 6 ngày xưa, với một bao lon nhỏ trên tầng hai cho tăng vệ thanh nhã. Văn phòng chính của CIA trong căn cứ là một tòa nhà kiên cố bằng bê tông cốt sắt, có thể chịu được bom. Những cửa cái làm bằng sắt giống như cánh cửa sắt hầm chứa bạc. CIA còn xây một nhà nghỉ mát cho nhà vua Savang Vatthana, nếu ông giá lâm kinh lý nơi đây. (Ông đến đây 2 lần.)

Năm tháng tiếp nối, Long Cheng tiếp tục phát triển, tới giữa thập niên 1960 trở thành 1 trong những căn cứ quân sự lớn nhất của Mỹ ở nước ngoài, và là trung tâm hoạt động CIA lớn hàng thứ nhì trên thế giới, với Ari America và sau này thêm Continental Air Services- bận rộn suốt ngày đêm chuyên quân, chuyên hàng đi khắp nơi. Nơi chất hàng lớn và bận rộn hơn một ô phố thị sầm uất. Gần cuối cuộc chiến, lưu thông trên không phận Long Cheng còn đông đảo hơn phi trường quốc tế O'Hare ở Chicago.

Để nguy trang cho hoạt động quân sự khổng lồ này, những tổ chức nhân đạo như USAID và IVS(International Volunteer Service) được dùng như mặt tiền của căn cứ. Thêm vào việc cung cấp thực phẩm và thuốc men cứu

trợ, USAID và IVS trở nên đường ống tuôn chảy vũ khí, đạn dược của CIA, giao kèo với Air America phân phối 2 loại mìn cắc : Gạo mềm cho người tị nạn và “gạo cứng” tức vũ khí, đạn dược cho du kích.

Hoạt động ở Long Cheng rất cuộc trở nên quá lớn đến nỗi CIA phải mã danh nó bằng tên gọi Địa điểm đồ hàng phụ Số 20 hay 20 A để giảm vẻ quan trọng của nó. Buell đã dời đến Sam Thong sau khi Vang Pao chiếm đoạt Long Cheng của ông. Với Sam Thong là địa điểm đồ hàng chính số 20, Long Cheng là địa điểm phụ, các dân biểu, chính khách, ngoại giao, ký giả nếu viếng thăm chỉ thấy toàn những công việc cứu trợ nhân đạo. CIA hy vọng những chính khách quan trọng sẽ ước đoán rằng địa điểm chính hay phụ chắc cũng chẳng có gì quan trọng đáng phản đối.

Tân chính phủ liên hiệp.

Cuộc điều đình ở Geneva kéo dài gần 1 năm. Đến đầu năm 1962 ngay cả Trung Cộng cũng muốn chấp nhận 1 chính phủ liên hiệp. Trở ngại chính lại là Phoumi Nosavan, người lầm tưởng rằng Hoa Thịnh Đốn không ưa giải pháp Trung Lập. Để thức tỉnh Phoumi, Hoa Thịnh Đốn cắt viện trợ Lào. Vì chính phủ lệ thuộc hoàn toàn vào viện trợ, nó lâm ngay vào cảnh khánh kiệt. Phoumi ra lệnh cho ngân hàng quốc gia in thêm tiền bù vào chỗ mất viện trợ, gây ra nạn lạm phát phi mã. Một biện pháp cũng ngu dại như thế nhưng kém phần tai hại hơn là tổ chức sòng bạc gây quỹ cho chính phủ. Phoumi mở sòng bạc trong một trường học nằm trên đường đi de 761n phi trường Wat Tay và phổ biến những bích chương quảng cáo cho địa điểm đó. Sòng bạc thu hút được một số con bạc nhưng không đem lại lợi nhuận mong muốn. Chưa chịu thua cuộc, Phoumi dùng cảnh sát đòi thù lao bảo vệ các thương gia và buộc mọi người đóng tiền hối lộ mọi dịch vụ giấy tờ. Vẫn không đủ chi dụng. Trong tuyệt vọng, Phoumi lập một xưởng điều chế bạch phiến ở ngoại ô Luang Prabang, tuyển dụng cựu binh sĩ trung đoàn 84 Tưởng Giới Thạch chạy sang đây sau khi bị Mao Trạch Đông đánh đuổi, chuyên sống bằng nghề mua bán, tinh chế thuốc phiện trong vùng 3 biên giới Lào, Thái Lan, Miến Điện. Vùng này còn lừng danh trên thế giới dưới

tên Tam Giác Vàng. Trong một dịp khác, tôi xin kể chuyện tướng Khun Sa và sư đoàn người Shan của ông ở vùng Tam Giác Vàng.

Mặc dù xưởng điều chế tinh phiến mang lại lợi nhuận đáng kể, nó chỉ bù đắp một phần nhỏ ngân sách quốc gia cần để khôi phục đồ.

Với tình trạng tài chánh như thế, Phoumi liền lãnh mở cuộc hành quân bất ngờ tấn công Pathet Lào và Bắc Việt ở Tây Bắc Nam Tha. Phoumi nghĩ nếu ông đánh bại Cộng Sản, người Mỹ sẽ phải coi ông như bậc anh hùng cứu quốc. Nếu ông thua, ông sẽ chạy qua Thái Lan và người Mỹ buộc phải can thiệp để ngăn cản Lào khỏi lọt vào tay Cộng Sản. Với Bắc Việt sát biên giới, Thái Lan phải động binh để tự vệ.

Người Mỹ khuyên Phoumi ngưng cuộc tấn công nhưng ông bướng bỉnh không nghe. Một phần, viên chức CIA đối tác của ông, Jack Hasey khuyên khích. Theo yêu cầu bộ Ngoại Giao, CIA chuyển Hasey sang một nhiệm sở khác ngoài nước Lào. Ngay cả khi Hasey bị chuyển, Phoumi vẫn khăng khăng tiến hành cuộc tấn công Cộng Sản. Dĩ nhiên, cuộc tấn công thất bại hoàn toàn. Quân đội Phoumi chiến đấu tồi tệ và bị đánh tã tơi chạy trốn chết. Nhân viên quân sự Mỹ thuộc MAAG/Lào (Military Assistance Advisory Group/Laos) khó đứng yên khi quân đội do mình khổ công huấn luyện bị tiêu diệt. 6 toán White Star biệt phái tới chiến trường để cố vấn và chỉ huy binh sĩ Lào trong các trận đánh.

Hà Nội tung 3 tiểu đoàn bộ binh vào trận đánh. Bắc Việt phục kích 1 tiểu đoàn nhảy dù quân đội hoàng gia sát thương 50/100. Hai tuần sau, trọng pháo Cộng quân nã vào doanh trại quân chính phủ. Sau vài ngày pháo kích, toán White Star không ngăn cản được sự hoảng sợ của binh sĩ. Đột nhiên 5000 binh sĩ bỏ vũ khí, trọng pháo và ùn ùn bỏ chạy. Cộng Sản chiếm ngự những đỉnh núi cao quanh doanh trại xả súng máy bắn xuống đoàn quân bại trận. Binh sĩ sống sót chạy qua biên giới Thái Lan.

Trái với dự liệu của Phoumi, Mỹ và Thái Lan không động binh cứu Phoumi, người mất tất cả uy tín trên cương vị lãnh đạo quân đội. Báo New York Times bình luận :”Hoa Kỳ đánh giá quân đội hữu khuynh Lào như 1

lực lượng chống Cộng vô dụng và do đó mất quan tâm trong việc ủng hộ chính trị các lãnh đạo quân đội của họ.”

Một tháng sau, ngày 11 tháng Sáu năm 1962, Phoumi bị xuống chức từ một nhà độc tài quân sự thành đại biểu thủ tướng trong chính phủ liên hiệp đứng đầu là thủ tướng Souvana Phouma. Viện trợ Mỹ lại bắt đầu tuôn chảy vào bộ Tài Chánh Lào. Tại hội nghị Geneva, đại biểu 14 quốc gia ký kết Tuyên Ngôn Trung Lập Lào trong đó có ấn định tất cả nhân viên quân sự ngoại quốc phải rời vương quốc Lào trong vòng 75 ngày kể từ ngày ký. Như lực đối trọng với Phoumi, Souphanouvong được mời ra khỏi hang động tỉnh Sầm Nứa để nhận chức đệ nhị đại biểu thủ tướng. Vị hoàng thân đỏ đến thủ đô Vientiane trong một nghi lễ tiếp rước long trọng, với bộ quân phục lãnh tụ cách mạng may cắt theo kiểu Mao Trạch Đông, cận vệ của ông mang theo hộp đựng hình chụp Souphanouvong sống gian khổ trong hang ở Vieng Sai, gò lưng trên cái bàn giấy gỗ tạp dưới những tảng thạch nhũ, viết những mệnh lệnh chỉ đạo con đường dẫn đến vinh quang cách mạng. Thủ đoạn tuyên truyền thành công đến mức báo chí Vientiane bắt đầu gọi các lãnh tụ pathet Lào là người trong hang động. (the cavemen) Để chào mừng chính phủ liên hiệp, một diễn binh được tổ chức vào tháng Tám năm 1962. Những đơn vị quân sự Pathet Lào, Trung Lập, quân đội hoàng gia diễn hành chung hàng ngũ. Phoumi quan tâm đặc biệt trong buổi diễn hành này. Lộ trình diễn hành phải ngang qua một đài tưởng niệm lờ lợet trông giống Khải Hoàn Môn của Pháp trước tòa nhà quốc hội. Phoumi dựng đài tưởng niệm này để đánh dấu chính thể độc tài quân sự của ông. Đài tưởng niệm này cũng là chứng tích cho tham nhũng trong chính trị Lào. Xi măng dùng xây cất đài ăn cắp từ dự án kiến thiết phi đạo do USAID tài trợ.

Để sửa sang lại con đường dẫn đến đài tưởng niệm toàn những ổ gà làm xấu đi buổi lễ, Phoumi ra lệnh trải nhựa mới cho con đường để buổi lễ diễn binh thêm phần long trọng.

Hôm ấy trời nóng. Nhựa đường chưa kịp khô. Giày trận của binh sĩ diễn

hành lún sâu trong nhựa. Nhiều đôi lún đến tận mắt cá chân. Để tiếp tục diễn binh, binh sĩ phải cởi giày chỉ đi vớ. Sau buổi lễ, con đường dẫn đến Khải Hoàn Môn của Phoumi rải rác những đôi giày vẫn trong đội hình diễn hành – một hình ảnh đáng ghi nhớ cho sự cai trị ngắn ngủi của Phoumi hơn là đài tưởng niệm nguy nga, hộm hĩnh, và có lẽ một ẩn dụ đích đáng cho chính trị Lào một cách tổng quát.

Tài Liệu Tham Khảo

- 1) Au pays du millions d éléphants: Le kh lăm, Katay D. Sasorith, France Asie 107-1956
 - 2) Le lotus et le dragon céleste, Serc Voravongsa, bản thảo 1985
 - 3) Dictionnaire Lao-Français, T1 & T2, Marc Reinhorn, CNRS 1970
 - 4) VatChaNaNouKom Lao, BQGGD-VQAL, 2505
 - 5) Vatchananoukom Phasa Lao, Thongkham Onmanysone, VT 1992
 - 6) Paphéni Lao, Anada Thera
 - 7) Superstition laotienne, Bourlet A., Missions catholiques N° 38-1906 - Superstitions laotiennes, Excoffon, P. BSME 1923-2
 - 8) Les génies dans la péninsule indochinoise, P.B. Laffont, BEFEO, tV-2, 1942
 - 9) Le Phi Kong Koy, Levy B. PRL
 - 10) Paphéni bouran, Maha Sila Viravong, VT 1958
 - 11) Les sorciers au Laos, Vô Danh
 - 12) Le code des bons usages, Pierre S. Nginn
 - 13) Miami Herald 7/1993
 - 14) Le langage Secret des tarots (nxb Tchou) và Le tarot (nxb Albin Michel)
 - 15) La Voyance (loại sách Que Sais-je?), J.A. dessuard
 - 16) Challenger số 77, 01/1994
-

Sưu tầm: Lyenson
Nguồn: <http://www.x-cafevn.org>
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 13 tháng 1 năm 2010